BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT**

**Tên chương trình: Chương trình đào tạo Cử nhân Đại học Quản trị kinh doanh**

**Tên ngành: Quản trị kinh doanh**

**Mã ngành: 7340101**

**Trình độ: Đại học**

**NGHỆ AN – 2020**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH

**KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT**

**Tên học phần: Triết học Mác - Lênin**

**Mã học phần: 3ML007DC**

**Số tín chỉ: 03 (Số tiết: 45)**

**NGHỆ AN - 2020**

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XH  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC**  **SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT**

**1. Thông tin chung về học phần**:

- Tên học phần: **Triết học Mác - Lênin**

- Mã học phần: 3ML007DC

- Số tín chỉ: 03 (Số tiết: 45), phân bổ thời gian:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| + | Lên lớp: | 28 tiết (21 giờ). |
| + | Thực hành: | 00 tiết (00 giờ). |
| + | Thí nghiệm: | 00 tiết (00 giờ) |
| + | Thảo luận: | 14 tiết (10,5 giờ) |
| + | Bài tập, kiểm tra: | 03 tiết (2,25 giờ) |
| + | Tự học, tự nghiên cứu: | 90 tiết (67,5 giờ) |

**-** Trình độ đào tạo: Đại học

- Khoa phụ trách giảng dạy: Khoa Lý luận chính trị

**2. Mục tiêu của học phần:**

**-** Kiến thức: sinh viên nắm được những nội dung tri thức cơ bản, hệ thống và cốt lõi nhất về Triết học Mác - Lênin, một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác - Lênin.

- Kỹ năng: sinh viên xây dựng được thế giới quan duy vật biện chứng và phương pháp biện chứng duy vật, làm nền tảng lý luận cho việc nhận thức các môn khoa học khác cũng như giải quyết các vấn đề thực tiễn.

- Thái độ: sinh viên có thái độ đúng đắn đối với giá trị, bản chất khoa học và cách mạng của triết học Mác - Lênin; xây dựng niềm tin và lý tưởng cách mạng.

**3. Mô tả học phần:**

- Vai trò, vị trí của môn học: Là môn học bắt buộc đối với sinh viên

- Điều kiện tiên quyết:

- Nội dung cần đạt được của học phần (mô tả tóm tắt):

Học phần Triết học Mác - Lênin được kết cấu 3 chương bao gồm các nội dung sau:

- Khái lược về triết học và vấn đề cơ bản của triết học

- Sự ra đời và phát triển của triết học Mác - Lênin và vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội.

- Đối tượng và chức năng của triết học Mác - Lênin.

- Vật chất, ý thức và mối quan hệ giữa vật chất, ý thức

- Nội dung phép biện chứng duy vật, gồm nguyên lý về mối liên hệ phổ biến, nguyên lý sự phát triển; các cặp phạm trù Cái riêng - cái chung, Nguyên nhân - kết quả, Tất nhiên - ngẫu nhiên, Nội dung - hình thức, Bản chất - hiện tượng, Khả năng - hiện thực; các quy luật cơ bản là quy luật Lượng - chất, quy luật mâu thuẫn và quy luật phủ định.

- Lý luận nhận thức duy vật biện chứng.

- Học thuyết về hình thái kinh tế - xã hội, trong đó tập trung nghiên cứu về các quy luật cơ bản của đời sống xã hội, đó là biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng.

- Giai cấp và dân tộc, làm rõ đấu tranh giai cấp; Nhà nước và cách mạng xã hội.

- Triết học về con người: khái niệm, bản chất con người; quan hệ giữa cá nhân và xã hội; vấn đề con người trong sự nghiệp cách mạng ở Việt Nam.

**4. Nội dung học phần:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Thời gian**  **thực hiện** | | | |
| **Tổng số** | **Lý thuyết** | **Thực hành**  **(TH, TN, BT, TL)** | **Kiểm tra** |
| **1** | **CHƯƠNG 1**  TRIẾT HỌC VÀ VAI TRÒ CỦA TRIẾT HỌC TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI | **10** | **06** | **04** |  |
|  | **I. Triết học và vấn đề cơ bản của triết học** |  |  |  |  |
|  | 1. Khái lược về triết học |  |  |  |  |
|  | a. Nguồn gốc của triết học |  |  |  |  |
|  | b. Khái niệm Triết học |  |  |  |  |
|  | c. Vấn đề đối tượng của triết học trong lịch sử |  |  |  |  |
|  | d. Triết học – hạt nhân lý luận của thế giới quan |  |  |  |  |
|  | 2. Vấn đề cơ bản của triết học |  |  |  |  |
|  | a. Nội dung vấn đề cơ bản của triết học |  |  |  |  |
|  | b. Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm |  |  |  |  |
|  | c. Thuyết có thể biết (Thuyết khả tri) và thuyết không thể biết (Thuyết bất khả tri) |  |  |  |  |
|  | 3. Biện chứng và siêu hình |  |  |  |  |
|  | a. Khái niệm biện chứng và siêu hình trong lịch sử. |  |  |  |  |
|  | b. Các hình thức của phép biện chứng trong lịch sử |  |  |  |  |
|  | **II. Triết học Mác- Lênin và vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội.** |  |  |  |  |
|  | 1. Sự ra đời và phát triển của triết học Mác - Lênin |  |  |  |  |
|  | a. Những điều kiện lịch sử của triết học Mác – Lênin. |  |  |  |  |
|  | b. Những thời kỳ chủ yếu trong sự hình thành và phát triển của Triết học Mác. |  |  |  |  |
|  | c. Thực chất và ý nghĩa cuộc cách mạng trong triết học do C.Mác và Ph.Angghen thực hiện. |  |  |  |  |
|  | d. Giai đoạn Lênin trong sự phát triển Triết học Mác |  |  |  |  |
|  | 2. Đối tượng và chức năng của triết học Mác - Lênin |  |  |  |  |
|  | a. Khái niệm triết học Mác – Lênin |  |  |  |  |
|  | b. Đối tượng của triết học Mác - Lênin |  |  |  |  |
|  | c. Chức năng của triết học Mác - Lênin |  |  |  |  |
|  | 3. Vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay. |  |  |  |  |
| 2 | **CHƯƠNG 2**  CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG | **17** | **12** | **05** |  |
|  | **I. Vật chất và ý thức** |  |  |  |  |
|  | 1. Vật chất và các hình thức tồn tại của vật chất |  |  |  |  |
|  | a. Quan niệm của chủ nghĩa duy tâm và chủ nghĩa duy vật trước C.Mác về phạm trù vật chất |  |  |  |  |
|  | b. Cuộc cách mạng trong khoa học tự nhiên cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX và sự phá sản của các quan điểm duy vật siêu hình về vật chất. |  |  |  |  |
|  | c. Quan niệm của triết học Mác - Lênin về vật chất |  |  |  |  |
|  | d. Các hình thức tồn tại của vật chất |  |  |  |  |
|  | e. Tính thống nhất vật chất của thế giới |  |  |  |  |
|  | 2. Nguồn gốc, bản chất và kết cấu của ý thức |  |  |  |  |
|  | a. Nguồn gốc của ý thức |  |  |  |  |
|  | b. Bản chất của ý thức |  |  |  |  |
|  | c. Kết cấu của ý thức |  |  |  |  |
|  | 3. Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức |  |  |  |  |
|  | a. Quan điếm của chủ nghĩa duy tâm và chủ nghĩa (duy vật siêu hình) |  |  |  |  |
|  | b. Quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng |  |  |  |  |
|  | **II. Phép biện chứng duy vật** |  |  |  |  |
|  | 1. Hai loại hình biện chứng và phép biện chứng duy vật. |  |  |  |  |
|  | a. Biện chứng khách quan và biện chứng chủ quan |  |  |  |  |
|  | b. Khái niệm phép biện chứng duy vật |  |  |  |  |
|  | 2. Nội dung của phép biện chứng duy vật |  |  |  |  |
|  | a. Hai nguyên lý của phép biện chứng duy vật |  |  |  |  |
|  | b. Các cặp phạm trù cơ bản của phép biện chứng duy vật |  |  |  |  |
|  | c. Các quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật |  |  |  |  |
|  | **III. Lý luận nhận thức** |  |  |  |  |
|  | 1. Các nguyên tắc của lý luận nhận thức duy vật biện chứng. |  |  |  |  |
|  | 2. Nguồn gốc, bản chất của nhận thức |  |  |  |  |
|  | 3. Thực tiễn và vai trò của thực tiễn đối với nhận thức |  |  |  |  |
|  | 4. Các giai đoạn cơ bản của quá trình nhận thức |  |  |  |  |
|  | 5. Tính chất của chân lý |  |  |  |  |
| **3** | **KIỂM TRA** | **02** |  |  | **02** |
| **4** | **CHƯƠNG 3**  CHỦ NGHĨA DUY VẬT LỊCH SỬ | **15** | **10** | **05** |  |
|  | **I. Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội** |  |  |  |  |
|  | 1. Sản xuất vật chất là cơ sở của sự tồn tại và phát triển xã hội. |  |  |  |  |
|  | 2. Biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất |  |  |  |  |
|  | a. Phương thức sản xuất |  |  |  |  |
|  | b.Quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất |  |  |  |  |
|  | 3. Biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội. |  |  |  |  |
|  | a. Khái niệm cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội |  |  |  |  |
|  | b. Quy luật về mối quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội. |  |  |  |  |
|  | 4. Sự phát triển các hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử - tự nhiên. |  |  |  |  |
|  | a. Phạm trù hình thái kinh tế - xã hội |  |  |  |  |
|  | b. Tiến trình lịch sử - tự nhiên của xã hội loài người. |  |  |  |  |
|  | c. Giá trị khoa học bền vững và ý nghĩa cách mạng. |  |  |  |  |
|  | **II. Giai cấp và dân tộc** |  |  |  |  |
|  | 1. Giai cấp và đấu tranh giai cấp |  |  |  |  |
|  | a. Giai cấp |  |  |  |  |
|  | b. Đấu tranh giai cấp |  |  |  |  |
|  | c. Đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản |  |  |  |  |
|  | 2. Dân tộc |  |  |  |  |
|  | a. Các hình thức cộng đồng người trước khi hình thành dân tộc |  |  |  |  |
|  | b. Dân tộc - hình thức cộng đồng người phổ biến hiện nay |  |  |  |  |
|  | 3. Mối quan hệ giai cấp - dân tộc - nhân loại |  |  |  |  |
|  | a. Quan hệ giai cấp - dân tộc |  |  |  |  |
|  | b. Quan hệ giai cấp, dân tộc với nhân loại |  |  |  |  |
|  | **III. Nhà nước và cách mạng xã hội** |  |  |  |  |
|  | 1. Nhà nước |  |  |  |  |
|  | a. Nguồn gốc của nhà nước |  |  |  |  |
|  | b. Bản chất của nhà nước |  |  |  |  |
|  | c. Đặc trưng cơ bản của nhà nước |  |  |  |  |
|  | d. Chức năng cơ bản của nhà nước |  |  |  |  |
|  | e. Các kiểu và hình thức nhà nước |  |  |  |  |
|  | 2. Cách mạng xã hội |  |  |  |  |
|  | a. Nguồn gốc của cách mạng xã hội. |  |  |  |  |
|  | b. Bản chất của cách mạng xã hội |  |  |  |  |
|  | c. Phương pháp cách mạng |  |  |  |  |
|  | d. Vấn đề cách mạng xã hội trên thế giới hiện nay |  |  |  |  |
|  | **IV. Ý thức xã hội** |  |  |  |  |
|  | 1. Khái niệm tồn tại xã hội và các yếu tố cơ bản của tồn tại xã hội |  |  |  |  |
|  | a. Khái niệm tồn tại xã hội |  |  |  |  |
|  | b. Các yếu tổ cơ bản của tồn tại xã hội |  |  |  |  |
|  | 2. Ý thức xã hội và kết cấu của ý thức xã hội |  |  |  |  |
|  | a. Khái niệm ý thức xã hội |  |  |  |  |
|  | b. Kết cấu của ý thức xã hội |  |  |  |  |
|  | c. Tính giai cấp của ý thức xã hội |  |  |  |  |
|  | d. Quan hệ biện chứng giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội |  |  |  |  |
|  | g. Tính độc lập tương đối của ý thức xã hội |  |  |  |  |
|  | **V. Triết học về con người** |  |  |  |  |
|  | 1. Khái niệm con người và bản chất con người |  |  |  |  |
|  | 2. Hiện tượng tha hóa con người và vấn đề giải phóng con người |  |  |  |  |
|  | 3. Quan hệ cá nhân và xã hội; vai trò của quần chúng nhân dân và lãnh tụ trong lịch sử. |  |  |  |  |
|  | a. Quan hệ giữa cá nhân và xã hội |  |  |  |  |
|  | b. Vai trò của quần chúng nhân dân và lãnh tụ trong lịch sử |  |  |  |  |
|  | 4. Vấn đề con người trong sự nghiệp cách mạng ở Việt Nam |  |  |  |  |
|  | **KIỂM TRA** | **01** |  |  | **01** |
|  | **CỘNG** | **45** | **28** | **14** | **03** |

**5. Tài liệu học tập và tham khảo:**

***- Tài liệu học tập:***

[1].Bộ Giáo dục và Đào tạo, Giáo trình Triết học Mác - Lênin (giáo trình tập huấn năm 2019).

[2]. Bộ GD và ĐT, *Giáo trình Triết học Mác - Lênin* (dùng trong các trường đại học và cao đẳng), NXB chính trị quốc gia, 2006.

***- Tài liệu tham khảo:***

[1] Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lênin, Giáo trình  Triết học Mác - Lênin, Nxb.Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004.

[2] Bộ Giáo dục và Đào tạo, Giáo trình Những Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin, Nxb.Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010.

[3]. Học viện chính trị - hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, PGS.TS. Lê Doãn Tá – PGS.TS. Vũ Trọng Dung (Đồng chủ biên) *Giáo trình Triết học Mác - Lênin* gồm 2 tập, NXB chính trị quốc gia, 2007.

[4]. Tapchicongsan.org.vn

[5]. vass.gov.vn *( Tạp chí khoa học xã hội Việt Nam)*

**6. Điều kiện thực hiện học phần:**

- Phòng học chuyên môn hóa : dùng cho các buổi thảo luận

- Trang thiết bị máy móc: máy chiếu

- Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- Các điều kiện khác:

**7. Phương pháp giảng dạy và học tập:**

Giảngviên giới thiệu học phần, cung cấp đề cương bài giảng, tài liệu tham khảo, các địa chỉ website để tìm tư liệu liên quan đến môn học, phân từng nhóm sinh viên về nhà chuẩn bị bài từng chương, làm báo cáo Xeminar. Cuối mỗi chương giáo viên tóm tắt bài giảng.

**8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập học phần:**

Thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo của Trường ĐHSP Kỹ thuật Vinh.

***8.1. Điểm kiểm tra đánh giá - quá trình:*** Có trọng số chung là 30%

+ Điểm chuyên cần: 10%

+ Điểm tự học: 10%

+ Điểm kiểm tra giữa kỳ: 5%

+ Điểm thảo luận: 5%

***8.2. Điểm thi kết thúc học phần***

***-*** Điểm thi kết thúc học phầncó trọng số là 70**%.**

- Hình thức thi: Tự luận

*Nghệ An, ngày....... tháng....... năm 2020*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NGƯỜI BIÊN SOẠN**  **Lưu Thị Thu Hiền** |  | **TRƯỞNG KHOA**  **Nguyễn Công An** |

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH

**KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT**

**Tên học phần: Kinh tế chính trị Mác - Lênin**

**Mã học phần: 3ML003DC**

**Số tín chỉ: 02 (Số tiết: 30)**

**NGHỆ AN - 2020**

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XH  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC**  **SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT**

**1. Thông tin chung về học phần**:

- Tên học phần: Kinh tế chính trị Mác - Lênin

- Mã học phần: 3ML003DC

- Số tín chỉ: 02 (Số tiết: 30), phân bổ thời gian:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| + | Lên lớp: | 20 tiết (00 giờ). |
| + | Thảo luận: | 10 tiết (00 giờ) |
| + | Tự học, tự nghiên cứu: | 60 giờ |

**-** Trình độ đào tạo: CĐ và ĐH

- Khoa phụ trách giảng dạy: Lý luận chính trị

**2. Mục tiêu của học phần:**

**-** Kiến thức: Trang bị cho sinh viên những trí thức cơ bản, cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác - Lênin trong bối cảnh phát triển kinh tế của đất nước và thế giới ngày nay.

- Kỹ năng: Hình thành tư duy, kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất các quan hệ lợi ích kinh tế trọng phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Giúp sinh viên xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp trong vị trí việc làm và cuộc sống sau khi ra trường. Góp phần xây dựng lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác - Lênin đối với sinh viên

**3. Mô tả học phần:**

- Vai trò, vị trí của môn học: Môn học với những nội dung cơ bản, có tính hệ thống, khoa học, cập nhật tri thức mới, gắn với thực tiễn,có tính sáng tạo và rèn luyện kỹ năng tư duy kinh tế chính trị cho người học. Nằm trong hệ thống các môn Lý luận chính trị được quy định bắt buộc giảng dạy cho sinh viên hệ đại học của tất cả các trường đại học trong hệ thống giáo dục đại học ở Việt Nam.

- Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã học học phần Triết học Mác - Lênin

- Nội dung cần đạt được của học phần (mô tả tóm tắt): Nội dung chương trình gồm 6 chương: trong đó, chương 1 bàn về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác Lênin. Từ chương 2 đến chương 6 trình bày nội dung cốt lõi của kinh tế chính trị Mác - Lênin như: Hàng hóa thị trường và vai trò của thị trường; Sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

**4. Nội dung học phần:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Thời gian**  **thực hiện** | | |
| **Tổng số** | **Giảng dạy** | **Thảo luận** |
| 1 | Chương 1: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác - Lênin | **3** | **2** | **1** |
|  | 1.1. Khái quát sự hình thành và phát triển của Kinh tế chính trị |  |  |  |
|  | *- Giai đoạn thứ nhất, từ thời cổ đại đến cuối thế kỷ XVIII* |  |  |  |
|  | *- Giai đoạn thứ hai, từ sau thế kỷ XVIII đến nay* |  |  |  |
|  | 1.2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác - Lênin |  |  |  |
|  | *1.2.1. Đối tượng nghiên cứu của Kinh tế chính trị Mác Lênin* |  |  |  |
|  | *1.2.2. Phương pháp nghiên cứu của Kinh tế chính trị Mác Lênin* |  |  |  |
|  | 1.3. Chức năng của Kinh tế chính trị Mác - Lênin |  |  |  |
|  | *1.3.1.Chức năng nhận thức* |  |  |  |
|  | *1.3.2. Chức năng thực tiễn* |  |  |  |
|  | *1.3.3. Chức năng tư tưởng* |  |  |  |
|  | *1.3.4. Chức năng phương pháp luận* |  |  |  |
| 2 | Chương: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường | **5** | **3** | **2** |
|  | 2.1. Lý luận của C.Mác về sản xuất hàng hóa và hàng hóa |  |  |  |
|  | *2.1.1. Sản xuất hàng hóa* |  |  |  |
|  | *2.1.2. Hàng hóa* |  |  |  |
|  | *2.1.3. Tiền* |  |  |  |
|  | *2.1.4. Dịch vụ và một số hàng hóa đặc biệt* |  |  |  |
|  | 2.2. Thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường |  |  |  |
|  | *2.2.1 Thị trường* |  |  |  |
|  | *2.2.2. Vai trò của một số chủ thể chính tham gia thị trường* |  |  |  |
| 3 | Chương 3: Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường | **8** | **6** | **2** |
|  | 3.1. Lý luận của C.Mác về giá trị thặng dư |  |  |  |
|  | *3.1.1. Nguồn gốc của giá trị thạng dư* |  |  |  |
|  | *3.1.2. Bản chất của giá trị thặng dư* |  |  |  |
|  | *3.1.3. Các phương pháp sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa* |  |  |  |
|  | 3.2. Tích lũy tư bản |  |  |  |
|  | *3.2.1. Bản chất của tích lũy tư bản* |  |  |  |
|  | *3.2.2. Những nhân tố góp phần làm tăng quy tích lũy* |  |  |  |
|  | *3.2.3. Một số hệ quả của tích lũy tư bản* |  |  |  |
|  | 3.3. Các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường |  |  |  |
|  | *3.3.1. Lợi nhuận* |  |  |  |
|  | *3.3.2. Lợi túc* |  |  |  |
|  | *3.3.3. Địa tô tư bản chủ nghĩa* |  |  |  |
| 4 | Chương 4: Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường | **5** | **3** | **2** |
|  | 4.1. Quan hệ giữa cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường |  |  |  |
|  | 4.2 Độc quyền và độc quyền nhà nước trong nền kinh tế thị trường |  |  |  |
|  | *4.2.1 Lý luận của VI. Lênin về độc quyền trong nền kinh tế thị trường* |  |  |  |
|  | *4.2.1 Lý luận của VI. Lênin về độc quyền nhà nước trong nền kinh tế thị trường* |  |  |  |
|  | *4.2.3 Vai trò lịch sử của chủ nghĩa tư bản* |  |  |  |
| 5 | Chương 5: Kinh tế thị trường định hướng xã hôi chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh ở Việt Nam | **4** | **3** | **1** |
|  | 5.1. Kinh tế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam |  |  |  |
|  | *5.1.1. Khái niệm kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam* |  |  |  |
|  | *5.1.2. Tính tất yếu khách quan của việc phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam* |  |  |  |
|  | 5.2. Hoàn thiện thể chê kinh tế thị trường định xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam |  |  |  |
|  | *5.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam* |  |  |  |
|  | *5.2.2. Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam* |  |  |  |
|  | 5.3. Các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam |  |  |  |
|  | *5.3.1. Lợi ích kinh tế và quan hệ lợi lợi ích kinh tế* |  |  |  |
|  | *5.3.2. Vai trò nhà nước trong đảm bảo hài hòa các quan hệ lợi ích* |  |  |  |
| 6 | Chương 6 : Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam | **5** | **3** | **2** |
|  | 6.1. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam |  |  |  |
|  | *6.1.1. Khái quát cách mạng công nghiệp và công nghiêp hóa* |  |  |  |
|  | *6.1.2. Tính tất yếu khách quan và nội dung của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam* |  |  |  |
|  | *6.1.3. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ 4* |  |  |  |
|  | 6.2. Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam |  |  |  |
|  | *6.2.1. Khái niệm và các hình thức hội nhập kinh tế quốc tế* |  |  |  |
|  | *6.2.2. Tác động của hội nhập kinh tế quốc tế đến phát triển Việt Nam* |  |  |  |
|  | **Cộng:** | **30** | **20** | **10** |

**5. Tài liệu học tập và tham khảo:**

***- Tài liệu học tập:***

[1].Bộ Giáo dục và Đào tạo, Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin (giáo trình tập huấn năm 2019).

[2]. Bộ GD và ĐT, *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin* (dùng trong các trường đại học và cao đẳng), NXB chính trị quốc gia, 2006.

***- Tài liệu tham khảo:***

[1] Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lênin, Giáo trình  Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Nxb.Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004.

[2] Bộ Giáo dục và Đào tạo, Giáo trình Những Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin, Nxb.Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010.

**6. Điều kiện thực hiện học phần:**

- Phòng học chuyên môn hóa / nhà xưởng: Phòng chuyên môn hóa có máy chiếu projector

- Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Giáo trình, Đề cương bải giảng

**7. Phương pháp giảng dạy và học tập:**

Giảng viên giới thiệu Giáo trình trên thư viện, cung cấp Đề cương bài giảng, Ngân hàng câu hỏi sau hai tuần học. Tuần thứ 2 Giảng viên phân nhóm học tập hướng dẫn học sinh thảo luận nhóm. Bài thảo luận gửi nộp qua email cá nhân của giáo viên để xét duyệt trước khi thảo luận nhóm. Với ngân hàng câu hỏi yêu cầu sinh viên học đến chương nào phải soạn theo phương pháp sơ đồ hóa vào giấy A4 luôn mang theo các buổi học để giáo viên kiểm tra trong suốt quá trình học và chấm vào cuối kỳ

**8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập học phần:**

Thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo của Trường ĐHSP Kỹ thuật Vinh.

***8.1. Điểm kiểm tra đánh giá - quá trình:*** Có trọng số chung là **30%**

- Điểm chuyên cần: 10 **%***.*

- Điểm giữa kỳ: 20 **%** (Thảo luận 10% và kiểm tra giữa học phần 10%)

***8.2. Điểm thi kết thúc học phần***

Điểm thi kết thúc học phầncó trọng số là 70**%.**

- Hình thức thi: *Tự luận*

*Nghệ An, ngày....... tháng....... năm 2020*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NGƯỜI BIÊN SOẠN** |  | **TRƯỞNG KHOA** |

**Vũ Thị Kim Thanh Nguyễn Công An**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH

**KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT**

**Tên học phần: Chủ nghĩa xã hội khoa học**

**Mã học phần: 3ML005DC**

**Số tín chỉ: 02 (Số tiết: 30)**

**NGHỆ AN - 2020**

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XH  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC**  **SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT**

**1. Thông tin chung về học phần**:

- Tên học phần: **Chủ nghĩa xã hội khoa học**

- Mã học phần: 3ML005DC

- Số tín chỉ: 02 (Số tiết:30), phân bổ thời gian:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| + | Lên lớp: | 18 tiết (13,5 giờ). |
| + | Thực hành: | 00 tiết (00 giờ). |
| + | Thí nghiệm: | 00 tiết (00 giờ) |
| + | Thảo luận: | 12 tiết (09 giờ) |
| + | Bài tập: | 00 tiết (00 giờ) |
| + | Tự học, tự nghiên cứu: | 60 tiết (45 giờ) |

**-** Trình độ đào tạo: Đại học

- Khoa phụ trách giảng dạy: Khoa Lý luận chính trị

**2. Mục tiêu của học phần:**

**-** Kiến thức: sinh viên nắm được những nội dung tri thức cơ bản, cốt lõi nhất về chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác - Lênin

- Kỹ năng: sinh viên nâng cao được năng lực hiểu biết thực tiễn và khả năng vận dụng các tri thức nói trên vào việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước liên quan đến chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: sinh viên có năng lực tự chủ và trách nhiệm với bản thân, gia đình và xã hội; có thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn về môn học chủ nghĩa xã hội khoa học nói riêng và nền tảng tư tưởng của Đảng ta nói chung.

**3. Mô tả học phần:**

- Vai trò, vị trí của môn học: Là môn học bắt buộc đối với sinh viên

- Điều kiện tiên quyết: Đã học xong học phần Triết học Mác-Lênin

- Nội dung cần đạt được của học phần:

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học được kết cấu gồm 7 chương bao gồm các nội dung sau:

- Sự ra đời của Chủ nghĩa xã hội khoa học; phạm vi và đối tượng nghiên cứu của Chủ nghĩa xã hội khoa học; chức năng và ý nghĩa học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học.

- Khái niệm giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử của nó. Nội dung và điều kiện khách quan qui định sứ mệnh lịch sử thế giới cuả giai cấp công nhân. Vai trò của Đảng cộng sản trong việc thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam.

- Những đặc trưng cơ bản của xã hội xã hội chủ nghĩa, Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội trên thế giới và ở Việt Nam.

- Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. Nhà nước xã hội chủ nghĩa. Xây dựng chấ độ dân chủ và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay.

- Cơ cấu xã hội  - giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Tính tất yếu của liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Nội dung của liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

- Dân tộc và hai xu hướng khách quan của phong trào dân tộc. Nội dung Cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác - Lênin. Vấn đề dân tộc ở Việt Nam và chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta hiện nay.

- Bản chất, nguồn gốc và tính chất của tôn giáo. Vấn đề tôn giáo trong xã hội xã hội chủ nghĩa. Vấn đề tôn giáo ở Việt Nam và chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta hiện nay.

- Gia đình, mối quan hệ gia đình và xã hội. Những phương hướng xây dựng gia đình Việt Nam trong chủ nghĩa xã hội thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

**4. Nội dung học phần:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Thời gian**  **thực hiện** | | |
| **Tổng số** | **Lý thuyết** | **Thực hành**  **(TH, TN, BT, TL)** |
| 1 | **Chương** 1: Nhập môn chủ nghĩa xã hội khoa học | **2** | **2** | **0** |
|  | **1.1 Sự ra đời của Chủ nghĩa xã hội khoa học** |  |  |  |
|  | a. Hoàn cảnh lịch sử ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học |  |  |  |
|  | b. Vai trò của Các Mác và Phriđrich Ăngghen |  |  |  |
|  | **1.2 Các giai đoạn phát triển cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học** |  |  |  |
|  | a. Các Mác và Ph.Ăngghen phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học |  |  |  |
|  | b. V.I.Lênin vận dụng và phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học trong điều kiện mới |  |  |  |
|  | c. Sự vận dụng và phát triển sáng tạo của chủ nghĩa xã hội khoa học từ sau khi V.I.Lênin qua đời đến nay |  |  |  |
|  | **1.3 Đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu Chủ nghĩa xã hội khoa học** |  |  |  |
|  | a. Đối tượng nghiên cứu của Chủ nghĩa xã hội khoa học |  |  |  |
|  | b. Phương pháp nghiên cứu của Chủ nghĩa xã hội khoa học |  |  |  |
|  | c. Ý nghĩa của việc nghiên cứu của Chủ nghĩa xã hội khoa học |  |  |  |
| 2 | **Chương** 2: **Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân** | **5** | **3** | **2** |
|  | **2.1 Quan niệm giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử thế giới của giai cấp công nhân** |  |  |  |
|  | a. Quan niệm và đặc điểm của giai cấp công nhân |  |  |  |
|  | b. Nội dung và đặc điểm sứ mệnh của lịch sử của giai cấp công nhân |  |  |  |
|  | c. Điều kiện khách quan và nhân tố chủ quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân |  |  |  |
|  | **2.2 Giai cấp công nhân và thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trong thời đại ngày nay** |  |  |  |
|  | a. Quan niệm về giai cấp công nhân trong thời đại ngày nay |  |  |  |
|  | b. Thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trong thời đại ngày nay |  |  |  |
|  | **2.3 Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam** |  |  |  |
|  | a. Đặc điểm của giai cấp công nhân Việt Nam |  |  |  |
|  | b. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam trong các thời kỳ cách mạng |  |  |  |
|  | c. Định hướng xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay |  |  |  |
| 3 | **Chương** 3**: Chủ nghĩa Xã hội và thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa Xã Hội** | **5** | **3** | **2** |
|  | **3.1 Chủ nghĩa xã hội** |  |  |  |
|  | a. Chủ nghĩa xã hội – giai đoạn đầu của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa |  |  |  |
|  | b. Điều kiện ra đời của chủ nghĩa xã hội |  |  |  |
|  | c. Những đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội |  |  |  |
|  | **3.2 Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội** |  |  |  |
|  | a. Tính tất yếu khách quan của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội |  |  |  |
|  | b. Đặc điểm thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội |  |  |  |
|  | **3.3. Quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam** |  |  |  |
|  | a. Quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa |  |  |  |
|  | b. Những đặc trưng của chủ nghĩa xã hội và phương hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay |  |  |  |
| 4 | **Chương 4: Dân chủ Xã hội Chủ nghĩa và Nhà nước Xã hội Chủ nghĩa** | **5** | **3** | **2** |
|  | **4.1 Dân chủ và dân chủ xã hội chủ nghĩa** |  |  |  |
|  | a. Dân chủ và sự ra đời, phát triển của dân chủ |  |  |  |
|  | b. Dân chủ xã hội chủ nghĩa |  |  |  |
|  | **4.2. Nhà nước xã hội chủ nghĩa** |  |  |  |
|  | a. Sự ra đời, bản chất, chức năng của nhà nước xã hội chủ nghĩa |  |  |  |
|  | b. Mối quan hệ giữa dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa |  |  |  |
|  | **4.3. Xây dựng chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam** |  |  |  |
|  | a. Dân chủ xã hội chủ nghĩa Việt Nam |  |  |  |
|  | b. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam |  |  |  |
|  | c. Phát huy dân chủ, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay |  |  |  |
| 5 | **Chương 5: Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa Xã hội** | **4** | **2** | **2** |
|  | **5.1. Cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội** |  |  |  |
|  | a. Khái niệm và vị trí của cơ cấu xã hội – giai cấp trong cơ cấu xã hội |  |  |  |
|  | b. Sự biến đổi có tính quy luật của cơ cấu xã hội – cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội |  |  |  |
|  | **5.2. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội** |  |  |  |
|  | **5.3. Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam** |  |  |  |
|  | a. Cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam |  |  |  |
|  | b. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam |  |  |  |
| 6 | **Chương 6. Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa Xã hội** |  |  |  |
|  | **6.1. Vấn đề dân tộc trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội** |  |  |  |
|  | a. Chủ nghĩa Mác – Lênin về vấn đề dân tộc |  |  |  |
|  | b. Vấn đề dân tộc và quan hệ dân tộc ở Việt Nam |  |  |  |
|  | **6.2. Vấn đề tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội** |  |  |  |
|  | a. **C**hủ nghĩa Mác – Lênin về vấn đề tôn giáo |  |  |  |
|  | b. Tôn giáo ở Việt Nam và chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta hiện nay |  |  |  |
|  | **6.3. Quan hệ giữa dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam** |  |  |  |
|  | a. Đặc điểm quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam |  |  |  |
|  | b. Định hướng giải quyết mối quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam hiện nay |  |  |  |
| 7 | **Chương 7. Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa Xã hội** | **4** | **2** | **2** |
|  | **7.1. Khái niệm, vị trí và chức năng của gia đình** |  |  |  |
|  | a. Khái niệm gia đình |  |  |  |
|  | b. Chức năng cơ bản của gia đình |  |  |  |
|  | **7.2. Cơ sở xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội** |  |  |  |
|  | a. Cơ sở kinh tế - xã hội |  |  |  |
|  | b. Cơ sở chính trị - xã hội |  |  |  |
|  | c. Cơ sở văn hóa |  |  |  |
|  | d. Chế độ hôn nhân tiến bộ |  |  |  |
|  | **7.3. Xây dựng gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội** |  |  |  |
|  | a. Những yếu tố tác động đến gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên CNXH |  |  |  |
|  | b. Sự biến đổi của gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội |  |  |  |
|  | c. Phương hướng cơ bản để xây dựng và phát triển gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  | **Cộng** | **30** | **18** | **12** |

**5. Tài liệu học tập và tham khảo:**

***- Tài liệu học tập:***

[1].Bộ Giáo dục và Đào tạo, Giáo trình Chủ nghĩa Xã hội khoa học (giáo trình tập huấn năm 2019)

[2]. Bộ GD và ĐT, *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa họ*c (dùng trong các trường đại học và cao đẳng), NXB chính trị quốc gia, 2006

***- Tài liệu tham khảo:***

[1] Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lênin, Giáo trình  Chủ nghĩa Xã hội khoa học, Nxb.Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004.

[2] Bộ Giáo dục và Đào tạo, Giáo trình Những Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin, Nxb.Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010.

[3]. Tapchicongsan.org.vn

[4]. vass.gov.vn *( Tạp chí khoa học xã hội Việt Nam)*

**6. Điều kiện thực hiện học phần:**

- Phòng học chuyên môn hóa : dùng cho các buổi thảo luận

- Trang thiết bị máy móc: máy chiếu

- Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- Các điều kiện khác:

**7. Phương pháp giảng dạy và học tập:**

Giảngviên giới thiệu học phần, cung cấp đề cương bài giảng, tài liệu tham khảo, các địa chỉ website để tìm tư liệu liên quan đến môn học, phân từng nhóm SV về nhà chuẩn bị bài từng chương, làm báo cáo Seminar. Cuối mỗi chương giáo viên tóm tắt bài giảng.

**8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập học phần:**

Thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo của Trường ĐHSP Kỹ thuật Vinh.

***8.1. Điểm kiểm tra đánh giá - quá trình:*** Có trọng số chung là 30%

+ Điểm chuyên cần: 10%

+ Điểm tự học: 10%

+ Điểm kiểm tra giữa kỳ: 5%

+ Điểm thảo luận: 5%

***8.2. Điểm thi kết thúc học phần***

***-*** Điểm thi kết thúc học phầncó trọng số là 70**%.**

- Hình thức thi: Tự luận

*Nghệ An, ngày....... tháng....... năm 2020*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NGƯỜI BIÊN SOẠN** |  | **TRƯỞNG KHOA** |

**Lê Thị Ngọc Hà Nguyễn Công An**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH

**KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT**

**Tên học phần: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam**

**Mã học phần: 3ML006DC**

**Số tín chỉ: 02 (Số tiết: 30)**

**NGHỆ AN - 2020**

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XH  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC**  **SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT**

**1. Thông tin chung về học phần**:

- Tên học phần: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

- Mã học phần: 3ML006DC

- Số tín chỉ: 02 (Số tiết:30), phân bổ thời gian:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| + | Lên lớp: | 21 tiết |
| + | Thực hành: | 00 tiết |
| + | Thí nghiệm: | 00 tiết |
| + | Thảo luận: | 09 tiết |
| + | Bài tập: | 00 tiết |
| + | Tự học, tự nghiên cứu: | 60 giờ |

**-** Trình độ đào tạo: Đại học

- Khoa phụ trách giảng dạy: Khoa Lý luận chính trị

**2. Mục tiêu của học phần:**

**-** Kiến thức: Cung cấp những tri thức có tính hệ thống, cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920-1930), sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975), trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc thời kỳ cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tiến hành công cuộc đổi mới (1975-nay)

- Kỹ năng: Trang bị phương pháp tư duy khoa học về lịch sử, kỹ năng lựa chọn tài liệu nghiên cứu, học tập môn học và khả năng vận dụng nhận thức lịch sử vào công tác thực tiễn, phê phán quan niệm sai trái về lịch sử của Đảng.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Thông qua các sự kiện lịch sử và các kinh nghiệm về sự lãnh đạo của Đảng để xây dựng ý thức tôn trọng sự thật khách quan, nâng cao lòng tự hào, niềm tin đối với Đảng.

**3. Mô tả học phần:**

- Vai trò, vị trí của môn học: Môn học bắt buộc

- Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã học môn Chủ nghĩa xã hội khoa học.

- Nội dung cần đạt được của học phần (mô tả tóm tắt):

Trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-nay). Qua đó, khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

**4. Nội dung học phần:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Thời gian**  **thực hiện** | | |
| **Tổng số** | **Lý thuyết** | **Thực hành**  **(TH, TN, BT, TL)** |
| 1 | Bài 1: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam | 2 | 2 | 0 |
|  | 1.1. Đối tượng nghiên cứu của môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam |  |  |  |
|  | 1.2. Chức năng, nhiệm vụ của môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam |  |  |  |
|  | 1.3. Phương pháp nghiên cứu, học tập môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam |  |  |  |
| 2 | Bài 2: Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945) | 6 | 4 | 2 |
|  | 2.1. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (tháng 2-1930) |  |  |  |
|  | 2.1.1. Bối cảnh lịch sử |  |  |  |
|  | 2.1.2. Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị các điều kiện để thành lập Đảng |  |  |  |
|  | 2.1.3. Thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng |  |  |  |
|  | 2.1.4. Ý nghĩa lịch sử của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam |  |  |  |
|  | * 1. Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945) |  |  |  |
|  | 2.2.1. Phong trào cách mạng 1930-1935 và khôi phục phong trào 1932-1935 |  |  |  |
|  | 2.2.2. Phong trào dân chủ 1936-1939 |  |  |  |
|  | 2.2.3. Phong trào giải phóng dân tộc 1939-1945 |  |  |  |
|  | 2.2.4.Tính chất, ý nghĩa và kinh nghiệm của Cách mạng tháng Tám 1945 |  |  |  |
|  | Bài 3: Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975) | 7 | 5 | 2 |
|  | 3.1. Đảng lãnh đạo xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng và kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954) |  |  |  |
|  | 3.1.1. Xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng 1945-1946 |  |  |  |
|  | 3.1.2. Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và quá trình tổ chức thực hiện từ năm 1946-1950 |  |  |  |
|  | 3.1.3. Đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và can thiệp Mỹ đến thắng lợi 1951-1954 |  |  |  |
|  | 3.1.4. Ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm của Đảng trong lãnh đạo kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ |  |  |  |
|  | 3.2. Lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1954-1975) |  |  |  |
|  | 3.2.1. Lãnh đạo cách mạng hai miền giai đoạn 1954-1965 |  |  |  |
|  | 3.2.2. Lãnh đạo cách mạng cả nước giai đoạn 1965-1975 |  |  |  |
|  | 3.2.3. Ý nghĩa và kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước 1954-1975 |  |  |  |
|  | Bài 4: Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-nay) | 12 | 8 | 4 |
|  | 4.1. Đảng lãnh đạo cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1975-1986) |  |  |  |
|  | 4.1.1. Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc 1975-1981 |  |  |  |
|  | 4.1.2. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng và các bước đột phá tiếp tục đổi mới kinh tế 1982-1986 |  |  |  |
|  | 4.2. Lãnh đạo công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế (1986-nay) |  |  |  |
|  | 4.2.1. Đổi mới toàn diện, đưa đất nước thoát khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội 1986-1996 |  |  |  |
|  | 4.2.2. Tiếp tục công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế 1996-nay |  |  |  |
|  | 4.2.3. Thánh tựu, kinh nghiệm của công cuộc đổi mới |  |  |  |
|  | Bài 5: Kết luận | 3 | 2 | 1 |
|  | 5.1. Những thắng lợi vĩ đại của cách mạng Việt Nam |  |  |  |
|  | 5.2. Những bài học lớn về sự lãnh đạo của Đảng |  |  |  |
|  | 5.3. Những truyền thống vẻ vang của Đảng |  |  |  |
|  | **Cộng:** | **30** | **21** | **9** |

**5. Tài liệu học tập và tham khảo:**

***- Tài liệu học tập:***

[1].Bộ Giáo dục và đào tạo: Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội

***- Tài liệu tham khảo:***

[1]. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung và phát triển 2011), Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011.

[2]. Đảng Cộng sản Việt Nam - Ban Chấp hành Trung ương - Ban Chỉ đạo tổng kết, báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 30 năm đổi mới, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2015.

[3]. Đảng Cộng sản Việt Nam 80 năm xây dựng và phát triển, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010.

[4] <http://dangcongsan.vn> (Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam)

**6. Điều kiện thực hiện học phần:**

- Phòng học chuyên môn hóa / nhà xưởng: Phòng lý thuyết

- Trang thiết bị máy móc: Máy chiếu

- Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- Các điều kiện khác:

**7. Phương pháp giảng dạy và học tập:**

Giảngviên giới thiệu học phần, cung cấp đề cương bài giảng, tài liệu tham khảo, các địa chỉ website để tìm tư liệu liên quan đến môn học, phân từng nhóm SV về nhà chuẩn bị bài từng chương, làm báo cáo Seminar. Cuối mỗi chương giáo viên tóm tắt bài giảng.

**8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập học phần:**

Thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo của Trường ĐHSP Kỹ thuật Vinh.

***8.1. Điểm kiểm tra đánh giá - quá trình:*** Có trọng số chung là **30%**

- Điểm chuyên cần: 10 **%***.*

- Điểm giữa kỳ: 20 **%** (điểm kiểm tra 7%, điểm thảo luận 7%, điểm tự học 6%)

***8.2. Điểm thi kết thúc học phần***

Điểm thi kết thúc học phầncó trọng số là 70**%.**

- Hình thức thi: Tự luận

*Nghệ An, ngày tháng 04 năm 2020*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NGƯỜI BIÊN SOẠN**  **Nguyễn Thị Anh Đào**  **Phạm Thị Bích Ngọc** |  | **TRƯỞNG KHOA**  **Nguyễn Công An** |

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH

**KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT**

**Tên học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh**

**Mã học phần: 2ML002DC**

**Số tín chỉ: 02 (Số tiết: 30)**

**NGHỆ AN - 2020**

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XH  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC**  **SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT**

1. **Thông tin chung về học phần**:

- Tên học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh

- Mã học phần: 2ML002DC

- Số tín chỉ: 02 (Số tiết:30 tiết ), phân bổ thời gian:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| + | Lên lớp: | 21 tiết |
| + | Thực hành: | 00 tiết (00 giờ). |
| + | Thí nghiệm: | 00 tiết (00 giờ) |
| + | Thảo luận: | 09 tiết (00 giờ) |
| + | Bài tập: | 00 tiết (00 giờ) |
| + | Tự học, tự nghiên cứu: | 60 giờ |

**-** Trình độ đào tạo: Đại học

- Khoa phụ trách giảng dạy: Khoa Lý luận chính trị

**2. Mục tiêu của học phần:**

- Kiến thức:

+ Cung cấp những hiểu biết có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh.

+ Tiếp tục cung cấp những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin

+ Cùng với các học phần Lý luận chính trị tạo lập những hiểu biết về nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng và của cách mạng nước ta.

+ Góp phần xây dựng nền tảng đạo đức con người mới.

- Kỹ năng:

+ Sinh viên có khả năng vận dụng sáng tạo những giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh trong cuộc sống.

+ Hình thành và phát triển kỹ năng phân tích, tổng hợp, hệ thống hóa những kiến thức đã thu nhận được của người học.

+ Hình thành và phát triển kỹ năng bình luận, đánh giá, so sánh của người học về những nội dung đã học để vận dụng vào thực tiễn.

+ Góp phần phát triển kỹ năng cộng tác, làm việc nhóm.

+ Góp phần phát triển kỹ năng sáng tạo, khám phá, tìm tòi, phát triển năng lực đánh giá.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Sau khi học xong môn học này, sinh viên có niềm tin, trân trọng, gìn giữ và phát huy di sản tư tưởng của Hồ Chí Minh trong hoạt động thực tiễn.

+ Sinh viên có khả năng tuyên truyền di sản tư tưởng của Hồ Chí Minh cho người khác.

**3. Mô tả học phần:**

- Vai trò, vị trí của môn học: Bắt buộc.

- Điều kiện tiên quyết: Học xong môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

- Nội dung cần đạt được của học phần (mô tả tóm tắt): Tư tưởng Hồ Chí Minh là một môn học nghiên cứu khái quát về tư tưởng Hồ Chí Minh, bao gồm:

+ Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh.

+ Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh.

+ Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

+ Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

+ Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế.

+ Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người.

**4. Nội dung học phần:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Thời gian**  **thực hiện** | | |
| **Tổng số** | **Lý thuyết** | **Thực hành**  **(TH, TN, BT, TL)** |
| 1 | Bài 1: **Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh** | **2** | **2** | **0** |
|  | 1.1. Khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh |  |  |  |
|  | 1.2. Đối tượng nghiên cứu môn học tư tưởng Hồ Chí Minh |  |  |  |
|  | 1.3. Phương pháp nghiên cứu |  |  |  |
|  | 1.4. Ý nghĩa của việc học tập môn học tư tưởng Hồ Chí Minh |  |  |  |
| 2 | Bài 2: **Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh** | **6** | **2** | **4** |
|  | 2.1. Cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh |  |  |  |
|  | 2.2. Quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh |  |  |  |
|  | 2.3. Giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh |  |  |  |
| 3 | Bài 3: **Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội** | **6** | **4** | **2** |
|  | 3.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc |  |  |  |
|  | 3.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam |  |  |  |
|  | 3.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội |  |  |  |
|  | 3.4. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội trong sự nghiệp cách mạng Việt Nam giai đoạn hiện nay |  |  |  |
| 4 | Bài 4: **Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân** | **6** | **6** | **0** |
|  | 4.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam |  |  |  |
|  | 4.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân |  |  |  |
|  | 4.3. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào công tác xây dựng Đảng và xây dựng Nhà nước |  |  |  |
| 5 | Bài 5: **Tư tưởng Hồ Chí Minh về** **đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế** | **4** | **4** | **0** |
|  | 5.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc |  |  |  |
|  | 5.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế |  |  |  |
|  | 5.3. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế trong giai đoạn hiện nay |  |  |  |
| 6 | Bài 6: **Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người** | **3** | **6** | **4** |
|  | 6.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa |  |  |  |
|  | 6.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức |  |  |  |
|  | 6.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về con người |  |  |  |
|  | 6.4. xây dựng văn hóa, đạo đức, con người Việt Nam hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh |  |  |  |
|  | **Cộng:** | **30** | **21** | **9** |

**5. Tài liệu học tập và tham khảo:**

***- Tài liệu học tập:***

[1].Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh do Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo biên soạn, Nxb Chính trị quốc gia xuất bản.

***- Tài liệu tham khảo:***

[1].Các tài liệu hướng dẫn học tập, nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh của Ban Tuyên giáo Trung ương.

[2]. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb Sự thật, Hà

Nội, 1991.

[3]. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001.

[4]. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006.

[5]. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011.

[6]. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016.

 [7]. Đại tướng Võ Nguyên Giáp (Chủ biên): Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997.

[8].Hồ Chí Minh: toàn tập, tuyển tập, đĩa CDROM Hồ Chí Minh toàn tập.

**6. Điều kiện thực hiện học phần:**

- Phòng học chuyên môn hóa / nhà xưởng: Phòng học lý thuyết

- Trang thiết bị máy móc: Máy chiếu

- Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- Các điều kiện khác:

**7. Phương pháp giảng dạy và học tập:**

Giảngviên giới thiệu học phần, cung cấp đề cương bài giảng, tài liệu tham khảo, các địa chỉ website để tìm tư liệu liên quan đến môn học, phân từng nhóm SV về nhà chuẩn bị bài từng chương, làm báo cáo Seminar. Cuối mỗi chương giáo viên tóm tắt bài giảng.

**8. Phương pháp đánh giá học phần:**

Thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo của Trường ĐHSP Kỹ thuật Vinh.

*Nghệ An, ngày....... tháng....... năm 2020*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NGƯỜI BIÊN SOẠN**  **Mai Thị Thanh Châu** |  | **TRƯỞNG KHOA**  **Nguyễn Công An** |

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH

**KHOA GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT**

**Tên học phần: Đường lối quốc phòng và An ninh**

**của Đảng cộng sản Việt Nam**

**Mã học phần: 3TQ001DC**

**Số tín chỉ: 03 (Số tiết: 45)**

**NGHỆ AN – 2020**

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XH  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC**  **SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT**

**1. Thông tin chung về học phần**:

- Tên học phần: Đường lối Quốc phòng và An ninh của Đảng cộng sản Việt Nam

- Mã học phần: 3TQ001DC

- Số tín chỉ: 03 (Số tiết: 45), phân bổ thời gian:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| + | Lên lớp: | 45 tiết (00 giờ). |
| + | Thực hành: | 00 tiết (00 giờ). |
| + | Thí nghiệm: | 00 tiết (00 giờ) |
| + | Thảo luận: | 08 tiết (00 giờ) |
| + | Bài tập: | 00 tiết (00 giờ) |
| + | Tự học, tự nghiên cứu: | 00 giờ |

**-** Trình độ đào tạo: Đại học

- Bộ môn / Khoa phụ trách giảng dạy: Bộ môn giáo dục thể chất – Quốc phòng an ninh

**2. Mục tiêu của học phần:**

**-** Kiến thức: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; nhận thức đúng về nguồn gốc, bản chất chiến tranh; các quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, lực lượng vũ trang nhân dân để tiến hành chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN. Giúp sinh viên bước đầu tìm hiểu nghệ thuật đánh giặc của ông cha ta và nghệ thuật quân sự Việt Nam từ khi có Đảng.

- Kỹ năng:

Nắm vững đường lối quân sự của Đảng trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân, chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc, kết hợp phát triển kinh tế xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh; trên cơ sở đó góp phần nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm đối với nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN;

Xác lập phương pháp luận trong nghiên cứu các học phần, môn học Giáo dục quốc phòng - an ninh, xây dựng niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Tham gia lớp học đầy đủ.

+ Nghiên cứu tài liệu học tập, tham gia học tập ngoài trường (tham quan).

**3. Mô tả học phần:**

- Vai trò, vị trí của môn học:

Là môn học chính khóa thuộc chương trình giáo dục của các cơ sở giáo dục; Là một nội dung cơ bản trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân.

Có vai trò quan trọng trong việc khơi dậy và nêu cao tinh thần yêu nước của thế hệ trẻ, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc, củng cố vững chắc niềm tin của nhân dân vào Đảng và Nhà nước, chống lại mọi âm mưu chia rẽ, phản động của các thế lực thù địch trong và ngoài nước.

Có vai trò rất to lớn trong việc giáo dục và nâng cao ý thức, phẩm chất đạo đức của con người đặc biệt là sinh viên – thế hệ trẻ, chủ nhân tương lai của đất nước.

- Điều kiện tiên quyết: Bố trí sau khi học Đường lối Cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam.

- Nội dung cần đạt được của học phần (mô tả tóm tắt):

Đối tượng, phương pháp nghiên cứu môn học Giáo dục quốc phòng - an ninh; Quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc;Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa;Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam; Xây dựng bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia trong tình hình mới; Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên công nghiệp quốc phòng; Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc; Những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự an toàn xã hội.

**4. Nội dung học phần:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Thời gian**  **thực hiện** | | |
| **Tổng số** | **Lý thuyết** | **Thảo luận** |
| 1 | Bài 1: Đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu môn học | **2** | **2** |  |
|  | * 1. Đối tượng nghiên cứu |  |  |  |
|  | 1.1.1 Nghiên cứu về đường lối quân sự của Đảng |  |  |  |
|  | 1.1.2. Nghiên cứu về công tác quốc phòng, an ninh |  |  |  |
|  | 1.1.3. Nghiên cứu về quân sự và kĩ năng quân sự cần thiết |  |  |  |
|  | * 1. Phương pháp luận và các phương pháp nghiên cứu |  |  |  |
|  | 1.2.1. Cơ sở phương pháp luận |  |  |  |
|  | 1.2.2. Các phương pháp nghiên cứu |  |  |  |
|  | * 1. Giới thiệu về môn học giáo dục quốc phòng an ninh |  |  |  |
|  | 1.3.1. Đặc điểm môn học |  |  |  |
|  | 1.3.2 Chương trình |  |  |  |
|  | 1.3.3 Cơ sở vật chất thiết bị dạy học |  |  |  |
|  | 1.3.4 Tổ chức dạy học và đánh giá kết quả học tập |  |  |  |
| 2 | Bài 2: Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh quân đội và bảo vệ tổ quốc | **4** | **2** | **2** |
|  | * 1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh |  |  |  |
|  | 2.1.1 Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về chiến tranh |  |  |  |
|  | 2.1.2 Tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh |  |  |  |
|  | * 1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về quân đội |  |  |  |
|  | 2.2.1 Quan điểm chủ nghĩa Mác - Lênin về quân đội |  |  |  |
|  | 2.2.2 Tư tưởng Hồ Chí Minh về quân đội |  |  |  |
|  | * 1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa |  |  |  |
|  | 2.3.1 Bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là một tất yếu khách quan |  |  |  |
|  | 2.3.2 Bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là nghĩa vụ, trách nhiệm của toàn dân tộc, toàn thể giai cấp công nhân và nhân dân lao động |  |  |  |
|  | 2.3.3 Bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, phải thường xuyên tăng cường tiềm lực quốc phòng gắn với phát triển kinh tế - xã hội |  |  |  |
|  | 2.3.4 Đảng Cộng sản lãnh đạo mọi mặt sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa |  |  |  |
|  | 2.4 Tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa |  |  |  |
|  | 2.4.1 Bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa là một tất yếu khách quan |  |  |  |
|  | 2.4.2 Mục tiêu bảo vệ Tổ quốc là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, là nghĩa vụ và trách nhiệm của mọi công dân |  |  |  |
|  | 2.4.3 Sức mạnh bảo vệ Tổ quốc là sức mạnh tổng hợp của cả dân tộc, cả nước, kết hợp với sức mạnh thời đại |  |  |  |
|  | 2.4.4 Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa |  |  |  |
| 3 | Bài 3: Xây dựng nền Quốc phòng toàn dân An ninh nhân dân | **4** | **4** |  |
|  | 3.1 Vị trí, đặc trưng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân |  |  |  |
|  | 3.1.1 Vị trí |  |  |  |
|  | 3.1.2 Đặc trưng |  |  |  |
|  | 3.2 Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân vững mạnh để bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa |  |  |  |
|  | 3.2.1 Mục đích xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân vững mạnh hiện nay |  |  |  |
|  | 3.2.2 Nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân vững mạnh hiện nay |  |  |  |
|  | 3.2.3 Xây dựng tiềm lực quốc phòng, an ninh ngày càng vững mạnh |  |  |  |
|  | 3.2.4 Xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân vững chắc |  |  |  |
|  | 3.3 Một số biện pháp chính xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân hiện nay |  |  |  |
|  | 3.3.1 Thường xuyên thực hiện giáo dục quốc phòng - an ninh |  |  |  |
|  | 3.3.2 Tăng cư­ờng sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lí của Nhà nước, trách nhiệm triển khai thực hiện của các cơ quan, tổ chức và nhân dân đối với xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân |  |  |  |
|  | 3.3.3 Nâng cao ý thức, trách nhiệm công dân cho sinh viên trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân |  |  |  |
| 4 | Bài 4: Chiến tranh nhân dân bảo vệ tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa | **4** | **4** |  |
|  | 4.1 Những vấn đề chung về chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc |  |  |  |
|  | 4.1.1 Mục đích, đối tượng của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc |  |  |  |
|  | 4.1.2 Tính chất, đặc điểm của chiến tranh nhân dân Việt Nam bảo vệ Tổ quốc |  |  |  |
|  | 4.2 Quan điểm của Đảng trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc |  |  |  |
|  | 4.2.1 Tiến hành chiến tranh nhân dân, toàn dân đánh giặc lấy lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt. Kết hợp tác chiến của lực lượng vũ trang địa phương với tác chiến của các binh đoàn chủ lực |  |  |  |
|  | 4.2.2 Tiến hành chiến tranh toàn diện, kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh quân sự, chính trị, ngoại giao, kinh tế, văn hoá và tư tưởng, lấy đấu tranh quân sự là chủ yếu, lấy thắng lợi trên chiến trường là yếu tố quyết định để giành thắng lợi trong chiến tranh |  |  |  |
|  | 4.2.3 Chuẩn bị mọi mặt trên cả nước cũng như từng khu vực để đủ sức đánh được lâu dài, ra sức thu hẹp không gian, rút ngắn thời gian của chiến tranh giành thắng lợi càng sớm càng tốt |  |  |  |
|  | 4.2.4Kết hợp kháng chiến với xây dựng, vừa kháng chiến vừa xây dựng, ra sức sản xuất thực hành tiết kiệm giữ gìn và bồi dưỡng lực lượng ta càng đánh càng mạnh |  |  |  |
|  | 4.2.5 Kết hợp đấu tranh quân sự với bảo đảm an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, trấn áp kịp thời mọi âm mưu và hành động phá hoại gây bạo loạn |  |  |  |
|  | 4.2.6 Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, phát huy tinh thần tự lực tự cường, tranh thủ sự giúp đỡ quốc tế, sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân tiến bộ trên thế giới |  |  |  |
|  | 4.3 Một số nội dung chủ yếu của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc |  |  |  |
|  | 4.3.1 Tổ chức thế trận chiến tranh nhân dân |  |  |  |
|  | 4.3.2 Tổ chức lực lượng chiến tranh nhân dân |  |  |  |
|  | 4.3.3 Phối hợp chặt chẽ chống quân địch tiến công từ bên ngoài vào và bạo loạn lật đổ từ bên trong |  |  |  |
| 5 | Bài 5: Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân | **4** | **4** |  |
|  | 5.1 Đặc điểm và những quan điểm nguyên tắc cơ bản xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân |  |  |  |
|  | 5.1.1 Khái niệm |  |  |  |
|  | 5.1.2 Đặc điểm liên quan đến xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân |  |  |  |
|  | 5.1.3 Những quan điểm, nguyên tắc cơ bản xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân trong thời kì mới |  |  |  |
|  | 5.2 Phương hướng xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân trong giai đoạn mới |  |  |  |
|  | 5.2.1 Xây dựng quân đội, công an nhân dân theo hướng cách mạng chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại |  |  |  |
|  | 5.2.2 Xây dựng lực lượng dự bị động viên |  |  |  |
|  | 5.2.3 Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ |  |  |  |
|  | 5.3 Những biện pháp chủ yếu xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân |  |  |  |
| 6 | Bài 6: Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố Quốc phòng An ninh và đối ngoại | **4** | **4** |  |
|  | 6.1 Cơ sở lí luận và thực tiễn của việc kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường, củng cố quốc phòng, an ninh ở Việt Nam |  |  |  |
|  | 6.1.1 Cơ sở lí luận của sự kết hợp |  |  |  |
|  | 6.1.2 Cơ sở thực tiễn của sự kết hợp |  |  |  |
|  | 6.2 Nội dung kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh và đối ngoại ở nước ta hiện nay |  |  |  |
|  | 6.2.1 Kết hợp trong xác định chiến lược phát triển kinh tế - xã hội |  |  |  |
|  | 6.2.2 Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh trong phát triển các vùng lãnh thổ |  |  |  |
|  | 6.2.3 Kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng, an ninh trong các ngành, các lĩnh vực kinh tế chủ yếu |  |  |  |
|  | 6.2.4 Kết hợp trong thực hiện nhiệm vụ chiến lược bảo vệ Tổ quốc |  |  |  |
|  | 6.2.5 Kết hợp trong hoạt động đối ngoại |  |  |  |
|  | 6.3 Một số giải pháp chủ yếu thực hiện kết hợp phát triển kinh tế − xã hội gắn với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh ở Việt Nam hiện nay |  |  |  |
|  | 6.3.1 Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và hiệu lực quản lí nhà nước của chính quyền các cấp trong thực hiện kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh |  |  |  |
|  | 6.3.2 Bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kinh nghiệm kết hợp phát triển kinh tế – xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh cho các đối tượng |  |  |  |
|  | 6.3.3 Xây dựng chiến lược tổng thể kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh trong thời kì mới |  |  |  |
|  | 6.3.4 Hoàn chỉnh hệ thống pháp luật, cơ chế chính sách có liên quan đến thực hiện kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh trong tình hình mới |  |  |  |
|  | 6.3.5 Củng cố kiện toàn và phát huy vai trò tham mưu của cơ quan chuyên trách quốc phòng, an ninh các cấp |  |  |  |
| 7 | Bài 7: Những vấn đề cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam | **6** | **4** | **2** |
|  | 7.1 Truyền thống và nghệ thuật đánh giặc của ông cha ta |  |  |  |
|  | 7.1.1 Đất nước trong buổi đầu lịch sử |  |  |  |
|  | 7.1.2 Những yếu tố tác động đến việc hình thành nghệ thuật đánh giặc |  |  |  |
|  | 7.1.3 Các cuộc khởi nghĩa và chiến tranh chống xâm lược |  |  |  |
|  | 7.1.4 Nghệ thuật đánh giặc của ông cha ta |  |  |  |
|  | 7.2 Nghệ thuật quân sự Việt Nam từ khi có Đảng lãnh đạo |  |  |  |
|  | 7.2.1 Cơ sở hình thành nghệ thuật quân sự Việt Nam |  |  |  |
|  | 7.2.2 Nội dung nghệ thuật quân sự Việt Nam từ khi có Đảng lãnh đạo |  |  |  |
|  | 7.3 Vận dụng một số bài học kinh nghiệm về nghệ thuật quân sự vào sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc trong thời kì mới và trách nhiệm của sinh viên |  |  |  |
|  | 7.3.1 Quán triệt tư tưởng tích cực tiến công |  |  |  |
|  | 7.3.2 Nghệ thuật quân sự toàn dân đánh giặc |  |  |  |
|  | 7.3.3 Nghệ thuật tạo sức mạnh tổng hợp bằng lực, thế, thời và mưu kế |  |  |  |
|  | 7.3.4 Quán triệt tư tưởng lấy ít đánh nhiều, biết tập trung ưu thế lực lượng cần thiết để đánh thắng địch |  |  |  |
|  | 7.3.5 Kết hợp tiêu hao, tiêu diệt địch với bảo vệ vững chắc các mục tiêu |  |  |  |
|  | 7.3.6 Trách nhiệm của sinh viên |  |  |  |
| 8 | Bài 8: Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia trong tình hình mới | **4** | **4** |  |
|  | 8.1 Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo quốc gia |  |  |  |
|  | 8.1.1 Chủ quyền biển đảo quốc gia |  |  |  |
|  | 8.1.2 Nội dung xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển đảo quốc gia |  |  |  |
|  | 8.2 Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biên giới quốc gia |  |  |  |
|  | 8.2.1 Biên giới quốc gia |  |  |  |
|  | 8.2.2 Nội dung xây dựng và bảo vệ biên giới quốc gia |  |  |  |
|  | 8.3 Quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia trong tình hình mới |  |  |  |
|  | 8.3.1 Quan điểm |  |  |  |
|  | 8.3.2 Trách nhiệm công dân trong xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, biên giới quốc gia trong tình hình mới |  |  |  |
| 9 | Bài 9: Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên quốc phòng | **6** | **4** | **2** |
|  | 9.1 Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ |  |  |  |
|  | 9.1.1 Khái niệm, vị trí vai trò và nhiệm vụ của lực lượng dân quân tự vệ |  |  |  |
|  | 9.1.2 Nội dung xây dựng dân quân tự vệ |  |  |  |
|  | 9.1.3 Một số biện pháp xây dựng dân quân tự vệ trong giai đoạn hiện nay |  |  |  |
|  | 9.2 Xây dựng lực lượng dự bị động viên |  |  |  |
|  | 9.2.1 Khái niệm, vị trí vai trò, những quan điểm nguyên tắc |  |  |  |
|  | 9.2.2 Những quan điểm, nguyên tắc xây dựng lực lư­ợng dự bị động viên |  |  |  |
|  | 9.2.3 Nội dung xây dựng lực lư­ợng dự bị động viên |  |  |  |
|  | 9.2.4 Một số biện pháp xây dựng lực lư­ợng dự bị động viên |  |  |  |
|  | 9.3 Động viên quốc phòng |  |  |  |
|  | 9.3.1 Khái niệm, nguyên tắc, yêu cầu động viên quốc phòng |  |  |  |
|  | 9.3.2 Một số nội dung động viên quốc phòng |  |  |  |
|  | 9.3.3 Thực hành động viên quốc phòng |  |  |  |
|  | 9.3.4 Một số biện pháp chính thực hiện động viên quốc phòng |  |  |  |
| 10 | Bài 10: Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc | **4** | **2** | **2** |
|  | 10.1 Nhận thức chung về phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc |  |  |  |
|  | 10.1.1 Quan điển về quần chúng nhân dân và vai trò của quần chúng nhân dân trong bảo vệ an ninh Tổ quốc. |  |  |  |
|  | 10.1.2 Nhận thức về phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ |  |  |  |
|  | 10.2 Nội dung, phương pháp xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc |  |  |  |
|  | 10.2.1 Nội dung cơ bản của công tác xây dựng phòng trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc: |  |  |  |
|  | 10.2.2 Phương pháp xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc |  |  |  |
|  | 10.3 Trách nhiệm của sinh viên trong việc tham gia xây dựng phong trào bảo vệ an ninh tổ quốc |  |  |  |
|  | 10.3.1 Mọi sinh viên phải có nhận thức đúng đắn đầy đủ về trách nhiệm công dân đối với công cuộc bảo vệ an ninh - trật tự của Tổ quốc. Đây là một nhiệm vụ quan trọng để giữ gìn cuộc sống bình yên cho nhân dân và làm cơ sở nền tảng cho sự phát triển đất nước |  |  |  |
|  | 10.3.2 Mỗi sinh viên tự giác chấp hành các quy định về đảm bảo an ninh trật tự của nhà trư­­ờng và của địa phư­­ơng nơi cư­ trú. |  |  |  |
|  | 10.3.3 Tích cực tham gia vào các phong trào bảo vệ an ninh trật tự của địa phương |  |  |  |
|  | 10.3.4 Luôn luôn nêu cao ý thức cảnh giác, tích cực tham gia hoạt động phòng chống tội phạm ở địa ph­­ương, phát hiện những hiện t­ượng tiêu cực, những hành vi vi phạm pháp luật xẩy ra trong Học viện và nơi cư­­ trú kịp thời, cung cấp cho cơ quan công an để có biện pháp ngăn chặn và giải quyết |  |  |  |
| 11 | Bài 11: Những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự an toàn xã hội | **3** | **3** |  |
|  | 11.1 Các khái niệm và nội dung cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội |  |  |  |
|  | 11.1.1 Các khái niệm cơ bản |  |  |  |
|  | 11.1.2 Nội dung bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội |  |  |  |
|  | 11.2 Tình hình an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội |  |  |  |
|  | 11.2.1 Một số nét về tình hình an ninh quốc gia |  |  |  |
|  | 11.2.2 Tình hình về trật tự, an toàn xã hội |  |  |  |
|  | 11.3 Dự báo tình hình an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội trong thời gian tới |  |  |  |
|  | 11.3.1 Tình hình quốc tế trong thời gian tới sẽ diễn biến phức tạp hơn |  |  |  |
|  | 11.3.2 Tình hình khu vực Đông Nam á vẫn còn tiềm ẩn nhiều nhân tố mất ổn định |  |  |  |
|  | 11.3.3 Những thuận lợi và khó khăn trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội ở Việt Nam trong những năm tới |  |  |  |
|  | 11.4 Đối tác và đối tượng đấu tranh trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội |  |  |  |
|  | 11.4.1 Đối tượng xâm phạm an ninh quốc gia |  |  |  |
|  | 11.4.2 Đối tượng xâm phạm về trật tự, an toàn xã hội |  |  |  |
|  | 11.4.3 Các tai nạn, tệ nạn xã hội |  |  |  |
|  | 11.5 Một số quan điểm của Đảng, Nhà nước trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội |  |  |  |
|  | 11.5.1 Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lí của Nhà nước, nhân dân làm chủ, công an là lực lượng nòng cốt trong sự nghiệp bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội |  |  |  |
|  | 11.5.2 Kết hợp chặt chẽ nhiệm vụ xây dựng với nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc |  |  |  |
|  | 11.5.3 Bảo vệ an ninh quốc gia phải kết hợp chặt chẽ với giữ gìn trật tự, an toàn xã hội |  |  |  |
|  | 11.6 Vai trò, trách nhiệm của sinh viên trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội |  |  |  |
|  | 11.6.1 Quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân trong bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội |  |  |  |
|  | 11.6.2 Trách nhiệm của sinh viên trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội |  |  |  |
|  | **Cộng:** | **45** | **37** | **8** |

**5. Tài liệu học tập và tham khảo:**

***- Tài liệu học tập:***

[1]. Bài giảng Giáo dục quốc phòng, an ninh, Tập 1, Nxb BKHN, 2016.

***- Tài liệu tham khảo:***

[1]. *Chỉ thị 12–CT/TW* ngày 03/5/2007 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác Giáo dục quốc phòng, an ninh trong tình hình mới.

[2]. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội,* NXB Sự thật, Hà Nội, 1991.

[3]. *Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013*.

[4]. *Luật về An ninh quốc gia, 2004; Luật Biên giới quốc gia, 2003; Luật Công an nhân dân, 2005; Luật Giáo dục, 2005; Luật Nghĩa vụ Quân sự, 1981 (*sửa đổi, bổ sung năm 1990, 1994, 2005); *Luật Quốc phòng, 2005.*

[5]. *Giáo trình Lịch sử quân sự,* NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1997.

[6]. Bộ Quốc phòng, *Nghệ thuật đánh giặc giữ nước của dân tộc Việt Nam,* 1990.

[7]. Bộ Quốc phòng, Trung tâm Từ điển Bách khoa quân sự, *Từ điển bách khoa quân sự Việt Nam*, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2004.

[8]. Bộ Tổng Tham mưu, *Từ điển Thuật ngữ quân sự*, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2007.

[9]. Học viện Quốc phòng, *Tài liệu nghiên cứu, tham khảo về phòng tránh, đánh trả.*

[10]. Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, *Quốc phòng Việt Nam* (Sách trắng Quốc phòng Việt Nam), NXB Thế giới, Hà Nội, 2004.

**6. Điều kiện thực hiện học phần:**

- Phòng học chuyên môn hóa / nhà xưởng: Phòng học chuyên dùng (A2.409, A2.410) và các phòng học khác.

- Trang thiết bị máy móc: Hệ thống máy chiếu.

- Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Phấn, bảng.

- Các điều kiện khác:

**7. Phương pháp giảng dạy và học tập:**

Giảngviên giới thiệu học phần, cung cấp đề cương bài giảng, tài liệu tham khảo, các địa chỉ website để tìm tư liệu liên quan đến môn học, phân từng nhóm SV về nhà chuẩn bị bài từng chương, làm báo cáo Seminar. Cuối mỗi chương giáo viên tóm tắt bài giảng.

**8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập học phần:**

Thực hiện theo Thông tư Lên tịch Số: 18/2015/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH ngày 08 tháng 09 năm 2015 của Bộ Giáo dục Đào tạo - Bộ Lao động Thương binh và Xã hội và hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo của Trường ĐHSP Kỹ thuật Vinh.

***8.1. Điểm kiểm tra đánh giá - quá trình:*** Có trọng số chung là **30%**

- Điểm chuyên cần: 10**%***.*

- Điểm giữa kỳ: 20**% (**Có 2 bài kiểm tra tự luận giữa kỳ trọng số như nhau).

***8.2. Điểm thi kết thúc học phần***

Điểm thi kết thúc học phầncó trọng số là 70**%.**

- Hình thức thi: Tự luận.

*Nghệ An, ngày tháng 4 năm 2020.*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NGƯỜI BIÊN SOẠN**  **Nguyễn Công Thắng** | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  **Nguyễn Văn Luyện** | **KT/TRƯỞNG KHOA**  **Nguyễn Văn Luyện** |

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH

**KHOA GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT**

**Tên học phần: Công tác quốc phòng an ninh**

**Mã học phần: 3TQ002DC**

**Số tín chỉ: 02 (Số tiết: 30)**

**NGHỆ AN – 2020**

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XH  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC**  **SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT**

**1. Thông tin chung về học phần**:

- Tên học phần: Công tác quốc phòng an ninh

- Mã học phần: 2TQ002DC

- Số tín chỉ: 02 (Số tiết: 30), phân bổ thời gian:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| + | Lên lớp: | 30 tiết (00 giờ). |
| + | Thực hành: | 00 tiết (00 giờ). |
| + | Thí nghiệm: | 00 tiết (00 giờ) |
| + | Thảo luận: | 08 tiết (00 giờ) |
| + | Bài tập: | 00 tiết (00 giờ) |
| + | Tự học, tự nghiên cứu: | 00 giờ |

**-** Trình độ đào tạo: Hệ Đại học

- Bộ môn / Khoa phụ trách giảng dạy: Bộ môn giáo dục thể chất – Quốc phòng an ninh

**2. Mục tiêu của học phần:**

**-** Kiến thức: Giúp sinh viên nhận thức được âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam trong giai đoạn hiện nay, trên cơ sở đó đấu tranh, phòng chống chiến lược "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch; đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam để giữ gìn an ninh chính trị và bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ Việt Nam XHCN.

Trang bị cho sinh viên kiến thức về phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông, một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhâm phẩm của người khác, An toàn thông tin và phòng chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng, An ninh phi truyền thống và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam

- Kỹ năng: Xây dựng niềm tin chiến thắng trong phòng chống chiến lược "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN.

Nắm vững các nội dung công tác quốc phòng, an ninh; vận dụng linh hoạt, sáng tạo kiến thức đã học vào hoạt động thực tiễn

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Tham gia lớp học đầy đủ.

+ Nghiên cứu tài liệu học tập, tham gia học tập ngoài trường (tham quan).

**3. Mô tả học phần:**

- Vai trò, vị trí của môn học:

Là môn học chính khóa thuộc chương trình giáo dục của các cơ sở giáo dục; Là một nội dung cơ bản trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân.

Có vai trò quan trọng trong việc khơi dậy và nêu cao tinh thần yêu nước của thế hệ trẻ, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc, củng cố vững chắc niềm tin của nhân dân vào Đảng và Nhà nước, chống lại mọi âm mưu chia rẽ, phản động của các thế lực thù địch trong và ngoài nước.

Có vai trò rất to lớn trong việc giáo dục và nâng cao ý thức, phẩm chất đạo đức của con người đặc biệt là sinh viên – thế hệ trẻ, chủ nhân tương lai của đất nước.

- Điều kiện tiên quyết: Sau khi học Giáo dục quốc phòng an ninh 1.

- Nội dung cần đạt được của học phần (mô tả tóm tắt):

Phòng chống chiến lược "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam; Một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo, đấu tranh phòng chống các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông; Phòng, chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác; An toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng; An ninh phi truyền thống và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam.

**4. Nội dung học phần:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Thời gian**  **thực hiện** | | |
| **Tổng số** | **Lý thuyết** | **Thảo luận** |
| 1 | Bài 1: Phòng chống Chiến lược "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam | **4** | **4** |  |
|  | * 1. Chiến lược "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá chủ nghĩa xã hội |  |  |  |
|  | 1.1.1 Khái niệm |  |  |  |
|  | 1.1.2. Sự hình thành và phát triển của chiến lược "Diễn biến hoà bình" |  |  |  |
|  | 1.1.3. Bạo loạn lật đổ |  |  |  |
|  | * 1. Chiến lược "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam |  |  |  |
|  | 1.2.1. Âm mưu, thủ đoạn của chiến lược "Diễn biến hoà bình" đối với Việt Nam |  |  |  |
|  | 1.2.2. Bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam |  |  |  |
|  | * 1. Mục tiêu, nhiệm vụ, quan điểm và phương châm phòng, chống chiến lược "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của Đảng, Nhà nước ta |  |  |  |
|  | 1.3.1. Mục tiêu |  |  |  |
|  | 1.3.2 Nhiệm vụ |  |  |  |
|  | 1.3.3 Quan điểm chỉ đạo |  |  |  |
|  | 1.3.4 Phương châm tiến hành |  |  |  |
|  | 1.4 Những giải pháp phòng, chống chiến lược "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ ở Việt Nam hiện nay |  |  |  |
|  | 1.4.1 Đẩy lùi tệ quan liêu, tham nhũng, tiêu cực trong xã hội, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trên các lĩnh vực, chống nguy cơ tụt hậu về kinh tế |  |  |  |
|  | 1.4.2 Nâng cao nhận thức về âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, nắm chắc mọi diễn biến không để bị động và bất ngờ |  |  |  |
|  | 1.4.3 Xây dựng ý thức bảo vệ Tổ quốc cho toàn dân |  |  |  |
|  | 1.4.4 Xây dựng cơ sở chính trị - xã hội vững mạnh về mọi mặt |  |  |  |
|  | 1.4.5 Chăm lo xây dựng lực lượng vũ trang ở địa phương vững mạnh |  |  |  |
|  | 1.4.6 Xây dựng, luyện tập các phương án, các tình huống chống "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của địch |  |  |  |
|  | 1.4.7 Đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và chăm lo nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân lao động |  |  |  |
| 2 | Bài 2: Một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề về dân tộc và tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam | **6** | **4** | **2** |
|  | * 1. Một số vấn đề cơ bản về dân tộc |  |  |  |
|  | 2.1.1 Một số vấn đề chung về dân tộc |  |  |  |
|  | 2.1.2 Đặc điểm các dân tộc ở Việt Nam và quan điểm chính sách dân tộc của Đảng Nhà nước ta hiện nay |  |  |  |
|  | * 1. Một số vấn đề cơ bản về tôn giáo |  |  |  |
|  | 2.2.1 Một số vấn đề chung về tôn giáo |  |  |  |
|  | 2.2.2 Nguồn gốc của tôn giáo |  |  |  |
|  | 2.2.3 Tình hình tôn giáo trên thế giới và quan điểm chủ nghĩa Mác - Lênin về giải quyết vấn đề tôn giáo trong cách mạng xã hội chủ nghĩa |  |  |  |
|  | 2.2.4 Tình hình tôn giáo ở Việt Nam và chính sách tôn giáo của Đảng, Nhà nước ta hiện nay |  |  |  |
|  | * 1. Đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam |  |  |  |
|  | 2.3.1 Âm mưu lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam của các thế lực thù địch |  |  |  |
|  | 2.3.2 Thủ đoạn lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam của các thế lực thù địch |  |  |  |
|  | 2.3.3 Giải pháp đấu tranh phòng, chống sự lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam của các thế lực thù địch |  |  |  |
| 3 | Bài 3: Phòng chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường | **4** | **4** |  |
|  | 3.1 **Tình hình tội phạm và vi phạm pháp luật về môi trường** |  |  |  |
|  | 3.1.1 Tình hình tội phạm về môi trường |  |  |  |
|  | 3.1.2 Tình hình vi phạm pháp luật về môi trường |  |  |  |
|  | 3.2 **Công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật về môi trường** |  |  |  |
|  | 3.3 Những khó khăn vướng mắc |  |  |  |
|  | 3.4 **Một số giải pháp nâng cao hiệu quả phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm và vi phạm pháp luật về môi trường trong thời gian tới. Những kiến nghị, đề xuất** |  |  |  |
|  | 3.4.1 Về phía bộ công an |  |  |  |
|  | 3.4.2 Đối với Đảng, Chính phủ và các ngành liên quan, Bộ Công an xin đề nghị |  |  |  |
| 4 | Bài 4: Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông | **4** | **4** |  |
|  | 4.1 An toàn giao thông |  |  |  |
|  | 4.1.1 Tai nạn giao thông |  |  |  |
|  | 4.1.2 Trật tự an toàn giao thông |  |  |  |
|  | 4.2 Biện pháp phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông |  |  |  |
|  | 4.2.1 Nội dung |  |  |  |
|  | 4.2.2 Biện pháp |  |  |  |
|  | 4.2.3 Cách thức thực hiện |  |  |  |
|  | 4.3 Trách nhiệm của công dân trong phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông |  |  |  |
| 5 | Bài 5: Phòng chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhâm phẩm của người khác | **4** | **2** | **2** |
|  | 5.1 Tội phạm xâm hại danh dự, nhâm phẩm của người khác |  |  |  |
|  | 5.1.1 Khái niệm |  |  |  |
|  | 5.1.2 **Dấu hiệu pháp lý của các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người** |  |  |  |
|  | 5.2 **Một số khuyến nghị nhằm nâng cao hiệu quả công tác phòng ngừa các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người** |  |  |  |
|  | 5.2.1 Đẩy mạnh xây dựng, triển khai, áp dụng biện pháp phòng ngừa các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người |  |  |  |
|  | 5.2.2 Tăng cường quản lý nhà nước về an ninh, trật tự xã hội |  |  |  |
|  | 5.2.3 Nâng cao năng lực chủ thể phòng ngừa các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người |  |  |  |
|  | 5.2.4 Nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các chủ thể lực phòng ngừa các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
| 6 | Bài 6: An toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng | **4** | **2** | **2** |
|  | 6.1. Nhận thức chung về an toàn thông tin phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng. |  |  |  |
|  | 6.1.1 Khái niệm |  |  |  |
|  | 6.1.1.1. Thông tin |  |  |  |
|  | 6.1.1.2. An toàn thông tin |  |  |  |
|  | 6.1.1.3. Phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng |  |  |  |
|  | 6.1.2. Đặc điểm |  |  |  |
|  | 6.1.3. Vai trò. |  |  |  |
|  | 6.2. Các mối đe dọa trong bảo vệ an toàn thông tin, phòng chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng. |  |  |  |
|  | 6.2.1. Mất kiểm soát an toàn thông tin mạng |  |  |  |
|  | 6.2.2. Tội phạm mạng |  |  |  |
|  | 6.2.3. Các mối đe dọa khác |  |  |  |
|  | 6.3. Chủ thể, giải pháp bảo đảm an toàn thông tin và phóng chống các vi phạm pháp luật trên không gian mạng. |  |  |  |
|  | 6.3.1. Chủ thể bảo đảm an toàn thông tin và phòng, chống các vi phạm pháp luật trên không gian mạng |  |  |  |
|  | 6.3.2. Giải pháp bảo đảm an toàn thông tin và phòng, chống các vi phạm pháp luật trên không gian mạng |  |  |  |
| 7 | Bài 7: An ninh phi truyền thống và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam | **4** | **2** | **2** |
|  | 7.1. An ninh phi truyền thống |  |  |  |
|  | 7.1.1 Khái niệm |  |  |  |
|  | 7.1.2 Nhận dạng các vấn đề an ninh phi truyền thống |  |  |  |
|  | 7.1.3 Nội dung các vấn đề về an ninh phi truyền thống |  |  |  |
|  | 7.2. Các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam |  |  |  |
|  | 7.2.1 Nguồn gốc mối đe dọa an ninh phi truyền thống |  |  |  |
|  | 7.2.2 Tác động của các mối đe dọa an ninh phi truyền thống |  |  |  |
|  | 7.3. Việt Nam với vấn đề an ninh phi truyền thống |  |  |  |
|  | 7.3.1 Nhận thức và quan điểm của Việt Nam về an ninh phi truyền thống |  |  |  |
|  | 7.3.2 Việt Nam với việc giải quyết các vấn đề an ninh phi truyền thống |  |  |  |
|  | 7.3.3 Một số kinh nghiệm của Việt Nam về giải quyết các vấn đề an ninh phi truyền thống |  |  |  |
|  | **Cộng:** | **30** | **22** | **08** |

**5. Tài liệu học tập và tham khảo:**

***- Tài liệu học tập:***

[1]. Bài giảng Giáo dục quốc phòng, an ninh, Tập 1, Nxb BKHN, 2016.

***- Tài liệu tham khảo:***

[1]. Hồ Chí Minh, Toàn tập, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[2]. Trung tâm Từ điển Bách khoa quân sự, Từ điển Bách khoa quân sự Việt Nam, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2004.

[3]. Giáo trình Lịch sử quân sự, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1997.

[4]. Bộ Quốc phòng, Từ điển Bách khoa quân sự Việt Nam, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2004.

[5]. Luật Quốc phòng, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006.

[6]. Luật An ninh quốc gia, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2005.

[7]. Luật An ninh mạng, NXB Chính trị Quốc gia.

[8]. Luật bảo vệ môi trường năm 2014, NXB Chính trị Quốc gia.

[9] Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, NXB tư pháp năm 2014.

[10]. An ninh quốc gia những vấn đề an ninh phi truyền thống, NXB chính trị-hành chính

**6. Điều kiện thực hiện học phần:**

- Phòng học chuyên môn hóa / nhà xưởng: Phòng học chuyên dùng (A2.409, A2.410) và các phòng học khác.

- Trang thiết bị máy móc: Hệ thống máy chiếu.

- Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Phấn, bảng.

- Các điều kiện khác:

**7. Phương pháp giảng dạy và học tập:**

Giảngviên giới thiệu học phần, cung cấp đề cương bài giảng, tài liệu tham khảo, các địa chỉ website để tìm tư liệu liên quan đến môn học, phân từng nhóm SV về nhà chuẩn bị bài từng chương, làm báo cáo Seminar. Cuối mỗi chương giáo viên tóm tắt bài giảng.

**8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập học phần:**

Thực hiện theo Thông tư Lên tịch Số: 18/2015/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH ngày 08 tháng 09 năm 2015 của Bộ Giáo dục Đào tạo - Bộ Lao động Thương binh và Xã hội và hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo của Trường ĐHSP Kỹ thuật Vinh.

***8.1. Điểm kiểm tra đánh giá - quá trình:*** Có trọng số chung là **30%**

- Điểm chuyên cần: 10**%***.*

- Điểm giữa kỳ: 20**%** (một bài kiểm tra tự luận giữa kỳ)

***8.2. Điểm thi kết thúc học phần***

Điểm thi kết thúc học phầncó trọng số là 70**%.**

- Hình thức thi: Tự luận.

*Nghệ An, ngày tháng 4 năm 2020.*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NGƯỜI BIÊN SOẠN**  **Nguyễn Công Thắng** | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  **Nguyễn Văn Luyện** | **KT/TRƯỞNG KHOA**  **Nguyễn Văn Luyện** |

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH

**KHOA GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT**

**Tên học phần: Quân sự chung**

**Mã học phần: 3T203DC**

**Số tín chỉ: 01 (Số tiết: 30)**

**NGHỆ AN – 2020**

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XH  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC**  **SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT**

**1. Thông tin chung về học phần**:

- Tên học phần: Quân sự chung

- Mã học phần: 3TQ203DC

- Số tín chỉ: 01 (Số tiết: 30), phân bổ thời gian:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| + | Lên lớp: | 14 tiết (00 giờ). |
| + | Thực hành: | 16 tiết (00 giờ). |
| + | Thí nghiệm: | 00 tiết (00 giờ) |
| + | Thảo luận: | 00 tiết (00 giờ) |
| + | Bài tập: | 00 tiết (00 giờ) |
| + | Tự học, tự nghiên cứu: | 00 giờ |

**-** Trình độ đào tạo: Hệ Đại học

- Bộ môn / Khoa phụ trách giảng dạy: Bộ môn giáo dục thể chất – Quốc phòng an ninh

**2. Mục tiêu của học phần:**

**-** Kiến thức:

+ Trang bị cho sinh viên kiến thức chung về quân sự phổ thông, các quân binh chủng trong quân đội, các chế độ sinh hoạt học tập hàng ngày, trong tuần, các chế độ nề nếp chính quy bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại.

+ Nắm chắc về bản đồ địa hình quân sự làm cơ sở để sử dụng bản đồ địa hình quân sự trong thực tế chiến đấu cũng như học tập công tác

+ Nắm chắc các nội dung về điều lệnh đội ngũ để vận dụng trong sinh hoạt, trong quá trình học tập và công tác

+ Hiểu biết về quy tắc, điều lệ thi đấu ba môn quân sự phối hợp, làm cơ sở thuận lợi khi tham gia vào đại hội thể thao quốc phòng.

- Kỹ năng:

+ Hiểu biết một số kỹ năng cơ bản của người chiến sĩ bộ binh trong huấn luyện và chiến đấu;

+ Thực hiện thành thạo điều lệnh đội ngũ

+ Biết đọc bản đồ và thực hành đo đạc, xác định các yếu tố trên bản đồ phục vụ cho học tập, công tác và chiến đấu

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Tham gia lớp học đầy đủ.

+ Nghiên cứu tài liệu học tập, tham gia học tập ngoài trường (tham quan).

**3. Mô tả học phần:**

- Vai trò, vị trí của môn học:

Là môn học chính khóa thuộc chương trình giáo dục của các cơ sở giáo dục; Là một nội dung cơ bản trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân.

Có vai trò quan trong việc chấp hành kỷ luật, thực hiện nề nếp tác phong nghiêm chỉnh trong học tập và rèn luyện của sinh viên. Hình thành nếp sống có kỷ luật, ý thức cộng đồng ở trường, lớp và khi ra công tác. Hiểu biết về quân đội nhân dân Việt Nam.

- Điều kiện tiên quyết: Sau khi học Giáo dục Quốc phòng an ninh 2.

- Nội dung cần đạt được của học phần (mô tả tóm tắt):

Chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày, trong tuần; Các chế độ nề nếp chính quy, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại; Hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong quân đội; Điều lệnh đội ngũ từng người có súng; Điều lệnh đội ngũ đơn vị; Hiểu biết chung về bản dồ địa hình quân sự; Phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao; Ba môn quan sự phối hợp.

**4. Nội dung học phần:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Thời gian**  **thực hiện** | | |
| **Tổng số** | **Lý thuyết** | **Thực hành** |
| 1 | Bài 1: Chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày, trong tuần | **2** | **2** |  |
|  | * 1. Ý nghĩa thực hiện chế độ sinh hoạt, học tập và công tác |  |  |  |
|  | 1.1.1 Nhằm duy trì mọi hoạt động của đơn vị thường xuyên có nề nếp và có chất lượng tốt |  |  |  |
|  | 1.1.2. Góp phần bảo đảm cho người chỉ huy quản lý tốt tình hình mọi mặt của đơn vị |  |  |  |
|  | * 1. Nội dung qui định về chế độ làm việc, sinh hoạt, học tập và công tác |  |  |  |
|  | 1.2.1 Phân phối thời gian |  |  |  |
|  | 1.2.2 Nội dung chế độ làm việc, sinh hoạt, học tập trong ngày |  |  |  |
|  | 1.2.3 Hội họp |  |  |  |
|  | 1.2.4 Trực ban nội vụ, trực nhật |  |  |  |
|  | 1.2.5 Báo động luyện tập |  |  |  |
|  | 1.2.6 Phòng gian giữ bí mật |  |  |  |
|  | 1.2.7 Một số chế độ công tác cửa người chỉ huy, chính ủy, chính trị viên |  |  |  |
|  | 1.3 Biện pháp, yêu cầu của người chỉ huy |  |  |  |
|  | 1.3.1 Luôn có nhận thức đúng đối với công tác quản lý bộ đội thực hiện chế độ làm việc, sinh hoạt, học tập, công tác |  |  |  |
|  | 1.3.2 Thường xuyên giáo dục cho mọi quân nhân thuộc quyền hiểu rõ tầm quan trọng, nắm vững nội dung quy định về chế độ làm việc, sinh hoạt, học tập, công tác |  |  |  |
|  | 1.3.3 Đề cao ý thức trách nhiệm, có tác phong công tác sâu sát, cụ thể tỷ mỉ, có tinh thần đoàn kết tốt, gương mẫu trong thực hiện các chế độ quy định |  |  |  |
|  | 1.3.4 Phát huy sức mạnh tổng hợp của các thành phần, lực lượng cùng tham gia công tác quản lý thực hiện các chế độ quy định, duy trì nghiêm kỷ luật quân đội, thưởng phạt nghiêm minh |  |  |  |
| 2 | Bài 2: Các chế độ nề nếp chính quy, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại | **2** | **2** |  |
|  | 2.1 Ý nghĩa và tầm quan trọng trong việc thực hiện các chế độ nề nếp chính quy, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại |  |  |  |
|  | 2.1.1 Ý nghĩa |  |  |  |
|  | 2.1.2 Tầm quan trọng |  |  |  |
|  | 2.2 Nội dung các chế độ nề nếp chính quy, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại |  |  |  |
|  | 2.2.1 Phân phối thời gian |  |  |  |
|  | 2.2.2 Chế độ nề nếp chính quy |  |  |  |
|  | 2.2.3 Bố trí trật tự nội vụ |  |  |  |
| 3 | Bài 3: Hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong quân đội | **4** | **4** |  |
|  | 3.1 Tổ chức và hệ thống tổ chức trong quân đội nhân dân Việt Nam |  |  |  |
|  | 3.1.1 Tổ chức quân đội nhân dân Việt Nam |  |  |  |
|  | 3.1.2 Hệ thống tổ chức trong quân đội nhân dân Việt Nam |  |  |  |
|  | 3.1.3 Hệ thống tổ chức Đảng trong quân đội nhân dân Việt Nam |  |  |  |
|  | 3.2 Quân, binh chủng trong quân đội |  |  |  |
|  | 3.2.1 Quân chủng |  |  |  |
|  | 3.2.2 Binh chủng |  |  |  |
|  | 3.2.3 Chức năng, nhiệm vụ của quân, binh chủng trong quân đội |  |  |  |
| 4 | Bài 4: Điều lệnh đội ngũ từng người có súng | **4** |  | **4** |
|  | 4.1 Nghiêm, nghỉ, quay tại chỗ có súng |  |  |  |
|  | 4.1.1 Động tác nghiêm,nghỉ khi giữ súng và kẹp súng tiểu liên |  |  |  |
|  | 4.1.2 Động tác quay tại chỗ có súng |  |  |  |
|  | 4.2 Khám súng |  |  |  |
|  | 4.2.1 Động tác Khám súng, khám súng xong của súng tiểu liên AK ( ở tư thế mang súng) |  |  |  |
|  | 4.2.2 Động tác Khám súng, khám súng xong của súng tiểu liên AK (khi kẹp súng) |  |  |  |
|  | 4.3 Sửa dây súng và sửa xong dây súng |  |  |  |
|  | 4.4 Đặt súng, trao súng |  |  |  |
|  | 4.4.1 Động tác đặt súng, lấy súng |  |  |  |
|  | 4.4.2 Động tác trao súng và nhận súng |  |  |  |
|  | 4.5 Ngồi xuống, đứng dậy, tiến lùi, qua phải, qua trái có súng |  |  |  |
|  | 4.5.1 Động tác ngồi xuống, đứng dậy |  |  |  |
|  | 4.5.2 Động tác tiến lùi, qua phải, qua trái có súng |  |  |  |
|  | 4.6 Mang súng, xuống súng |  |  |  |
|  | 4.7 Đeo súng, xuống súng |  |  |  |
| 5 | Bài 5: Điều lệnh đội ngũ đơn vị | **4** |  | **4** |
|  | 5.1 Đội ngũ tiểu đội |  |  |  |
|  | 5.1.1 Đội ngũ tiểu đội một hàng ngang |  |  |  |
|  | 5.1.2 Đội ngũ tiểu đội hai hàng ngang |  |  |  |
|  | 5.1.3 Đội ngũ tiểu đội một hàng dọc |  |  |  |
|  | 5.1.4 Đội ngũ tiểu đội hai hàng dọc |  |  |  |
|  | 5.2 Đội ngũ trung đội |  |  |  |
|  | 5.2.1 Đội ngũ trung đội một hàng ngang |  |  |  |
|  | 5.2.2 Đội ngũ trung đội hai hàng ngang |  |  |  |
|  | 5.2.3 Đội ngũ trung đội ba hàng ngang |  |  |  |
|  | 5.2.4 Đội ngũ trung đội một hàng dọc |  |  |  |
|  | 5.2.5 Đội ngũ trung đội hai hàng dọc |  |  |  |
|  | 5.2.6 Đội ngũ trung đội ba hàng dọc |  |  |  |
|  | 5.3 Đổi hướng đội hình |  |  |  |
| 6 | Bài 6: Hiểu biết chung về bản đồ địa hình quân sự | **4** | **2** | **2** |
|  | 6.1 Bản đồ |  |  |  |
|  | 6.1.1 Khái niệm, ý nghĩa |  |  |  |
|  | 6.1.2 Phân loại, đặc điểm, công dụng bản đồ địa hình |  |  |  |
|  | 6.1.3 Cơ sở toán học bản đồ địa hình |  |  |  |
|  | 6.1.4 Chắp ghép, dán gấp, bảo quản bản đồ |  |  |  |
|  | 6.2 Sử dụng bản đồ |  |  |  |
|  | 6.2.1 Đo cự ly, diện tích trên bản đồ |  |  |  |
|  | 6.2.2 Xác định tọa độ, chỉ thị mục tiêu |  |  |  |
|  | 6.2.3 Sử dụng bản đồ ngoài thực địa |  |  |  |
|  | 6.2.4 Đối chiếu bản đồ với thực địa |  |  |  |
| 7 | Bài 7: Phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao | **4** | **2** | **2** |
|  | 7.1 Khái niệm, đặc điểm, thủ đoạn đánh phá và khả năng sử dụng vũ khí công nghệ cao của địch trong chiến tranh |  |  |  |
|  | 7.1.1 Khái niệm |  |  |  |
|  | 7.1.2 Đặc điểm của vũ khí công nghệ cao |  |  |  |
|  | 7.1.3 Thủ đoạn đánh phá và khả năng sử dụng vũ khí công nghệ cao của địch trong chiến tranh |  |  |  |
|  | 7.2 Một số biện pháp phòng chống địch tiến công hoả lực bằng vũ khí công nghệ cao |  |  |  |
|  | 7.2.1 Biện pháp thụ động |  |  |  |
|  | 7.2.2 Biện pháp chủ động |  |  |  |
| 8 | Bài 8: Ba môn quân sự phối hợp | **6** | **2** | **4** |
|  | 8.1 Điều lệ |  |  |  |
|  | 8.1.1 Đặc điểm và điều kiện thi đấu |  |  |  |
|  | 8.1.2 Trách nhiệm, quyền hạn của ngƣời dự thi |  |  |  |
|  | 8.1.3 Trách nhiệm, quyền hạn của đoàn trưởng (đội trưởng) |  |  |  |
|  | 8.1.4 Thủ tục khiếu nại |  |  |  |
|  | 8.1.5 Xác định thành tích xếp hạng |  |  |  |
|  | 8.2 Quy tắc thi đấu |  |  |  |
|  | 8.2.1 Quy tắc chung |  |  |  |
|  | 8.2.2 Quy tắc thi đấu các môn |  |  |  |
|  | 8.2.3 Cách tính thành tích |  |  |  |
|  | **Cộng:** | **30** | **14** | **16** |

**5. Tài liệu học tập và tham khảo:**

***- Tài liệu học tập:***

[1]. Giáo trình Giáo dục quốc phòng và an ninh dùng cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng, Tập 2, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

[2]. Điều lệnh đội ngũ Quân đội nhân dân Việt Nam, Cục Quân huấn - Bộ Tổng Tham mƣu, NXB Quân đội nhân dân, 2002

***- Tài liệu tham khảo:***

[1]. Bộ Tổng Tham mưu, Cục Quân huấn, Huấn luyện điều lệnh đội ngũ, 2011

[2]. Trung tâm Từ điển Bách khoa quân sự, Từ điển Bách khoa quân sự Việt Nam, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2004,

[3]. Bộ Quốc phòng, Từ điển Bách khoa quân sự Việt Nam, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2004,

[4]. Giáo trình Lịch sử quân sự, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1997

[5]. Quốc phòng Việt Nam, NXB Thế giới, Hà Nội, 2004

[6]. Luật Quốc phòng, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006

**6. Điều kiện thực hiện học phần:**

- Phòng học chuyên môn hóa / nhà xưởng: Phòng học chuyên dùng (A2.409, A2.410) và các phòng học khác.

- Trang thiết bị máy móc: Hệ thống máy chiếu.

- Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Phấn, bảng, súng tiểu liên AK, lựu đạn, bản đồ quân sự.

- Các điều kiện khác:

**7. Phương pháp giảng dạy và học tập:**

Giảngviên giới thiệu học phần, cung cấp đề cương bài giảng, tài liệu tham khảo, các địa chỉ website để tìm tư liệu liên quan đến môn học, phân từng nhóm SV về nhà chuẩn bị bài từng chương, làm báo cáo Seminar. Cuối mỗi chương giáo viên tóm tắt bài giảng.

**8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập học phần:**

Thực hiện theo Thông tư Lên tịch Số: 18/2015/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH ngày 08 tháng 09 năm 2015 của Bộ Giáo dục Đào tạo - Bộ Lao động Thương binh và Xã hội và hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo của Trường ĐHSP Kỹ thuật Vinh.

***8.1. Điểm kiểm tra đánh giá - quá trình:*** Có trọng số chung là **30%**

- Điểm chuyên cần: 10**%***.*

- Điểm giữa kỳ: 20**%** (có một bài liểm tra thực hành giữa kỳ).

***8.2. Điểm thi kết thúc học phần***

-Điểm thi kết thúc học phầncó trọng số là 70**%.**

- Hình thức thi: Tự luận.

*Nghệ An, ngày....... tháng 4 năm 2020.*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NGƯỜI BIÊN SOẠN**  **Nguyễn Công Thắng** | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  **Nguyễn Văn Luyện** | **KT/TRƯỞNG KHOA**  **Nguyễn Văn Luyện** |

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH

**KHOA GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT**

**Tên học phần: Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật**

**Mã học phần: 3TQ204DC**

**Số tín chỉ: 02 (Số tiết: 60)**

**NGHỆ AN – 2020**

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XH  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC**  **SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT**

**1. Thông tin chung về học phần**:

- Tên học phần: Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật

- Mã học phần: 3TQ204DC

- Số tín chỉ: 02 (Số tiết: 60), phân bổ thời gian:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| + | Lên lớp: | 04 tiết (00 giờ). |
| + | Thực hành: | 56 tiết (00 giờ). |
| + | Thí nghiệm: | 00 tiết (00 giờ) |
| + | Thảo luận: | 00 tiết (00 giờ) |
| + | Bài tập: | 00 tiết (00 giờ) |
| + | Tự học, tự nghiên cứu: | 00 giờ |

**-** Trình độ đào tạo: Hệ Đại học

- Bộ môn / Khoa phụ trách giảng dạy: Bộ môn giáo dục thể chất – Quốc phòng an ninh

**2. Mục tiêu của học phần:**

**-** Kiến thức:

+ Nắm được đặc điểm, nguyên lý tác dụng, cấu tạo một số loại vũ khí bộ binh.

+ Nắm được các kỹ thuật đánh chiếm và bảo vệ một số mục tiêu trong chiến đấu tiến công và phòng ngự.

+ Hiểu rõ tác dụng, cấu tạo, cách sử dụng súng tiểu liên AK và kỹ thuật. Chiến thuật chiến đấu bộ binh để vận dụng vào thực tiễn khi có chiến tranh xảy ra

- Kỹ năng:

+ Thành thạo cách sử dụng và ném các loại lựu đạn.

+ Hiểu rõ bản chất các nội dung kĩ thuật, chiến thuật bộ binh; về khả năng sát thương, với các phương pháp phòng tránh đơn giản, hiệu quả.

+ Nghiên cứu thực hành các bài tập sát với thực tế, thành thạo các thao tác kĩ thuật, chiến thuật trong chiến đấu. Đồng thời có thể ứng dụng các kĩ thuật này khi tham gia dân quân, tự vệ theo quy định của Pháp luật.

+ Thực hành bắn mục tiêu cố định ban ngày bằng súng AK đạt kết quả cao

+ Tăng cường kỹ năng đọc giáo trình, tài liệu tham khảo, thu thập, xử lý thông tin trước trong và sau mỗi bài học, môn học.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Tham gia lớp học đầy đủ.

+ Nghiên cứu tài liệu học tập, tham gia học tập ngoài trường (tham quan).

**3. Mô tả học phần:**

- Vai trò, vị trí của môn học:

Là môn học chính khóa thuộc chương trình giáo dục của các cơ sở giáo dục; Là một nội dung cơ bản trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân.

Có vai trò quan trong việc chấp hành kỷ luật, ý thức tập thể, nếp sống cộng đồng ở trường, lớp và khi ra công tác.

- Điều kiện tiên quyết: Sau khi học Giáo dục quốc phong an ninh 3.

- Nội dung cần đạt được của học phần (mô tả tóm tắt):

Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK; Tính năng, cấu tạo và cách sử dụng một số loại lựu đạn thường dùng. Ném lựu đạn bài 1; Từng người trong chiến đấu tiến công; Từng người trong chiến đấu phòng ngự; Từng người làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới).

**4. Nội dung học phần:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Thời gian**  **thực hiện** | | |
| **Tổng số** | **Lý thuyết** | **Thực hành** |
| 1 | Bài 1: Kỹ thuật bắn sung tiểu liên AK | **24** | **2** | **22** |
|  | * 1. Ngắm bắn |  |  |  |
|  | 1.1.1 Khái niệm về ngắm bắn |  |  |  |
|  | 1.1.2 Đường ngắm cơ bản, điểm ngắm đúng, đường ngắm đúng |  |  |  |
|  | 1.1.3 Thứ tự thực hành ngắm |  |  |  |
|  | 1.1.4 Ảnh hưởng do ngắm saivàgió đến kết quả bắn |  |  |  |
|  | 1.2. Tư thế động tác bắn, bắn và thôi bắn súng tiểu liên AK |  |  |  |
|  | 1.2.1 Động tác nằm bắn |  |  |  |
|  | 1.2.2 Động tác bắn |  |  |  |
|  | 1.2.3 Động tác thôi bắn |  |  |  |
|  | 1.3. Tập bắn mục tiêu cố định ban ngày bằng súng tiểu liên AK |  |  |  |
|  | 1.3.1 Ý nghĩa, đặc điểm, yêu cầu |  |  |  |
|  | 1.3.2 Phương án tập bắn |  |  |  |
|  | 1.3.3 Cách chọn thước ngắm, điểm ngắm |  |  |  |
|  | 1.3.4 Thực hành tập bắn |  |  |  |
|  | 1.3.5 Điều kiện kiểm tra và thành tích |  |  |  |
|  | 1.3.6 Kế hoạch luyện tập |  |  |  |
| 2 | Bài 2: Tính năng, cấu tạo và cách sử dụng một số loại lựu đạn thường dùng. Ném lựu đạn bài 1 | **8** | **2** | **6** |
|  | 2.1 Giới thiệu một số loại lựu đạn Việt Nam |  |  |  |
|  | 2.1.1 Lựu đạn cần 97 |  |  |  |
|  | 2.1.2 Lựu đạn Φ 1 |  |  |  |
|  | 2.2 Quy tắc sử dụng và bảo quản lựu đạn |  |  |  |
|  | 2.2.1 Sử dụng, giữ gìn lựu đạn thật |  |  |  |
|  | 2.2.2 Sử dụng lựu đạn trong huấn luyện |  |  |  |
|  | 2.3 Tư thế, động tác đứng ném lựu đạn |  |  |  |
|  | 2.3.1 Trường hợp vận dụng |  |  |  |
|  | 2.3.2 Động tác |  |  |  |
|  | 2.3.1 Chú ý |  |  |  |
| 3 | Bài 3: Từng người trong chiến đấu tiến công | **16** |  | **16** |
|  | 3.1 Khái quát chung |  |  |  |
|  | 3.1.1 Khái niệm |  |  |  |
|  | 3.1.2 Đặc điểm thủ đoạn của địch |  |  |  |
|  | 3.2 Nhiệm vụ, yêu cầu chiến thuật |  |  |  |
|  | 3.2.1 Nhiệm vụ |  |  |  |
|  | 3.2.2 Yêu cầu chiến thuật |  |  |  |
|  | 3.3 Hành động sau khi nhận nhiệm vụ |  |  |  |
|  | 3.3.1 Hiểu rõ nhiệm vụ |  |  |  |
|  | 3.3.2 Chuẩn bị chiến đấu |  |  |  |
|  | 3.4 Thực hành chiến đấu |  |  |  |
|  | 3.4.1 Vận động đến gần mục tiêu |  |  |  |
|  | 3.4.2 Cách đánh từng loại mục tiêu |  |  |  |
|  | 3.4.3 Hành động khi chiếm được mục tiêu |  |  |  |
| 4 | Bài 4: Từng người trong chiến đấu phòng ngự | **8** |  | **8** |
|  | 4.1 Khái quát chung |  |  |  |
|  | 4.1.1 Khái niệm |  |  |  |
|  | 4.1.2 Đặc điểm tiến công của địch |  |  |  |
|  | 4.2 Nhiệm vụ, yêu cầu chiến thuật |  |  |  |
|  | 4.2.1 Nhiệm vụ |  |  |  |
|  | 4.2.2 Yêu cầu chiến thuật |  |  |  |
|  | 4.3 Hành động sau khi nhận nhiệm vụ |  |  |  |
|  | 4.3.1 Hiểu rõ nhiệm vụ |  |  |  |
|  | 4.3.2 Chuẩn bị chiến đấu |  |  |  |
|  | 4.4 Thực hành chiến đấu |  |  |  |
|  | 4.4.1 Trước khi địch tiến công |  |  |  |
|  | 4.4.2 Khi địch tiến công |  |  |  |
|  | 4.4.3 Hành động sau mỗi đợt chiến đấu |  |  |  |
| 5 | Bài 5: Từng người làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới) | **4** |  | **4** |
|  | 5.1. Vị trí tầm quan trọng, yêu cầu quản lý chế độ canh gác (cảnh giới) |  |  |  |
|  | 5.1.1 Vị trí tầm quan trọng |  |  |  |
|  | 5.1.2. Yêu cầu |  |  |  |
|  | 5.2. Nội dung, cách thực hiện nhiệm vụ canh gác (cảnh giới) |  |  |  |
|  | 5.2.1 Nội dung |  |  |  |
|  | 5.2.2 Cách thực hiện |  |  |  |
|  | 5.2.3 Xử lý một số tình huống |  |  |  |
|  | 5.3. Yêu cầu người chỉ huy phân đội trong công tác quản lý canh gác (cảnh giới) |  |  |  |
|  | **Cộng:** | **60** | **4** | **56** |

**5. Tài liệu học tập và tham khảo:**

***- Tài liệu học tập:***

[1] *Giáo trình Giáo dục quốc phòng và an ninh dùng cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng, Tập 2, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.*

***- Tài liệu tham khảo:***

[1]. Bộ Tổng Tham mưu, Cục Quân huấn, Huấn luyện điều lệnh đội ngũ, 2011

[2]. Trung tâm Từ điển Bách khoa quân sự, Từ điển Bách khoa quân sự Việt Nam, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2004,

[3]. Bộ Quốc phòng, Từ điển Bách khoa quân sự Việt Nam, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2004,

[4]. Giáo trình Lịch sử quân sự, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1997

[5]. Quốc phòng Việt Nam, NXB Thế giới, Hà Nội, 2004

[6]. Luật Quốc phòng, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006

**6. Điều kiện thực hiện học phần:**

- Phòng học chuyên môn hóa / nhà xưởng: Phòng học chuyên dùng (A2.409, A2.410) và các phòng học khác.

- Trang thiết bị máy móc: Hệ thống máy chiếu.

- Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Phấn, bảng, súng tiểu liên AK, lựu đạn.

- Các điều kiện khác:

**7. Phương pháp giảng dạy và học tập:**

Giảngviên giới thiệu học phần, cung cấp đề cương bài giảng, tài liệu tham khảo, các địa chỉ website để tìm tư liệu liên quan đến môn học, phân từng nhóm SV về nhà chuẩn bị bài từng chương, làm báo cáo Seminar. Cuối mỗi chương giáo viên tóm tắt bài giảng.

**8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập học phần:**

Thực hiện theo Thông tư Lên tịch Số: 18/2015/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH ngày 08 tháng 09 năm 2015 của Bộ Giáo dục Đào tạo - Bộ Lao động Thương binh và Xã hội và hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo của Trường ĐHSP Kỹ thuật Vinh.

***8.1. Điểm kiểm tra đánh giá - quá trình:*** Có trọng số chung là **30%**

- Điểm chuyên cần: 10**%***.*

- Điểm giữa kỳ: 20**%** (có hai bài kiểm tra thực hành giữa kỹ có trọng số bằng nhau)

***8.2. Điểm thi kết thúc học phần***

Điểm thi kết thúc học phầncó trọng số là 70**%.**

- Hình thức thi: Thực hành.

*Nghệ An, ngày....... tháng 4 năm 2020.*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NGƯỜI BIÊN SOẠN**  **Nguyễn Công Thắng** | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  **Nguyễn Văn Luyện** | **KT/TRƯỞNG KHOA**  **Nguyễn Văn Luyện** |

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH

**KHOA GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT**

**Tên học phần: Thể dục và Điền kinh.**

**Mã học phần: 3TQ007DC.**

**Số tín chỉ: 02 (Số tiết: 45)**

**NGHỆ AN – 2020**

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XH  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC**  **SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT**

**1. Thông tin chung về học phần**:

- Tên học phần: Thể dục và Điền kinh.

- Mã học phần: 3TQ007DC.

- Số tín chỉ: 02 (Số tiết: 45), phân bổ thời gian:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| + | Lên lớp: | 45 tiết (00 giờ). |
| + | Thực hành: | 30 tiết (00 giờ). |
| + | Thí nghiệm: | 00 tiết (00 giờ) |
| + | Thảo luận: | 00 tiết (00 giờ) |
| + | Bài tập: | 00 tiết (00 giờ) |
| + | Tự học, tự nghiên cứu: | 00 giờ |

**-** Trình độ đào tạo: Đại học

- Bộ môn / Khoa phụ trách giảng dạy: Bộ môn Giáo dục Thể chất – Quốc phòng an ninh.

**2. Mục tiêu của học phần:**

**-** Kiến thức:

+ Hiểu rõ vị trí, ý nghĩa, tác dụng của Giáo dục thể chất đối với con người nói chung, đối với người học và người lao động nói riêng.

+ Nắm vững được một số kiến thức cơ bản và phương pháp tập luyện của các môn điền kinh như chạy cự ly ngắn, cự ly trung bình và nhảy xa, trên cơ sở đó tự rèn luyện sức khỏe trong quá trình học tập, lao động sản xuất.

- Kỹ năng:

+ Thực hành được những kỹ thuật cơ bản của các môn chạy cự ly ngắn, cự ly trung bình và nhảy xa kiểu ngồi.

+ Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để tự tập luyện nhằm tăng cường bảo vệ sức khỏe, phát triển tố chất thể lực chung và thể lực chuyên môn nghề nghiệp.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Tham gia lớp học đầy đủ.

+ Nghiên cứu tài liệu học tập, tham gia học tập ngoại khóa (các câu lạc bộ thể thao).

**3. Mô tả học phần:**

- Vai trò, vị trí của môn học:

Là môn học chính khóa thuộc chương trình giáo dục của các cơ sở giáo dục;

Trang bị cho sinh viên các kiến thức, kỹ năng vận động cơ bản, hình thành thói quen luyện tập thể dục, thể thao để nâng cao sức khỏe, phát triển thể lực, tầm vóc, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện.

- Điều kiện tiên quyết: Không.

- Nội dung cần đạt được của học phần (mô tả tóm tắt):

Kỹ thuật chạy cự ly ngắn 100m; Kỹ thuật chạy cự ly trung bình (800m-nam và 400m-nữ); Kỹ thuật nhảy xa kiểu ngồi.

**4. Nội dung học phần:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Thời gian**  **thực hiện** | | |
| **Tổng số** | **Lý thuyết** | **Thực hành** |
| 1 | Bài 1: Kỹ thuật chạy cự ly ngắn. | **15** | **5** | **10** |
|  | * 1. Mục đích, nhiệm vụ, những nguyên tắc, quan điểm trong phát triển TDTT ở nước ta. |  |  |  |
|  | 1.2. Lịch sử ra đời môn chạy cự ly ngắn. |  |  |  |
|  | 1.3. Tác dụng của môn học chạy cự ly ngắn đối với sức khỏe và đời sống con người. |  |  |  |
|  | 1.4. Phương pháp tập luyện môn chạy cự ly ngắn. |  |  |  |
|  | 1.5. Luật và cách thức tổ chức thi đấu môn chạy cự ly ngắn. |  |  |  |
|  | 1.7. Các bài tập khởi động chung, chuyên môn |  |  |  |
|  | 1.8. Học kỹ thuật đóng bàn đạp, xuất phát và chạy lao sau xuất phát |  |  |  |
|  | 1.9. Học kỹ thuật chạy giữa quãng, đánh đích |  |  |  |
|  | 1.10. Phối hợp các giai đoạn kỹ thuật và hoàn thiện động tác |  |  |  |
|  | 1.11. Các bài tập phát triển các tố chất vận động và thả lỏng hồi phục |  |  |  |
| 2 | Bài 2: Kỹ thuật cự ly Trung bình (800m-nam, 400m-nữ). | **15** | **5** | **10** |
|  | 2.1. Lịch sử ra đời môn chạy cự ly trung bình. |  |  |  |
|  | 2.2. Tác dụng của môn học chạy cự ly trung bình đối với sức khỏe và đời sống con người |  |  |  |
|  | 2.3. Phương pháp tập luyện môn chạy cự ly trung bình. |  |  |  |
|  | 2.4. Luật và cách thức tổ chức thi đấu môn chạy cự ly trung bình. |  |  |  |
|  | 2.5. Các bài tập khởi động chung, chuyên môn |  |  |  |
|  | 2.6. Kỹ thuật xuất phát, chạy lao sau xuất phát |  |  |  |
|  | 2.7. Kỹ thuật chạy giữa quãng, đánh đích |  |  |  |
|  | 2.8. Phối hợp các giai đoạn kỹ thuật và hoàn thiện động tác |  |  |  |
|  | 2.9. Các bài tập phát triển các tố chất vận động và thả lỏng hồi phục |  |  |  |
| 3 | Bài 3: Kỹ thuật Nhảy xa kiểu ngồi. | **15** | **5** | **10** |
|  | 2.1. Lịch sử ra đời môn nhảy xa |  |  |  |
|  | 2.2. Tác dụng của môn học nhảy xa đối với sức khỏe và đời sống con người |  |  |  |
|  | 2.3. Phương pháp tập luyện môn nhảy xa. |  |  |  |
|  | 2.4. Luật và cách thức tổ chức thi đấu môn nhảy xa. |  |  |  |
|  | 2.5. Các bài tập khởi động chung, chuyên môn |  |  |  |
|  | 2.6. Kỹ thuật chạy đà, dậm nhảy |  |  |  |
|  | 2.7. Kỹ thuật trên không, tiếp đất. |  |  |  |
|  | 2.8. Phối hợp các giai đoạn kỹ thuật và hoàn thiện động tác |  |  |  |
|  | 2.9. Các bài tập phát triển các tố chất vận động và thả lỏng hồi phục. |  |  |  |
|  | **Cộng:** | **45** | **15** | **30** |

**5. Tài liệu học tập và tham khảo:**

***- Tài liệu học tập:***

[1]. *Giáo trình Giáo dục Thể chất trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh - 2020..*

***- Tài liệu tham khảo:***

[1] Giáo trình điền kinh NXB. ĐHQG-TP HCM

[2] Luật Điền Kinh

**6. Điều kiện thực hiện học phần:**

- Phòng học chuyên môn hóa / nhà xưởng: Phòng học có máy chiếu.

- Trang thiết bị máy móc:

- Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Đồng hồ bấm giờ, dây đích, cờ xuất phát, ván nhảy, xẻng, thước dây.

- Các điều kiện khác: Nhà thi đấu đa năng.

**7. Phương pháp giảng dạy và học tập:**

Giảngviên giới thiệu học phần, cung cấp đề cương bài giảng, tài liệu tham khảo, các địa chỉ website để tìm tư liệu liên quan đến môn học, phân từng nhóm SV về nhà chuẩn bị bài từng chương, làm báo cáo Seminar. Cuối mỗi chương giáo viên tóm tắt bài giảng.

**8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập học phần:**

Thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo của Trường ĐHSP Kỹ thuật Vinh.

***8.1. Điểm kiểm tra đánh giá - quá trình:*** Có trọng số chung là **30%**

- Điểm chuyên cần: 10**%***.*

- Điểm giữa kỳ: 20**%** (kết mỗi bài có kiểm tra thực hành để lấy điểm giữa kỳ).

***8.2. Điểm thi kết thúc học phần***

Điểm thi kết thúc học phầncó trọng số là 70**%.**

- Hình thức thi: Thực hành.

*Nghệ An, ngày....... tháng 4 năm 2020.*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NGƯỜI BIÊN SOẠN**  **Phan Văn Thám** | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  **Nguyễn Văn Luyện** | **TRƯỞNG KHOA**  **Nguyễn Văn Luyện** |

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH

**KHOA GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT**

**Tên học phần: Bóng chuyền**

**Mã học phần: 3TQ008DC**

**Số tín chỉ: 01 (Số tiết: 30)**

**NGHỆ AN – 2020**

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XH  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC**  **SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT**

**1. Thông tin chung về học phần**:

- Tên học phần: Bóng chuyền.

- Mã học phần: 3TQ008DC.

- Số tín chỉ: 01 (Số tiết: 30 ), phân bổ thời gian:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| + | Lên lớp: | 30 tiết (00 giờ). |
| + | Thực hành: | 24 tiết (00 giờ). |
| + | Thí nghiệm: | 00 tiết (00 giờ) |
| + | Thảo luận: | 00 tiết (00 giờ) |
| + | Bài tập: | 00 tiết (00 giờ) |
| + | Tự học, tự nghiên cứu: | 00 giờ |

**-** Trình độ đào tạo: Đại học.

- Bộ môn / Khoa phụ trách giảng dạy: Bộ môn Giáo dục Thể chất – Quốc phòng an ninh.

**2. Mục tiêu của học phần:**

**-** Kiến thức:

+ Hiểu rõ vị trí, ý nghĩa, tác dụng của Giáo dục thể chất đối với con người nói chung, đối với người học và người lao động nói riêng.

+ Nắm vững được một số kiến thức cơ bản và phương pháp tập luyện, thi đấu môn bóng chuyền; Trên cơ sở đó tự rèn luyện sức khỏe trong quá trình học tập, lao động sản xuất.

- Kỹ năng:

+ Thực hành được những kỹ thuật cơ bản của môn bóng chuyền.

+ Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để tự tập luyện nhằm tăng cường bảo vệ sức khỏe, phát triển tố chất thể lực chung và thể lực chuyên môn nghề nghiệp.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Tham gia lớp học đầy đủ.

+ Nghiên cứu tài liệu học tập, tham gia học tập ngoại khóa (thi đấu các giải phong trào).

**3. Mô tả học phần:**

- Vai trò, vị trí của môn học:

Là môn học chính khóa thuộc chương trình giáo dục của các cơ sở giáo dục;

Trang bị cho sinh viên các kiến thức, kỹ năng vận động cơ bản, hình thành thói quen luyện tập thể dục, thể thao để nâng cao sức khỏe, phát triển thể lực, tầm vóc, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện.

- Điều kiện tiên quyết: không.

- Nội dung cần đạt được của học phần (mô tả tóm tắt):

Các kỹ thuật cơ bản (phát bóng thấp tay, cao tay; chuyền bóng thấp tay, cao tay), luật, phương pháp tổ chức thi đấu bóng chuyền

**4. Nội dung học phần:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Thời gian**  **thực hiện** | | |
| **Tổng số** | **Lý thuyết** | **Thực hành** |
| 1 | Bài 1: Kỹ thuật phát bóng. | **10** | **2** | **8** |
|  | * 1. Lịch sử ra đời và phát triển môn bóng chuyền |  |  |  |
|  | * 1. Kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt |  |  |  |
|  | * 1. Kỹ thuật phát bóng thấp tay nghiêng mình |  |  |  |
|  | * 1. Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt |  |  |  |
|  | * 1. Kỹ thuật phát bóng cao tay nghiêng mình |  |  |  |
|  | 1.6. Kỹ thuật phát bóng cao tay chính diện bay |  |  |  |
|  | 1.7. Kỹ thuật nhảy phát bóng |  |  |  |
| 2 | Bài 2: Kỹ thuật chuyền bóng. | **10** | **2** | **8** |
|  | 2.1. Luật bóng chuyền. |  |  |  |
|  | 2.2. Kỹ thuật chuyền bóng cao tay chính diện bằng hai tay |  |  |  |
|  | 2.3. Kỹ thuật chuyền bóng cao tay bằng một tay |  |  |  |
|  | 2.4. Kỹ thuật chuyền bóng ra sau đầu |  |  |  |
|  | 2.5. Kỹ thuật chuyền bóng nghiêng mình |  |  |  |
|  | 2.6. Kỹ thuật nhảy chuyền cao tay bằng hai tay |  |  |  |
|  | 2.7. Các dạng khác khi ứng dụng kĩ thuật chuyền |  |  |  |
| 3 | Bài 3: Kỹ thuật chuyền bóng thấp tay (đệm bóng) | **10** | **2** | **8** |
|  | 3.1. Phương pháp tổ chức thi đấu bóng chuyền |  |  |  |
|  | 3.2. Kỹ thuật đệm bóng thấp tay bằng hai tay |  |  |  |
|  | 3.3. Kỹ thuật đệm bóng thấp tay bằng một tay |  |  |  |
|  | 3.4. Các biến dạng của kỹ thuật đệm bóng trong thi đấu bóng chuyền |  |  |  |
|  | **Cộng:** | **30** | **6** | **24** |

**5. Tài liệu học tập và tham khảo:**

***- Tài liệu học tập:***

[1]. *Giáo trình Giáo dục Thể chất trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh - 2020..*

***- Tài liệu tham khảo:***

[1]. Kỹ thuật bóng chuyền - Ủy ban TDTT

[2]. Luật Bóng chuyền - Nhà xuất bản TDTT Hà Nội – 2007

**6. Điều kiện thực hiện học phần:**

- Phòng học chuyên môn hóa / nhà xưởng: Nhà thi đấu đa năng.

- Trang thiết bị máy móc:

- Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Bóng, Lưới.

- Các điều kiện khác: Nhà thi đấu đa năng.

**7. Phương pháp giảng dạy và học tập:**

Giảngviên giới thiệu học phần, cung cấp đề cương bài giảng, tài liệu tham khảo, các địa chỉ website để tìm tư liệu liên quan đến môn học, phân từng nhóm SV về nhà chuẩn bị bài từng chương, làm báo cáo Seminar. Cuối mỗi chương giáo viên tóm tắt bài giảng.

**8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập học phần:**

Thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo của Trường ĐHSP Kỹ thuật Vinh.

***8.1. Điểm kiểm tra đánh giá - quá trình:*** Có trọng số chung là **30%**

- Điểm chuyên cần: 10**%***.*

- Điểm giữa kỳ: 20**%** (Kết thúc mỗi kỹ thuật đều có bài kiểm tra thực hành giữa kỳ)

***8.2. Điểm thi kết thúc học phần***

Điểm thi kết thúc học phầncó trọng số là 70**%.**

- Hình thức thi: Thực hành.

*Nghệ An, ngày .... tháng 4 năm 2020.*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NGƯỜI BIÊN SOẠN**  **Hoàng Công Minh** | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  **Nguyễn Văn Luyện** | **TRƯỞNG KHOA**  **Nguyễn Văn Luyện** |

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH

**KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT**

**Tên môn học, học phần: Nhập môn tin học**

**Mã môn học, học phần: 3TN001CD**

**Số tín chỉ: 2 (Số tiết: 40 tiết)**

**NGHỆ AN– 2020**

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XH  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC**  **SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT**

**1. Thông tin chung về học phần**:

- Tên học phần: Nhập môn tin học

- Mã học phần: 3TN001CD

- Số tín chỉ: 02 (Số tiết: 40 tiết), phân bổ thời gian:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| + | Lên lớp: | 20 tiết (20 giờ). |
| + | Thực hành: | 10 tiết (20 giờ). |
| + | Thí nghiệm: | 00 tiết (00 giờ) |
| + | Thảo luận: | 00 tiết (00 giờ) |
| + | Bài tập: | 00 tiết (00 giờ) |
| + | Tự học, tự nghiên cứu: | 60 giờ |

**-** Trình độ đào tạo: Đại học

- Bộ môn / Khoa phụ trách giảng dạy: Khoa Công nghệ thông tin

**2. Mục tiêu của học phần:**

***Kiến thức:***

* Kiến thức cơ bản về tin học như: thông tin, xử lý thông tin,....
* Kiến thức cơ bản về hệ điều hành Windows;
* Kiến thức cơ bản về mạng máy tính và Internet.
* Kiến thức về nguyên tác quản lý, nhập văn bản và sử dụng các bộ gõ.
* Định dạng được trang văn bản, bảng biểu, trộn tài liệu, tạo mục lục tự động trong Microsoft Word.
* Kiến thức về cấu trúc bảng, các kiểu dữ liệu và các phép toán với các kiểu dữ liệu của bảng tính Excel.
* Cú pháp, các hàm cơ bản trong Excel.
* Tạo được biểu đồ, sắp xếp, trích lọc dữ liệu trong Excel.

***Kỹ năng:***

* Khai thác các ứng dụng của hệ điều hành Windows, dịch vụ mạng Internet; cài đặt các phần mềm cần thiết và gỡ bỏ các phần mềm;
* Đảm bảo máy tính hoạt động an toàn, hiệu năng.
* Sử dụng thành thạo các công cụ soạn thảo, định dạng, tạo và hiệu chỉnh văn bản đạt tiêu chuẩn.
* Thành thạo các thao tác tạo bảng, lưu trữ, định dạng bảng.
* Sử dụng thành thạo các hàm cơ bản để thực hiện các bài tập trong Excel.

***Năng lực tự chủ và trách nhiệm:***

Vận dụng được những kiến thức đã học để tu dưỡng, rèn luyện trở thành người lao động có lương tâm nghề nghiệp, chủ động, sáng tạo,có ý thức trách nhiệm cao; có tác phong công nghiệp. Phải có tính cẩn thận và sáng tạo khi tạo văn bản và thiết lập bảng tính.

**3. Mô tả học phần:**

- Vai trò, vị trí của môn học: Học vào học kỳ 1 năm thứ nhất.

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Nội dung cần đạt được của học phần (mô tả tóm tắt): Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về tin học, hệ điều hành máy tính và kỹ năng sử dụng tin học văn phòng; Sử dụng Intenet, phòng chống và diệt Virus tin học; Sử dụng các chức năng thao tác cơ bản về: Hệ điều hành Windows, Microsoft Word,  Microsoft Excel.

**4. Nội dung học phần:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Thời gian**  **thực hiện** | | |
| **Tổng số** | **Lý thuyết** | **Thực hành**  **(TH, TN, BT, TL)** |
| 1 | **Chương I: Đại cương về tin học**  **Bài 1: Giới thiệu chung về tin học**  1.1. Thông tin và tin học  1.1.1. Khái niệm về thông tin  1.1.2. Khái niệm tin học  1.1.3. Khái niệm Công nghệ thông tin  1.2. Hệ thống đếm và biểu diễn thông tin trong máy tính  1.2.1. Các hệ đếm và cách biểu diễn số  1.2.2. Chuyển đổi giữa các hệ đếm  1.2.3. Đơn vị đo thông tin  1.2.4. Mã hoá và bảng mã  1.3. Cấu trúc tổng quan phần cứng máy tính  1.3.1. Cấu trúc cơ bản của máy vi tính  1.3.2. Thiết bị ngoại vi  1.4. Tổng quan về phần mềm, mạng máy tính và internet  1.4.1. Tổng quan về phần mềm  1.4.2. Mạng máy tính  1.4.3. Internet và các dịch vụ  1.5. Giải quyết bài toán bằng máy tính | **6**  1  1,5  1,5  1  1 | **6**  1  1,5  1,5  1  1 | **0** |
| 2 | **Bài 2: Hệ điều hành**  2.1. Khái niệm và phân loại hệ điều hành  2.1.1. Khái niệm hệ điều hành  2.1.2. Phân loại hệ điều hành  2.2. Hệ điều hành Windows  2.2.1. Khởi động/Tắt hệ điều hành  2.2.2. Thao tác trên màn hình Desktop  2.2.3. Thao tác trên Windows Explorer  2.2.4. Thác tác trên Control Panel  2.3. Soạn thảo tiếng Việt  2.3.1. Giới thiệu các phần mềm hỗ trợ gõ tiếng Việt.  2.3.2. Cách gõ các ký tự tiếng Việt  2.4. Phòng chống và diệt Virus tin học | **8**  1  5  2 | **4**  1  2  1 | **4**  3  1 |
| 3 | **Chương II: Tin học văn phòng Microsoft Office**  **Bài 3: Microsoft Word**  3.1. Soạn thảo cơ bản  3.1.1. Giới thiệu phần mềm soạn thảo Microsoft Word  3.1.2. Một số thao tác soạn thảo cơ bản  3.1.3. Các kỹ năng định dạng văn bản, đoạn văn bản  3.1.4. Thiết lập Bullets và Numbering  3.1.5. Tạo và quản lý các Style  3.1.6. Soạn thảo các công thức toán học, chèn ký tự đặc biệt  3.1.7. Tìm kiếm và thay thế văn bản  3.1.8. Thiết lập Tab  3.2. Bảng biểu và Đồ họa  3.2.1. Bảng biểu  3.2.2. Đồ họa  3.3. In ấn, Trộn tài liệu, tạo mục lục tự động  3.3.1. In ấn  3.3.2. Trộn tài liệu  3.3.3. Tạo mục lục tự động | **12**  6  4  2 | **4**  2  1  1 | **8**  4  3  1 |
| 4 | **Bài 4: Microsoft Excel**  4.1. Các thao tác với bảng tính  4.1.1. Giới thiệu phần mềm Microsoft Excel  4.1.2. Các thao tác cơ bản với bảng tính  4.2. Xử lý dữ liệu trong bảng tính  4.2.1. Các kiểu dữ liệu, các toán tử trong công thức  4.2.2. Xử lý ô, cột, hàng trong bảng tính  4.2.3. Định dạng dữ liệu, các thao tác với ô (đặt tên ô, ghi chú ô, bảo vệ ô)  4.3. Hàm trong Excel  4.3.1. Cách sử dụng địa chỉ tương đối, tuyệt đối.  4.3.2. Quy tắc sử dụng hàm, một số hàm thường dùng  4.4. Đồ thị  4.4.1. Giới thiệu các dạng biểu đồ  4.4.2. Các bước tạo biểu đồ và điều chỉnh  4.5. Quản trị dữ liệu  4.5.1. Khái niệm cơ bản  4.5.2. Sắp xếp dữ liệu và lọc dữ liệu | **14**  1  3  5  3  2 | **6**  1  1  3  1 | **8**  2  2  2  2 |
|  | **Cộng:** | **40** | **20** | **20** |

**THỰC HÀNH MÔN HỌC**

**\* Mục tiêu:**

- Hiểu biết về Hệ điều hành, Internet và tin học văn phòng

- Sử dụng thành thạo hệ điều hành Windows, Internet, phòng chống và diệt Virus tin học.

- Thao tác được các công cụ trong Microsoft Word và Microsoft Excel.

- Sử dụng thành thạo phần mềm soạn thảo văn bản Microsoft Word để tạo các tài liệu đạt tiêu chuẩn theo qui định.

- Sử dụng thành thạo phần mềm bảng tính Microsoft Excel để tạo lập, biểu diễn các kiểu dữ liệu: số, chuỗi ký tự, Thời gian, biểu đồ và lập được các bảng tính thông dụng.

*-* Có tính cẩn thận, chu đáo trong học tập

**\* Nội dung tổng quát:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên bài** | **Số tiết (giờ)** | | | |
| Tổng số | Lý thuyết | Thực hành  (TH, TN, BT, TL) | Thi, Kiểm tra |
| 1 | **Chương 2**  Bài 1: Thực hành Windows cơ bản  1. Các thao tác trên hệ điều hành, quản lý thư mục, tệp  2. Khai thác mạng internet và thư điện tử.  3. Gõ tiếng việt, font chữ  4. Phòng chốn và diệt Virus tin học | 4 | 0 | 3 | 1 |
| 2 | **Chương 3**  Bài 2: Thực hành Microsoft Word cơ bản  1. Một số thao tác soạn thảo  2. Định dạng văn bản.  Bài 3: Thực hành Microsoft Word nâng cao  1. Đồ họa trong Word  2. Định dạng trang in  3. Trộn văn bản  4. Đánh mục lục tự động | 4  4 | 0  0 | 3  3 | 1  1 |
| 3 | **Chương 4**  Bài 4: Thực hành Microsoft Excel cơ bản  1. Xử lý dữ liệu trong bảng tính  2. Xử lý dữ liệu trong bảng tính  Bài 5: Thực hành Microsoft Excel nâng cao  1. Đồ thị  2. Quản trị dữ liệu | 4  4 | 0  0 | 4  3 | 0  1 |
|  | **Cộng:** | **18** | **0** | **16** | **4** |

**\* Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:**

- Chuẩn bị ở nhà và dự lớp: SV phải chuẩn bị đầy đủ theo yêu cầu và tham gia 100% số tiết lên lớp nghe hướng dẫn*,* tính hệ số 1.

- Thực hành: SV phải tham gia 100% số bài và số giờ thực hành, tính hệ số 2, đánh giá theo 3 tiêu chí dưới đây:

+ Kiến thức lý thuyết liên quan đến thực hành.

+ Hiểu biết quy trình thực hành.

+ Thực hiện các bài thực hành theo yêu cầu của giáo viên.

- Đánh giá kết quả bài thực hành môn học: Điểm của bài thực hành là điểm trung bình của Điểm chuẩn bị ở nhà và dự lớp; Điểm thực hành.

- Điểm thực hành môn hành là điểm trung bình các bài thực hành được làm tròn đến một chữ số thập phân. Điểm có hệ số 1 khi tính điểm thành phần để đánh giá bộ phận*.*

Sinh viên được dự thi học phần nếu Điểm thực hành đạt từ 5 trở lên.

**\* Nội dung chi tiết:**

**Các bài thực hành chương 2**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài 1** | | **Thực hành Windows cơ bản** | | | **Số tiết (giờ)** | | | | | |
| Tổng số | Lý thuyết | | Thực hành  (TH, TN, BT, TL) | | Thi, Kiểm tra |
| 4 | 0 | | 3 | | 1 |
| **1. Mục tiêu thực hiện:**   * Sử dụng thành thạo hệ điều hành Windows. * Khai thác được Internet, thư điện tử. * Biết soạn thảo tiếng việt, cài đặt và chạy phần mềm font chữ * Biết phòng chống và diệt Virus tin học.   **2. Nội dung:**  1. Các thao tác trên hệ điều hành, quản lý thư mục, tệp  2. Khai thác mạng internet và thư điện tử.  3. Gõ tiếng việt, font chữ  4. Phòng chống và diệt Virus tin học  **3. Sản phẩm ứng dụng, vật tư, dụng cụ:** | | | | | | | | | | |
| **TT** | **Tên sản phẩm ứng dụng (BT ứng dụng), vật tư, dụng cụ** | | **Đơn vị tính** | **Số lượng** | | | **Quy cách,**  **chủng loại** | | **Ghi chú** | |
| 1 | Sản phẩm ứng dụng: Tạo được địa chỉ thư điện tử. | |  |  | | |  | |  | |
| 2 | Vật tư:  Đĩa CD hoặc USB lưu trữ:  Hệ điều hành windows;  Phần mềm font chữ;  Phần mềm diệt Virus | | Bộ | 01 | | | Phiên bản thông dụng tại thời điểm học tập | |  | |
| 3 | Dụng cụ:  Máy vi tính có kết nối Internet | | Bộ | 30 | | | Có cấu hình thông dụng | |  | |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài 2** | | **Thực hành Microsoft Word cơ bản** | | | **Số tiết (giờ)** | | | | | |
| Tổng số | Lý thuyết | | Thực hành  (TH, TN, BT, TL) | | Thi, Kiểm tra |
| 4 | 0 | | 3 | | 1 |
| **1. Mục tiêu thực hiện:**   * + Mô tả được trình soạn thảo văn bản;   + Trình bày được các thao tác căn bản trên một tài liệu ;   + Mô tả được chức năng của các thanh công cụ.   + Thực hiện các thao tác an toàn với máy tính.   + Sử dụng được các đối tượng và hiệu ứng để trình bày văn bản;   + Trình bày cách thức định dạng văn bản;   + Định dạng được một văn bản đúng yêu cầu.   + Thực hiện các thao tác an toàn với máy tính.   + Mô tả được các thao tác tạo và xử lý bảng biểu;   + Trình bày nội dung văn bản trên bảng biểu.   + Thực hiện các thao tác an toàn với máy tính.   **2. Nội dung:**  1. Giới thiệu về Microsoft Word  2. Các thao tác căn bản trên một tài liệu  3. Soạn thảo văn bản  4. Định dạng văn bản  5. Chèn các đối tượng vào văn bản  6. Các hiệu ứng đặc biệt  7. Chèn bảng biểu vào văn bảng  8. Các thao tác trên bảng biểu  9. Thay đổi cấu trúc bảng biểu  **3. Sản phẩm ứng dụng, vật tư, dụng cụ:** | | | | | | | | | | |
| **TT** | **Tên sản phẩm ứng dụng (BT ứng dụng), vật tư, dụng cụ** | | **Đơn vị tính** | **Số lượng** | | | **Quy cách,**  **chủng loại** | | **Ghi chú** | |
| 1 | Sản phẩm ứng dụng: Tạo trang văn bản theo yêu cầu của bài tập thực hành | |  |  | | |  | |  | |
| 2 | Vật tư:  Đĩa CD hoặc USB lưu trữ phần mềm Microsoft Office | | Bộ | 01 | | | Phiên bản thông dụng tại thời điểm học tập | |  | |
| 3 | Dụng cụ:  Máy vi tính có kết nối Internet | | Bộ | 30 | | | Có cấu hình thông dụng | |  | |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài 3** | | **Thực hành Microsoft Word nâng cao** | | | **Số tiết (giờ)** | | | | | |
| Tổng số | | Lý thuyết | Thực hành  (TH, TN, BT, TL) | | Thi, Kiểm tra |
| 4 | | 0 | 3 | | 1 |
| **1. Mục tiêu thực hiện:**  - Thực hiện được với đồ họa trong văn bản.  - Thực hiện được thao tác tạo mật khẩu cho văn bản;  - Chọn lựa chế độ và hiệu chỉnh trước khi in ấn;  - Thực hiện được các thao tác trộn văn bản.  - Thực hiện các thao tác an toàn với máy tính.  - Trộn được văn bản  - Đánh được mục lục tự động  **2. Nội dung:**  1. Đồ họa  2. In ấn  3. Trộn văn bản  **3. Sản phẩm ứng dụng, vật tư, dụng cụ:** | | | | | | | | | | |
| **TT** | **Tên sản phẩm ứng dụng (BT ứng dụng), vật tư, dụng cụ** | | **Đơn vị tính** | **Số lượng** | | **Quy cách,**  **chủng loại** | | | **Ghi chú** | |
| 1 | Sản phẩm ứng dụng: Tạo được thiếp mời theo yêu cầu của bài tập thực hành. | |  |  | |  | | |  | |
| 2 | Vật tư:  Đĩa CD hoặc USB lưu trữ phần mềm Microsoft Office | | Bộ | 01 | | Phiên bản thông dụng tại thời điểm học tập | | |  | |
| 3 | Dụng cụ:  Máy vi tính có kết nối Internet | | Bộ | 30 | | Có cấu hình thông dụng | | |  | |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài 4** | | **Thực hành Microsoft Excel cơ bản** | | | **Số tiết (giờ)** | | | | | |
| Tổng số | Lý thuyết | | Thực hành  (TH, TN, BT, TL) | | Thi, Kiểm tra |
| 4 | 0 | | 4 | | 0 |
| **1. Mục tiêu thực hiện:**  - Trình bày được khái niệm về bảng tính;  - Mô tả được cách thức tổ chức làm việc trên bảng tính.  - Thực hiện các thao tác an toàn với máy tính.  - Mô tả được khái niệm về các hàm trong Excel;  - Trình bày được cú pháp của từng hàm;  - Thực hiện được lồng ghép các hàm với nhau.  - Thực hiện các thao tác an toàn với máy tính.  **2. Nội dung:**  1. Giới thiệu  2. Làm việc với bảng tính  3. Các khái niệm  4. Hàm xử lý dữ liệu dạng số  5. Hàm xử lý dữ liệu dạng chuỗi  6. Hàm xử lý dữ liệu dạng ngày tháng  7. Hàm thống kê và thống kê có điều kiện  8. Hàm logic  9. Hàm về tìm kiếm và thông số  **3. Sản phẩm ứng dụng, vật tư, dụng cụ:** | | | | | | | | | | |
| **TT** | **Tên sản phẩm ứng dụng (BT ứng dụng), vật tư, dụng cụ** | | **Đơn vị tính** | **Số lượng** | | | **Quy cách,**  **chủng loại** | | **Ghi chú** | |
| 1 | Sản phẩm ứng dụng: Tạo được bảng tính theo yêu cầu của bài tập thực hành | |  |  | | |  | |  | |
| 2 | Vật tư:  Đĩa CD hoặc USB lưu trữ phần mềm Microsoft Office | | Bộ | 01 | | | Phiên bản thông dụng tại thời điểm học tập | |  | |
| 3 | Dụng cụ:  Máy vi tính có kết nối Internet | | Bộ | 30 | | | Có cấu hình thông dụng | |  | |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài 5** | | **Thực hành Microsoft Excel nâng cao** | | | **Số tiết (giờ)** | | | | |
| Tổng số | | Lý thuyết | Thực hành  (TH, TN, BT, TL) | Thi, Kiểm tra |
| 4 | | 0 | 3 | 1 |
| **1. Mục tiêu thực hiện:**  - Thực hiện được đồ thị dựa trên số liệu đã tính toán trong bảng tính;  - Chọn lựa các chế độ và hiệu chỉnh trước khi in ấn.  - Thực hiện các thao tác an toàn với máy tính.  **2. Nội dung:**  1. Đồ thị  2. In ấn  **3. Sản phẩm ứng dụng, vật tư, dụng cụ:** | | | | | | | | | |
| **TT** | **Tên sản phẩm ứng dụng (BT ứng dụng), vật tư, dụng cụ** | | **Đơn vị tính** | **Số lượng** | | **Quy cách,**  **chủng loại** | | | **Ghi chú** |
| 1 | Sản phẩm ứng dụng: Tạo được bảng tính theo yêu cầu của bài tập thực hành | |  |  | |  | | |  |
| 2 | Vật tư:  Đĩa CD hoặc USB lưu trữ phần mềm Microsoft Office | | Bộ | 01 | | Phiên bản thông dụng tại thời điểm học tập | | |  |
| 3 | Dụng cụ:  Máy vi tính có kết nối Internet | | Bộ | 30 | | Có cấu hình thông dụng | | |  |

**5. Tài liệu học tập và tham khảo**

***- Tài liệu học tập***:

Đề cương bài giảng, *Nhập môn tin học*, Khoa Công nghệ thông tin Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh

- ***Tài liệu tham khảo:***

[1]. Nhóm biên dịch tri thức thời đại, *Tin học văn phòng*, Năm 2005.

[2]. Đường link chính thức của Microsoft Việt nam:

http://www.microsoft.com/vietnam/products/office/training/

**6. Điều kiện thực hiện học phần:**

- Phòng học chuyên môn hóa / nhà xưởng:

+ Phòng học lý thuyết và phòng thực hành đủ điều kiện để thực hiện môn học.

+ Phòng thực hành có đầy đủ máy tính cho sinh viên thực hành, có kết nối Internet tốc độ cao.

- Trang thiết bị máy móc:

+ Phấn, bảng đen.

+ Máy chiếu Projector.

+ Các hình vẽ, ví dụ minh họa.

+ Đĩa phần mềm Microsoft Office, Font chữ Unikey, Phần mềm diệt Virus.

- Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

+ Các slide bài giảng.

+ Tài liệu hướng dẫn để thực hiện môn học Tin học đại cương.

+ Giáo trình môn học tin học đại cương.

- Các điều kiện khác: Không

**7. Phương pháp giảng dạy và học tập:**

- Giảngviên giới thiệu học phần, cung cấp đề cương bài giảng, tài liệu tham khảo, các địa chỉ website để tìm tư liệu liên quan đến môn học, phân từng nhóm SV về nhà chuẩn bị bài từng chương, làm báo cáo Seminar. Cuối mỗi chương giáo viên tóm tắt bài giảng.

- Được đánh giá qua bài viết, kiểm tra vấn đáp hoặc trắc nghiệm, tự luận: nắm được cơ bản về máy tính, Nắm được các lệnh tạo, mở file, định dạng văn bản, nắm rõ các cú pháp của các hàm trong Excel.

- Đánh giá kỹ năng thực hành: đánh giá kỹ năng thực hành của sinh viên thông qua khả năng sử dụng máy tính và truy cập Internet, khả năng tìm kiếm tài liệu, khả năng soạn thảo văn bản, lập các bảng tính và khả năng sử dụng các hàm Excel thành thạo.

**8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập học phần:**

Thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo của Trường ĐHSP Kỹ thuật Vinh.

***8.1. Điểm kiểm tra đánh giá - quá trình:*** Có trọng số chung là **30%**

- Điểm chuyên cần: 10 **%***.*

- Điểm giữa kỳ: 20 **%** (thực hiện bài kiểm tra trắc nghiệm giữa kỳ do giáo viên giảng dạy chuẩn bị, bài kiểm tra 60 phút với 40 câu trắc nghiệm).

***8.2. Điểm thi kết thúc học phần***

Điểm thi kết thúc học phầncó trọng số là 70**%.**

- Hình thức thi: Trắc nghiệm.

*Nghệ An, ngày....... tháng....... năm.........*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NGƯỜI BIÊN SOẠN**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* | **TRƯỞNG KHOA**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* |

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH

**KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT**

**Tên học phần: Pháp luật đại cương**

**Mã học phần: 2ML004DC**

**Số tín chỉ: 02 (Số tiết: 30)**

**NGHỆ AN - 2020**

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XH  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC**  **SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT**

**1. Thông tin chung về học phần**:

- Tên học phần: Pháp luật đại cương

- Mã học phần: 2ML004DC

- Số tín chỉ: 2 (Số tiết: 30), Phân bổ thời gian:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | Lên lớp: | 21 tiết (21 giờ). |
|  | Thực hành: | 00 tiết (00 giờ). |
|  | Thí nghiệm: | 00 tiết (00 giờ) |
|  | Thảo luận, kiểm tra: | 09 tiết (09 giờ) |
|  | Bài tập: | 00 tiết (00 giờ) |
|  | Tự học, tự nghiên cứu: | 60 giờ |

**-** Trình độ đào tạo: Đại học

- Khoa phụ trách giảng dạy: Khoa Lý luận chính trị

**2. Mục tiêu của học phần:**

- Kiến thức***:*** trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về: Những vấn đề cơ bản về Nhà nước và pháp luật; Các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam: Luật Hiến pháp; Luật Hành chính; Luật Lao động; Luật Dân sự và Luật Tố tụng dân sự; Luật Kinh tế; Luật Đất đai; Luật Hôn nhân và gia đình; Luật Hình sự và Luật Tố tụng Hình sự; Luật Phòng, chống tham nhũng.

- Kỹ năng: Có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào nghiên cứu các môn khoa học pháp lý, các môn học có liên quan đến pháp luật cũng như vận dụng vào đời sống, tương lai sau này; Hình thành và phát triển các kỹ năng cộng tác, làm việc nhóm; Phát triển kĩ năng lập luận, thuyết trình.

- Thái độ: Xây dựng ý thức sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật của mỗi cá nhân. Trên cơ sở đó giúp cho mỗi cá nhân hình thành ý thức và thói quen xử sự phù hợp quy định của pháp luật; Tăng cường bản lĩnh chính trị, tính chủ động, tích cực, tự tin cho sinh viên.

**3. Mô tả học phần:**

- Vai trò, vị trí của môn học:Pháp luật đại cương là một môn học bắt buộc đối với sinh viên hệ đại học.

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Nội dung cần đạt được của học phần (mô tả tóm tắt): Môn học này Cung cấp cho sinh viên các kiến thức về những vấn đề cơ bản của nhà nước và pháp luật nói chung, các ngành luật cụ thể của hệ thống pháp luật Việt Nam nói riêng. Thể hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong việc tăng cường giáo dục pháp luật ở mỗi cá nhân, công dân.

Pháp luật đại cương là một môn học xã hội, đề cập đến những vấn đề cơ bản về Nhà nước và pháp luật, liên quan đến nhiều ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Do đó, đòi hỏi người học có sự tích cực chuẩn bị bài, nắm chắc kiến thức, biết liên hệ với thực tiễn cuộc sống sinh động.

**4. Nội dung học phần:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên chương, mục** | **Thời gian (tiết)** | | | |
| **Tổng số** | **Lý thuyết** | **Thực hành**  **(TH, TN, BT, TL)** | **Thi, Kiểm tra** |
| 1 | CHƯƠNG I: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT  1.1. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ NHÀ NƯỚC  1.1.1. Nguồn gốc của nhà nước  1.1.2. Bản chất của nhà nước  1.1.3. Kiểu nhà nước, hình thức nhà nước  1.1.4. Chức năng của nhà nước  1.2. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ PHÁP LUẬT  1.2.1. Nguồn gốc của pháp luật  1.2.2. Bản chất của pháp luật  1.2.3. Các thuộc tính của pháp luật  1.2.4. Kiểu pháp luật  1.2.5. Vai trò của pháp luật | **3** | **2** | 1 |  |
| **2** | Chương 2: QUY PHẠM PHÁP LUẬT, VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT  2.1. QUY PHẠM PHÁP LUẬT  2.1.1. Khái niệm quy phạm pháp luật  2.1.2. Cấu trúc của quy phạm pháp luật  2.2. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT  2.2.1. Khái niệm văn bản quy phạm pháp luật  2.2.2. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật  2.2.3. Hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật | **2** | **1** |  |  |
| **3** | Chương 3: QUAN HỆ PHÁP LUẬT  3.1. KHÁI NIỆM QUAN HỆ PHÁP LUẬT  3.1.1. Khái niệm quan hệ pháp luật  3.1.2. Đặc điểm quan hệ pháp luật  3.2. THÀNH PHẦN CỦA QUAN HỆ PHÁP LUẬT  3.2.1. Chủ thể quan hệ pháp luật  3.2.2. Nội dung quan hệ pháp luật  3.2.3. Khách thể quan hệ pháp luật  3.2.4. Sự kiện pháp lý | **1** | **1** |  |  |
| **4** | Chương 4: VI PHẠM PHÁP LUẬT, TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ  4.1. VI PHẠM PHÁP LUẬT  4.1.1. Khái niệm vi phạm pháp luật  4.1.2. Cấu thành vi phạm pháp luật  4.1.3. Các loại vi phạm pháp luật  4.2. TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ  4.2.1. Khái niệm và đặc điểm của trách nhiệm pháp lý  4.2.2. Các loại trách nhiệm vi phạm pháp lý  4.3. PHÁP CHẾ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA  4.3.1. Khái niệm pháp chế xã hội chủ nghĩa  4.3.2. Những yêu cầu cơ bản của pháp chế xã hội chủ nghĩa  4.3.3. Tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa | **2** | **2** |  |  |
| **5** | Chương 5: LUẬT HIẾN PHÁP  5.1. KHÁI NIỆM LUẬT HIẾN PHÁP  5.1.1. Khái niệm Luật hiến pháp  5.1.2. Đối tượng điều chỉnh của Luật hiến pháp  5.1.3. Phương pháp điều chỉnh của Luật hiến pháp  5.2. MỘT SỐ CHẾ ĐỊNH CỦA LUẬT HIẾN PHÁP  5.2.1. Chế độ chính trị  5.2.2. Chế độ kinh tế  5.2.3. Chính sách văn hoá, giáo dục, khoa học và công nghệ, môi trường  5.2.4. Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân  5.2.5. Bộ máy Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam | **2** | **2** |  |  |
| **6** | Chương 6: LUẬT HÀNH CHÍNH  6.1. KHÁI NIỆM LUẬT HÀNH CHÍNH  6.1.1. Khái niệm Luật hành chính  6.1.2. Đối tượng điều chỉnh của Luật hành chính  6.1.3. Phương pháp điều chỉnh của Luật hành chính  6.2. VI PHẠM HÀNH CHÍNH VÀ XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH  6.2.1. Vi phạm hành chính  6.2.2. Xử lý vi phạm hành chính  6.3. CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC  6.3.1. Khái niệm cán bộ, công chức, viên chức  6.3.2. Nghĩa vụ, quyền của cán bộ, công chức, viên chức | **1** | **1** |  |  |
| **7** | Chương 7: LUẬT LAO ĐỘNG  7.1. KHÁI NIỆM LUẬT LAO ĐỘNG  7.1.1. Khái niệm Luật lao động  7.1.2. Đối tượng điều chỉnh của Luật lao động  7.1.3. Phương pháp điều chỉnh của Luật lao động  7.2. CÁC CHẾ ĐỊNH CƠ BẢN CỦA LUẬT LAO ĐỘNG  7.2.1. Việc làm và học nghề  7.2.2. Hợp đồng lao động  7.2.3. Thoả ước lao động  7.2.4. Tiền lương  7.2.5. Thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi  7.2.6. Kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất  7.2.7. Bảo hiểm xã hội  7.2.8. Giải quyết tranh chấp lao động | **3** | **2** | **1** |  |
| **8** | Chương 8: LUẬT DÂN SỰ VÀ LUẬT TỐ TỤNG DÂN SỰ  8.1. KHÁI NIỆM LUẬT DÂN SỰ  8.1.1. Khái niệm Luật dân sự  8.1.2. Đối tượng điều chỉnh của Luật dân sự  8.1.3. Phương pháp điều chỉnh của Luật dân sự  8.2. CÁC CHẾ ĐỊNH CƠ BẢN CỦA LUẬT DÂN SỰ  8.2.1. Quyền sở hữu  8.2.2. Quyền thừa kế  8.2.3. Hợp đồng dân sự  8.3. LUẬT TỐ TỤNG DÂN SỰ  8.3.1. Khái niệm Luật tố tụng dân sự  8.3.2. Thủ tục giải quyết vụ án dân sự | **3** | **2** | **1** |  |
| **9** | Chương 9: LUẬT KINH TẾ  9.1. KHÁI NIỆM LUẬT KINH TẾ  9.1.1. Khái niệm Luật kinh tế  9.1.2. Đối tượng điều chỉnh của Luật kinh tế  9.1.3. Phương pháp điều chỉnh của Luật kinh tế  9.2. PHÁP LUẬT VỀ CÁC LOẠI HÌNH DOANH NGHIỆP  9.2.1. Khái niệm doanh nghiệp  9.2.2. Các loại hình doanh nghiệp  9.2.3. Quyền và nghĩa vụ cơ bản của doanh nghiệp  9.3. PHÁP LUẬT VỀ PHÁ SẢN DOANH NGHIỆP  9.3.1. Khái niệm phá sản doanh nghiệp  9.3.2. Nội dung cơ bản Luật phá sản doanh nghiệp | **3** | **2** | **1** |  |
| **10** | Chương 10: LUẬT ĐẤT ĐAI  10.1. KHÁI NIỆM LUẬT ĐẤT ĐAI  10.1.1. Khái niệm Luật đất đai  10.1.2. Đối tượng điều chỉnh của Luật đất đai  10.1.3. Phương pháp điều chỉnh của Luật đất đai  10.2. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT ĐẤT ĐAI  10.2.1. Quản lý nhà nước đối với đất đai  10.2.2. Chế độ sử dụng đất đai  10.2.3. Giải quyết tranh chấp đất đai | **1** | **1** |  |  |
| **11** | Chương 11: LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH  11.1. KHÁI NIỆM LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH  11.1.1. Khái niệm Luật hôn nhân và gia đình  11.1.2. Đối tượng điều chỉnh của Luật hôn nhân và gia đình  11.1.3. Phương pháp điều chỉnh của Luật hôn nhân và gia đình  11.2. CÁC CHẾ ĐỊNH CƠ BẢN CỦA LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH  11.2.1. Kết hôn  11.2.2. Quan hệ pháp luật giữa vợ và chồng  11.2.3. Quan hệ pháp luật giữa cha mẹ và con  11.2.4. Chấm dứt hôn nhân | 2 | **1** | **1** |  |
| **12** | Chương 12: LUẬT HÌNH SỰ VÀ LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ  12.1. KHÁI NIỆM LUẬT HÌNH SỰ  12.1.1. Khái niệm Luật Luật hình sự  12.1.2. Đối tượng điều chỉnh của Luật hình sự  12.1.3. Phương pháp điều chỉnh của Luật hình sự  12.2. KHÁI NIỆM VÀ NHỮNG DẤU HIỆU ĐẶC TRƯNG CỦA TỘI PHẠM  12.2.1. Khái niệm tội phạm  12.2.2. Các dấu hiệu đặc trưng của tội phạm  12.3. HÌNH PHẠT VÀ CÁC BIỆN PHÁP TƯ PHÁP  12.3.1. Khái niệm hình phạt  12.3.2. Các loại hình phạt  12.3.3. Các biện pháp tư pháp  12.4. LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ  12.4.1. Khái niệm Luật tố tụng hình sự  12.4.2. Các giai đoạn tố tụng hình sự | **3** | **2** | **1** |  |
| **13** | Chương 13: LUẬT PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG  13.1. KHÁI NIỆM THAM NHŨNG  13.2. NGUYÊN NHÂN, HẬU QUẢ CỦA THAM NHŨNG  13.2.1. Nguyên nhân của tham nhũng  13.2.2. Hậu quả của tham nhũng  13.3. Ý NGHĨA, TẦM QUAN TRỌNG CỦA CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG  13.4. TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG DÂN TRONG PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG | **4** | **2** | **1** | **1** |
|  | **Cộng:** | **30** | **21** | **8** | **1** |

**5. Tài liệu học tập và tham khảo:**

***- Tài liệu học tập:***

[1] Th.S Lê Minh Toàn (chủ biên), *Giáo trình pháp luật đại cương (dành cho các trường đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp)*, Nxb Chính trị Quốc gia, 2006.

[2] Tập thể tác giả, Tập bài giảng Luật Phòng chống tham nhũng (lưu hành nội bộ Trường ĐHSPKT Vinh), 2013.

- Tài liệu tham khảo:

[1] Đại học luật Hà Nội, Giáo trình lý luận nhà nước và pháp luật, Nxb Tư pháp, Hà Nội, (2006).

[2] Đại học Quốc gia Hà Nội- Khoa Luật, *Giáo trình lý luận nhà nước và pháp luật*, Nxb Tư pháp, Hà Nội, (2006).

[3] Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

**6. Điều kiện thực hiện học phần:**

1. Phòng học lý thuyết, Phòng học chuyên môn hóa

2. Trang thiết bị máy móc: Máy chiếu

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

4. Các điều kiện khác:

**7. Phương pháp giảng dạy và học tập:**

Giảngviên giới thiệu học phần, cung cấp đề cương bài giảng, tài liệu tham khảo, các địa chỉ website để tìm tư liệu liên quan đến môn học, phân từng nhóm sinh viên về nhà chuẩn bị bài từng chương, làm báo cáo Xeminar. Cuối mỗi chương giáo viên tóm tắt bài giảng.

**8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập học phần:**

Thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo của Trường ĐHSP Kỹ thuật Vinh.

***8.1. Điểm kiểm tra đánh giá - quá trình:*** Có trọng số chung là 30%

+ Điểm chuyên cần: 10%

+ Điểm tự học: 10%

+ Điểm kiểm tra giữa kỳ: 5%

+ Điểm thảo luận: 5%

***8.2. Điểm thi kết thúc học phần***

***-*** Điểm thi kết thúc học phầncó trọng số là 70**%.**

- Hình thức thi: Trắc nghiệm

*Nghệ An, ngày....... tháng....... năm 2020*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NGƯỜI BIÊN SOẠN**  **Đinh Thị Nga Phượng** |  | **TRƯỞNG KHOA**  **Nguyễn Công An** |

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH

**KHOA GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT**

**Tên học phần: Toán Cao cấp 1**

**Mã học phần:** **3DC004DC**

**Số tín chỉ: 02 (Số tiết: 30)**

**NGHỆ AN – 2020**

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XH  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC**  **SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT**

**1. Thông tin chung về học phần**:

- Tên học phần Toán cao cấp 1

- Mã học phần:3DC004DC.

- Số tín chỉ: 02 (Số tiết: 30), phân bổ thời gian:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| + | Lên lớp: | 30 tiết (00 giờ). |
| + | Thực hành: | 00 tiết (00 giờ). |
| + | Thí nghiệm: | 00 tiết (00 giờ) |
| + | Thảo luận: | 00 tiết (00 giờ) |
| + | Bài tập: | 00 tiết (00 giờ) |
| + | Tự học, tự nghiên cứu: | 60 giờ |

**-** Trình độ đào tạo: Đại học

- Bộ môn / Khoa phụ trách giảng dạy: Bộ môn KHCB, Khoa Giáo dục Đại cương.

**2. Mục tiêu của học phần:**

**-** Kiến thức: Nội dung học phần nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý thuyết chuỗi, phép tính vi phân hàm nhiều biến, các dạng phương trình vi phân đơn giản và các kiến thức về ma trận, định thức, hệ phương trình đại số tuyến tính. Các nội dung cơ bản này sẽ là các kiến thức, là công cụ để học tập và nghiên cứu các môn học chuyên ngành cũng như các hoạt động trong thực tiễn.

- Kỹ năng:

+ Sinh viên có thể vận dụng được thành thạo các kiến thức về lý thuyết chuỗi; phép tính vi phân hàm nhiều biến; giải các phương trình vi phân đơn giản; ma trận, định thức và hệ phương trình đại số tuyến tính và giải quyết được các bài toán liên quan.

+ Sinh viên biết vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề đặt ra trong quá trình học chuyên ngành và trong hoạt động thực tiễn.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Sinh viên có khả năng tự học, làm việc nhóm.

+ Biết vận dụng kiến thức đã học vào đời sống, học các môn học chuyên ngành.

+ Đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện các thành viên trong nhóm.

+ Tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ;

**3. Mô tả học phần:**

- Vai trò, vị trí của môn học: Học phần toán cao cấp 1 thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương (bắt buộc) được giảng dạy cho sinh viên năm thứ nhất hệ đại học. Học phần sẽ trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của Toán cao cấp nhằm làm công cụ để học tập, nghiên cứu các môn học liên quan và chuyên nghành.

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Nội dung cần đạt được của học phần: Sau khi học xong học phần sinh viên hiểu và giải được các dạng toán liên quan đến phép tính vi phân hàm nhiều biến, lý thuyết chuỗi, phương trình vi phân cơ bản, ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính. Sinh viên có thể dùng các kiến thức toán học để ứng dụng vào thực tiễn và các môn học thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, chuyên ngành.

**4. Nội dung học phần:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Thời gian**  **thực hiện** | | |
| **Tổng số** | **Lý thuyết** | **Thực hành**  **(TH, TN, BT, TL)** |
| **1** | **Chương 1: Lý thuyết chuỗi** | **7** | **4** | **3** |
|  | Bài 1: Chuỗi số | 1 | 1 | 0 |
| * 1. Định nghĩa |  |  |  |
|  | * 1. Tính chất |  |  |  |
|  | Bài 2: Chuỗi số dương | 2 | 1 | 1 |
| 2.1. Định nghĩa |  |  |  |
| 2.2. Điều kiện hội tụ |  |  |  |
|  | Bài 3: Chuỗi với số hạng có dấu bất kỳ | 2 | 1 | 1 |
| 3.1. Định nghĩa |  |  |  |
| 3.2. Chuỗi đan dấu |  |  |  |
|  | Bài 4: Chuỗi lũy thừa | 2 | 1 | 1 |
| 4.1. Định nghĩa và tính chất chuỗi lũy thừa |  |  |  |
| 4.2. Miền hội tụ chuỗi lũy thừa |  |  |  |
| **2** | **Chương 2: Phép tính vi phân hàm nhiều biến** | **5** | **3** | **2** |
|  | Bài 1: Các khái niệm | 1 | 1 | 0 |
| 1.1. Định nghĩa hàm hai biến, ba biến, ... |  |  |  |
| 1.2. Tính liên tục, giới hạn hàm hai biến |  |  |  |
|  | Bài 2: Đạo hàm và vi phân | 2 | 1 | 1 |
| 2.1. Đạo hàm riêng. |  |  |  |
| 2.2. Vi phân toàn phần. |  |  |  |
| 2.3. Đạo hàm và vi phân cấp cao. |  |  |  |
|  | Bài 3: Cực trị | 2 | 1 | 1 |
| 3.1. Cực trị tự do |  |  |  |
| 3.2. Giá trị lớn nhất, giá trị nhỏ nhất của hàm số trên miền đóng và bị chặn |  |  |  |
| **3** | **Chương 3: Phương trình vi phân** | **9** | **7** | **2** |
|  | Bài 1. Tổng quan về phương trình vi phân | 1 | 1 | 0 |
| 1.1. Định nghĩa phương trình vi phân cấp 1, nghiệm tổng quát, nghiệm riêng, nghiệm kỳ dị, tích phân tổng quát. |  |  |  |
| 1.2. Định lý tồn tại và duy nhất nghiệm. Bài toán Cauchy. |  |  |  |
|  | Bài 2: Phương trình vi phân cấp 1 | 4 | 3 | 1 |
| 2.1. Phương trình biến số phân ly. |  |  |  |
| 2.2. Phương trình tuyến tính. |  |  |  |
| 2.3. Phương trình vi phân toàn phần |  |  |  |
|  | Bài 3: Phương trình vi phân cấp 2 | 4 | 3 | 1 |
|  | 3.1. Định nghĩa phương trình vi phân cấp 2, nghiệm tổng quát, nghiệm riêng. |  |  |  |
|  | 3.2. Phương trình vi phân cấp hai tuyến tính thuần nhất, không thuần nhất. |  |  |  |
|  | 3.3. Phương trình vi phân cấp hai tuyến tính với hệ số là hằng số. |  |  |  |
| **4** | **Chương 4: Ma trận- Định thức- Hệ phương trình tuyến tính** | **8** | **5** | **3** |
|  | Bài 1: Ma trận. | 2 | 1 | 1 |
| 1.1. Định nghĩa, các dạng ma trận đặc biệt. |  |  |  |
| 1.2. Các phép toán ma trận. |  |  |  |
|  | Bài 2: Định thức | 2 | 1 | 1 |
| 2.1. Định nghĩa |  |  |  |
| 2.2. Các tính chất |  |  |  |
| 2.3. Công thức khai triển định thức |  |  |  |
|  | Bài 3: Hạng ma trận | 1 | 1 | 0 |
| 3.1. Định nghĩa |  |  |  |
| 3.2. Cách tính hạng ma trận |  |  |  |
|  | Bài 4: Ma trận nghịch đảo | 1 | 1 | 0 |
| 4.1. Định nghĩa |  |  |  |
| 4.2. Cách tìm ma trận nghich đảo |  |  |  |
|  | Bài 5: Hệ phương trình tuyến tính | 2 | 1 | 1 |
| 5.1. Khái niệm chung về hệ phương trình tuyến tính. |  |  |  |
| 5.2. Phương pháp Cramer. |  |  |  |
| 5.3. Phương pháp Gauss |  |  |  |
| **\* Kiểm tra 1 tiết**. | **1** | **0** | **0** |
|  | **Cộng:** | **30** | **19** | **11** |

**5. Tài liệu học tập và tham khảo:**

***- Tài liệu học tập****:*

[1]. Lê Hồng Sơn (chủ biên), Đề cương bài giảng Toán cao cấp 1, Tài liệu lưu hành nội bộ Trường ĐHSPKT Vinh, 2018.

***- Tài liệu tham khảo:***

[1].Nguyễn Đình Trí, Toán cao cấp tập 1, NXB Giáo dục, Hà Nội 2011.

[2]. Nguyễn Đình Trí, Toán cao cấp tập 2, NXB Giáo dục, Hà Nội 2011.

[3]. Nguyễn Đình Trí, Toán cao cấp tập 3, NXB Giáo dục, Hà Nội 2011.

**6. Điều kiện thực hiện học phần:**

- Phòng học chuyên môn hóa / nhà xưởng: Phòng học lý thuyết.

- Trang thiết bị máy móc:

- Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Phấn, bảng, giáo trình, tài liệu tham khảo và các học liệu khác.

**7. Phương pháp giảng dạy và học tập:**

Giảngviên giới thiệu học phần, cung cấp đề cương bài giảng, tài liệu tham khảo, các địa chỉ website để tìm tư liệu liên quan đến môn học, phân từng nhóm SV về nhà chuẩn bị bài từng chương, làm báo cáo Seminar. Cuối mỗi chương giáo viên tóm tắt bài giảng.

**8. Phương pháp đánh giá học phần:**

Thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo của Trường ĐHSP Kỹ thuật Vinh.

***8.1. Điểm kiểm tra đánh giá - quá trình: Có trọng số 30%.***

- Điểm chuyên cần: 10%.

- Điểm giữa kỳ: 20%. ( kiểm tra tại lớp, làm bài tập ở nhà).

***8.2. Điểm thi kết thúc học phần***

- Điểm thi kết thúc học phần có trọng số 70%.

- Hình thức thi: Tự luận.

*Nghệ An, ngày 19 tháng 3 năm 2020.*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NGƯỜI BIÊN SOẠN** | **TRƯỞNG BỘ MÔN** | **TRƯỞNG KHOA** |

***Trần Hải Yến Lê Hồng Sơn Lê Hồng Sơn***

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH

**KHOA GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT**

**Tên học phần:Xác suất thống kê**

**Mã học phần: 2DC007DC**

**Số tín chỉ: 2 (Số tiết: 30)**

**NGHỆ AN – 2020**

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XH  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC**  **SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT**

**1. Thông tin chung về học phần**:

- Tên học phần: Xác suất thống kê ( Kỹ thuật; Tin học).

- Mã học phần: 2DC007DC

- Số tín chỉ: 2 (Số tiết: 30 ), phân bổ thời gian:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| + | Lên lớp: | 30 tiết (00 giờ). |
| + | Thực hành: | 00 tiết (00 giờ). |
| + | Thí nghiệm: | 00 tiết (00 giờ) |
| + | Thảo luận: | 00 tiết (00 giờ) |
| + | Bài tập: | 00 tiết (00 giờ) |
| + | Tự học, tự nghiên cứu: | 60 giờ |

**-** Trình độ đào tạo: Đại học.

- Bộ môn / Khoa phụ trách giảng dạy: Khoa học cơ bản / Khoa GDĐC.

**2. Mục tiêu của học phần:**

**-** Kiến thức: Nội dung học phần nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý thuyết xác suất và thống kê toán học, làm công cụ để học tập, nghiên cứu các môn học chuyên ngành, đồng thời ứng dụng vào việc phân tích và xử lý số liệu thực nghiệm.

- Kỹ năng: - Sinh viên có kỹ năng ứng dụng các kiến thức cơ bản về lý thuyết xác suất (Giải tích tổ hợp, phép thử và biến cố; công thức xác suất đầy đủ; công thức Bayes; khái niệm và các đặc trưng của đại lượng ngẫu nhiên, véctơ ngẫu nhiên, …) để giải quyết được các bài toán xác suất cơ bản;

- Sinh viên có kỹ năng giải quyết các bài toán về phép lấy mẫu và tính toán được các đặc trưng mẫu; các bài toán về ước lượng khoảng, kiểm định giả thuyết thống kê.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Rèn luyện và bồi dưỡng năng lực tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm học tập ở sinh viên.

**3. Mô tả học phần:**

- Vai trò, vị trí của môn học: Học phần Xác suất thống kê thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương được giảng dạy cho sinh viên năm thứ hai hệ đại học. Học phần sẽ trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của Lý thuyết xác suất và thống kê toán học nhằm đảm bảo cơ sở toán để học tập, nghiên cứu các môn học liên quan và chuyên ngành

- Điều kiện tiên quyết: Toán cao cấp 1

- Nội dung cần đạt được của học phần (mô tả tóm tắt): Sau khi học xong học phần sinh viên cần: Hiểu được các định nghĩa xác suất; các khái niệm về đại lượng ngẫu nhiên, véctơ ngẫu nhiên, mẫu thống kê; Làm được các dạng bài toán áp dụng các công thức tính xác suất; vận dụng công thức và tính được các đặc trưng của đại lượng ngẫu nhiên, véctơ ngẫu nhiên, mẫu; Hiểu và giải được các bài toán cơ bản của lý thuyết thống kê như: Bài toán ước lượng khoảng về tham số đặc trưng của đại lượng ngẫu nhiên và bài toán kiểm định giả thuyết thống kê.

**4. Nội dung học phần:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Thời gian**  **thực hiện** | | |
| **Tổng số**  **jkknj** | **Lý thuyết** | **Thực hành**  **(TH, TN, BT, TL)** |
| 1 | **Chương 1** **Các khái niệm cơ bản về xác suất** | **9** | **6** | **3** |
| Bài 1: Giải tích tổ hợp | 2 | 1 | 1 |
| * 1. Hoán vị |  |  |  |
| * 1. Chỉnh hợp |  |  |  |
| * 1. Tổ hợp |  |  |  |
| * 1. Chỉnh hợp lặp |  |  |  |
| Bài 2: Phép thử và biến cố | 1 | 1 | 0 |
| 2.1. Định nghĩa |  |  |  |
| 2.2. Quan hệ giữa các biến cố |  |  |  |
| 2.3. Công thức De-Morgan |  |  |  |
| Bài 3: Các định nghĩa xác suất | 2 | 1 | 1 |
| 3.1. Định nghĩa xác suất theo quan điểm cổ điển |  |  |  |
| 3.2. Định nghĩa xác suất theo phương pháp thống kê |  |  |  |
| 3.3. Định nghĩa xác suất theo quan điểm hình học |  |  |  |
| 3.4. Định nghĩa xác suất theo quan điểm tiên đề (tự đọc) |  |  |  |
| Bài 4: Các công thức xác suất | 3 | 2 | 1 |
| 4.1. Công thức cộng xác suất |  |  |  |
| 4.2. Công thức nhân xác suất |  |  |  |
| 4.3. Công thức xác suất đầy đủ, công thức Bayes |  |  |  |
| Bài 5: Dãy phép thử Bernoulli | 1 | 1 | 0 |
| 5.1. Định nghĩa |  |  |  |
| 5.2. Tần suất xuất hiện biến cố *A* |  |  |  |
| 5.3. Số có khả năng nhất |  |  |  |
| 5.4. Các ví dụ |  |  |  |
| 2 | **Chương 2** **Đại lượng ngẫu nhiên, Hàm phân phối** | **7** | **5** | **2** |
| Bài 1: Đại lượng ngẫu nhiên | 2 | 1 | 1 |
| 1.1. Định nghĩa |  |  |  |
| 1.2. Đại lượng ngẫu nhiên rời rạc |  |  |  |
| 1.3. Đại lượng ngẫu nhiên liên tục |  |  |  |
| Bài 2: Hàm phân phối | 1 | 1 | 0 |
| 2.1. Định nghĩa |  |  |  |
| 2.2. Các tính chất |  |  |  |
| 2.3. Các ví dụ |  |  |  |
| Bài 3: Các số đặc trưng của đại lượng ngẫu nhiên | 2 | 1 | 1 |
| 3.1. Kỳ vọng |  |  |  |
| 3.2. Phương sai |  |  |  |
| 3.3. Media (trung vị) |  |  |  |
| 3.4. Mode |  |  |  |
| 3.5. Phân vị cấp p (tư đọc) |  |  |  |
| Bài 4: Một số phân phối thường gặp | 2 | 2 | 0 |
| 4.1. Phân phối nhị thức |  |  |  |
| 4.2. Phân phối đều (tự đọc) |  |  |  |
| 4.3. Phân phối chuẩn |  |  |  |
| 4.4. Phân phối “Khi” bình phương (tự học) |  |  |  |
| 4.5. Phân phối Poisson |  |  |  |
| 4.6. Phân phối Student |  |  |  |
| 4.7. Phân phối Fisher – Snedecor |  |  |  |
| Bài 5: Luật số lớn, Định lý giới hạn trung tâm ( tự đọc) |  |  |  |
| 5.1. Luật số lớn |  |  |  |
| 5.2. Định lý giới hạn trung tâm |  |  |  |
|  | **\* Kiểm tra 1 tiết** | **1** | **1** | **0** |
| 3 | **Chương 3** **Véctơ ngẫu nhiên** | **3** | **2** | **1** |
| Bài 1: Véctơ ngẫu nhiên và các khái niệm cơ bản | 1 | 1 | 0 |
| 1.1. Định nghĩa |  |  |  |
| 1.2. Véctơ ngẫu nhiên rời rạc |  |  |  |
| 1.3. Véctơ ngẫu nhiên liên tục |  |  |  |
| 1.4. Hàm phân phối của véctơ ngẫu nhiên (tự đọc) |  |  |  |
| Bài 2:Các số đặc trưng của Vécto ngẫu nhiễn | 2 | 1 | 1 |
| 2.1. Véctơ kỳ vọng (tự đọc) |  |  |  |
| 2.2. Mômen tương quan |  |  |  |
| 2.3. Hệ số tương quan |  |  |  |
| 2.4. Các ví dụ |  |  |  |
| 4 | **Chương 4 Đại cương về lý thuyết thống kê** | **10** | **6** | **4** |
| Bài 1:Mẫu, mẫu ngẫu nhiên và phép lấy mẫu | 1 | 1 | 0 |
| 1.1. Mẫu |  |  |  |
| 1.2. Vấn đề chọn mẫu |  |  |  |
| 1.3. Phân loại và mô tả số liệu mẫu |  |  |  |
| 1.4. Mẫu ngẫu nhiên |  |  |  |
| Bài 2: Các đặc trưng mẫu | 2 | 1 | 1 |
| 2.1. Trung bình mẫu (kỳ vọng mẫu) |  |  |  |
| 2.2. Phương sai mẫu |  |  |  |
| Bài 3: Bài toán ước lượng | 3 | 2 | 1 |
| 3.1. Ước lượng điểm |  |  |  |
| 3.2. Ước lượng khoảng |  |  |  |
| Bài 4: Bài toán kiểm định giả thuyết | 4 | 2 | 2 |
| 4.1. Bài toán kiểm định giả thuyết thống kê |  |  |  |
| 4.2. Kiểm định giả thuyết về giá trị trung bình |  |  |  |
| 4.3. Kiểm định giả thuyết về tỷ lệ |  |  |  |
| 4.4. Kiểm định giả thuyết về phương sai (tự đọc) |  |  |  |
|  | **Cộng: 30 tiết** | **30** | **20** | **10** |

**5. Tài liệu học tập và tham khảo:**

***- Tài liệu học tập:***

[1]. *Tổ toán – Đề cương bài giảng Xác suất thống kê – Trường ĐHSP KT Vinh.*

[2]. *Đào Hữu Hồ – Xác suất thống kê – NXB ĐHQG Hà Nội – 1999.*

***- Tài liệu tham khảo:***

[1]. *Tống Đình Quỳ (Chủ biên)– Giáo trình Xác suất Thống kê – NXB Bách Khoa- Hà Nội – 2007.*

[3]. *Nguyễn Cao Văn, Trần Thái Ninh – Lý thuyết xác suất và Thống kê toán – NXB Thống kê –2005.*

**6. Điều kiện thực hiện học phần:**

- Phòng học chuyên môn hóa / nhà xưởng: Phòng học lí thuyết; Phòng chuyên môn hóa.

- Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy in, máy chiếu.

- Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Phấn, bảng, giáo trình, tài liệu tham khảo và các học liệu khác.

**7. Phương pháp giảng dạy và học tập:**

- Kết hợp các phương pháp Thuyết trình; vấn đáp gợi mở; luyện tập; hoạt động nhóm; tổ chức Seminar.

- Tăng cường sử dụng công nghệ thông tin hỗ trợ dạy học.

- Sử dụng kỹ thuật dạy học phát huy tính tích cực; tự chủ và sáng tạo của sinh viên.

- Sinh viên phải tham gia học tập trên lớp đầy đủ; ý thức học tập tốt; tích cực chuẩn bị bài học và có ý thức tự học tự nghiên cứu.

**8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập học phần:**

Thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo của Trường ĐHSP Kỹ thuật Vinh.

***8.1. Điểm kiểm tra đánh giá - quá trình:*** Có trọng số chung là **30%**

- Điểm chuyên cần: 10 **%***.*

- Điểm giữa kỳ: 20 **%** - Điểm của bài kiểm tra 1 tiết.

***8.2. Điểm thi kết thúc học phần***

Điểm thi kết thúc học phầncó trọng số là 70**%.**

- Hình thức thi (*tự luận/ trắc nghiệm/ vấn đáp, hoặc bao gồm các hình thức ..*): Tự luận

*Nghệ An, ngày 9 tháng 4 năm 2020*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NGƯỜI BIÊN SOẠN**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* | **TRƯỞNG KHOA**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* |

Lê Thị Huệ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH

**KHOA NGOẠI NGỮ**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT**

**Tên học phần: Tiếng Anh Cơ bản A1**

**Mã học phần: 3NN009DC**

**Số tín chỉ:03 (Số tiết: 45)**

**NGHỆ AN – 2020**

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XH  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC**  **SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT**

**1. Thông tin chung về học phần**:

- Tên học phần: Tiếng Anh Cơ bản A1

- Mã học phần: 3NN009DC

- Số tín chỉ: 03 (Số tiết: 45), phân bổ thời gian:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| + | Lên lớp: | 45 tiết (00 giờ). |
| + | Thực hành: | 00 tiết (00 giờ). |
| + | Thí nghiệm: | 00 tiết (00 giờ) |
| + | Thảo luận: | 00 tiết (00 giờ) |
| + | Bài tập: | 00 tiết (00 giờ) |
| + | Tự học, tự nghiên cứu: | 90 giờ |

**-** Trình độ đào tạo: Đại học

- Khoa phụ trách giảng dạy: Khoa Ngoại Ngữ

**2. Mục tiêu của học phần:**

Sau khi học xong học phần Tiếng Anh Cơ bản A1,

**-** Kiến thức: Sinh viên có thêm những kiến thức ngôn ngữ tiếng Anh (từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp) nhất định về các hoạt động trong cuộc sống hằng ngày như: sử dụng đúng các thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, động từ khuyết thiếu can/ can’t, cấu trúc there is/there are, have to, dạng so sánh hơn và so sánh nhất của tính từ, nắm vững các từ vựng về chủ đề gia đình, bạn bè, các môn thể thao, sở thích, các học phần ở trường phổ thông, quần áo, các từ chỉ về địa lí,...

- Kỹ năng:

\* Nghe hiểu:

+ Có thể nghe hiểu được những cụm từ và cách diễn đạt liên quan tới nhu cầu thiết yếu hằng ngày như về gia đình, bản thân, bạn bè, thể thao, sở thích, trường học, địa lý, … khi được diễn đạt chậm và rõ ràng.

+ Có thể nghe hiểu được ý chính trong các giao dịch quen thuộc hằng ngày khi được diễn đạt chậm và rõ ràng.

\* Nói:

+ Có thể giao tiếp được một cách đơn giản và trực tiếp về các chủ đề quen thuộc liên quan đến các chủ đề bài học: gia đình, bạn bè, thể thao, sở thích, trường học, địa lý, ...

+ Có thể truyền đạt được những quan điểm, nhận định của mình trong các tình huống xã giao đơn giản, ngắn gọn.

\* Đọc hiểu:

+ Có thể đọc hiểu được các đoạn văn bản ngắn và đơn giản, chứa đựng thông tin rõ ràng về các chủ đề quen thuộc và cụ thể liên quan đến: gia đình, bạn bè, thể thao, sở thích, trường học, địa lý, ...

+ Có thể xác định được thông tin cụ thể trong các văn bản đơn giản như thư từ, tờ thông tin và các bài báo ngắn mô tả sự kiện.

\* Viết:

+ Có thể viết được các bài viết đơn giản, có tính liên kết về các chủ đề quen thuộc như: viết thư điện tử, thư thân mật, viết thông báo, viết bài miêu tả về trường, viết lời mời, viết bưu thiếp, ...

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Có thái độ nghiêm túc và tích cực trong quá trình học tập, nghiên cứu.

+ Lên lớp nghe giảng đầy đủ, làm bài tập, tự nghiên cứu bài học theo yêu cầu của học phần.

+ Hiểu và giao tiếp được trong những tình huống thuộc các chủ đề về gia đình, bạn bè, thể thao, sở thích, trường học, địa lý, ...

Tự tin khi giải quyết các vấn đề nảy sinh trong việc lựa chọn và sử dụng từ, bố trí sắp xếp trật tự từ trong giao tiếp. Nâng cao vốn từ vựng và năng lực đọc hiểu trong các chủ đề thông dụng hằng ngày. Đồng thời phát triển khả năng chủ động sử dụng tiếng Anh, tự tin của một sinh viên.

**3. Mô tả học phần:**

- Vai trò, vị trí của học phần: Tiếng anh Cơ bản A1 được thiết kế cho sinh viên hệ Đại học tại Trường Đại học sư phạm kỹ thuật Vinh. Là học phần bắt buộc đầu tiên trong chương trình tiếng Anh cơ bản, Chương trình tập trung trang bị kiến thức tiếng Anh cơ bản cho sinh viên nhằm giúp họ có khả năng hiểu, vận dụng được tiếng Anh trong giao tiếp thông thường và tiếp tục học lên cao hơn .

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Nội dung:

Học phần Tiếng Anh Cơ bản A1 cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Các vấn đề về từ vựng,  bao gồm các chủ điểm từ vựng được sử dụng trong các tình huống hàng ngày như: gia đình, bạn bè, thể thao, sở thích, các hoạt động hàng ngày, các bộ phận chỉ cơ thể người, các môn học ở trường học phổ thông, các bộ phận trong trường học, quần áo, địa lý, ...; Các vấn đề về ngữ âm tiếng Anh: Cách phát âm các âm nguyên âm (vowel sounds), các âm nguyên âm yếu (weak vowel sounds), cách đọc đuôi s/es ở ngôi thứ 3 số ít ( third person –s), ngữ điệu trong cách đưa ra ý kiến, quan điểm, chỉ đường ...; Các vấn đề về ngữ pháp như: các thì Hiện tại đơn, Hiện tại tiếp diễn, động từ khuyết thiếu can/ can’t, cấu trúc there is/there are, have to, dạng so sánh hơn và so sánh nhất của tính từ, ...; Các kỹ năng ngôn ngữ: nghe, nói đọc, viết liên quan đến các chủ đề trong học phần ở mức độ đơn giản, rõ rang.

.

**4. Nội dung học phần:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Thời gian**  **thực hiện** | | |
| **Tổng số** | **Lý thuyết** | **Thực hành**  **(TH, TN, BT, TL)** |
| 1 | UNIT 1: My Network (lên lớp: 9 tiết, tự học: 18 giờ) | **27** | **9** | **18** |
|  | 1.1: Vocabulary: Families and Friends |  |  |  |
|  | 1.2. Grammar: Present simple Tense (positive and negative) |  |  |  |
|  | 1.3. Listening: matching, missing words, sounds |  |  |  |
|  | 1.4. Reading: *The texts: The Royal family, Supermum!* |  |  |  |
|  | 1.5. Speaking: talking about family and friends; introducing friends |  |  |  |
|  | 1.6. Writing: an informal letter |  |  |  |
| 2 | UNIT 2: Free time (lên lớp: 9 tiết, tự học: 18 giờ) | **27** | **9** | **18** |
|  | 2.1. Vocabulary:: Sports and Hobbies |  |  |  |
|  | 2.2. Grammar: Present Simple (Questions) |  |  |  |
|  | 2.3. Listening: matching, missing words |  |  |  |
|  | 2.4. Reading: *“Sun, Sea and Sport”; “Kung fu”* |  |  |  |
|  | 2.5. Speaking: talking about free time, likes and dislikes |  |  |  |
|  | 2.6. Writing: an announcement |  |  |  |
| 3 | UNIT 3: School life (lên lớp: 9 tiết, tự học: 18 giờ) | **27** | **9** | **18** |
|  | 3.1. Vocabulary: School and School Subjects |  |  |  |
|  | 3.2. Grammar: There is/are; Have to |  |  |  |
|  | 3.3. Listening: matching, |  |  |  |
|  | 3.4. Reading: *“Secondary education in Britain”, “High Flyers”* |  |  |  |
|  | 3.5. Speaking: talking about school subjects and timetable; describing the classroom |  |  |  |
|  | 3.6. Writing: a description |  |  |  |
| 4 | UNIT 4: Time to party (lên lớp: 9 tiết, tự học: 18 giờ) | **27** | **9** | **18** |
|  | 4.1. Vocabulary: Clothes |  |  |  |
|  | 4.2. Grammar: Present Continuous; can/ can’t |  |  |  |
|  | 4.3. Listening: matching, sounds |  |  |  |
|  | 4.4. Reading: *“A music festival”; “Party Planner”* |  |  |  |
|  | 4.5. Speaking: talking about clothes; making an arrangement |  |  |  |
|  | 4.6. Writing: a party invitation |  |  |  |
| 5 | UNIT 5: Wild (lên lớp: 9 tiết, tự học: 18 giờ) | **27** | **9** | **18** |
|  | 5.1.Vocabulary: Geographical Feature and wildlife |  |  |  |
|  | 5.2. Grammar: comparatives and superlatives |  |  |  |
|  | 5.3. Listening: matching, missing words |  |  |  |
|  | 5.4. Reading: *“The lake District”; “Dangerous”* |  |  |  |
|  | 5.5. Speaking: talking about National parks |  |  |  |
|  | 5.6. Writing: a description of animals; A postcard |  |  |  |
|  | **Cộng:** | **135** | **45** | **90** |

**\* Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:**

- Chuẩn bị ở nhà và dự lớp: dự lớp 80% tổng số giờ lên lớp. Điểm chuyên cần có hệ số là 0,1.

- Thi giữa học phần: 2 bài thi. Điểm thi giữa học phần có hệ số là 0,2.

- Thi cuối học phần: 1 bài thi. Điểm thi cuối học phần có hệ số là 0,7.

**5. Tài liệu học tập và tham khảo:**

***- Tài liệu học tập:***

Tim Falla, Paul A Davies – **Solutions**, Elementary – Oxford, 2008.

***- Tài liệu tham khảo:***

1. Mark Foley, Diane Hall – **Total English**, Elementary – Longman, 2008.

2. Liz and John Soar – **New Headway**, Elementary, the fourth edition – Oxford, 2014

**6. Điều kiện thực hiện học phần:**

- Phòng học chuyên môn hóa / nhà xưởng: Phòng Tiếng anh

- Trang thiết bị máy móc: TV , loa, máy tính có kết nối internet

- Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Sách học và sách tham khảo

- Các điều kiện khác:

**7. Phương pháp giảng dạy và học tập:**

Giảngviên giới thiệu học phần, cung cấp đề cương bài giảng, tài liệu tham khảo, các địa chỉ website để tìm tư liệu liên quan đến học phần, phân từng nhóm SV về nhà chuẩn bị bài từng chương, làm báo cáo Seminar. Cuối mỗi bài giáo viên tóm tắt nội dung bài giảng.

\* Phương pháp dạy học

- Phương pháp dạy học theo đường hướng giao tiếp – CLT, Phương pháp cơ bản

- Phương pháp giao nhiệm vụ - TBLT: Dạy ngữ pháp, từ vựng, giao tiếp, đọc, nghe, nói, giao tiếp; tập trung vào nghĩa (meaning) và thực tế (authentic)

- Phương pháp hướng dẫn nội dung - CBI (content-based instruction): Tập trung vào nội dung , thông tin / pay attention on content, information

- Phương pháp dự án- Project-based learning: tập trung học ngôn ngữ thông qua các thực hiện các dự án học tập gắn với thực tế và ý nghĩa / Learing by doing projects related to real-world meaningful.

\* Phương pháp học tập

Học sinh tham dự bài giảng của giảng viên trên lớp đầy đủ, được kiểm tra và đánh giá năng lực theo quy định. Để đạt được hiệu quả tối đa, mỗi học sinh, sinh viên phải tự lên kế hoạch, xác định mục tiêu cuối cùng nhận được sau khi học. Sẽ có một thời gian biểu hợp lý được thiết kế để người học vừa học vừa tư duy như: kỹ năng quan sát tổng thể, ôn tập bài giảng trên lớp, làm bài tập và các câu hỏi trắc nghiệm liên quan, sau đó thì xem trước bài giảng mới cho ngày hôm sau… Giáo viên có vai trò hỗ trợ học sinh trong quá trình thực hiện kế hoạch; hướng dẫn học sinh tự đánh giá mức độ đạt được; giải đáp những thắc mắc hoặc nhận xét, góp ý về tiến độ học tập của học sinh, sinh viên.

**8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập học phần:**

Thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo của Trường ĐHSP Kỹ thuật Vinh.

***8.1. Điểm kiểm tra đánh giá - quá trình:*** Có trọng số chung là **30%**

- Điểm chuyên cần: 10 **%***.*

- Điểm giữa kỳ: 20 **%**

***8.2. Điểm thi kết thúc học phần***

Điểm thi kết thúc học phầncó trọng số là 70**%.**

- Hình thức thi: trắc nghiệm kết hợp tự luận

*Nghệ An, ngày 17 tháng 04 năm 2020*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NGƯỜI BIÊN SOẠN**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* | **TRƯỞNG KHOA**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* |

**Đinh Thị Thu Trần Khắc Hoàn**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH

**KHOA NGOẠI NGỮ**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT**

**Tên học phần:Tiếng Anh cơ bản A2**

**Mã học phần:3NN010DC**

**Số tín chỉ: 03 (Số tiết: 45)**

**NGHỆ AN – 2020**

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XH  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC**  **SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT**

**1. Thông tin chung về học phần**:

- Tên học phần:Tiếng Anh cơ bản A2

- Mã học phần: **3NN010DC**

- Số tín chỉ: 03 (Số tiết: 45), phân bổ thời gian:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| + | Lên lớp: | 45 tiết (00 giờ). |
| + | Thực hành: | 00 tiết (00 giờ). |
| + | Thí nghiệm: | 00 tiết (00 giờ) |
| + | Thảo luận: | 00 tiết (00 giờ) |
| + | Bài tập: | 00 tiết (00 giờ) |
| + | Tự học, tự nghiên cứu: | 90 giờ |

**-** Trình độ đào tạo: Đại học

- Khoa phụ trách giảng dạy: Khoa Ngoại ngữ

**2. Mục tiêu của học phần:**

**-** Kiến thức: Sinh viên có thêm những kiến thức ngôn ngữ tiếng Anh (từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp) nhất định về các hoạt động trong cuộc sống hằng ngày: sử dụng đúng các thì quá khứ đơn, hiện tại hoàn thành, tương lai đơn,...; nắm vững các từ ngữ về chủ đề về các địa điểm trong thành phố; các quốc gia, quốc tịch; đồ ăn, đồ uống; phương tiện giao thông; nghề nghiệp trong tương lai,...

- Kỹ năng:

\* Nghe hiểu:

+ Có thể nghe hiểu các cụm từ và cách diễn đạt liên quan tới các chủ đề về địa điểm trong thành phố; các quốc gia, quốc tịch; đồ ăn, đồ uống; phương tiện giao thông; nghề nghiệp trong tương lai,...

+ Có thể nghe hiểu được ý chính trong các tình huống quen thuộc khi được diễn đạt chậm và rõ ràng.

\* Nói:

+ Có thể giao tiếp một cách đơn giản và trực tiếp về các chủ đề quen thuộc liên quan đến các chủ đề về địa điểm trong thành phố; các quốc gia, quốc tịch; đồ ăn, đồ uống; phương tiện giao thông; nghề nghiệp trong tương lai,...

+ Có thể truyền đạt quan điểm, nhận định của mình trong các tình huống xã giao đơn giản, ngắn gọn.

\* Đọc hiểu:

+ Có thể đọc hiểu các văn bản chứa đựng thông tin rõ ràng về các chủ đề liên quan như: địa điểm trong thành phố; các quốc gia, quốc tịch; đồ ăn, đồ uống; phương tiện giao thông; nghề nghiệp trong tương lai,...

\* Viết:

+ Có thể viết bài đơn giản, có tính liên kết về các chủ đề quen thuộc như: viết tin nhắn, thư điện tử, thư thân mật, viết thông báo, thư xin việc,...

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Có thái độ nghiêm túc và tích cực trong quá trình học tập, nghiên cứu.

+ Lên lớp nghe giảng đầy đủ, làm bài tập, tự nghiên cứu bài học theo yêu cầu của học phần.

+ Hiểu được những chủ đề về đàm thoại địa điểm trong thành phố; các quốc gia, quốc tịch; đồ ăn, đồ uống; phương tiện giao thông; nghề nghiệp trong tương lai,...

+ Tự tin khi giải quyết các vấn đề nảy sinh trong việc lựa chọn và sử dụng từ, bố trí sắp xếp trật tự từ trong giao tiếp; Nâng cao vốn từ vựng và năng lực đọc hiểu trong các chủ đề thông dụng hằng ngày đồng thời phát triển khả năng chủ động sử dụng ngoại ngữ, tự tin của một sinh viên.

**3. Mô tả học phần:**

- Vai trò, vị trí của học phần: Tiếng anh Cơ bản A2 được thiết kế cho sinh viên hệ Đại học tại Trường Đại học sư phạm kỹ thuật Vinh. Là học phần bắt buộc thức 2 sau học phần cơ bản A1 trong chương trình tiếng Anh cơ bản, Chương trình tập trung trang bị kiến thức tiếng Anh cơ bản cho sinh viên nhằm giúp họ có khả năng hiểu, vận dụng được tiếng Anh trong giao tiếp thông thường và tiếp tục học lên cao hơn (cơ bản 1) .

- Điều kiện tiên quyết: Sinh viên phải hoàn thành chương trình Tiếng Anh cơ bản A1

- Nội dung:

Học phần Tiếng Anh cơ bản A2 cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Các vấn đề về từ vựng: các địa điểm trong thành phố; các quốc gia, quốc tịch, đồ ăn, đồ uống, phương tiện giao thông, các cụm động từ, nghề nghiệp, địa điểm làm viêc,...; Các vấn đề về ngữ âm tiếng Anh như cách phát âm khi dùng các đồng từ theo quy tắc và bất quy tắc ở thời quá khứ, cách phát âm danh từ khi đi cùng với mạo từ a/an; cách phát âm các từ chỉ giá cả….; Các vấn đề về ngữ pháp: thì quá khứ đơn; cách sử dụng some/ any/ how much/ how many, mạo từ xác định và bất định, thì hiện tại hoàn thành, thì tương lai với going to, will, hậu tố - er/or/ist; Các kỹ năng ngôn ngữ như có thể giao tiếp, đọc hiểu, nghe hiểu về các chủ đề trong đời sống hàng ngày liên quan đến nội dung bài học.

**4. Nội dung học phần:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Thời gian**  **thực hiện** | | |
| **Tổng số** | **Lý thuyết** | **Thực hành**  **(TH, TN, BT, TL)** |
| 1 | UNIT 1: Out and about (lên lớp: 9 tiết, tự học: 18 giờ) | **27** | **9** | **18** |
|  | 1.1. Vocabulary: In town |  |  |  |
|  | 1.2. Grammar: Past simple: “Be” and “Can”, past simple (regular verbs) |  |  |  |
|  | 1.3. Listening: making a phone call, leaving a message |  |  |  |
|  | 1.4. Reading: Out in the town |  |  |  |
|  | 1.5. Speaking: saying where places are in my town |  |  |  |
|  | 1.6. Writing: a phone message |  |  |  |
| 2 | UNIT 2: World famous (lên lớp: 9 tiết, tự học: 18 giờ) | **27** | **9** | **18** |
|  | 2.1. Vocabulary: countries, nationalities |  |  |  |
|  | 2.2. Grammar: past simlpe (irregular verbs) |  |  |  |
|  | 2.3. Listening: matching, true/ false |  |  |  |
|  | 2.4. Reading: Inventions |  |  |  |
|  | 2.5. Speaking: Describing famous people, talking about your weekends |  |  |  |
|  | 2.6. Writing: an e-mail message |  |  |  |
| 3 | UNIT 3: On the menu (lên lớp: 9 tiết, tự học: 18 giờ) | **27** | **9** | **18** |
|  | 3.1. Vocabulary: food and drink |  |  |  |
|  | 3.2. Grammar: some, any/ much, many |  |  |  |
|  | 3.3. Listening: matching, missing words |  |  |  |
|  | 3.4. Reading: Healthy eating |  |  |  |
|  | 3.5. Speaking: Ordering food and drink in a café’ |  |  |  |
|  | 3.6. Writing: A formal letter |  |  |  |
| 4 | UNIT 4: Journeys (lên lớp: 9 tiết, tự học: 18 giờ) | **27** | **9** | **18** |
|  | 4.1. Vocabulary: Transport |  |  |  |
|  | 4.2. Grammar: Present perfect |  |  |  |
|  | 4.3. Listening: matching, sounds, filling into the gaps |  |  |  |
|  | 4.4. Reading: Alone on the water |  |  |  |
|  | 4.5. Speaking: buying a train ticket |  |  |  |
|  | 4.6. Writing: an e-mail about holiday |  |  |  |
| 5 | UNIT 5: Just the job (lên lớp: 9 tiết, tự học: 18 giờ) | **27** | **9** | **18** |
|  | 5.1.Vocabulary: Jobs and work |  |  |  |
|  | 5.2. Grammar: going to, will |  |  |  |
|  | 5.3. Listening: matching, missing words |  |  |  |
|  | 5.4. Reading: A year abroad |  |  |  |
|  | 5.5. Speaking: giving some advice |  |  |  |
|  | 5.6. Writing: an application letter |  |  |  |
|  | **Cộng:** | **135** | **45** | **90** |

**5. Tài liệu học tập và tham khảo:**

***- Tài liệu học tập:***

Tim Falla, Paul A Davies – **Solutions**, Elementary – Oxford, 2008.

***- Tài liệu tham khảo:***

- Mark Foley, Diane Hall – **Total English**, Elementary – Longman, 2008.

-. Liz and John Soar – **New Headway**, Elementary, the third edition – Oxford, 2010

-. Grammar in Use - Oxford, 2010

**6. Điều kiện thực hiện học phần:**

- Phòng học chuyên môn hóa: Phòng Tiếng anh

- Trang thiết bị máy móc: TV , loa, máy tính có kết nối internet

- Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Sách học và sách tham khảo

- Các điều kiện khác:

**7. Phương pháp giảng dạy và học tập:**

Giảngviên giới thiệu học phần, cung cấp đề cương bài giảng, tài liệu tham khảo, các địa chỉ website để tìm tư liệu liên quan đến môn học, phân từng nhóm sinh viên về nhà chuẩn bị bài, làm báo cáo Seminar. Cuối mỗi chương giảng viên viên tóm tắt bài giảng, sinh viên làm các tập hoặc bài trình bày về chủ đề của các bài đã học.

**8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập học phần:**

Thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo của Trường ĐHSP Kỹ thuật Vinh.

***8.1. Điểm kiểm tra đánh giá - quá trình:*** Có trọng số chung là **30%**

- Điểm chuyên cần: 10 **%***.*

- Điểm giữa kỳ: 20 **%**

***8.2. Điểm thi kết thúc học phần***

Điểm thi kết thúc học phầncó trọng số là 70**%.**

- Hình thức thi: trắc nghiệm kết hợp tự luận

*Nghệ An, ngày 16 tháng 04 năm 2020*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NGƯỜI BIÊN SOẠN**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* | **TRƯỞNG KHOA**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* |

Đoàn Thị Bích Diễm Trần Khắc Hoàn

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH

**KHOA NGOẠI NGỮ**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT**

**Tên học phần: Tiếng Anh cơ bản 1**

**Mã học phần: 2NN001DC**

**Số tín chỉ: 2 (Số tiết: 30)**

**NGHỆ AN – 2020**

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XH  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC**  **SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT**

**1. Thông tin chung về học phần**:

- Tên học phần: Tiếng Anh Cơ bản 1

- Mã học phần: 2NN001DC

- Số tín chỉ: 2 (Số giờ: 30), phân bổ thời gian:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| + | Lên lớp: | 30 tiết (00 giờ). |
| + | Thực hành: | 00 tiết (00 giờ). |
| + | Thí nghiệm: | 00 tiết (00 giờ) |
| + | Thảo luận: | 00 tiết (00 giờ) |
| + | Bài tập: | 00 tiết (00 giờ) |
| + | Tự học, tự nghiên cứu: | 60 giờ |

**-** Trình độ đào tạo: Đai học

- Khoa phụ trách giảng dạy: Khoa Ngoại Ngữ

**2. Mục tiêu của học phần:**

**-** Kiến thức:

+ Phát triển kiến thức và các kỹ năng (nghe, nói, đọc, viết) tiếng Anh cho sinh viên trình độ Đại học

+ Xác định được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc trong công việc như: mua sắm, khoa học kỹ thuật, sức khỏe, cuộc sống gia đình, ...

+ Xử lý được hầu hết các tình huống xảy ra liên quan đến khu vực có sử dụng ngôn ngữ đó. Viết được đoạn văn đơn giản liên quan đến các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày. Mô tả và trình bày ngắn gọn các lý do, giải thích ý kiến về các vấn đề liên quan đến công việc.

+ Sử dụng tốt các chủ đề ngữ pháp liên quan đến các thì ngữ pháp như hiện tại hoàn thành, tương lai gần và tương lai đơn, động từ khuyết thiếu, câu điều kiện loại 0 và loại 1.

+ Nâng cao các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh để giao tiếp.

+ Tích cực tìm tòi các tình huống, tài liệu trong cuộc sống hàng ngày để giao tiếp và học tập.

- Kỹ năng:

\* Nghe hiểu: Nghe hiểu được những thông tin hiện thực đơn giản được diễn đạt rõ ràng bằng giọng chuẩn về các chủ đề liên quan tới công việc thường ngày liên quan tới các chủ đề: đàm thoại ở cửa hàng, quảng cáo trên radio, đoán, mời, từ chối, than phiền, ...

\* Nói: Có thể giao tiếp được không cần chuẩn bị về các chủ đề quen thuộc hằng ngày liên quan đến các chủ đề bài học: trò chơi ghi nhớ, tặng và nhận quà, mua quần áo, than phiền, đàm phán giải pháp, kế hoạch và dự định, thảo luận về mạng xã hội, các phát minh, khuyên bảo và giới thiệu...

\* Đọc hiểu: Có thể hiểu các ý chính của các văn bản chuẩn mực, rõ ràng về các chủ đề liên quan đến: mua sắm và dịch vụ, khoa học và kỹ thuật, trao đổi thông tin thư từ, email, sức khỏe, phát minh, gia đình và cuộc sống xã hội, ...

\* Viết: Có thể viết bài đơn giản, có tính liên kết về các chủ đề quen thuộc bằng các văn phong khác nhau như: viết thư trang trọng và không trang trọng; mời, chấp nhận hoặc từ chối lời mời, ...

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Có thái độ nghiêm túc và tích cực trong quá trình học tập, nghiên cứu.

+ Lên lớp nghe giảng đầy đủ, làm bài tập, tự nghiên cứu bài học theo yêu cầu của môn học.

+ Hiểu được những chủ đề về mua sắm, khoa học kỹ thuật, sức khỏe, cuộc sống gia đình, ...

Tự tin khi giải quyết các vấn đề nảy sinh trong việc lựa chọn và sử dụng từ, bố trí sắp xếp trật tự từ trong giao tiếp; Nâng cao vốn từ vựng và năng lực đọc hiểu trong các chủ đề thông dụng hằng ngày. Đồng thời phát triển khả năng chủ động sử dụng ngoại ngữ, tự tin của một sinh viên.

**3. Mô tả học phần:**

- Vai trò, vị trí của môn học: Tiếng anh Cơ bản 1 được thiết kế cho sinh viên hệ Đại học tại Trường Đại học sư phạm kỹ thuật Vinh. Là học phần bắt buộc thức3 sau học phần cơ bản A2 trong chương trình tiếng Anh cơ bản, Chương trình tập trung trang bị kiến thức tiếng anh cơ bản cho sinh viên nhằm giúp họ có khả năng hiểu các tài liệu tiếng Anh và giao tiếp thông thường, tiếp tục học lên cao hơn (cơ bản 2).

- Điều kiện tiên quyết: Sinh viên phải hoàn thành chương trình Tiếng Anh Cơ bản A2.

- Nội dung:

Học phần Tiếng Anh cơ bản 1 cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản gồm: Các vấn đề về từ vựng như mua sắm và dịch vụ, khoa học và kỹ thuật, trao đổi thông tin thư từ, email, sức khỏe, phát minh, gia đình và cuộc sống xã hội; Các vấn đề về ngữ âm tiếng Anh: cách phát âm Be going to, must, mustn’t; Các vấn đề về ngữ pháp: thì hiện tại hoàn thành, tương lai gần và tương lai đơn, quá khứ hoàn thành, động từ khuyết thiếu, câu điều kiện loại 0 và loại 1; Các kỹ năng ngôn ngữ: nghe, nói đọc, viết về các chủ đề trong đời sống hàng ngày liên quan đến nội dung bài học ở mức độ tiền bậc 3 theo Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam.

**4. Nội dung học phần:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Thời gian**  **thực hiện** | | |
| **Tổng số** | **Lý thuyết** | **Thực hành**  **(TH, TN, BT, TL)** |
| 1 | **Bài 1: SHOPPING (**Lên lớp: 10 tiết; tự học: 20 giờ**)** | **30** | **10** | **20** |
|  | * 1. Vocabulary: Verbs: shopping and services, word associated with buying and selling, formal letter expressions, special occasions |  |  |  |
|  | 1.2. Grammar: been and gone, present perfect and past simple, how long….? for and since. |  |  |  |
|  | 1.3. Reading: an email, article, exchanging information, shopping and services, science and technology |  |  |  |
|  | 1.4. Listening: dialogues in shops, customer complaints |  |  |  |
|  | 1.5. Speaking: memory games, giving and receiving gifts, buying clothes talking about experiences, expressing opinions, making a complaint and negotiating a solution |  |  |  |
|  | 1.6 Writing: a formal letter |  |  |  |
|  | 1.7. Get ready for exam |  |  |  |
| 2 | **Bài 2: HOW TECHIE ARE YOU (**Lên lớp: 10 tiết; tự học: 20 giờ**)** | **30** | **10** | **20** |
|  | 2.1. Vocabulary: electronic devices, phrase verbs, websites, adverbs, social activities, household appliances, |  |  |  |
|  | 2.2 Grammar: will and going to, zero conditional, may, might and could. Shall for suggestions and offer, can for requests and permission. |  |  |  |
|  | 2.3. Reading: sciences and technology, health, article about inventions |  |  |  |
|  | 2.4. Listening: radio advertisement, a dialogue, making predictions, making invitations, accepting and declining an invitation |  |  |  |
|  | 2.5. Speaking: agreeing on a choice, intentions and predictions, discussing social networking, talking about possibility in the future, discussing inventions |  |  |  |
|  | 2.6. Writing an informal letter: a message |  |  |  |
|  | 2.7. Language review / skills round-up |  |  |  |
| 3 | **Bài 3: AROUND THE WORLD** **(**Lên lớp: 10 tiết; tự học: 20 giờ**)** | **30** | **10** | **20** |
|  | 3.1. Vocabulary: gestures, phrasal verbs, special occasions, events and places to visit, colloquial expressions, words connected with time and dates |  |  |  |
|  | 3.2. Grammar: must/mustn’t and needn’t; first conditional; should and ought to |  |  |  |
|  | 3.3. Listening: matching, missing words, sounds |  |  |  |
|  | 3.4. Reading:family and social life |  |  |  |
|  | 3.5. Speaking: discussing gesture, describing rules, discussing past gifts, talking about certainty and probability in the future, giving advice and recommendations |  |  |  |
|  | 3.6. Writing: making, accepting and declining invitations |  |  |  |
|  | 3.7 Get ready for exam |  |  |  |

**5. Tài liệu học tập và tham khảo:**

***- Tài liệu học tập:***

Tim Falla, Paul A Davies – Solutions, Pre-Intermediate – Oxford, 2018.

***- Tài liệu tham khảo:***

1. Liz and John Soar – New Headway, Pre-Intermediate, the fourth edition – Oxford, 2018

2. Mark Foley, Diane Hall – Total English, Pre-Intermediate – Longman, 2018.

3. Grammar in Use - Oxford, 2010

**6. Điều kiện thực hiện học phần:**

- Phòng học chuyên môn hóa / nhà xưởng: Phòng Tiếng anh

- Trang thiết bị máy móc: TV , loa, máy tính có kết nối internet

- Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Sách học và sách tham khảo

- Các điều kiện khác:

**7. Phương pháp giảng dạy và học tập:**

Đầu học kỳ, giảng viên giới thiệu học phần, cung cấp đề cương bài giảng, tài liệu tham khảo, các địa chỉ website để tìm tư liệu liên quan đến môn học. Giảng viên kết hợp nhiều phương pháp giảng dạy một cách linh hoạt, lấy người học làm trung tâm và kết hợp kiểm tra - đánh giá thường xuyên trong suốt quá trình dạy - học; phát huy tính tự học, tự nghiên cứu của sinh viên; tổ chức lớp học theo cặp, theo nhóm; giảng dạy trên Powerpoint tại các phòng chuyên môn hóa có đầy đủ thiết bị nghe, mạng internet, ...

**8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập học phần:**

- Cuối mỗi học kỳ, nhà trường tổ chức một kỳ thi chính và một kỳ thi phụ cho các học phần. Lịch thi được thông báo trước kỳ thi kết thúc học phần 3 – 4 tuần.

- Hình thức thi kết thúc học phần là thi viết .

***8.1. Điểm kiểm tra đánh giá - quá trình: Có trọng số chung là 30%***

- Điểm chuyên cần: 10 %.

- Điểm giữa kỳ: 20 %

***8.2. Điểm thi kết thúc học phần***

***-*** Điểm thi kết thúc học phầncó trọng số là 70**%.**

- Hình thức thi: thi viết

*Nghệ An, ngày 16 tháng 04 năm 2020*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NGƯỜI BIÊN SOẠN**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* | **TRƯỞNG KHOA**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* |

Bùi Thị Xuân Linh Trần Khắc Hoàn

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH

**KHOA NGOẠI NGỮ**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT**

**Tên học phần: Tiếng Anh cơ bản 2**

**Mã học phần: 2NN002DC**

**Số tín chỉ: 2 (Số tiết: 30)**

**NGHỆ AN – 2020**

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XH  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC**  **SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT**

**1. Thông tin chung về học phần**:

- Tên học phần: Tiếng Anh Cơ bản 2

- Mã học phần: 2NN002DC

- Số tín chỉ: 2 (Số giờ: 30), phân bổ thời gian:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| + | Lên lớp: | 30 tiết (00 giờ). |
| + | Thực hành: | 00 tiết (00 giờ). |
| + | Thí nghiệm: | 00 tiết (00 giờ) |
| + | Thảo luận: | 00 tiết (00 giờ) |
| + | Bài tập: | 00 tiết (00 giờ) |
| + | Tự học, tự nghiên cứu: | 60 giờ |

**-** Trình độ đào tạo: Đại học

- Khoa phụ trách giảng dạy: Khoa Ngoại Ngữ

**2. Mục tiêu của học phần:**

**-** Kiến thức: Sinh viên có thêm những kiến thức ngôn ngữ tiếng anh (từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp) nhất định về các hoạt động trong cuộc sông hằng ngày như: sử dụng đúng các từ loại, cấu tạo từ, tiền tố , hậu tố, trạng từ, tính từ, danh từ, từ ghép, các thuật từ thông dụng hàng ngày, các từ liên quan đến văn viết, nắm vững các từ ngữ về thảm họa thiên nhiên, tội phạm, xuất bản, ... các thì ngữ pháp, quá khứ hoàn thành, câu trực tiếp, gián tiếp, bị động, câu điều kiện loại 2....

- Kỹ năng:

\* Nghe hiểu: + Có thể nghe hiểu các cụm từ và cách diễn đạt liên quan tới các chủ đề: thảm họa thiên nhiên, địa điểm tham quan, quảng cáo và kinh doanh, phong tục các nước, nghe các bản tin thời sự...

+ Có thể nghe hiểu được ý chính trong các tình huống quen thuộc khi được diễn đạt chậm và rõ ràng.

\* Nói: + Có thể giao tiếp một cách đơn giản và trực tiếp về các chủ đề quen thuộc liên quan đến các chủ đề bài học: địa điểm tham quan, quảng cáo và kinh doanh, phong tục các nước, cách nói gợi ý và đưa ra vấn đề thảo luận, báo cáo, cách nói các mẫu câu yêu cầu đề nghị lịch sự,

+ Có thể truyền đạt quan điểm, nhận định của mình trong các tình huống xã giao đơn giản, ngắn gọn.

\* Đọc hiểu: + Có thể đọc hiểu các văn bản, chứa đựng thông tin rõ ràng về các chủ đề liên quan như: địa điểm nổi tiếng, việc đi lại, tội phạm không gian, tiểu sử, câu chuyện, các bài báo,.

\* Viết: + Có thể viết bài đơn giản, có tính liên kết về các chủ đề quen thuộc như: viết thư, viết đề nghị, viết bản tin, viết luận.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Có thái độ nghiêm túc và tích cực trong quá trình học tập, nghiên cứu.

+ Lên lớp nghe giảng đầy đủ, làm bài tập, tự nghiên cứu bài học theo yêu cầu của môn học.

+ Hiểu được những chủ đề về thảm họa thiên nhiên, tội phạm, xuất bản, ...

Tự tin khi giải quyết các vấn đề nảy sinh trong việc lựa chọn và sử dụng từ, bố trí sắp xếp trật tự từ trong giao tiếp; Nâng cao vốn từ vựng và năng lực đọc hiểu trong các chủ đề thông dụng hằng ngày. Đồng thời phát triển khả năng chủ động sử dụng ngoại ngữ, tự tin của một sinh viên.

**3. Mô tả học phần:**

- Vai trò, vị trí của môn học: Tiếng anh Cơ bản 2 được thiết kế cho sinh viên hệ Đại học tại trường Đại học sư phạm kỹ thuật Vinh, là học phần bắt buộc thức 4 sau học phần tiếng Anh cơ bản B1 trong chương trình tiếng Anh cơ bản, Chương trình tập trung trang bị kiến thức tiếng anh cơ bản cho sinh viên nhằm giúp họ có khả năng hiểu các tài liệu tiếng Anh và giao tiếp thông thường hằng ngày, tiếp tục học lên cao hơn, tiếng Anh chuyên ngành.

- Điều kiện tiên quyết: Sinh viên phải hoàn thành chương trình Tiếng Anh Cơ bản 1.

- Nội dung:

Học phần tiếng Anh cơ bản 2 cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản: Các vấn đề về từ vựng (và cách phát âm ngữ âm) về các hoạt động trong cuộc sông hằng ngày như thảm họa thiên nhiên, địa điểm tham quan, quảng cáo và kinh doAnh, tội phạm, xuất bản, phong tục các nước, các bản tin thời sự...; Các vấn đề về ngữ pháp: thì quá khứ hoàn thành, câu trực tiếp, câu gián tiếp, câu bị động, câu điều kiện loại 2...., sử dụng đúng các từ loại, cấu tạo từ, tiền tố , hậu tố, trạng từ, tính từ, danh từ, từ ghép, các thuật từ thông dụng hàng ngày; Các kỹ năng ngôn ngữ:có thể giao tiếp, đọc hiểu, nghe hiểu, viết về các chủ đề trong đời sống hàng ngày liên quan đến nội dung bài học ở mức độ tiền bậc 3 theo Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam.

**4. Nội dung học phần:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Thời gian**  **thực hiện** | | |
| **Tổng số** | **Lý thuyết** | **Thực hành**  **(TH, TN, BT, TL)** |
| 1 | **Bài 1: WHAT IF........? (Lên lớp: 10 tiết; tự học: 20 giờ)** | **30** | **10** | **20** |
|  | 1.1. Vocabulary: natural disasters, word families, describing problems, word formations: noun suffixes |  |  |  |
|  | 1.2. Grammar: second conditional, wish, would to talk about hypothetical situations |  |  |  |
|  | * 1. Listening: natural disaster, opinions on recycling, comparing two photos |  |  |  |
|  | 1.4. Reading: article about asteroids, environment, state and society |  |  |  |
|  | 1.5. Speaking: presenting a new report, imaginary consequences, discussing recycling, talking about problems and making suggestions |  |  |  |
|  | * 1. Writing: new report, an essay |  |  |  |
|  | 1.7. Language review / skills round - up |  |  |  |
| 2 | **Bài 2: CRIME SCENE (Lên lớp: 10 tiết; tự học: 20 giờ)** | **30** | **10** | **20** |
|  | * 1. Vocabulary: Crime and Criminals, Word formation: Noun suffixes, compound nouns, colloquial expressions and abbreviations |  |  |  |
|  | 2.2. Grammar: Past Perfect, Reported Speech |  |  |  |
|  | 2.3. Reading: story, article about cyber crime |  |  |  |
|  | 2.4. Listening: news reports, opinions on stealing |  |  |  |
|  | 2.5. Speaking: discussing different crime, discussing stealing, reporting other people’s experiences, reporting a theft, making polite requests |  |  |  |
|  | 2.6. Writing: an email describing a crime |  |  |  |
|  | 2.7. Get ready for your exam |  |  |  |
| 3 | **Bài 3: THE WRITTEN WORD (Lên lớp: 10 tiết; tự học: 20 giờ)** | **30** | **10** | **20** |
|  | * 1. Vocabulary: Publication, books and texts, words related to literature, everyday functions |  |  |  |
|  | 3.2. Grammar: Passive Voice (present simple and past simple, present perfect and future) |  |  |  |
|  | 3.3. Reading: biography of a writer, personal account of an author |  |  |  |
|  | 3.4. Listening: a questionaire, conversation making an arrangement to meet |  |  |  |
|  | 3.5. Speaking: discussing books and writing, talking about experiences and making predictions, arranging to meet |  |  |  |
|  | 3.6. Writing: an informal letter |  |  |  |
|  | * 1. Language review / skills round-up |  |  |  |

**5. Tài liệu học tập và tham khảo:**

***- Tài liệu học tập:***

Tim Falla, Paul A Davies – Solutions, Pre-Intermediate – Oxford, 2018.

***- Tài liệu tham khảo:***

1. Liz and John Soar – New Headway, Pre-Intermediate, the fourth edition – Oxford, 2018

2. Mark Foley, Diane Hall – Total English, Pre-Intermediate – Longman, 2018.

3. Grammar in Use - Oxford, 2010

**6. Điều kiện thực hiện học phần:**

- Phòng học chuyên môn hóa / nhà xưởng: Phòng Tiếng anh

- Trang thiết bị máy móc: TV , loa, máy tính có kết nối internet

- Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Sách học và sách tham khảo

- Các điều kiện khác:

**7. Phương pháp giảng dạy và học tập:**

Giảngviên giới thiệu học phần, cung cấp đề cương bài giảng, tài liệu tham khảo, các địa chỉ website để tìm tư liệu liên quan đến môn học, giáo viên hướng dẫn kỹ năng, ngữ pháp và các bài đọc hiểu, phương pháp viết luận, viết thư...để sinh viên vận dụng vào các bài tự học ở nhà thông qua internet, gửi bài cho giáo viên qua email để trao đổi phần bài tập. Sinh viên luyện nghe nói thêm trên youtube và tham gia các câu lạc bộ, hoạt động ngoại khóa để nâng cao khả năng nghe nói với người bản xứ.

**8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập học phần:**

Thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo của Trường ĐHSP Kỹ thuật Vinh.

***8.1. Điểm kiểm tra đánh giá - quá trình: Có trọng số chung là 30%***

- Điểm chuyên cần: 10 %.

- Điểm giữa kỳ: 20 % (02 bài thi)

***8.2. Điểm thi kết thúc học phần***

Điểm thi kết thúc học phầncó trọng số là 70**%.**

- Hình thức thi: trắc nghiệm kết hợp tự luận

*Nghệ An, ngày 16 tháng 04 năm 2020*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NGƯỜI BIÊN SOẠN**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* | **TRƯỞNG KHOA**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* |

Nguyễn Thị Lệ Hằng Trần Khắc Hoàn

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH

**KHOA NGOẠI NGỮ**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT**

**Tên học phần: Tiếng Anh chuyên ngành Kinh tế**

**Mã học phần: 3NN004DC**

**Số tín chỉ: 02 (Số tiết: 30)**

**NGHỆ AN – 2020**

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XH  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC**  **SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT**

**1. Thông tin chung về học phần**:

- Tên học phần: Tiếng Anh chuyên ngành Kinh tế

- Mã học phần: 3NN004DC

- Số tín chỉ: 02 (số tiết: 30) , phân bổ thời gian:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| + | Lên lớp: | 30 tiết (00 giờ). |
| + | Thực hành: | 00 tiết (00 giờ). |
| + | Thí nghiệm: | 00 tiết (00 giờ) |
| + | Thảo luận: | 00 tiết (00 giờ) |
| + | Bài tập: | 00 tiết (00 giờ) |
| + | Tự học, tự nghiên cứu: | 60 giờ |

**-** Trình độ đào tạo: Đại học

- Khoa phụ trách giảng dạy: Khoa Ngoại ngữ

**2. Mục tiêu của học phần:**

**-** Kiến thức: Sinh viên có thêm những kiến thức ngôn ngữ tiếng anh (từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp) nhất định về các hoạt động trong các lĩnh vực thuộc chuyên nghành Kinh tế như: sử dụng đúng các thuật ngữ chuyên nghành Kinh tế, các thì ngữ pháp như hiện tại đơn, quá khứ đơn, hiện tại hoàn thành, bị động, câu điều kiện, ...; nắm vững các thuật ngữ liên quan đến các nội dung: kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô, kinh tê thị trường, tiền tệ và chức năng của nó; Nắm được kiến thức về tài chính, thuế, kiểm toán và kế hoạch kinh doanh

- Kỹ năng:

\* Nghe hiểu: + Có thể nghe hiểu các cụm từ và cách diễn đạt liên quan tới các chủ đề: khái quát chung về kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô, kinh tê thị trường, tiền tệ và chức năng của nó; Nắm được kiến thức về tài chính, thuế, kiểm toán và kế hoạch kinh doanh

+ Có thể nghe hiểu được ý chính trong các giao dịch quen thuộc khi được diễn đạt chậm và rõ ràng.

\* Nói: + Có thể giao tiếp một cách đơn giản và trực tiếp về các chủ đề quen thuộc liên quan đến các chủ đề bài học: kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô, kinh tê thị trường, tiền tệ và chức năng của nó; Nắm được kiến thức về tài chính, thuế, kiểm toán và kế hoạch kinh doanh.

+ Có thể truyền đạt quan điểm, nhận định của mình trong các tình huống xã giao đơn giản, ngắn gọn.

\* Đọc hiểu: + Có thể đọc hiểu các văn bản chứa đựng thông tin rõ ràng về các chủ đề liên quan đến chuyên ngành Kinh tế như: kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô, kinh tê thị trường, tiền tệ và chức năng của nó; Nắm được kiến thức về tài chính, thuế, kiểm toán và kế hoạch kinh doanh

\* Viết: Có thể viết bài đơn giản, có tính liên kết về các chủ đề quen thuộc liên quan tới chuyên ngành Kinh tế như: kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô, kinh tê thị trường, tiền tệ và chức năng của nó; Nắm được kiến thức về tài chính, thuế,kiểm toán và kế hoạch kinh doanh

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Có thái độ nghiêm túc và tích cực trong quá trình học tập, nghiên cứu.

+ Lên lớp nghe giảng đầy đủ, làm bài tập, tự nghiên cứu bài học theo yêu cầu của môn học.

+ Hiểu được những vấn đề về chuyên ngành Kinh tế và biết cách giải quyết những vấn đề nảy sinh; Tự tin khi giải quyết các vấn đề nảy sinh trong việc lựa chọn và sử dụng từ, bố trí sắp xếp trật tự từ trong giao tiếp; Nâng cao vốn từ vựng và năng lực đọc hiểu trong lĩnh vực sư phạm kỹ thuật; Nhận thức được và có kỹ năng làm việc tập thể, cộng tác, hợp tác như thường thấy trong việc đọc hiểu ngoài thực tế. Đồng thời phát triển khả năng làm việc độc lập, tự tin của một kế toán viên/quản trị viên.

**3. Mô tả học phần:**

- Vai trò, vị trí của môn học: Môn học Tiếng Anh chuyên ngành Kinh tế đóng vai trò quan trọng trong trong khung chương trình đào tạo Cao đẳng, Đại học.

- Điều kiện tiên quyết: Sinh viên phải hoàn thành chương trình Tiếng Anh cơ bản 2.

- Nội dung cần đạt được của học phần : Sau khi học xong môn tiếng Anh chuyên ngành Kinh tế, sinh viên sẽ có khả năng:

+ Lĩnh hội được kiến thức về các thời ngữ pháp, thể bị động, câu điều kiện, mệnh đề quan hệ...

+ Hiểu được kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô, kinh tê thị trường, tiền tệ và chức năng của nó; Nắm được kiến thức về tài chính, thuế, kiểm toán và kế hoạch kinh doanh.

**4. Nội dung học phần:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Thời gian**  **thực hiện** | | |
| **Tổng số** | **Lý thuyết** | **Thực hành**  **(TH, TN, BT, TL)** |
| 1 | MICROECONOMICS | **12** | **4** | **8** |
|  | 1.1 Reading: |  |  |  |
|  | 1.2 Vocabulary |  |  |  |
|  | 1.3 Languages focus: ***Get + past participle*** |  |  |  |
|  | 1.4 Practice |  |  |  |
|  | 1.5 Further reading: MANAGEMENT OF WORKING CAPITAL |  |  |  |
| 2 | MACROECONOMICS | **12** | **4** | **8** |
|  | 2.1 Reading: |  |  |  |
|  | 2.2 Vocabulary: |  |  |  |
|  | 2.3 Languages focus: **Showing Direct Opposition, Using “so that”** |  |  |  |
|  | 2.4 Practice |  |  |  |
|  | 2.5 Further reading: THE FOREIGN EXCHANGE MARKET |  |  |  |
| 3 | MARKETING ECONOMY | **12** | **4** | **8** |
|  | 3.1 Reading: |  |  |  |
|  | 3.2 Vocabulary |  |  |  |
|  | 3.3 Languages focus: ***A present participle is the –ing form of the verb. A past participle can be part of a verb or it can be an adjective.*** |  |  |  |
|  | 3.4 Practice |  |  |  |
|  | 3.5 Further reading: FUNCTIONS OF STOCK EXCHANGE |  |  |  |
| 4 | MONEY AND ITS FUNCTIONS | **12** | **4** | **8** |
|  | 4.1 Reading: |  |  |  |
|  | 4.2 Vocabulary: |  |  |  |
|  | 4.3 Languages focus: ***Relative clauses and relative pronouns*** |  |  |  |
|  | 4.4 Practice |  |  |  |
|  | 4.5 Further reading: BANKS AND BANKING |  |  |  |
|  | Test 1 tiết |  |  |  |
| 5 | MARKETING, ANALYSIS OF MARKETING OPPORTUNITIES | **12** | **4** | **8** |
|  | 5.1 Reading: |  |  |  |
|  | 5.2 Vocabulary: |  |  |  |
|  | 5.3 Languages focus: |  |  |  |
|  | 5.4 Practice |  |  |  |
|  | 5.5 Further reading: PRICING |  |  |  |
| 6 | FINANCE | **12** | **4** | **8** |
|  | 6.1 Reading: |  |  |  |
|  | 6.2 Vocabulary: |  |  |  |
|  | 6.3 Languages focus: |  |  |  |
|  | 6.4 Practice |  |  |  |
|  | 6.5 Further reading: FUNDING THE BUSINESS |  |  |  |
| 7 | TAXATION **(**Lên lớp: 4 tiết; tự học: 8 giờ**)** | **12** | **4** | **8** |
|  | 7.1 Reading: |  |  |  |
|  | 7.2 Vocabulary |  |  |  |
|  | 7.3 Languages focus: THE PRESENT PARTICIPLE |  |  |  |
|  | 7.4 Practice |  |  |  |
|  | 7.5 Further reading: INSURANCE |  |  |  |
|  | **Consolidation** | **6** | **2** | **4** |
|  | **Cộng:** | **90** | **30** | **60** |

**\* Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:**

- Chuẩn bị ở nhà và dự lớp:  80% tổng số giờ lên lớp. Điểm chuyên cần có hệ số là 0,1.

- Thi giữa học phần: 2 bài thi. Điểm thi giữa học phần có hệ số là 0,2.

- Thi cuối học phần: 1 bài thi. Điểm thi cuối học phần có hệ số là 0,7.

**5. Tài liệu học tập và tham khảo:**

***- Tài liệu học tập:***Đề cương bài giảng:

Ts Trần Khắc Hoàn, Ths Bùi Thị Xuân Linh - **English for Economics** - 2016

.- ***Tài liệu tham khảo***:

[1]. Group – **English for Economists**, Saint Petersburg State University, 2006.

[2]. Simon Sweeney – **English for Business Communication**, Cambridge, 2008.

[3]. Ian McKenzie – **English for the Financial Sector**, Cambridge, 2008

**6. Điều kiện thực hiện học phần:**

- Phòng học chuyên môn hóa / nhà xưởng: Phòng Tiếng anh

- Trang thiết bị máy móc: TV , loa, máy tính có kết nối internet

- Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Sách học và sách tham khảo

**7. Phương pháp giảng dạy và học tập:**

Giảngviên giới thiệu học phần, cung cấp đề cương bài giảng, tài liệu tham khảo, các địa chỉ website để tìm tư liệu liên quan đến môn học, phân từng nhóm SV về nhà chuẩn bị bài từng chương, làm báo cáo Seminar. Cuối mỗi chương giáo viên tóm tắt bài giảng.

**8. Phương pháp đánh giá học phần:**

Thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo của Trường ĐHSP Kỹ thuật Vinh.

*Nghệ An, ngày 10 tháng 5 năm 2020*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NGƯỜI BIÊN SOẠN** | **TRƯỞNG BỘ MÔN** | **TRƯỞNG KHOA** |

**Bùi Thị Xuân Linh Trần Khắc Hoàn Trần Khắc Hoàn**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH

**KHOA SƯ PHẠM KỸ THUẬT**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT**

**Tên học phần: Nhập môn Logic học**

**Mã học phần: 3SP521DC**

**Số tín chỉ: 02 (Số tiết: 30)**

**NGHỆ AN – 2020**

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XH  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC**  **SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT**

**1. Thông tin chung về học phần**:

- Tên học phần: Nhập môn Logic học

- Mã học phần: 3SP521DC

- Số tín chỉ: 02 (Số tiết: 30), phân bổ thời gian:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| + | Lên lớp: | 22 tiết (00 giờ). |
| + | Thực hành: | 00 tiết (00 giờ). |
| + | Thí nghiệm: | 00 tiết (00 giờ) |
| + | Thảo luận: | 8 tiết (00 giờ) |
| + | Bài tập: | 00 tiết (00 giờ) |
| + | Tự học, tự nghiên cứu: | 60 giờ |

**-** Trình độ đào tạo: Đại học

- Bộ môn / Khoa phụ trách giảng dạy: Sư phạm kỹ thuật

**2. Mục tiêu của học phần:**

- Về kiến thức:

+ Phân biệt được đối tượng nghiên cứu của lôgic học hình thức và lôgic học biện chứng

+ Xác định được những điều kiện để suy diễn chính xác và hiểu được ý nghĩa của lôgic học đối với cuộc sống và công tác giảng dạy

+ Phân tích được đặc điểm, cấu trúc lôgíc, phân loại và các quan hệ của khái niệm, phán đoán, suy luận

+ Trình bày được bản chất, cấu trúc của giả thuyết, chứng minh

+ Nêu được nội dung và ý nghĩa của các quy luật tư duy lôgic cơ bản, từ đó vận dung vào quá trình suy nghĩ và biện luận.

- Về kỹ năng:

+ Vận dụng các hình thức tư duy lôgic vào hoạt động dạy học

+ Vận dụng các quy luật vào quá trình suy nghĩ và biện luận

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, giải quyết tốt các công việc, vấn đề phức tạp trong các tình huống cụ thể

+ Thể hiện thái độ học tập môn học đúng đắn

+ Bồi dưỡng tình cảm nghề nghiệp và phẩm chất của người giáo viên kỹ thuật

**3. Mô tả học phần:**

- Vai trò, vị trí của môn học: Nhập môn logic học là môn họcquan trọng trong chương trình đào tạo đại học ngành Sư phạm công nghệ giúp sinh viên học tập, nghiên cứu khoa học sư phạm công nghệ một cách chặt chẽ, hợp logic.

- Điều kiện tiên quyết: Học phần này được học sau khi sinh viên đã học xong các học phần : Triết học Mác Lênin, Toán cao cấp

- Nội dung cần đạt được của học phần (mô tả tóm tắt): Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về các hình thức của logic học; quy luật cơ bản của lôgic hình thức; Giả thuyết, chứng minh, bác bỏ

**4. Nội dung học phần:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Thời gian**  **thực hiện** | | |
| **Tổng số** | **Lý thuyết** | **Thực hành**  **(TH, TN, BT, TL)** |
| 1 | Bài 1: **Các hình thức lôgic cơ bản**. | **20** | **14** | **6** |
|  | 1.1. Khái quát về lôgic học | 2 | 2 | 0 |
|  | 1.2. Các hình thức logic cơ bản |  |  |  |
|  | 1.2.1. Khái niệm  1.2.1.1. Khái niệm chung  1.2.1.2. Cấu trúc logic của khái niệm  1.2.1.3. Phân loại khái niệm  1.2.1.4. Quan hệ giữa các khái niệm  1.2.1.5. Các thao tác logic đối với khái niệm | 6 | 4 | 2 |
|  | 1.2.2. Phán đoán  1.2.2.1. Khái niệm chung  1.2.2.2. Cấu trúc logic của phán đoán  1.2.2.3. Phân loại phán đoán | 4 | 4 | 1 |
|  | 1.2.3. Suy luận  1.2.3.1. Khái niệm chung  1.2.3.2. Các loại suy luận | 8 | 4 | 3 |
| 2 | Bài 2: **Các quy luật cơ bản của lôgic hình thức, giả thuyết, chứng minh, bác bỏ** | **10** | **8** | **2** |
|  | 2.1. Các quy luật cơ bản của lôgic hình thức | **4** | **3** | **1** |
|  | 2.1.1. Khái niệm chung về các quy luật tư duy lôgic | 0.5 | 0.5 | 0 |
|  | 2.1.2. Các quy luật tư duy lôgic cơ bản  2.1.2.1. Qui luật đồng nhất  2.1.2.2. Qui luật mâu thuẫn  2.1.2.3. Qui luật bài trung  2.1.2.4. Qui luật lý do đầy đủ | 3.5 | 2.5 | 1 |
|  | 2.2. Giả thuyết, chứng minh, bác bỏ | **6** | **5** | **1** |
|  | 2.2.1. Giả thuyết  2.2.1.1. Khái niệm  2.2.1.2. Các giai đoạn xây dựng giả thuyết | 1 | 1 | 0 |
|  | 2.2.2. Chứng minh  2.2.2.1. Khái niệm chung  2.2.2.2. Cấu trúc lôgíc của chứng minh  2.2.2.3. Các hình thức chứng minh | 3 | 2 | 1 |
|  | 2.2.3. Bác bỏ  2.2.3.1. Định nhĩa  2.2.3.2. Các phương pháp bác bỏ | 2 | 2 | 0 |
|  | **Cộng:** | **30** | **22** | **8** |

**5. Tài liệu học tập và tham khảo:**

***- Tài liệu học tập:***

[1]. Vương Tất Đạt - Lôgic học đai cương - NXB ĐHQG Hà nội – 1998

[2]. Tô Duy Hợp - Nguyễn Anh Tuấn, Lôgic học, NXB Đồng Nai - 1997

***- Tài liệu tham khảo:***

[1]. Nguyễn Viết Sự - Lôgic học - Chương trình BDSP bậc 1 - Viện NCPTGD - 1998

[2]. Đinh Công Thuyến-Trần Thi Phấn-Lôgic học-Trường CĐSPKT1-1995

[3]. Gorki - Lôgic học - NXBGD – Hà nội 1974

[4]. Đỗ Ngọc Đạt - Lôgic toán và ứng dụng trong dạy học- NXBGD - 1996

[5]. Các chương trình giảng dạy Lôgic học của khoa Tâm lý-giáo dục - ĐHSP Hà nội, Học viện chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh và các tài liệu có liên quan khác.

**6. Điều kiện thực hiện học phần:**

- Phòng học chuyên môn hóa / nhà xưởng: Phòng học lý thuyết

- Trang thiết bị máy móc: máy tính, máy chiếu

- Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: giáo trình, bài giảng, bảng, phấn

- Các điều kiện khác: không.

**7. Phương pháp giảng dạy và học tập:**

Giảngviên giới thiệu học phần, cung cấp đề cương bài giảng, tài liệu tham khảo, các địa chỉ website để tìm tư liệu liên quan đến môn học, phân từng nhóm SV về nhà chuẩn bị bài từng chương, làm báo cáo Seminar. Cuối mỗi chương giáo viên tóm tắt bài giảng.

**8. Phương pháp đánh giá học phần:**

Thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo của Trường ĐHSP Kỹ thuật Vinh.

***8.1. Điểm kiểm tra đánh giá - quá trình:*** Có trọng số chung là 30%

- Điểm chuyên cần: 10 %*.*

- Điểm giữa kỳ: 20 % (Thảo luận 10% và kiểm tra giữa học phần 10%)

***8.2. Điểm thi kết thúc học phần***

-Điểm thi kết thúc học phầncó trọng số là 70%.

- Hình thức thi: Tự luận

*Nghệ An, ngày tháng năm 2020.*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NGƯỜI BIÊN SOẠN**  ThS. Lê Trọng Phong | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  TS. Phan Thị Tâm | **TRƯỞNG KHOA**  TS. Phan Thị Tâm |

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH

**KHOA SƯ PHẠM KỸ THUẬT**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT**

**Tên học phần: Kỹ năng mềm**

**Mã học phần: 3SP003DC**

**Số tín chỉ: 2 (Số tiết: 30)**

**NGHỆ AN – 2020**

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XH  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC**  **SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT**

**1. Thông tin chung về học phần**:

- Tên học phần: Kỹ năng mềm

- Mã học phần: 3SP003DC

- Số tín chỉ: 02 (Số tiết: 30 ), phân bổ thời gian:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| + | Lên lớp: | 10 tiết (00 giờ). |
| + | Thực hành: | 20 tiết (00 giờ). |
| + | Thí nghiệm: | 00 tiết (00 giờ) |
| + | Thảo luận: | 00 tiết (00 giờ) |
| + | Bài tập: | 00 tiết (00 giờ) |
| + | Tự học, tự nghiên cứu: | 60 giờ |

**-** Trình độ đào tạo: Đại học

- Khoa phụ trách giảng dạy: Sư phạm kỹ thuật

**2. Mục tiêu của học phần:**

- Kiến thức:

+ Trình bày được khái quát về kỹ năng mềm

+ Nêu được kiến thức cơ bản về các kỹ năng: thuyết trình, giao tiếp, làm việc nhóm, lập kế hoạch, kỹ năng học tập ở đại học và kỹ năng xin việc.

+ Nêu được các phong cách, kiểu tư duy trong học tập và làm việc.

+ Trình bày được các bước thuyết trình, giao tiếp, làm việc nhóm, lập kế hoạch, học tập ở đại học và chuẩn bị hồ sơ tìm việc, viết lý lịch, hồ sơ năng lực cá nhân, các kiến thức cơ bản về phỏng vấn tuyển dụng, môi trường làm việc, văn hóa công sở.

- Kỹ năng:

+ Xây dựng được một bài thuyết trình hoàn chỉnh...

+ Thuyết trình được trước đám đông

+ Thực hiện có hiệu quả các hành vi giao tiếp cơ bản trong công sở

+ Thể hiện khả năng làm việc nhóm và nghiên cứu khoa học

+ Lập được kế hoạch học tập theo năm học, học kì phù hợp kế hoạch chung của Nhà trường. Sử dụng hiệu quả một số kỹ năng học tập cơ bản: nghe và ghi chép trên lớp, học bằng sơ đồ tư duy, thảo luận nhóm và tự học, tự nghiên cứu.

+ Lập được kế hoạch và tổ chức công việc có hiệu quả

+ Tìm kiếm được thông tin việc làm

+ Chuẩn bị được hồ sơ xin việc theo yêu cầu của nhà tuyển dụng. Ứng phó nhanh với các câu trả lời phỏng vấn của nhà tuyển dụng.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Tích cực trong học tập và rèn luyện

+ Có khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, tự chịu trách nhiệm.

+ Có trách nhiệm khi tham gia các hoạt động tập thể, hoạt động nhóm; có thái độ ứng xử và hành vi giao tiếp đúng mực, văn minh, phù hợp với hoàn cảnh, đối tượng, mục đích giao tiếp cụ thể.

+ Có suy nghĩ tích cực, lạc quan, chủ động chia sẻ, điều chỉnh cảm xúc, hành vi cá nhân khi gặp các vấn đề căng thẳng, áp lực không mong muốn trong học tập, các quan hệ xã hội và cuộc sống

**3. Mô tả học phần:**

- Vai trò, vị trí của môn học: Là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo Đại học các ngành kỹ thuật nhằm giúp sinh viên đáp ứng chuẩn đầu ra, phù hợp yêu cầu vị trí việc làm của nhà tuyển dụng.

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Nội dung cần đạt được của học phần (mô tả tóm tắt):

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về khái niệm, yêu cầu, quy trình thực hiện một số kỹ năng mềm như: kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng học tập ở đại học và kỹ năng xin việc; Trên cơ sở đó hình thành ở sinh viên các kỹ năng tương ứng để họ có thể thích ứng với cuộc sống, học tập và nghề nghiệp cũng như tích cực tham gia các hoạt động xã hội.

**4. Nội dung học phần:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Thời gian**  **thực hiện** | | |
| **Tổng số** | **Lý thuyết** | **Thực hành**  **(TH, TN, BT, TL)** |
| 1 | Bài 1: Kỹ năng thuyết trình | **5** | **2** | **3** |
|  | 1.1. Khái niệm kỹ năng mềm | 0.5 | 0.5 |  |
|  | 1.1.1. Định nghĩa |  |  |  |
|  | 1.1.2. Vai trò của kỹ năng mềm |  |  |  |
|  | 1.1.3. Phân loại kỹ năng mềm |  |  |  |
|  | 1.2. Kỹ năng thuyết trình | 0.5 | 0.5 |  |
|  | 1.2.1. Định nghĩa thuyết trình |  |  |  |
|  | 1.2.2. Quy trình thực hiện bài thuyết trình | 1.0 | 1.0 |  |
|  | 1.2.3. Thực hành kỹ năng thuyết trình | 3.0 |  | 3.0 |
| 2 | Bài 2: Kỹ năng giao tiếp | **5** | **2** | **3** |
|  | 2.1. Khái niệm kỹ năng giao tiếp | 1.0 | 1.0 |  |
|  | 2.1.1. Định nghĩa |  |  |  |
|  | 2.1.2. Vai trò của kỹ năng gao tiếp |  |  |  |
|  | 2.2. Quy trình thực hiện kỹ năng giao tiếp | 1.0 | 1.0 |  |
|  | 2.3. Thực hành kỹ năng giao tiếp | 3.0 |  | 3.0 |
| 3 | Bài 3: Kỹ năng làm việc nhóm | **5** | **2** | **3** |
|  | 3.1. Khái niệm kỹ năng làm việc nhóm | 1.0 | 1.0 |  |
|  | 3.1.1. Định nghĩa |  |  |  |
|  | 3.1.2. Vai trò của làm việc nhóm |  |  |  |
|  | 3.1.3. Nguyên tắc làm việc nhóm |  |  |  |
|  | 3.2. Quy trình làm việc nhóm | 1.0 | 1.0 |  |
|  | 3.3. Thực hành kỹ năng làm việc nhóm | 3.0 |  | 3.0 |
| 4 | Bài 4: Kỹ năng học tập ở đại học | **5** | **2** | **3** |
|  | 4.1. Học tập theo học chế tín chỉ | 0.5 | 0.5 |  |
|  | 4.1.1. Đặc điểm đào tạo theo học chế tín chỉ |  |  |  |
|  | 4.1.2. Đặc điểm học tập theo học chế tín chỉ |  |  |  |
|  | 4.1.3. Các kỹ năng cơ bản trong học tập theo học chế tín chỉ |  |  |  |
|  | 4.2. Kỹ năng lập kế hoạch học tập | 1.5 | 0.5 | 1.0 |
|  | 4.2.1. Định nghĩa |  |  |  |
|  | 4.2.2. Quy trình lập kế hoạch học tập |  |  |  |
|  | 4.2.3. Thực hành |  |  |  |
|  | 4.2. Kỹ năng nghe giảng và ghi nhớ | 1.5 | 0.5 | 1.0 |
|  | 4.2.1. Ý nghĩa của ghi nhớ |  |  |  |
|  | 4.2.2. Các phương pháp ghi nhớ |  |  |  |
|  | 4.2.3. Thực hành |  |  |  |
|  | 4.3. Kỹ năng tự học | 1.5 | 0.5 | 1.0 |
|  | 4.3.1. Định nghĩa |  |  |  |
|  | 4.3.2. Các hình thức tự học |  |  |  |
|  | 4.3.3. Quy trình thực hiện tự học |  |  |  |
|  | 4.3.4. Thực hành |  |  |  |
| 5 | Bài 5: Kỹ năng lập kế hoạch thực hiện công việc | **5** | **2** | **3** |
|  | 5.1. Khái niệm lập kế hoạch | 1.0 | 1.0 |  |
|  | 5.1.1. Định nghĩa |  |  |  |
|  | 5.1.2. Ý nghĩa |  |  |  |
|  | 5.2. Quy trình lập kế hoạch thực hiện công việc | 1.0 | 1.0 |  |
|  | 5.3. Thực hành lập kế hoạch công việc | 3 |  | 3 |
| 6 | Bài 6: Kỹ năng xin việc làm | **5** | **2** | **3** |
|  | 6.1. Mục đích, ý nghĩa xin việc làm | 0.5 | 0.5 |  |
|  | 6.2. Quy trình xin việc làm | 1.5 | 1.5 |  |
|  | 6.2.1. Đánh giá năng lực và nhu cầu của bản thân |  |  |  |
|  | 6.2.2. Tìm kiếm thông tin việc làm |  |  |  |
|  | 6.2.3. Chuẩn bị hồ sơ xin việc làm |  |  |  |
|  | 6.2.4. Tham dự phỏng vấn xin việc làm |  |  |  |
|  | 6.3. Thực hành | 3.0 |  | 3.0 |
|  | **Cộng:** | **30** | **10** | **20** |

**5. Tài liệu học tập và tham khảo:**

***- Tài liệu học tập****:*

[1*]. Khoa Sư phạm Kỹ thuật, Đề cương bài giảng Kỹ năng mềm, 2018*

***- Tài liệu tham khảo:*** *........... (Sách, tạp chí, video ...):*

[1]. *PGS.TS Đặng Thành Hội, Bài giảng Kỹ năng làm việc nhóm, Trường Đại học Nông Lâm TP Hồ Chí Minh, 2010.*

[2]. *Carroll E.Lzard. dịch bởi Nguyễn Hữu Chương – Nguyễn Khắc Hiếu – Nguyễn Dương Khư , Những cảm xúc của người. NXB Giáo dục, 1992.*

[3]. *Travis Bradberry và Jean Greaves – dịch bởi Uông Xuân Vy – Trần Đăng Khoa, Thông minh cảm xúc thế kỷ 21. NXB Phụ nữ, 2014.*

[4]. *Nguyễn Minh Hân, Hướng dẫn viết hồ sơ xin việc tiếng Anh. NXB Thanh niên, 2010.*

**6. Điều kiện thực hiện học phần:**

- Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng chuyên môn hóa

- Trang thiết bị máy móc: máy tính, máy chiếu

- Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Bảng phấn, bảng lật, bảng gim, giấy A0, bút dạ

- Các điều kiện khác: ..................................................

**7. Phương pháp giảng dạy và học tập:**

- Thuyết trình; Nêu vấn đề; Thảo luận nhóm/báo cáo kết quả.

- Hướng dẫn tìm kiếm thông tin; tổ chức hoạt động.

- Hướng dẫn cách vận dụng tri thức để rèn luyện kỹ năng.

- Bài tập thực hành rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức môn học vào thực tiễn

- Kết hợp giữa phương pháp thuyết trình và phương pháp đối thoại. Trong giờ thực hành, sinh viên tập thảo luận và áp dụng kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề giao tiếp theo nhóm hay cá nhân. Giảng viên hướng dẫn các nội dung tự học của sinh viên.

- Tổ chức hoạt động ngoại khóa: gặp gỡ trực tiếp với diễn giả/ nhà tuyển dụng/ người thành đạt.

**8. Phương pháp đánh giá học phần:**

Thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo của Trường ĐHSP Kỹ thuật Vinh.

***8.1. Điểm kiểm tra đánh giá - quá trình:*** Có trọng số chung là 30%

- Điểm chuyên cần: 10 %*.*

- Điểm giữa kỳ: 20 % (Thảo luận 10% và kiểm tra giữa học phần 10%)

***8.2. Điểm thi kết thúc học phần***

- Điểm thi kết thúc học phầncó trọng số là 70%.

- Hình thức thi: Tự luận

*Nghệ An, ngày tháng năm 2020.*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NGƯỜI BIÊN SOẠN**  ThS. Lê Trọng Phong | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  TS. Phan Thị Tâm | **TRƯỞNG KHOA**  TS. Phan Thị Tâm |

*Phụ lục 3b (Mẫu 4LT – CTĐH 2020)*

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH

**KHOA KINH TẾ**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT**

**Tên học phần: Kinh tế vi mô**

**Mã học phần: 3KT102CD**

**Số tín chỉ: 02 (Số tiết: 30)**

**NGHỆ AN – 2020**

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XH  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC**  **SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT**

**1. Thông tin chung về học phần**:

- Tên học phần: Kinh tế vi mô

- Mã học phần: 3KT102CD

- Số tín chỉ: 02 (Số tiết: 30), phân bổ thời gian:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| + | Lên lớp: | 22 tiết. |
| + | Thực hành: | 00 tiết (00 giờ). |
| + | Thí nghiệm: | 00 tiết (00 giờ) |
| + | Thảo luận: | 00 tiết (00 giờ) |
| + | Bài tập: | 08 tiết (16 giờ) |
| + | Tự học, tự nghiên cứu: | 60 giờ |

-Trình độ đào tạo: Đại học

- Bộ môn / Khoa phụ trách giảng dạy: Bộ môn Kinh tế và Quản trị kinh doanh/ Khoa Kinh tế

**2. Mục tiêu của học phần:**

- Kiến thức:

+ Trình bày được các vấn đề kinh tế cơ bản của các chủ thể trong nền kinh tế;

+ Nắm được lý thuyết lựa chọn kinh tế, ảnh hưởng của quy luật khan hiếm và mô hình kinh tế đến việc lựa chọn kinh tế;

+ Vận dụng các kiến thức cơ bản về kinh tế học nói chung và kinh tế vi mô nói riêng để phân tích các vấn đề cụ thể như: lý thuyết cung cầu, hành vi của người tiêu dùng, hành vi của người sản xuất, lý thuyết về cạnh tranh và độc quyền.

- Kỹ năng:

+ Phân tích được các vấn đề kinh tế cơ bản của doanh nghiệp;

+ Xác định được cung cầu, giá cả hàng hóa;

+ So sánh được thị truờng cạnh tranh và độc quyền;

+ Xác định được thị trường các yếu tố sản xuất;

+ Giải thích được hành vi của người tiêu dùng và doanh nghiệp;

+ Giải thích các hiện tượng kinh tế phát sinh trong thực tiễn;

+ Vận dụng các lý thuyết kinh tế vi mô để đưa ra các quyết định sản xuất và tiêu dùng tối ưu.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Có ý thức tích cực, chủ động trong quá trình học tập.

+ Có khả năng tự học, tự nghiên cứu tài liệu, giải quyết các tình huống.

+Tiếp cận và giải quyết các vấn đề kinh tế hiện đại phù hợp với xu thế phát triển hiện nay.

**3. Mô tả học phần:**

- Vai trò, vị trí của môn học: Kinh tế học vi mô là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở của ngành Kế toán, Quản trị kinh doanh, marketing thương mại, làm cơ sở cho các học phần chuyên ngành; nghiên cứu cách thức ra quyết định của các chủ thể kinh tế cũng như sự tương tác của họ trên các thị trường cụ thể, là cơ sở để học các học phần, mô đun chuyên môn.

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Nội dung cần đạt được của học phần: Nắm được các kiến thức cơ bản về kinh tế học nói chung và kinh tế vi mô nói riêng để phân tích các vấn đề cụ thể của nền kinh tế thị trường như: lý thuyết cung cầu, hành vi của người tiêu dùng, hành vi của người sản xuất, lý thuyết về cạnh tranh và độc quyền.

**4. Nội dung học phần:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên chương, mục** | **Thời gian**  **thực hiện** | | |
| **Tổng số** | **Lý thuyết** | **Thực hành**  **(TH, TN, BT, TL)** |
| 1 | Bài 1: Tổng quan về kinh tế học   * 1. Giới thiệu tổng quan về kinh tế học   2. Nội dung và phương pháp nghiên cứu   3. Lý thuyết lựa chọn kinh tế | 4 | 4 | 0 |
| 2 | Bài 2: Cung – Cầu  2.1. Cầu  2.2. Cung  2.3. Cân bằng thị trường  2.4. Độ co giãn | 8 | 4 | 4 |
| 3 | Bài 3: Lý thuyết lợi ích  3.1. Những vấn đề chung  3.2. Lý thuyết lợi ích  3.3. Lựa chọn sản phẩm và tiêu dùng tối ưu | 6 | 4 | 2 |
| 4 | Bài 4: Sản xuất – Chi phí- Lợi nhuận  4.1. Lý thuyết sản xuất  4.2. Lý thuyết chi phí  4.3. Lợi nhuận | 8 | 6 | 2 |
| 5 | Bài 5: Cấu trúc thị trường  5.1. Cạnh tranh hoàn hảo  5.2. Độc quyền  5.3. Cạnh tranh độc quyền  5.4. Độc quyền tập đoàn | 4 | 4 | 0 |
|  | **Cộng:** | **30** | **22** | **08** |

**5. Tài liệu học tập và tham khảo:**

***- Tài liệu học tập:***

[1]. TS. Vũ Kim Dũng – *Giáo trình nguyên lý kinh tế học vi mô* – Trường Đại học Kinh tế quốc dân – Năm 2011.

***- Tài liệu tham khảo:***

[1].TS. Vũ Kim Dũng – *Bài tập Kinh tế vi mô* – Trường Đại học Kinh tế quốc dân – Năm 2010.

**6. Điều kiện thực hiện học phần:**

- Trang thiết bị máy móc: Máy chiếu, máy vi tính.

- Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Bảng, phấn, tài liệu tham khảo, đề cương bài giảng, giáo trình.

- Các điều kiện khác: Câu hỏi, bài tập thực hành...

**7. Phương pháp giảng dạy và học tập:**

- Hình thức giảng dạy chính của môn học: Lý thuyết trên lớp kết hợp với làm bài tập, thảo luận nhóm

- Giảng viên giới thiệu học phần, cung cấp đề cương bài giảng, tài liệu tham khảo, các địa chỉ website để tìm tư liệu liên quan đến môn học, phân từng nhóm SV về nhà chuẩn bị bài, làm báo cáo Seminar. Giảng viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào nội dung của từng bài học, xây dựng các bài thực hành cụ thể theo nội dung của từng chương, chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện bài học để đảm bảo chất lượng giảng dạy

- Sinh viên cần tham dự đầy đủ các buổi học trên lớp, các buổi thảo luận, các bài thực hành theo quy định của chương trình; Hoàn thành các nhiệm vụ được giao (các bài tập; báo cáo trong các buổi thảo luận...); Chuẩn bị đủ tài liệu học tập, tự nghiên cứu tài liệu dưới sự hướng dẫn của giảng viên, vận dụng lý luận vào giải quyết một số vấn đề cụ thể.

**8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập học phần:**

Thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo của Trường ĐHSP Kỹ thuật Vinh.

***8.1. Điểm kiểm tra đánh giá - quá trình:*** Có trọng số chung là **30%**

- Điểm chuyên cần: 10 **%***.*

- Điểm giữa kỳ: 20 **%** (Kiểm tra viết hoặc làm bài tập nhóm)

***8.2. Điểm thi kết thúc học phần***

Điểm thi kết thúc học phầncó trọng số là 70**%.**

- Hình thức thi: Kiểm tra theo hình thức tự luận hoặc trắc nghiệm khách quan.

*Nghệ An, ngày....... tháng....... năm.........*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NGƯỜI BIÊN SOẠN**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* | **TRƯỞNG KHOA**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* |

Nguyễn Thị Mai Hương TS. Nguyễn Thị Trâm TS. Nguyễn Thị Trâm

*Phụ lục 3b (Mẫu 4LT – CTĐH 2020)*

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH

**KHOA KINH TẾ**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT**

**Tên học phần: Kinh tế vĩ mô**

**Mã học phần: 3KT101DH**

**Số tín chỉ: 02 (Số tiết: 30)**

**NGHỆ AN – 2020**

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XH  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC**  **SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT**

**1. Thông tin chung về học phần**:

- Tên học phần: Kinh tế vĩ mô

- Mã học phần: 3KT101DH

- Số tín chỉ: 2TC (Số tiết: 30 ), phân bổ thời gian:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| + | Lên lớp: | 22 tiết (22 giờ). |
| + | Thực hành: | 00 tiết (00 giờ). |
| + | Thí nghiệm: | 00 tiết (00 giờ) |
| + | Thảo luận: | 08 tiết (16 giờ) |
| + | Tự học, tự nghiên cứu: | 60 giờ |

**-** Trình độ đào tạo: Đại học

- Bộ môn / Khoa phụ trách giảng dạy: Kinh tế

**2. Mục tiêu của học phần:**

- Kiến thức:

+ Trình bày được nội dung cơ bản của môn Kinh tế học vĩ mô – một bộ phận của kinh tế học.

+ Phân tích được mối quan hệ tổng cung tổng cầu và nội dung các chính sách Kinh tế vĩ mô

+ Phân biệt được các chỉ tiêu của nền kinh tế và mối quan hệ giũa các chỉ tiêu đó

+ Trình bày được khái niệm về tiền tệ và các chính sách tiền tệ, chính sách tài khóa

- Kỹ năng:

+ Vận dụng những kiến thức đã học vào nghiên cứu bản chất của hiện tượng kinh tế, tính quy luật và xu hướng vận động của các hiện tượng và quy luật của kinh tế thị trường.

+ Tính toán được các chỉ tiêu kinh tế trong các trường hợp cụ thể

+ Giải được các bài toán kinh tế về tổng cầu, mô hình IS-LM từ đó vận dụng phân tích đối với các tình huống cụ thể của các quốc gia

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Có ý thức tích cực, chủ động trong quá trình học tập.

+ Có khả năng tự học, tự nghiên cứu tài liệu, giải quyết các tình huống.

+ Tiếp cận và giải quyết các vấn đề kinh tế hiện đại phù hợp với xu thế phát triển hiện nay.

**3. Mô tả học phần:**

- Vai trò, vị trí của môn học: Kinh tế vĩ mô là học phần nghiên cứu các nguyên lý và sự vận động cơ bản của nền kinh tế để từ đó giúp nhà nước đưa ra những quyết định phù hợp trong các tình huống kinh tế cụ thể. Kinh tế vĩ mô là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành bắt buộc của ngành Quản trị kinh doanh và là học phần cung cấp những kiến thức nền tảng để nghiên cứu các môn học khác của chuyên ngành.

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Nội dung cần đạt được của học phần: Khái niệm cơ bản của kinh tế vĩ mô, bao gồm: Đo lường tổng sản lượng và mức giá của nền kinh tế; mô tả hành vi của nền kinh tế trong dài hạn: các nhân tố quy định tăng trưởng kinh tế, thất nghiệp và lạm phát trong dài hạn; giới thiệu những tư tưởng chính trong tổng cung, tổng cầu và cân bằng kinh tế vĩ mô; lạm phát và thất nghiệp trong ngắn hạn; giới thiệu các vấn đề kinh tế vĩ mô của một nền kinh tế mở bao gồm cán cân thanh toán, tỉ giá hối đoái và các chính sách thương mại.

**4. Nội dung học phần:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên chương, mục** | **Thời gian**  **thực hiện** | | |
| **Tổng số** | **Lý thuyết** | **Thực hành (TH,TN,BT,TL)** |
| 1 | Bài 1: Tổng quan về Kinh tế học vĩ mô   * 1. Kinh tế học là gì?   2. Kinh tế học vi mô và Kinh tế học vĩ mô   3. Một số vấn đề Kinh tế vĩ mô then chốt | 4 | 4 | 0 |
| 2 | Bài 2: Đo lường các biến số kinh tế vĩ mô  2.1 Tổng sản phẩm trong nước  2.2. Chỉ số giá tiêu dùng | 6 | 4 | 2 |
| 3 | Bài 3: Tăng trưởng kinh tế  3.1. Tăng trưởng kinh tế thế giới  3.2. Nguồn gốc tăng trưởng kinh tế  3.3. Chính sách thúc đẩy tăng trưởng kinh tế | 6 | 4 | 2 |
| 4 | Bài 4: Tổng cầu và tổng cung  4.1. Hệ thống kinh tế học vĩ mô  4.2. Tổng cung và tổng cầu  4.3. Quá trình tự điều chỉnh của nền kinh tế  4.4. Mối quan hệ giữa các biến số vĩ mô cơ bản | 8 | 6 | 2 |
| 5 | Bài 5: Kinh tế vĩ mô cho nền kinh tế mở  5.1. Cán cân thanh toán  5.2. Tỷ giá hối đoái  5.3. Quản lý tỷ giá hối đoái | 6 | 4 | 2 |
|  | **Cộng:** | **30** | **22** | **8** |

**5. Tài liệu học tập và tham khảo:**

***- Tài liệu học tập:***

[1]. PGS. TS. Nguyễn Văn Công – *Giáo trình nguyên lý kinh tế học vĩ mô* – Nhà xuất bản Giáo dục – Năm 2012.

***- Tài liệu tham khảo:***

[1]. PGS. TS. Nguyễn Văn Công – *Bài tập nguyên lý kinh tế học vĩ mô* – Nhà xuất bản Giáo dục – Năm 2011.

**6. Điều kiện thực hiện học phần:**

- Trang thiết bị máy móc: Máy chiếu, máy vi tính.

- Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Bảng, phấn, tài liệu tham khảo, đề cương bài giảng, giáo trình.

- Các điều kiện khác: Câu hỏi, bài tập thực hành...

**7. Phương pháp giảng dạy và học tập:**

- Hình thức giảng dạy chính của môn học: Lý thuyết trên lớp kết hợp với làm bài tập, thảo luận nhóm

- Giảng viên giới thiệu học phần, cung cấp đề cương bài giảng, tài liệu tham khảo, các địa chỉ website để tìm tư liệu liên quan đến môn học, phân từng nhóm SV về nhà chuẩn bị bài, làm báo cáo Seminar. Giảng viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào nội dung của từng bài học, xây dựng các bài thực hành cụ thể theo nội dung của từng chương, chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện bài học để đảm bảo chất lượng giảng dạy

- Sinh viên cần tham dự đầy đủ các buổi học trên lớp, các buổi thảo luận, các bài thực hành theo quy định của chương trình; Hoàn thành các nhiệm vụ được giao (các bài tập; báo cáo trong các buổi thảo luận...); Chuẩn bị đủ tài liệu học tập, tự nghiên cứu tài liệu dưới sự hướng dẫn của giảng viên, vận dụng lý luận vào giải quyết một số vấn đề cụ thể.

**8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập học phần:**

Thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo của Trường ĐHSP Kỹ thuật Vinh.

***8.1. Điểm kiểm tra đánh giá - quá trình:*** Có trọng số chung là **30%**

- Điểm chuyên cần: 10 **%***.*

- Điểm giữa kỳ: 20 **%** (Kiểm tra viết hoặc làm bài tập nhóm)

***8.2. Điểm thi kết thúc học phần***

Điểm thi kết thúc học phầncó trọng số là 70**%.**

- Hình thức thi: Kiểm tra theo hình thức tự luận hoặc trắc nghiệm khách quan.

*Nghệ An, ngày....... tháng....... năm.........*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NGƯỜI BIÊN SOẠN**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* | **TRƯỞNG KHOA**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* |

Nguyễn Thị Mai Hương TS. Nguyễn Thị Trâm TS. Nguyễn Thị Trâm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH

**KHOA KINH TẾ**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**Tên học phần: Phương pháp nghiên cứu kinh doanh**

**Mã học phần: 3KT108CD**

**Số tín chỉ: 02 (Số tiết: 30)**

**NGHỆ AN – 2020**

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XH  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC**  **SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT**

**1. Thông tin chung về học phần**:

- Tên học phần: Phương pháp nghiên cứu kinh doanh

- Mã học phần: 3KT108CD

- Số tín chỉ: 2 (Số tiết: 30), phân bổ thời gian:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| + | Lên lớp: | 21 tiết (21 giờ). |
| + | Thực hành: | 00 tiết (00 giờ). |
| + | Thí nghiệm: | 00 tiết (00 giờ) |
| + | Thảo luận: | 9 tiết (09 giờ) |
| + | Bài tập: | 00 tiết (00 giờ) |
| + | Tự học, tự nghiên cứu: | 60 giờ |

**-** Trình độ đào tạo: Đại học

- Bộ môn / Khoa phụ trách giảng dạy: Khoa Kinh tế

**2. Mục tiêu của học phần:**

**-** Kiến thức

* Hiểu được quy trình nghiên cứu trong kinh doanh
* Thiết kế và thực hiện được những nghiên cứu trong lĩnh vực kinh tế và quản trị kinh doanh
* Phân biệt được các loại hình và phương pháp nghiên cứu thường dùng trong kinh doanh

- Kỹ năng

* Có kỹ năng thiết kế bản câu hỏi phục vụ cho các nghiên cứu trong kinh doanh
* Biết cách xử lý dữ liệu nghiên cứu với phần mềm thống kê vạn năng (Excel) và chuyên dụng (SPSS)
* Nâng cao được kỹ năng viết và thuyết trình các kết quả nghiên cứu

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm

* Thái độ tích cực, tự giác và biết hợp tác trong học tập
* Tình yêu đối với nghiên cứu khoa học nói chung và nghiên cứu kinh doanh nói riêng
* Ý thức tích cực, tự giác, thường xuyên trau dồi, vận dụng tri thức nghiên cứu kinh doanh vào thực tế.

**3. Mô tả học phần:**

* Vai trò, vị trí của môn học: Nội dung cơ bản của môn học đề cập đên các vấn đề về phương pháp, công cụ, nghiệp vụ và kỹ năng nghiên cứu như: quá trình nghiên cứu kinh doanh, đạo đức trong nghiên cứu kinh doanh, đề xuất nghiên cứu, thiết kế nghiên cứu, thu thập dữ liệu thứ cấp, thu thập dữ liệu sơ cấp, phân tích định tính và định lượng, kiểm định giả thiết, viết báo cáo và trình bày kết quả nghiên cứu.

Với việc vận dụng kiến thức của một số môn học có liên quan cũng như việc trang bị những kiến thức phương pháp luận và cách thức thực hiện các phương pháp cụ thể, nghiên cứu kinh doanh giúp cho các nhà quản trị có thể thu nhập, xử lý dữ liệu cần thiết và tạo ra những thông tin hữu ích cho việc ra quyết định kinh doanh.

* Điều kiện tiên quyết: Không
* Nội dung cần đạt được của học phần: Xác định đề tài, mục tiêu và các giả thuyết nghiên cứu; thu thập dữ liệu thứ cấp; chọn mẫu nghiên cứu; thiết kế bản câu hỏi; thu thập, chuẩn bị và phân tích dữ liệu; viết báo cáo và thuyết trình kết quả nghiên cứu

**4. Nội dung học phần:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Thời gian**  **thực hiện** | | |
| **Tổng số** | **Lý thuyết** | **Thực hành**  **(TH, TN, BT, TL)** |
| **1** | **CHƯƠNG 1. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU KINH DOANH** | **4** | **3** | **1** |
|  | 1.1 Nghiên cứu kinh doanh |  |  |  |
|  | 1.2 Quá trình nghiên cứu |  |  |  |
|  | 1.3 Các vấn đề và điều kiện của nghiên cứu kinh doanh |  |  |  |
|  | 1.4 Đạo đức nghiên cứu kinh doanh |  |  |  |
| **2** | **CHƯƠNG 2. ĐỀ XUẤT NGHIÊN CỨU KINH DOANH** | **2** | **2** | **1** |
|  | 2.1 Khái niệm và phân loại, kết cấu nội dung đề xuất nghiên cứu |  |  |  |
|  | 223 Đánh giá đề xuất nghiên cứu |  |  |  |
| **3** | **CHƯƠNG 3*.* THIẾT KẾ NGHIÊN CỨU KINH DOANH** | **4** | **2** | **2** |
|  | 3.1 Thiết kế nghiên cứu |  |  |  |
|  | 3.2 Phân loại nghiên cứu và mục đích nghiên cứu |  |  |  |
|  | 3.3 Chiến lược và phương pháp nghiên cứu |  |  |  |
|  | 3.4 Thời gian nghiên cứu |  |  |  |
| **4** | **CHƯƠNG 4. THIẾT KẾ MẪU NGHIÊN CỨU** | **4** | **3** | **1** |
|  | 4.1 Bản chất của chọn mẫu |  |  |  |
|  | 4.2 Chọn mẫu xác suất |  |  |  |
|  | 4.3 Chọn mẫu phi xác suât |  |  |  |
| **5** | **CHƯƠNG 5. THU THẬP DỮ LIỆU THỨ CẤP** | **4** | **3** | **1** |
|  | 5.1 Dữ liệu sơ cấp và thứ cấp |  |  |  |
|  | 5.2 Phân loại dữ liệu thứ cấp |  |  |  |
|  | 5.3 Thu thập dữ liệu thứ cấp |  |  |  |
| **6** | **CHƯƠNG 6. THU THẬP DỮ LIỆU SƠ CẤP** | **4** | **3** | **1** |
|  | 6.1 Bản chất điều tra bằng bảng hỏi |  |  |  |
|  | 6.2 Quá trình thiết kế phiếu điều tra |  |  |  |
|  | 6.3 Các phương pháp thu thập dữ liệu bằng phiếu điều tra |  |  |  |
| **7** | **CHƯƠNG 7. PHÂN TÍCH DỮ LIỆU** | **4** | **2** | **0** |
|  | 7.1 Hiệu chỉnh dữ liệu |  |  |  |
|  | 7.2 Mã hóa dữ liệu |  |  |  |
|  | 7.3 Phân tích dữ liệu |  |  |  |
|  | 7.4 Giới thiệu một só phần mềm xử lý dữ liệu |  |  |  |
| **8** | **CHƯƠNG 8. BÁO CÁO KẾT QUẢ NGHIÊ CỨU** | **4** | **2** | **2** |
|  | 8.1 Quá trình viết báo cáo nghiên cứu |  |  |  |
|  | 8.2 Nội dung của báo cáo nghiên cứu |  |  |  |
|  | 8.3 Trình bày báo cáo nghiên cứu |  |  |  |
|  | 8.4 Trình bày kết quả nghiên cứu |  |  |  |
|  | **Cộng:** | **30** | **21** | **9** |

**5. Tài liệu học tập và tham khảo:**

***- Tài liệu học tập:***

*[1] Nghiên cứu kinh doanh (2014), PGS.TS Lê Công Hoa, NXB Kinh tế quốc dân*

***- Tài liệu tham khảo:***

*[1] Nguyễn Đình Thọ. (2011). Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh: Thiết kế và thực hiện. Hà Nội: NXB Lao động - Xã hội.*

*[2] PGS.TS. Đinh Phi Hổ, Phương pháp nghiên cứu Kinh tế và viết luận văn thạc sỹ, NXB Phương Đông, 2014.*

**6. Điều kiện thực hiện học phần:**

- Phòng học chuyên môn hóa / nhà xưởng: Phòng học có máy chiếu

- Trang thiết bị máy móc: Phấn, bảng, máy chiếu

- Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Bút, vở ghi chép

- Các điều kiện khác: Các phương tiện tìm kiếm thông tin qua internet.

**7. Phương pháp giảng dạy và học tập:**

Giảngviên giới thiệu học phần, cung cấp đề cương bài giảng, tài liệu tham khảo, các địa chỉ website để tìm tư liệu liên quan đến môn học, phân từng nhóm SV về nhà chuẩn bị bài từng chương, làm báo cáo Seminar. Cuối mỗi chương giáo viên tóm tắt bài giảng.

**8. Phương pháp đánh giá học phần:**

Thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo của Trường ĐHSP Kỹ thuật Vinh.

*Nghệ An, ngày tháng năm 2020*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NGƯỜI BIÊN SOẠN**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* | **TRƯỞNG KHOA**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* |

**ThS. Nguyễn Thị Thơ TS. Nguyễn Thị Trâm TS. Nguyễn Thị Trâm**

*Phụ lục 3b (Mẫu 4LT – CTĐH 2020)*

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH

**KHOA KINH TẾ**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT**

**Tên học phần: Lịch sử kinh tế quốc dân**

**Mã học phần: 3KT112CD**

**Số tín chỉ: 02 (Số tiết: 30 )**

**NGHỆ AN – 2020**

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XH  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC**  **SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT**

**1. Thông tin chung về học phần**:

- Tên học phần: Lịch sử kinh tế quốc dân

- Mã học phần: 3KT112CD

- Số tín chỉ: 02 (Số tiết: 30 ), phân bổ thời gian:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| + | Lên lớp: | 20 tiết (00 giờ). |
| + | Thực hành: | 00 tiết (00 giờ). |
| + | Thí nghiệm: | 00 tiết (00 giờ) |
| + | Thảo luận: | 10 tiết (00 giờ) |
| + | Bài tập: | 00 tiết (00 giờ) |
| + | Tự học, tự nghiên cứu: | 60 giờ |

**-** Trình độ đào tạo: Đại học

- Bộ môn / Khoa phụ trách giảng dạy: Kinh tế

**2. Mục tiêu của học phần:**

**-** Kiến thức:

+ Nắm được thực trạng phát triển kinh tế của các nước và của Việt Nam, bao gồm những biến đổi trong nền kinh tế, những đặc điểm phát triển kinh tế và những luận giải về những biến đổi đó ở từng thời kỳ lịch sử cụ thể.

+ Hiểu được mối quan hệ giữa LLSX và QHSX trong từng giai đoạn phát triển lich

sử cụ thể.

+ Nhận thức rõ hơn cơ sở khoa học và tính sáng tạo trong đường lối, chính sách

phát triển kinh tế của Đảng và Nhà nước ta qua các thời kỳ.

- Kỹ năng:

+ Nhìn nhận và đánh giá các hiện tượng kinh tế, quá trình chuyển biến của nền kinh tế các nước và Việt Nam trong mối quan hệ mang tính lịch sử và lôgíc để hình thành tư duy khoa học như điều kiện cần thiết để đi sâu nghiên cứu giải quyết những vấn đề cụ thể thuộc lĩnh vực kinh tế ngành.

+ Vận dụng các nguyên lý kinh tế cũng như các nguyên lý của CNDVBC và CNDVLS để giải thích được những chính sách KT mà chính phủ mỗi nước đề ra trong từng giai đoạn phát triển KT cụ thể.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào nghiên cứu bản chất của hiện tượng kinh tế, tính quy luật và xu hướng vận động của các hiện tượng và quy luật của kinh tế thị trường .

+ Tuân thủ các quy định, chính sách của Nhà nước, chịu trách nhiệm cá nhân đối với

nhiệm vụ được giao;

+ Làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm hiệu quả, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi.

**3. Mô tả học phần:**

- Vai trò, vị trí của môn học: Là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, trang bị

cho người học những hiểu biết cơ bản về quá trình phát triển kinh tế của các nước trên thế

giới và Việt Nam.

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Nội dung cần đạt được của học phần (mô tả tóm tắt): Trang bị những kiến thức về các giai đoạn trong quá trình phát triển kinh tế của các nhóm nước như các nước TBCN, các nước XHCN, các nước đang phát triển. Cung cấp những dẫn chứng thực tiễn về mối quan hệ giữa LLSX và QHSX của các nước trong từng giai đoạn phát triển cụ thể, xem xét các chính sách can thiệp của chính phủ vào nền kinh tế trong các thời kỳ này. Trên cơ sở đó, sinh viên có thể rút ra được những quy luật và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam.

**4. Nội dung học phần:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Thời gian**  **thực hiện** | | |
| **Tổng số** | **Lý thuyết** | **Thực hành**  **(TH, TN, BT, TL)** |
| 1 | Bài 1: Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên  cứu môn học lịch sử kinh tế quốc dân | 2 | 2 | 0 |
|  | 1.1. Khái niệm, vị trí của môn học |  |  |  |
|  | 1.2. Đối tượng, nhiệm vụ môn học |  |  |  |
|  | 1.3. Phương pháp nghiên cứu môn học |  |  |  |
| 2 | Bài 2: Kinh tế các nước tư bản chủ nghĩa | 6 | 4 | 2 |
|  | 2.1. Sự ra đời của CNTB |  |  |  |
|  | 2.2. Kinh tế TBCN thời kỳ trước độc quyền (1640 – 870) |  |  |  |
|  | 2.3. Kinh tế TBCN thời kỳ độc quyền (1871 đến nay |  |  |  |
| 3 | Bài 3: Kinh tế Hoa Kỳ | 6 | 4 | 2 |
|  | 3.1. Đặc điểm KT-XH Bắc Mỹ dưới thời cai trị của thực dân  Anh (trước 1776) |  |  |  |
|  | 3.2. Kinh tế Hoa Kỳ thời kỳ trước độc quyền (1776 –1865) |  |  |  |
|  | 3.3. Kinh tế Hoa Kỳ TK độc quyền (1865 đến nay) |  |  |  |
| 4 | Bài 4: Kinh tế Nhật Bản | 4 | 2 | 2 |
|  | 4.1. Đặc điểm KT-XH Nhật Bản trước cách mạng Minh Trị  (trước 1868) |  |  |  |
|  | 4.2. Kinh tế Nhật Bản từ cách mạng Minh Trị đến hết Thế  chiến II (1868-1945) |  |  |  |
|  | 4.3. Kinh tế Nhật Bản từ sau Thế chiến II (từ 1945 đến nay) |  |  |  |
| 5 | Bài 5: Kinh tế Trung Quốc | 6 | 4 | 2 |
|  | 5.1. Đặc điểm kinh tế Trung Quốc trước 01/10/1949 |  |  |  |
|  | 5.2. Đặc điểm kinh tế Trung Quốc trước cải cách và mở cửa  (1949 – 1978) |  |  |  |
|  | 5.3. Kinh tế Trung Quốc thời kỳ cải cách và mở cửa kinh tế  (sau 1978) |  |  |  |
| 6 | Bài 6: Kinh tế Việt Nam | 6 | 4 | 2 |
|  | 6.1. Kinh tế Việt Nam từ năm 1945 đến 1975 |  |  |  |
|  | 6.2. Kinh tế Việt Nam giai đoạn 1975-1985 |  |  |  |
|  | 6.3.Kinh tế Việt Nam thời kỳ đổi mới (1986 đến nay) |  |  |  |
|  | **Cộng:** | **30** | **20** | **10** |

**5. Tài liệu học tập:**

***- Tài liệu chính:***

[1]. GS.TS Nguyễn Trí Dĩnh, PGS.TS. Phạm Thị Quý (chủ biên) - Giáo trình Lịch sử

kinh tế -Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân, 2012 ( và các lần tái bản).

***- Tài liệu tham khảo:***

[1]. PGS.TS Nguyễn Đăng Bằng (chủ biên) - Giáo trình Lịch sử kinh tế -Nhà xuất bản Đại học Vinh, 2011.

[2] . TS. Nguyễn Thị Trâm – Giáo trình nội bộ Lịch sử kinh tế quốc dân – Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh, 2016.

**6. Điều kiện thực hiện học phần:**

- Phòng học chuyên môn hóa / nhà xưởng: Phòng học lý thuyết

- Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu, phấn bảng

- Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Chương trình, giáo án, giáo trình,

- Các điều kiện khác:

**7. Phương pháp giảng dạy và học tập:**

- Hình thức giảng dạy chính của môn học: Lý thuyết trên lớp kết hợp với thảo luận nhóm.

- Giảng viên giới thiệu học phần, cung cấp đề cương bài giảng, giáo trình môn học, phân từng nhóm SV về nhà chuẩn bị bài, làm báo cáo Seminar. Giáo viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào nội dung của từng bài học chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện bài học để đảm bảo chất lượng giảng dạy. Cuối mỗi chương giáo viên tóm tắt bài giảng.

- Sinh viên cần tham dự đầy đủ các buổi học trên lớp, các buổi thảo luận theo quy định của chương trình; Hoàn thành các nhiệm vụ được giao (các báo cáo trong các buổi thảo luận...); Chuẩn bị đủ tài liệu học tập, tự nghiên cứu tài liệu dưới sự hướng dẫn của giảng viên, vận dụng lý luận vào giải quyết một số vấn đề cụ thể.

**8. Phương pháp đánh giá học phần:**

Thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo và hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo của Trường ĐHSP Kỹ thuật Vinh.

***8.1. Điểm kiểm tra đánh giá - quá trình:*** Có trọng số chung là **30%**

- Điểm chuyên cần: 10 **%***.*

- Điểm giữa kỳ: 20 **%**

***8.2. Điểm thi kết thúc học phần***

*-*Điểm thi kết thúc học phầncó trọng số là 70**%.**

- Hình thức thi: Tự luận

*Nghệ An, ngày....... tháng....... năm.........*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NGƯỜI BIÊN SOẠN**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* | **TRƯỞNG KHOA**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* |

**TS. Nguyễn Thị Trâm TS. Nguyễn Thị Trâm TS. Nguyễn Thị Trâm**

*Phụ lục 3b (Mẫu 4LT – CTĐH 2020)*

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH

**KHOA KINH TẾ**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT**

**Tên học phần: Lịch sử các học thuyết kinh tế**

**Mã học phần: 3KT116CD**

**Số tín chỉ: 02 (Số tiết: 30 )**

**NGHỆ AN – 2020**

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XH  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC**  **SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT**

**1. Thông tin chung về học phần**:

- Tên học phần: Lịch sử các học thuyết kinh tế

- Mã học phần: 3KT116CD

- Số tín chỉ: 02 (Số tiết: 30 ), phân bổ thời gian:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| + | Lên lớp: | 20 tiết (00 giờ). |
| + | Thực hành: | 00 tiết (00 giờ). |
| + | Thí nghiệm: | 00 tiết (00 giờ) |
| + | Thảo luận: | 10 tiết (00 giờ) |
| + | Bài tập: | 00 tiết (00 giờ) |
| + | Tự học, tự nghiên cứu: | 60 giờ |

**-** Trình độ đào tạo: Đại học

- Bộ môn / Khoa phụ trách giảng dạy: Kinh tế

**2. Mục tiêu của học phần:**

**-** Kiến thức:

+ Nắm được những vấn đề cơ bản của các học thuyết kinh tế và các trường phái kinh tế.

+ Hiểu được những tư tưởng và nội dung cơ bản của các học thuyết kinh tế, những đóng góp của các nhà kinh tế học đối với khoa học kinh tế.

+ Phân tích được sự khác biệt, sự kế thừa và đánh giá được sự phát triển của các học thuyết kinh tế.

+ Vận dụng các học thuyết kinh tế để giải quyết những vấn đề cụ thể trong thực tiễn.

- Kỹ năng:

+ Giải thích được bản chất của các hiện tượng kinh tế trong thực tế.

+ Đánh giá được vai trò của chính phủ và tác động của các chính sách kinh tế trong

các giai đoạn phát triển cụ thể của nền kinh tế.

+ Có khả năng đề xuất chính sách phù hợp với điều kiện cụ thể.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Có ý thức đúng đắn trong việc nhìn nhận, đánh giá đường lối, chính sách, kinh tế của Nhà nước Việt Nam trong việc phát triển kinh tế thị trường có sự điều tiết của nhà nước.

+ Có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào nghiên cứu bản chất của hiện

tượng kinh tế, tính quy luật và xu hướng vận động của các hiện tượng và quy luật của kinh

tế thị trường.

**3. Mô tả học phần:**

- Vai trò, vị trí của môn học: Là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, trang bị cho người học những hiểu biết cơ bản về quá trình ra đời, hình thành và phát triển của các học thuyết kinh tế và ảnh hưởng của nó đến các giai đoạn phát triển kinh tế. Trang bị cho người học tư duy và phương pháp luận kinh tế để có thể giải quyết những vấn đề kinh tế cụ thể của ngành học.

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Nội dung cần đạt được của học phần (mô tả tóm tắt): Trang bị những kiến thức về quá trình

phát của các học thuyết kinh tế cơ bản, có ảnh hưởng đến sự phát triển của các lý thuyết kinh tế hiện đại. Giúp cho sinh viên hiểu rõ nguồn gốc của các lý thuyết kinh tế chính thống, thấy được tính đa dạng của các học thuyết kinh tế, đồng thời cung cấp những kiến thức kinh tế khác nhau để ứng dụng vào thực tiễn, phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh cụ thể.

**4. Nội dung học phần:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Thời gian**  **thực hiện** | | |
| **Tổng số** | **Lý thuyết** | **Thực hành**  **(TH, TN, BT, TL)** |
| 1 | Bài 1: Đối tượng và phương pháp nghiên cứu môn học lịch sử  các học thuyết kinh tế | 2 | 2 | 0 |
|  | * 1. Quá trình hình thành và phát triển của lịch sử   các học thuyết kinh tế |  |  |  |
|  | * 1. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu môn   lịch sử các học thuyết kinh tế |  |  |  |
|  | * 1. Sự cần thiết và ý nghĩa của việc nghiên cứu lịch sử các   học thuyết kinh tế |  |  |  |
| 2 | Bài 2: Tư tưởng kinh tế thời cổ đại và trung cổ | 4 | 2 | 2 |
|  | 2.1. Các tư tưởng kinh tế thời cổ đại |  |  |  |
|  | 2.2. Các tư tưởng kinh tế thời Trung cổ |  |  |  |
| 3 | Bài 3: Học thuyết kinh tế tư sản cổ điển |  |  |  |
|  | 3.1. Chủ nghĩa trọng thương |  |  |  |
|  | 3.2. Chủ nghĩa trọng nông |  |  |  |
|  | 3. Kinh tế chính trị tư sản cổ điển Anh |  |  |  |
|  | 3.4. Sự suy thoái của các học thuyết kinh tế tư sản cổ điển |  |  |  |
| 4 | Bài 4: Học thuyết kinh tế tiểu tư sản | 4 | 2 | 2 |
|  | 4.1. Lịch sử ra đời và đặc điểm |  |  |  |
|  | 4.2. Các lý thuyết kinh tế của Símondi (1773-1842) |  |  |  |
|  | 4.3. Các lý thuyết kinh tế của Proudhon (1803- 1865) |  |  |  |
| 5 | Bài 5: Học thuyết kinh tế của chủ nghĩa xã hội không tưởng thế  kỷ XIX | 4 | 2 | 2 |
|  | 5.1. Hoàn cảnh lịch sử ra đời và đặc điểm của chủ nghĩa xã hội  không tưởng |  |  |  |
|  | 5.2. Học thuyết kinh tế của một số đại biểu tiêu biểu của  chủ nghĩa xã hội không tưởng |  |  |  |
| 6 | Bài 6: Học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác- Lênin | 8 | 6 | 2 |
|  | 6.1. Khái luận về chủ nghĩa Mác-Lênin |  |  |  |
|  | 6.2. Học thuyết kinh tế của Các- Mác |  |  |  |
|  | 6.3. Học thuyết kinh tế của V.I.Lênin |  |  |  |
| 7 | Bài 7: Học thuyết kinh tế tư sản hiện đại | 8 | 6 | 2 |
|  | 7.1. Học thuyết kinh tế của trường phái tân cổ điển  7.2. Học thuyết kinh tế cña trường phái Keynes  7.3. Các lý thuyết kinh tế chủ yếu của trường phái chính  hiện đại |  |  |  |
|  | **Cộng:** | **30** | **20** | **10** |

**5. Tài liệu học tập:**

***- Tài liệu chính:***

[1]. TS. Nguyễn Thị Trâm - PGS.TS Nguyễn Đăng Bằng (Đồng chủ biên) -Giáo trình Lịch sử các học thuyết kinh tế, Nhà xuất bản Đại học Vinh, 2016.

[2]. GS.TS Phạm Quang Phan – PGS.TS An Như Hải, Giáo trình Lịch sử các học thuyết kinh tế, NXB giáo dục Việt Nam, 2011.

***- Tài liệu tham khảo:***

[1]. PGS.TS Trần Bình Trọng, Giáo trình Lịch sử các học thuyết kinh tế, NXB giáo dục Việt Nam, 2011.

**6. Điều kiện thực hiện học phần:**

- Phòng học chuyên môn hóa / nhà xưởng: Phòng học lý thuyết

- Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu, phấn bảng

- Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Chương trình, giáo án, giáo trình,

- Các điều kiện khác:

**7. Phương pháp giảng dạy và học tập:**

- Hình thức giảng dạy chính của môn học: Lý thuyết trên lớp kết hợp với thảo luận nhóm.

- Giảng viên giới thiệu học phần, cung cấp đề cương bài giảng, giáo trình môn học, phân từng nhóm SV về nhà chuẩn bị bài, làm báo cáo Seminar. Giáo viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào nội dung của từng bài học chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện bài học để đảm bảo chất lượng giảng dạy. Cuối mỗi chương giáo viên tóm tắt bài giảng.

- Sinh viên cần tham dự đầy đủ các buổi học trên lớp, các buổi thảo luận theo quy định của chương trình; Hoàn thành các nhiệm vụ được giao (các báo cáo trong các buổi thảo luận...); Chuẩn bị đủ tài liệu học tập, tự nghiên cứu tài liệu dưới sự hướng dẫn của giảng viên, vận dụng lý luận vào giải quyết một số vấn đề cụ thể.

**8. Phương pháp đánh giá học phần:**

Thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo và hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo của Trường ĐHSP Kỹ thuật Vinh.

***8.1. Điểm kiểm tra đánh giá - quá trình:*** Có trọng số chung là **30%**

- Điểm chuyên cần: 10 **%***.*

- Điểm giữa kỳ: 20 **%**

***8.2. Điểm thi kết thúc học phần***

*-*Điểm thi kết thúc học phầncó trọng số là 70**%.**

- Hình thức thi: Tự luận

*Nghệ An, ngày....... tháng....... năm.........*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NGƯỜI BIÊN SOẠN**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* | **TRƯỞNG KHOA**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* |

**TS. Nguyễn Thị Trâm TS. Nguyễn Thị Trâm TS. Nguyễn Thị Trâm**

*Phụ lục 3b (Mẫu 4LT – CTĐH 2020)*

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH

**KHOA KINH TẾ**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT**

**Tên học phần: Tài chính – Tiền tệ**

**Mã học phần: : 3KT126DH**

**Số tín chỉ: 03 (Số tiết: 45)**

**NGHỆ AN – 2020**

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XH  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC**  **SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT**

**1. Thông tin chung về học phần**:

- Tên học phần: Tài chính – Tiền tệ

- Mã học phần: 3KT126DH

- Số tín chỉ: 03 (Số tiết: 45), phân bổ thời gian:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | Lên lớp: | 32 tiết (32 giờ). |
|  | Thực hành: | 00 tiết (00 giờ). |
|  | Thí nghiệm: | 00 tiết (00 giờ) |
|  | Thảo luận: | 07 tiết (14 giờ) |
|  | Bài tập, kiểm tra: | 06 tiết (12 giờ) |
|  | Tự học, tự nghiên cứu: | 90 giờ |

-Trình độ đào tạo: Đại học

- Bộ môn / Khoa phụ trách giảng dạy: Bộ môn Kinh té và Quản trị kinh doanh/ Khoa Kinh tế

**2. Mục tiêu của học phần:**

+ Kiến thức:

- Trình bày được những kiến thức lý luận cơ bản, tổng quan về tài chính - tiền tệ và những nội dung chủ yếu của các hoạt động tài chính - tiền tệ trong các lĩnh vực khác nhau của nền KTQD.

- Phân tích được những tư tưởng quan điểm cơ bản của Đảng và Nhà nước về tài chính – Tiền tệ, những định hướng lớn về tổ chức và sử dụng tài chính – tiền tệ trong điều kiện kinh tế thị trường ở Việt Nam.

- Giải thích được nguyên nhân xảy ra các hiện tượng tài chính – tiền tệ trong nền kinh tế thị trường và đưa ra được các giải pháp tương ứng để giải quyết các hiện tượng đó

+ Kỹ năng:

- Xử lý được các vấn đề về hoạt động tài chính trên góc độ phương pháp luận thông qua các câu hỏi thảo luận, câu hỏi ôn tập trong quá trình học tập môn học

- Nhận biết chính xác các hiện tượng tài chính, tiền tệ trong nền kinh tế thị trường

- Vận dụng những kiến thức đã được nghiên cứu làm cơ sở cho việc nhận thức, học tập các môn chuyên môn của nghề và ứng dụng có hiệu quả vào hoạt động thực tiễn sau này.

+ Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Ý thức học tập theo phương pháp biết suy luận, kết hợp lý luận với thực tiễn

- Thái độ nghiêm túc, cách tiếp cận khoa học khi xem xét một vấn đề thuộc lĩnh vực tài chính – tiền tệ, có nhận thức đúng đắn về vị trí quan trọng và vai trò to lớn của tài chính đối với các hoạt động kinh tế xã hội.

- Tuân thủ các quy định về công tác tài chính trong thực tế làm việc

- Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm

**3. Mô tả học phần:**

- Vai trò, Vị trí của môn học:Học phần Lý thuyết tài chính tiền tệ là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở của ngành kế toán, được bố trí giảng dạy trước các học phần đào tạo chuyên môn nghề, nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tài chính – tiền tệ, về cơ chế hoạt động của hệ thống tài chính và hệ thống ngân hàng. Trên cơ sở đó trang bị cho người học phương pháp cơ bản để tìm hiểu, phân tích, đánh giá các vấn đề liên quan đến tài chính, tiền tệ.

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Nội dung cần đạt được của học phần: Trình bày được những kiến thức lý luận cơ bản, tổng quan về tài chính - tiền tệ như Tiền tệ trong nền kinh tế thị trường; Tín dụng – Bảo hiểm – Ngân hàng; Thanh toán trong nền kinh tế thị trường; Những vấn đề cơ bản về tài chính; Ngân sách nhà nước; Thị trường tài chính. Trên cơ sở kiến thức đó, nhận biết chính xác các hiện tượng tài chính, tiền tệ trong nền kinh tế thị trường và Giải thích được nguyên nhân xảy ra các hiện tượng tài chính – tiền tệ và đưa ra được các giải pháp tương ứng để giải quyết các hiện tượng đó.

**3. Nội dung học phần:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên chương, mục** | **Thời gian (tiết)** | | |
| **Tổng số** | **Lý thuyết** | **Thực hành**  **(TH, TN, BT, TL)** |
| 1 | Bài 1: Những vấn đề cơ bản về Tiền tệ  1. Nguồn gốc ra đời, Bản chất, Chức năng và vai trò của tiền tệ  1.1. Nguồn gốc ra đời và quá trình phát triển của tiền tệ  1.2. Bản chất của tiền tệ  1.3. Chức năng của tiền tệ  1.4. Vai trò của tiền tệ  2. Các chế độ lưu thông tiền tệ  2.1. Chế độ lưu thông tiền kim loại  2.2. Chế độ lưu thông tiền dấu hiệu  2.3. Chế độ lưu thông tiền tệ quốc tế  2.4. Chế độ lưu thông tiền tệ Việt Nam  3. Quy luật lưu thông tiền tệ  3.1. Nội dung quy luật lưu thông tiền tệ  3.2. Cung và cầu tiền tệ  3.3. Vận dụng quy luật lưu thông tiền tệ  3.4. Các khối tiền trong lưu thông  4. Lạm phát và các biện pháp ổn định tiền tệ  4.1. Lạm phát  4.2. Giảm phát và thiểu phát  4.3. Vận dụng các biện pháp ổn định tiền tệ trong điều kiện của Việt Nam hiện nay | 6 | 4 | 2 |
| 2 | Bài 2: Tín dụng – Bảo hiểm - Ngân hàng  1. Tín dụng  1.1. Khái niệm, chức năng và vai trò của tín dụng  1.2. Các hình thức tín dụng  1.3. Lãi suất tín dụng  2. Bảo hiểm  2.1. Những vấn đề chung về bảo hiểm  2.2. Các hình thức bảo hiểm  3. Ngân hàng trung ương và chính sách tiền tệ quốc gia  3.1. Sự ra đời và phát triển của ngân hàng trung ương  3.2. Hệ thống tổ chức của ngân hàng trung ương  3.3. Chức năng của ngân hàng trung ương  3.4. Vai trò của ngân hàng trung ương  3.5. Chính sách tiền tệ quốc gia  4. Ngân hàng thương mại  4.1. Khái niệm  4.2. Phân loại  4.3. Chức năng  4.4. Hoạt động của ngân hàng thương mại | 9 | 6 | 3 |
| 3 | Bài 3: Thanh toán trong nền kinh tế thị trường  1. Thanh toán tiền mặt trong nền kinh tế thị trường  1.1. Khái niệm và nội dung thanh toán dùng tiền mặt  1.2. Ưu nhược điểm của thanh toán dùng tiền mặt  2. Thanh toán không dùng tiền mặt  2.1. Khái niệm  2.2. Bản chất của thanh toán không dùng tiền mặt  2.3. Các nguyên tắc thanh toán không dùng tiền mặt  2.4. Ý nghĩa của việc thanh toán không dùng tiền mặt  3. Các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt/ Thanh toán quốc tế  3.1. Thanh toán bằng séc  3.2. Thanh toán bằng uỷ nhiệm chi  3.3. Thanh toán bằng uỷ nhiệm thu  3.4. Thanh toán bằng thư tín dụng  3.5. Thẻ thanh toán  4. Thị trường ngoại hối và tỷ giá hối đoái | 6 | 4 | 2 |
| 4 | Bài 4: Tổng quan về hệ thống tài chính  1. Tiền đề ra đời, tồn tại và phát triển của tài chính  1.1. Tiền đề sản xuất hàng hoá và tiền tệ  1.2. Tiền đề nhà nước  2. Bản chất của tài chính  2.1. Biểu hiện bên ngoài của tài chính  2.2. Nội dung kinh tế xã hội của tài chính  3. Chức năng của tài chính  3.1. Chức năng phân phối  3.2. Chức năng giám đốc  4. Hệ thống tài chính của Việt Nam  4.1. Căn cứ để xác định các khâu tài chính của hệ thống tài chính  4.2. Khái quát nhiệm vụ của các khâu tài chính  5. Chính sách tài chính quốc gia | 6 | 4 | 2 |
| 5 | Bài 5: Ngân sách Nhà nước  1. Những vấn đề chung về ngân sách nhà nước  1.1. Khái niệm ngân sách nhà nước  1.2. Đặc điểm của ngân sách nhà nước  1.3. Vai trò của ngân sách nhà nước  2. Nội dung hoạt động chủ yếu của ngân sách nhà nước  2.1. Thu ngân sách nhà nước  2.2. Chi ngân sách nhà nước  3. Tổ chức hệ thống ngân sách nhà nước và phân cấp quản lý ngân sách nhà nước ở Việt Nam  3.1. Tổ chức hệ thống ngân sách nhà nước  3.2. Phân cấp quản lý ngân sách nhà nước  4. Chu trình quản lý ngân sách nhà nước  4.1. Hình thành ngân sách nhà nước  4.2. Chấp hành ngân sách nhà nước  4.3. Quyết toán ngân sách nhà nước | 6 | 4 | 2 |
| 6 | Bài 6: Tài chính doanh nghiệp  1. Những vấn đề chung về tài chính doanh nghiệp  2. Những nội dung chủ yếu của hoạt động tài chính doanh nghiệp  3. Quản lý nhà nước đối với hoạt động tài chính doanh nghiệp | 6 | 6 | 0 |
| 7 | Bài 7:Thị trường tài chính  1. Những vấn đề chung về thị trường tài chính  1.1. Khái niệm thị trường tài chính  1.2. Điều kiện hình thành thị trường tài chính  1.3. Phân loại thị trường tài chính  1.4. Vai trò của thị trường tài chính  2. Vai trò của nhà nước trong việc hình thành và phát triển thị trường tài chính  2.1. Nhà nước tạo môi trường kinh tế cho sự hình thành và phát triển của thị trường tài chính  2.2. Nhà nước tạo ra khuôn khổ pháp lý cho sự hình thành và phát triển của thị trường tài chính  2.3. Nhà nước đào tạo con người cho thị trường tài chính  2.4. Nhà nước thực hiện việc giám sát đối với thị trường tài chính | 6 | 4 | 2 |
|  | **Cộng:** | **45** | **32** | **13** |

**5. Tài liệu học tập và tham khảo:**

***- Tài liệu học tập:***

[1]. PGS.TS Nguyễn Hữu Tài - Giáo trình Lý thuyết tài chính - tiền tệ - Nhà xuất bản Đại học kinh tế quốc dân –2012

***- Tài liệu tham khảo:***

[1]. ThS. Đồng Thị Vân Hồng - Giáo trình lý thuyết Tiền tệ tín dụng – Nhà xuất bản Lao động - 2009

**6. Điều kiện thực hiện học phần:**

- Trang thiết bị máy móc: Máy chiếu, máy vi tính.

- Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Bảng, phấn, tài liệu tham khảo, đề cương bài giảng, giáo trình.

- Các điều kiện khác: Câu hỏi, bài tập thực hành...

**7. Phương pháp giảng dạy và học tập:**

- Hình thức giảng dạy chính của môn học: Lý thuyết trên lớp kết hợp với làm bài tập, thảo luận nhóm

- Giảng viên giới thiệu học phần, cung cấp đề cương bài giảng, tài liệu tham khảo, các địa chỉ website để tìm tư liệu liên quan đến môn học, phân từng nhóm SV về nhà chuẩn bị bài, làm báo cáo Seminar. Giảng viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào nội dung của từng bài học, xây dựng các bài thực hành cụ thể theo nội dung của từng chương, chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện bài học để đảm bảo chất lượng giảng dạy

- Sinh viên cần tham dự đầy đủ các buổi học trên lớp, các buổi thảo luận, các bài thực hành theo quy định của chương trình; Hoàn thành các nhiệm vụ được giao (các bài tập; báo cáo trong các buổi thảo luận...); Chuẩn bị đủ tài liệu học tập, tự nghiên cứu tài liệu dưới sự hướng dẫn của giảng viên, vận dụng lý luận vào giải quyết một số vấn đề cụ thể.

**8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập học phần:**

Thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo của Trường ĐHSP Kỹ thuật Vinh.

***8.1. Điểm kiểm tra đánh giá - quá trình:*** Có trọng số chung là **30%**

- Điểm chuyên cần: 10 **%***.*

- Điểm giữa kỳ: 20 **%** (Kiểm tra viết hoặc làm bài tập nhóm)

***8.2. Điểm thi kết thúc học phần***

Điểm thi kết thúc học phầncó trọng số là 70**%.**

- Hình thức thi: Kiểm tra theo hình thức tự luận hoặc trắc nghiệm khách quan.

*Nghệ An, ngày....... tháng....... năm.........*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NGƯỜI BIÊN SOẠN**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* | **TRƯỞNG KHOA**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* |

Nguyễn Thị Mai Hương TS. Nguyễn Thị Trâm TS. Nguyễn Thị Trâm

*Phụ lục 3b (Mẫu 4LT – CTĐH 2020)*

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH

**KHOA KINH TẾ**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT**

**Tên học phần: Kinh tế phát triển**

**Mã học phần: 3KT109CD**

**Số tín chỉ: 02 (Số tiết: 30 )**

**NGHỆ AN – 2020**

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XH  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC**  **SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT**

**1. Thông tin chung về học phần**:

- Tên học phần: Kinh tế phát triển

- Mã học phần: 3KT109CD

- Số tín chỉ: 02 (Số tiết: 30 ), phân bổ thời gian:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| + | Lên lớp: | 21 tiết (00 giờ). |
| + | Thực hành: | 00 tiết (00 giờ). |
| + | Thí nghiệm: | 00 tiết (00 giờ) |
| + | Thảo luận: | 9 tiết (00 giờ) |
| + | Bài tập: | 00 tiết (00 giờ) |
| + | Tự học, tự nghiên cứu: | 60 giờ |

**-** Trình độ đào tạo: Đại học

- Bộ môn / Khoa phụ trách giảng dạy: Kinh tế

**2. Mục tiêu của học phần:**

**-** Kiến thức:

+ Nắm được khái niệm, vai trò và nộidung của tăng trưởng và phát triển kinh tế.

+ Hiểu được hệ thống chính sách của nhà nước về vấn đề tăng trưởng và phát triển kinh tế.

Hiểu được các nguồn lực cơ bản trong quá trình phát triển kinh tế tại các nước đang phát triển.

+ Nắm được các công cụ đo lường và phân tích các vấn đề về tăng trưởng và phát triển kinh tế + xã hội.

+ Nhận thức được sự tác động của các chính sách phát triển kinh tế tới sự phát triển của các ngành kinh tế và ngược lại.

+ Hiểu được các yếu tố nguồn lực sử dụng trong quá trình phát triển kinh tế ở các

nước đang phát triển hiện nay.

- Kỹ năng:

+ Xác định được các nguồn lực cơ bản trong quá trình phát triển của các nước đang phát triển.

+ Phân tích các xu hướng phát triển trong quá trình toàn cầu hoá, lựa chọn mô hình phát triển kinh tế cho Việt Nam.

+ Dự đoán được biến động kinh tế, xã hội và chính sách để đón nhận cơ hội và đương đầu với thách thức trong từng ngành, từng lĩnh vực cụ thể.

+ Hình thành tư duy phân tích giải quyết các vấn đề liên quan đến quá trình phát triển kinh tế ở Việt Nam.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

**+** Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực kinh tế phát triển; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao.

+ Có khả năng tự định hướng, tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau.

+ Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường thuộc lĩnh vực kinh tế phát triển.

+ Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn.

**3. Mô tả học phần:**

- Vai trò, vị trí của môn học: Là môn học thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Kính tế phát triển là môn học cơ sở ngành, trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về kinh tế học trong điều kiện cụ thể của các nước đang phát triển, tổng kết và nghiên cứu những cách thức để tăng trưởng và phát triển kinh tế bền vững với mục đích chuyển nền kinh tế từ trình độ phát triển thấp lên trình độ phát triển cao hơn gắn với sự công bằng xã hội.

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Nội dung cần đạt được của học phần (mô tả tóm tắt): Phân tích các nguồn lực để PTKT như vốn, tài nguyên, lao động và khoa học công nghệ,vấn đề nghèo đói, phân phối thu  nhập và mất công bằng xã hội, các chính sách tài chính- tiền tệ, ngoại thương, đầu tư và nợ nước ngoài. Từ đó giúp sinh viên phát triển khả năng nghiên cứu, phân tích và lựa chọn phương án phát triển kinh tế ở các nước đang phát triển.

**4. Nội dung học phần:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Thời gian**  **thực hiện** | | |
| **Tổng số** | **Lý thuyết** | **Thực hành**  **(TH, TN, BT, TL)** |
| 1 | Bài 1: Tổng quan về phát triển kinh tế | 4 | 4 | 0 |
|  | 1.1[.](#_Toc362442077) Bản chất và nội dung của phát triển kinh tế |  |  |  |
|  | 1.1.[1. Bản chất của phát triển kinh tế](#_Toc362442078) |  |  |  |
|  | 1.1.[2. Nội dung của phát triển kinh tế](#_Toc362442079) |  |  |  |
|  | 1.2. Các giai đoạn phát triển kinh tế (lý thuyết phân kỳ của  Rostow) |  |  |  |
|  | 1.2.[1. Giai đoạn xã hội truyền thống](#_Toc362442081) |  |  |  |
|  | 1.2.[2. Giai đoạn chuẩn bị cất cánh](#_Toc362442082) |  |  |  |
|  | 1.2.[3. Giai đoạn cất cánh](#_Toc362442083) |  |  |  |
|  | 1.2.[4. Giai đoạn trưởng thành](#_Toc362442084) |  |  |  |
|  | 1.2.[5. Giai đoạn tiêu dùng cao](#_Toc362442085) |  |  |  |
|  | 1.3. Lựa chọn con đường phát triển theo quan điểm tăng  trưởng và phát triển kinh tế |  |  |  |
|  | 1.3.1. [Mô hình nhấn mạnh công bằng xã hội trước và tăng trưởng kinh tế sau](#_Toc362442087) |  |  |  |
|  | 1.3.[2. Mô hình tăng trưởng trước, công bằng xã hội sau](#_Toc362442088) |  |  |  |
|  | 1.3.[3. Mô hình tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội giải quyết đồng thời (phát triển toàn diện)](#_Toc362442089) |  |  |  |
|  | 1.3. [4. Lựa chọn con đường phát triển kinh tế của Việt Nam](#_Toc362442090) |  |  |  |
| 2 | [Bài 2](#_Toc362442094): Tăng trưởng kinh tế | 6 | 4 | 2 |
|  | 2.1. [Các thước đo và nhân tố ảnh hưởng](#_Toc362442096) |  |  |  |
|  | 2.1.[1. Các thước đo tăng trưởng](#_Toc362442097) |  |  |  |
|  | 2.1.[2. Các nhân tố tác động đến tăng trưởng kinh tế](#_Toc362442098) |  |  |  |
|  | 2.2. [C](#_Toc362442099)ác mô hình tăng trưởng kinh tế |  |  |  |
|  | 2.2.[1. Mô hình tăng trưởng của D. Ricardo](#_Toc362442100) |  |  |  |
|  | 2.2.[2. Mô hình tăng trưởng Harrod – Domar](#_Toc362442101) |  |  |  |
|  | 2.2.[3. Mô hình tăng trưởng Solow](#_Toc362442102) |  |  |  |
|  | 2.2.[4. Các mô hình tăng trưởng nội sinh](#_Toc362442103) |  |  |  |
| 3 | Bài 3: Chuyển dịch cơ cấu kinh tế | 6 | 4 | 2 |
|  | 3.1. [Cơ cấu kinh tế](#_Toc362442106) |  |  |  |
|  | 3.1.[1. Cơ cấu ngành kinh tế](#_Toc362442107) |  |  |  |
|  | 3.1.[2. Cơ cấu vùng kinh tế](#_Toc362442108) |  |  |  |
|  | 3.1.[3. Cơ cấu thành phần kinh tế](#_Toc362442109) |  |  |  |
|  | 3.1.[4. Cơ câu khu vực thể chế](#_Toc362442110) |  |  |  |
|  | 3.1.[5. Cơ cấu tái sản xuất](#_Toc362442111) |  |  |  |
|  | 3.1.[6. Cơ cấu thương mại quốc tế](#_Toc362442112) |  |  |  |
|  | 3.2. [Chuyển dịch cơ cấu ngành trong phát triển kinh tế](#_Toc362442113) |  |  |  |
|  | 3.2.[1. Khái niệm](#_Toc362442114) |  |  |  |
|  | 3.2.[2. Những vấn đề mang tính quy luật về xu hướng chuyển dịch cơ cấu nghành kinh tế](#_Toc362442115) |  |  |  |
|  | 3.3. Các mô hình lý thuyết về chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế |  |  |  |
|  | 3.3. [1. Mô hình hai khu vực của Arthus Lewis](#_Toc362442117) |  |  |  |
|  | 3.3. [2. Mô hình hai khu vực của trường phái tân cổ điể](#_Toc362442118) |  |  |  |
|  | 4.3. [3 Mô hình hai khu vực của Harry T.Oshima](#_Toc362442119) |  |  |  |
| 4 | Bài 4: Tiến bộ xã hội trong phát triển kinh tế | 4 | 3 | 1 |
|  | 4.1. Nâng cao mức sống dân cư |  |  |  |
|  | 4.1.[1. Mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế vầ nâng cao mức sống dân cư](#_Toc362442123) |  |  |  |
|  | 4.1.[2. Các chính sách phân phối thu nhập](#_Toc362442124) |  |  |  |
|  | 4.2. Phát triển con người |  |  |  |
|  | 4.2. [1. Khái niệm và thước đo phát triển con người](#_Toc362442126) |  |  |  |
|  | 4.2. [2. Mối quan hệ giữa tăng trưởng với phát triển con người](#_Toc362442127) |  |  |  |
|  | 4.3. [Bất bình đẳng xã hội trong phát triển kinh tế](#_Toc362442134) |  |  |  |
|  | 4.3.[1. Bất bình đẳng kinh tế](#_Toc362442135) |  |  |  |
|  | 4.3.2. Bất bình đẳng giới |  |  |  |
| 5 | Bài 5: [Lao động – việc làm với phát triển kinh tế](#_Toc362442137) | 4 | 2 | 2 |
|  | 5.1. Tổng quan về lao động – việc làm và thất nghiệp |  |  |  |
|  | 5.1.[1. Nguồn lao động và các nhân tố ảnh hưởng](#_Toc362442139) |  |  |  |
|  | 5.1.[2. Việc làm và các nhân tố ảnh hưởng đến việc làm](#_Toc362442140) |  |  |  |
|  | 5.1.[3. Thất nghiệp ở nước đang phát triển](#_Toc362442141) |  |  |  |
|  | 5.2[. Thị trường lao động ở các nước đang phát triển](#_Toc362442142) |  |  |  |
|  | 5.2.[1. Khái niệm chung về thị trường lao động](#_Toc362442143) |  |  |  |
|  | 5.2.[2. Đặc điểm chung của thị trường lao động các nước đang phát triển](#_Toc362442144) |  |  |  |
|  | 5.2.[3. Cơ cấu các khu vực thị trường lao động ở các nước đang phát triển](#_Toc362442145) |  |  |  |
| 6 | Bài 6: Tiết kiệm đầu tư với phát triển kinh tế | 6 | 4 | 2 |
|  | 6.1. Tiết kiệm |  |  |  |
|  | 6.1.[1. Khái niệm](#_Toc362442150) |  |  |  |
|  | 6.1.[2. Phân loại tiết kiệm](#_Toc362442151) |  |  |  |
|  | 6.2. Đầu tư phát triển |  |  |  |
|  | 6.2.[1. Tài sản quốc gia và vốn sản xuất](#_Toc362442153) |  |  |  |
|  | 6.2.[2. Đầu tư vốn đầu tư phát triển](#_Toc362442154) |  |  |  |
|  | 6.2.[3. Cần nối giữa tiết kiệm và đầu tư](#_Toc362442155) |  |  |  |
|  | 6.2.[4. Tác động của vốn đầu tư và vốn sản xuất tới tăng trưởng kinh tế](#_Toc362442156) |  |  |  |
|  | 6.3. Thị trường vốn đầu tư ở các nước đang phát triển |  |  |  |
|  | 6.3.[1. Cầu vốn đầu tư và các nhân tố tác động](#_Toc362442158) |  |  |  |
|  | 6.3.[2. Cung vốn đầu tư và các nhân tố tác động](#_Toc362442159) |  |  |  |
|  | 6.4. Chính sách thu hút vốn đầu tư ở các nước đang phát triển |  |  |  |
|  | 6.4. 1. [Chính sách thu hút vốn đầu tư trong nước](#_Toc362442161) |  |  |  |
|  | 6.4. [2. Chính sach thu hút vốn đầu tư nước ngoài](#_Toc362442162) |  |  |  |
|  | **Cộng:** | **30** | **21** | **9** |

**5. Tài liệu học tập:**

***- Tài liệu chính:***

[1]. PGS.TS Nguyễn Ngọc Sơn - TS Bùi Đức Tuân (2012), *Kinh tế phát triển*, Nhà xuất bản tài chính.

***- Tài liệu tham khảo:***

[1]. Kinh tế phát triển (2001) Phân viện HN, Nhà xuất bản Thống kê

**6. Điều kiện thực hiện học phần:**

- Phòng học chuyên môn hóa / nhà xưởng: Phòng học lý thuyết

- Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu, phấn bảng

- Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Chương trình, giáo án, giáo trình,

- Các điều kiện khác:

**7. Phương pháp giảng dạy và học tập:**

- Hình thức giảng dạy chính của môn học: Lý thuyết trên lớp kết hợp với thảo luận nhóm.

- Giảng viên giới thiệu học phần, cung cấp đề cương bài giảng, giáo trình môn học, phân từng nhóm SV về nhà chuẩn bị bài, làm báo cáo Seminar. Giáo viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào nội dung của từng bài học chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện bài học để đảm bảo chất lượng giảng dạy. Cuối mỗi chương giáo viên tóm tắt bài giảng.

- Sinh viên cần tham dự đầy đủ các buổi học trên lớp, các buổi thảo luận theo quy định của chương trình; Hoàn thành các nhiệm vụ được giao (các báo cáo trong các buổi thảo luận...); Chuẩn bị đủ tài liệu học tập, tự nghiên cứu tài liệu dưới sự hướng dẫn của giảng viên, vận dụng lý luận vào giải quyết một số vấn đề cụ thể.

**8. Phương pháp đánh giá học phần:**

Thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo và hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo của Trường ĐHSP Kỹ thuật Vinh.

***8.1. Điểm kiểm tra đánh giá - quá trình:*** Có trọng số chung là **30%**

- Điểm chuyên cần: 10 **%***.*

- Điểm giữa kỳ: 20 **%**

***8.2. Điểm thi kết thúc học phần***

*-*Điểm thi kết thúc học phầncó trọng số là 70**%.**

- Hình thức thi: Tự luận

*Nghệ An, ngày....... tháng....... năm.........*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NGƯỜI BIÊN SOẠN**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* | **TRƯỞNG KHOA**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* |

**TS. Nguyễn Thị Trâm TS. Nguyễn Thị Trâm TS. Nguyễn Thị Trâm**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH

**KHOA KINH TẾ**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT**

**Tên học phần: Kinh doanh quốc tế**

**Mã học phần: 3KT110CD**

**Số tín chỉ: 2 (Số tiết: 30)**

**NGHỆ AN – 2020**

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XH  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC**  **SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT**

**1. Thông tin chung về học phần**:

- Tên học phần: Kinh doanh quốc tế

- Mã học phần: 3KT110CD

- Số tín chỉ: 2 (Số tiết: 30), phân bổ thời gian:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| + | Lên lớp: | 21 tiết (00 giờ). |
| + | Thực hành: | 00 tiết (00 giờ). |
| + | Thí nghiệm: | 00 tiết (00 giờ) |
| + | Thảo luận: | 9 tiết (00 giờ) |
| + | Bài tập: | 00 tiết (00 giờ) |
| + | Tự học, tự nghiên cứu: | 60 giờ |

**-** Trình độ đào tạo: Đại học

- Bộ môn / Khoa phụ trách giảng dạy: Khoa Kinh tế

**2. Mục tiêu của học phần:**

**-** Kiến thức

* Nhận dạng được quá trình toàn cầu hóa và sự tác động của nó đến kinh tế của từng quốc gia cũng như hoạt động kinh doanh của công ty.
* Nhận thức và sử dụng các lý thuyết về thương mại quốc tế để giải thích về các hiện tượng thương mại và sự tác động của nó đế từng ngành, lĩnh vực
* Đánh giá được sự tác động và những kết quả mang lại từ hoạt động đầu tư trực tiếp cũng như những hệ quả từ sự can thiệp của nhà nước thông qua các chính sách, các mối quan hệ mậu dịch quốc tế.
* Đánh giá được những lợi thế và bất lợi trong việc tham gia vào các khu vực trong việc phát triển kinh tế quốc gia, ngành, và khu vực kinh tế
* Đánh giá được những tác động và sự phức tạp của thị trường tài chính và tiền tệ quốc tế đến hoạt động kinnh doanh của công ty .
* Thông hiểu được quá trình hoạch định chiến lược và thực hiện chiến lược kinh doanh quốc tế của các công ty đa quốc gia.

- Kỹ năng

* Thực hành các kiến thức trong môi trường kinh doanh thực tế, có năng lực tương tác có hiệu quả với các thành viên trong nhóm/lớp.
* Có năng lực chuẩn bị và trình bày một viết tổng hợp mang tính học thuật về các chủ đề liên quan đến hoạt động kinh doanh quốc tế
* Thể hiện sự tự tin, có kỹ năng truyền thông bằng lời nói, kỹ năng trình bày, thảo luận trong các buổi thảo luận tại lớp, và tương tác tốt với các thành viên trong nhóm

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm

* Ý thức học tập theo phương pháp biết suy luận, kết hợp lý luận với thực tiễn
* Thái độ nghiêm túc, cách tiếp cận khoa học khi xem xét một vấn đề thuộc lĩnh vực kinh tế - ngoại thương, có nhận thức đúng đắn về vị trí quan trọng và vai trò to lớn của kinh doanh quốc tế đối với các hoạt động kinh tế xã hội.
* Tuân thủ các quy định, quy tắc quốc gia, quốc tế về hoạt động kinh tế ngoại thương trong thực tế làm việc.

**3. Mô tả học phần:**

- Vai trò, vị trí của môn học: Môn học kinh doanh quốc tế góp phần trang bị những kiến thức và phương pháp tư duy mới cho các cán bộ hoạt động trên lĩnh vực kinh tế quốc tế, đặc biệt là những nhà kinh doanh để có thể đưa ra được những quyết định tác nghiệp hợp lý nhằm tối đa hoá lợi nhuận, sử dụng và phát huy tối ưu các lợi thế về nguồn nhân lực, cũng như thoả mãn các yêu cầu khác trong quan hệ kinh doanh quốc tế. Hoạt động kinh doanh quốc tế gắn liền với các việc đưa ra các quyết định về lựa chọn chiến lược, chính sách và các hình thức kinh doanh.

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Nội dung cần đạt được của học phần:Khái quát về kinh doanh quốc tế, các hình thức kinh doanh quốc tế chủ yếu và các nhân tố ảnh hưởng tác động đến mục đích, hình thức và kết quả kinh doanh. Nghiên cứu và phân tích cơ cấu của chiến lược kinh doanh quốc tế, các bước hoạch định và thực hiện chiến lược kinh doanh. Một số chiến lược kinh doanh quốc tế điển hình và vận dụng vào từng loại hình quốc gia.

**4. Nội dung học phần:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Thời gian**  **thực hiện** | | |
| **Tổng số** | **Lý thuyết** | **Thực hành**  **(TH, TN, BT, TL)** |
| 1 | Chương 1: Khái quát về hoạt động kinh doanh quốc tế | 2 | 2 | 0 |
|  | * 1. Qúa trình hình thành hoạt động kinh doanh quốc tế |  |  |  |
|  | * 1. Các nhân tố ảnh hưởng đến kinh doanh quốc tế |  |  |  |
| 2 | Chương 2: Môi trường kinh doanh quốc tế |  |  |  |
|  | * 1. Khái quát về môi trường kinh doanh quốc tế |  |  |  |
|  | * 1. Phân tích tác động của môi trường kinh doanh quốc tế |  |  |  |
| 3 | Chương 3: Các định chế và các chủ thể trong kinh doanh  quốc tế | 2 | 1 | 1 |
|  | * 1. Các định chế kinh tế tài chính quốc tế |  |  |  |
|  | * 1. Các chủ thể của kinh doanh quốc tế |  |  |  |
| 4 | Chương 4: Pháp luật trong kinh doanh quốc tế | 4 | 3 | 1 |
|  | * 1. Pháp luật điều chỉnh quan hệ về thương mại quốc tế |  |  |  |
|  | * 1. Pháp luật điều chỉnh quan hệ đầu tư quốc tế |  |  |  |
|  | * 1. Pháp luật điều chỉnh quan hệ kinh doanh dịch vụ quốc tế |  |  |  |
|  | * 1. Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh quốc tế |  |  |  |
| 5 | Chương 5: Thương mại quốc tế | 4 | 3 | 1 |
|  | * 1. Tổng quan về thương mại quốc tế |  |  |  |
|  | * 1. Các lý thuyết về thương mại quốc tế |  |  |  |
|  | * 1. Chính sách thương mại quốc tế |  |  |  |
| 6 | Chương 6: Đầu tư trực tiếp nước ngoài | 2 | 1 | 1 |
|  | * 1. Khái quát về đầu tư quốc tế |  |  |  |
|  | * 1. Chiến lược thu hút FDI của Việt Nam |  |  |  |
| 7 | Chương 7: Kinh doanh Tài chính – Tiền tệ quốc tế | 4 | 3 | 1 |
|  | * 1. Thị trường ngoại hối |  |  |  |
|  | * 1. Tỷ giá hối đoái |  |  |  |
|  | * 1. Các hình thức kinh doanh ngoại hối |  |  |  |
|  | * 1. Quản lý kinh doanh quốc tế trong điều kiện ngoại hối không ổn định |  |  |  |
| 8 | Chương 8: Kinh doanh các dịch vụ quốc tế | 4 | 3 | 1 |
|  | * 1. Khái niệm và phân loại kinh doanh dịch vụ quốc tế |  |  |  |
|  | * 1. Các phương thức kinh doanh dịch vụ quốc tế |  |  |  |
|  | * 1. Một số dịch vụ quốc tế điển hình |  |  |  |
| 9 | Chương 9: Chiến lược kinh doanh quốc tế | 4 | 3 | 1 |
|  | * 1. Khái quát về chiến lược kinh doanh quốc tế |  |  |  |
|  | * 1. Phương pháp thiết lập kinh doanh quốc tế |  |  |  |
|  | * 1. Các mô hình chiến lược kinh doanh quốc tế |  |  |  |
| 10 | Chương 10: Giao dịch, đàm phán và ký kết hợp đồng trong  kinh doanh quốc tê | 2 | 1 | 1 |
|  | * 1. Một số vấn đề cơ bản về đàm phán trong kinh doanh quốc tế |  |  |  |
|  | * 1. Tổ chức đàm phán trong kinh doanh quốc tế |  |  |  |
|  | **Cộng:** | **30** | **21** | **9** |

**5. Tài liệu học tập và tham khảo:**

***- Tài liệu chính:***

*[1] PGS.TS. Tạ Lợi – PGS.TS. Nguyễn Thi Hường (2016), Giáo trình Kinh doanh quốc tế, NXB Kinh tế quốc dân.*

***- Tài liệu tham khảo:***

*[1]. Charles W.L.Hill, Kinh doanh quốc tế hiện đại, NXB kinh tế TP. Hồ Chí Minh, 2014*

*[2]. TS. Phạm Thị Hồng Yến, Giáo trình kinh doanh quốc tế, NXB Thống kê, 2012*

**6. Điều kiện thực hiện học phần:**

- Phòng học chuyên môn hóa / nhà xưởng: Phòng học có máy chiếu

- Trang thiết bị máy móc: Phấn, bảng, máy chiếu

- Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Bút, vở ghi chép

- Các điều kiện khác: Các phương tiện tìm kiếm thông tin qua internet.

**7. Phương pháp giảng dạy và học tập:**

Giảngviên giới thiệu học phần, cung cấp đề cương bài giảng, tài liệu tham khảo, các địa chỉ website để tìm tư liệu liên quan đến môn học, phân từng nhóm SV về nhà chuẩn bị bài từng chương, làm báo cáo Seminar. Cuối mỗi chương giáo viên tóm tắt bài giảng.

**8. Phương pháp đánh giá học phần:**

Thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo của Trường ĐHSP Kỹ thuật Vinh.

*Nghệ An, ngày tháng năm …*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NGƯỜI BIÊN SOẠN** | **TRƯỞNG BỘ MÔN** | **TRƯỞNG KHOA** |

**ThS. Nguyễn Thị Thơ TS.Nguyễn Thị Trâm TS.Nguyễn Thị Trâm**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH

**KHOA KINH TẾ**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT**

**Tên học phần: Kinh tế quốc tế**

**Mã học phần: 3KT102DH**

**Số tín chỉ: 2 (Số tiết: 30)**

**NGHỆ AN – 2020**

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XH  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC**  **SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT**

**1. Thông tin chung về học phần**:

- Tên học phần: Kinh tế quốc tế

- Mã học phần: 3KT102DH

- Số tín chỉ: 2 (Số tiết: 30), phân bổ thời gian:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | Lên lớp: | 20 tiết (20 giờ). |
|  | Thực hành: | 00 tiết (00 giờ). |
|  | Thí nghiệm: | 00 tiết (00 giờ) |
|  | Thảo luận: | 10 tiết (20 giờ) |
|  | Bài tập: | 00 tiết (00 giờ) |
|  | Tự học, tự nghiên cứu: | 60 giờ |

**-** Trình độ đào tạo: Đại học

- Bộ môn / Khoa phụ trách giảng dạy: Khoa Kinh tế

**2. Mục tiêu của học phần:**

**-** Kiến thức: Hiểu biết tổng quan về nền kinh tế thế giới hiện đại

+ Xác định và giải thích được các vấn đề về giao thương giữa các quốc gia, lợi ích đạt được khi giao thương và bản chât của giao thương.

+ Xác định được các đối tượng liên quan khi quốc gia sử dụng các rào cản TMQT.

+ Phân biệt được các liên kết kinh tế và trình bày về xu hướng hội nhập kinh tế thế giới.

+ Diễn giải được các khái niệm cơ bản về cán cân thanh toán quốc tế và cơ chế xác định tỷ giá.

**-** Kỹ năng: *Sau khi kết thúc môn học, người học sẽ phải đạt những mục tiêu kỹ năng sau:*

+ Xử lý được các vấn đề liên quan đến các hoạt động kinh tế quốc tế thông qua các câu hỏi thảo luận, câu hỏi ôn tập trong quá trình học tập môn học

+ Nhận biết chính xác các tác động của các chính sách thương mại quốc tế trong nền kinh tế thị trường

+ Vận dụng những kiến thức đã được nghiên cứu làm cơ sở cho việc nhận thức, học tập các môn chuyên môn của nghề và ứng dụng có hiệu quả vào hoạt động thực tiễn sau này.

**-** Năng lực tự chủ và trách nhiệm

+ Ý thức học tập theo phương pháp biết suy luận, kết hợp lý luận với thực tiễn

+ Thái độ nghiêm túc, cách tiếp cận khoa học khi xem xét một vấn đề thuộc lĩnh vực kinh tế - ngoại thương, có nhận thức đúng đắn về vị trí quan trọng và vai trò to lớn của kinh tế quốc tế đối với các hoạt động kinh tế xã hội.

**3. Mô tả học phần:**

- Vai trò, vị trí của môn học: Môn học Kinh tế học quốc tế là môn học tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, nghiên cứu mối quan hệ kinh tế giữa các quốc gia thông qua việc trao đổi hàng hóa, dịch vụ và sự di chuyển các nguồn lực kinh tế (lao động, vốn). Môn học cung cấp hệ thống các học thuyết kinh tế quốc tế, các công cụ chính sách thương mại quốc tế và những phân tích cơ bản về cán cân thanh toán quốc tế và tỷ giá hối đoái. Bên cạnh những kiến thức nêu trên, sinh viên sẽ tiếp tục được rèn luyện thái độ và tinh thần học tập, nghiên cứu khoa học, các kỹ năng phân tích định tính và định lượng một vấn đề kinh tế, tư duy logic và kỹ năng làm việc nhóm.

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Nội dung cần đạt được của học phần: Nội dung của học phần chia thành ba bộ phận lớn:

+ Phần thứ nhất; trình bày các học thuyết về thương mại quốc tế

+ Phần thứ hai; trình bày các chính sách chung của các quốc gia và quốc tế trong thương mại quốc tế. Đặc biệt, phần thứ hai trình bày các tác động về kinh tế đến các đối tượng có liên quan khi quốc gia sử dụng các rào cản thương mại quốc tế.

+ Phần thứ ba; trình bày các liên kết kinh tế - một trong những xu hướng của kinh tế quốc tế hiện nay

**4. Nội dung học phần:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Thời gian**  **thực hiện** | | |
| **Tổng số** | **Lý thuyết** | **Thực hành**  **(TH, TN, BT, TL)** |
| 1 | Bài 1. Một số vấn đề chung về nền kinh tế thế giới | 4 | 3 | 1 |
|  | * 1. Nền kinh tế thế giới và cơ cấu nền kinh tế thế giới |  |  |  |
|  | * 1. Nền kinh tế thế giới hiện đại |  |  |  |
|  | * 1. Cơ sở hình thành và phát triển các quan hệ kinh tế quốc tế |  |  |  |
|  | * 1. Những quan điểm cơ bản của Đảng Cộng sản và Nhà nước Việt Nam về phát triển kinh tế đối ngoại |  |  |  |
| 2 | Bài 2: Thương mại quốc tế | 6 | 5 | 1 |
|  | * 1. Lý luận chung về Thương mại Quốc tế |  |  |  |
|  | * 1. Lý thuyết cổ điển về Thương mại Quốc tế |  |  |  |
|  | * 1. Chính sách Thương mại Quốc tế |  |  |  |
|  | * 1. Các công cụ chủ yếu của Chính sách Thương mại Quốc tế |  |  |  |
|  | * 1. Một số nguyên tắc điều chỉnh Thương mại Quốc tế |  |  |  |
|  | * 1. Thương mại hàng hóa quốc tế của Việt Nam |  |  |  |
| 3 | Bài 3: Đầu tư quốc tế | 4 | 3 | 1 |
|  | * 1. Khái niệm và vai trò của đầu tư quốc tế |  |  |  |
|  | * 1. Đầu tư gián tiếp trong đầu tư quốc tế |  |  |  |
|  | * 1. Đầu tư trực tiếp trong đầu tư quốc tế |  |  |  |
|  | * 1. Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam |  |  |  |
| 4 | Bài 4: Thị trường tiền tệ và cán cân thanh toán quốc tế | 6 | 4 | 2 |
|  | * 1. Hệ thống tiền tệ quốc tế |  |  |  |
|  | * 1. Tỷ giá hối đoái |  |  |  |
|  | * 1. Thị trường ngoại hối |  |  |  |
|  | * 1. Cán cân thanh toán quốc tế |  |  |  |
| 5 | Bài 5: Liên kết kinh tế quốc tế và các tổ chức kinh tế quốc tế | 6 | 3 | 3 |
|  | * 1. Liên kết kinh tế quốc tế |  |  |  |
|  | * 1. Các tổ chức kinh tế quốc tế |  |  |  |
|  | * 1. ASEAN, AFTA và Việt Nam. |  |  |  |
| 6 | Bài 6: Hội nhập kinh tế quốc tế của việt nam | 4 | 2 | 2 |
|  | 6.1. Những vấn đề chung về hội nhập kinh tế quốc tế. |  |  |  |
|  | 6.2. Các nguồn lực phát triển quan hệ kinh tế quốc tế của Việt Nam. |  |  |  |
|  | 6.3. Quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. |  |  |  |
|  | 6.4. Những cơ hội, thách thức và giải pháp hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. |  |  |  |
|  | **Cộng:** | **30** | **20** | **10** |

**5. Tài liệu học tập và tham khảo:**

***- Tài liệu học tập:***

[1] GT Kinh tế quốc tế (dùng cho đại học - cao đẳng), Đỗ Đức Bình,Ng Thị Thuý Hồng (2010), NXB Giáo dục

[2] Đỗ Đức Bình (2012), Kinh tế quốc tế, NXB Kinh tế quốc dân

***- Tài liệu tham khảo:***

[3] Bùi Thị Lý (2010), GT quan hệ kinh tế quốc tế, NXB Giáo dục

[4] TS Trần Văn Hoè (2012), Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu, NXB Kinh tế quốc dân

**6. Điều kiện thực hiện học phần:**

- Phòng học chuyên môn hóa / nhà xưởng: Phòng học Máy tính, máy chiếu

- Trang thiết bị máy móc: Phấn, bảng, máy chiếu

- Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Bút, vở ghi chép

- Các điều kiện khác: Các phương tiện tìm kiếm thông tin qua internet.

**7. Phương pháp giảng dạy và học tập:**

Giảngviên giới thiệu học phần, cung cấp đề cương bài giảng, tài liệu tham khảo, các địa chỉ website để tìm tư liệu liên quan đến môn học, phân từng nhóm SV về nhà chuẩn bị bài từng chương, làm báo cáo Seminar. Cuối mỗi chương giáo viên tóm tắt bài giảng.

**8. Phương pháp đánh giá học phần:**

Thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo của Trường ĐHSP Kỹ thuật Vinh.

*Nghệ An, ngày....... tháng....... năm.........*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NGƯỜI BIÊN SOẠN**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* | **TRƯỞNG KHOA**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* |

**Nguyễn Thị Thơ Nguyễn Thị Trâm TS. Nguyễn Thị Trâm**

*Phụ lục 3b (Mẫu 4LT – CTĐH 2020)*

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH

**KHOA KINH TẾ**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT**

**Tên học phần: Kinh tế môi trường**

**Mã học phần: 3KT147DH**

**Số tín chỉ: 02 (Số tiết: 30 )**

**NGHỆ AN – 2020**

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XH  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC**  **SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT**

**1. Thông tin chung về học phần**:

- Tên học phần: Kinh tế môi trường

- Mã học phần: 3KT147DH

- Số tín chỉ: 02 (Số tiết: 30 ), phân bổ thời gian:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| + | Lên lớp: | 20 tiết (00 giờ). |
| + | Thực hành: | 00 tiết (00 giờ). |
| + | Thí nghiệm: | 00 tiết (00 giờ) |
| + | Thảo luận: | 10 tiết (00 giờ) |
| + | Bài tập: | 00 tiết (00 giờ) |
| + | Tự học, tự nghiên cứu: | 60 giờ |

**-** Trình độ đào tạo: Đại học

- Bộ môn / Khoa phụ trách giảng dạy: Kinh tế

**2. Mục tiêu của học phần:**

**-** Kiến thức:

+ Nắm được những vấn đề cơ bản về kinh tế môi trường, đánh giá tác động môi trường và phân tích kinh tế của những tác động môi trường.

+ Hiểu được mối quan hệ giữa kinh tế và môi trường, từ đó có một cách ứng xử hợp lý trong hoạt động thực tiễn đối với những vấn đề liên quan đến môi trường.

+ Nhận thức rõ về khan hiếm tài nguyên, dân số, kinh tế và môi trường, quản lý môi trường phù hợp với hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam và xu hướng biến đổi môi trường toàn cầu.

- Kỹ năng:

+ Vận dụng được những kiến thức về kinh tế môi trường để đánh giá tính khả thi của các chính sách/chương trình/dự án;

+ Vận dụng được các công cụ quản lý môi trường trong thực tiễn và trong công tác hoạch định chính sách về môi trường.

+ Xây dựng và thực hiện được các đề xuất nghiên cứu về kinh tế môi trường.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Nắm vững lý thuyết giảng trên lớp kết hợp với nghiên cứu tài liệu tham khảo, tham gia thảo luận (theo hướng dẫn của giáo viên) và làm các bài tập tình huống bắt buộc nhằm rèn luyện các kỹ năng, phương pháp.

+ Có ý thức và tích cực vận dụng các kiến thức đã học vào thực tiễn hoạt động.

**3. Mô tả học phần:**

- Vai trò, vị trí của môn học: Kinh tế môi trường là học phần thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Quản trị nhân lực.

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Nội dung cần đạt được của học phần (mô tả tóm tắt): Phân tích, đánh giá kinh tế môi trường và quản lý môi trường xem xét dưới góc độ kinh tế, đánh giá những tác động của môi trường; khan hiếm tài nguyên, dân số, kinh tế, quản lý môi trường.

**4. Nội dung học phần:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Thời gian**  **thực hiện** | | |
| **Tổng số** | **Lý thuyết** | **Thực hành**  **(TH, TN, BT, TL)** |
| 1 | Bài 1: Khái quát về kinh tế môi trường  1.1. Khái quát về kinh tế và môi trường  1.2. Đối tượng của môn học  1.3. Nhiệm vụ của môn học  1.4. Phương pháp nghiên cứu môn học  1.4.1. Quan điểm và phương pháp duy vật biện chứng  và duy vật lịch sử  1.4.2. Quan điểm phân tích tĩnh, phân tích tĩnh so  sánh và phân tích động  1.4.3. Tiếp cận hệ thống, phân tích hệ thống và cân  bằng vật chất  1.4.4. Các phương pháp đánh giá tác động môi trường  (EIA), lượng hóa tác động tới môi trường  1.4.5. Phương pháp phân tích chi phí – lợi ích  1.4.6. Phương pháp mô hình | 3 | 3 | 0 |
| 2 | Bài 2: Môi trường và phát triển  2.1. Môi trường  2.1.1. Khái niệm về môi trường  2.1.2. Bản chất hệ thống của môi trường  2.1.3. Phân loại môi trường  2.1.4. Vai trò của môi trường đối với con người  2.1.5. Quan hệ tương tác giữa kinh tế và môi  trường  2.2. Tài nguyên  2.2.1. Khái niệm về tài nguyên  2.2.2. Phân loại tài nguyên thiên nhiên  2.2.3. Kinh tế tài nguyên  2.2.4. Cân bằng vật chất và chất lượng môi trường  2.3. Biến đổi môi trường  2.3.1. Khái niệm chung về biến đổi môi trường  2.3.2. Các dạng biến đổi môi trường  2.3.3. Tiêu chuẩn môi trường  2.4. Phát triển  2.4.1. Khái niệm về phát triển  2.4.2. Phát triển kinh tế và tăng trưởng kinh tế  2.4.3. Mối quan hệ giữa môi trường và phát triển  2.4.4. Các mô hình chiến lược phát triển  2.4.5. Mô hình chiến lược phát triển của Việt Nam  2.5. Phát triển bền vững  2.5.1. Khái niệm phát triển bền vững  2.5.2. Nội dung phát triển bền vững  2.5.3. Các chỉ số phát triển bền vững  2.5.4. Những nguyên tắc của một xã hội bền vững | 5 | 3 | 2 |
| 3 | Bài 3: Kinh tế học chất lượng môi trường  3.1. Nhận thức chung về chất lượng moi trường  3.1.1.Khái niệm về chất lượng môi trường  3.1.2 Các vấn đề cơ bản về chất lượng môi trường  3.1.3. Một số tiêu thức đánh giá chất lượng môi  trường  3.2. Ngoại ứng  3.2.1. Khái niệm và phân loại  3.2.2. Ngoại ứng và thất bại thị trường  3.3. Ô nhiễm tối ưu và các giải pháp kiểm soát  ô nhiễm  3.3.1. Ô nhiễm tối ưu  3.3.2. Các giải pháp kiểm soát ô nhiễm | 4 | 3 | 1 |
| 4 | Bài 4: Đánh giá tác động môi trường và phân  tích kinh tế của những tác động môi trường  4.1. Đánh giá tác động môi trường  4.1.1. Khái niệm về đánh giá tác động môi trường  4.1.2. Mục đích của đánh giá tác động môi trường  4.1.3. Các nguyên tắc đánh giá tác động môi trường  4.1.4. Các phương pháp đánh giá tác động môi trường  4.2. Phân tích chi phí – lợi ích cho tác động tới môi  trường  4.2.1. Khái quát về phân tích chi phí  4.2.2. Trình tự tiến hành phân tích chi phí – lợi ích  4.2.3. Chiết khấu và biến thời gian  4.2.4. Các chỉ tiêu sử dụng khi đánh giá một dự án  4.3. Một số kỹ thuật sử dụng giá thị trường và không  sử dụng giá thị trường để phân tích chi phí – lợi ích  tác động tới môi trường  4.3.1. Đánh giá với giá thị trường  4.3.2. Đánh giá trong điều kiện không có giá thị  trường | 6 | 4 | 2 |
| 5 | Bài 5: Khan hiếm tài nguyên, dân số, kinh tế và môi  trường  5.1. Khan hiếm tài nguyên không có khả năng tái sinh  5.1.1. Giới thiệu chung  5.1.2. Mô hình khai thác và khả năng cạn kiệt đối với  nguồn tài nguyên không có khả năng tái sinh  5.2. Khan hiếm tài nguyên có khả năng tái sinh  5.2.1. Giới thiệu chung  5.2.2. Mô hình khai thác và khả năng cạn kiệt đối với  nguồn tài nguyên có khả năng tái sinh  5.3. Chính sách kiểm soát dân số  5.3.1. Các lý thuyết về dân số  5.3.2. Phát triển kinh tế, dân số và môi trường  5.3.3. Các chính sách nhằm bảo đảm cân đối giữa gia  tăng dân số, phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường | 5 | 3 | 2 |
| 6 | Bài 6: Quản lý môi trường  6.1. Quản lý môi trường và vai trò của Nhà nước  trong quản lý môi trường  6.1.1. Khái niệm quản lý môi trường  6.1.2. Cơ sở quản lý môi trường  6.1.3. Quản lý Nhà nước về môi trường  6.2. Nội dung và nguyên tắc quản lý môi trường  6.2.1. Nội dung quản lý Nhà nước về môi trường  6.2.2. Các nguyên tắc quản lý môi trường  6.2.3. Sản xuất sạch hơn là mục tiêu hướng tới của  doanh nghiệp  6.2.4. Hệ thống quản lý môi trường cho doanh nghiệp  6.3. Các công cụ quản lý môi trường  6.3.1. Công cụ luật pháp và chính sách  6.3.2. Công cụ kinh tế  6.3.3. Công cụ kỹ thuật quản lý môi trường  6.3.4. Công cụ giáo dục và truyển thông môi trường  6.4. Hệ thống tổ chức quản lý môi trường ở Việt Nam  6.4.1. Lịch sử quản lý môi trường Việt Nam  6.4.2. Hệ thống tổ chức quản lý môi trường ở Việt  Nam  6.4.3. Các văn bản pháp lý hiện hành liên quan tới  quản lý môi trường ở Việt Nam  6.4.4. Sự tham gia của Việt Nam vào các công ước  quốc tế về môi trường | 7 | 4 | 3 |
|  | **Cộng:** | **30** | **20** | **10** |

**5. Tài liệu học tập:**

***- Tài liệu chính:***

[1]. Giáo trình kinh tế môi trườngcủa Học viện Tài chính năm 2013.

[2]. Nguyễn Đức Lợi – Phạm Văn Nhật, Giáo trình Kinh tế môi trường, NXB Tài chính, 2013.

***- Tài liệu tham khảo:***

[1]. Phạm Thị Bích Thủy, Giáo trình Kinh tế tài nguyên và môi trường, Trường ĐH Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, 2010.

[2]. Các tài liệu chuyên khảo, các luật liên quan, các bài viết, thông tintrên các báo  
 **6. Điều kiện thực hiện học phần:**

- Phòng học chuyên môn hóa / nhà xưởng: Phòng học lý thuyết

- Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu, phấn bảng

- Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Chương trình, giáo án, giáo trình,

- Các điều kiện khác:

**7. Phương pháp giảng dạy và học tập:**

- Hình thức giảng dạy chính của môn học: Lý thuyết trên lớp kết hợp với thảo luận nhóm.

- Giảng viên giới thiệu học phần, cung cấp đề cương bài giảng, giáo trình môn học, phân từng nhóm SV về nhà chuẩn bị bài, làm báo cáo Seminar. Giáo viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào nội dung của từng bài học chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện bài học để đảm bảo chất lượng giảng dạy. Cuối mỗi chương giáo viên tóm tắt bài giảng.

- Sinh viên cần tham dự đầy đủ các buổi học trên lớp, các buổi thảo luận theo quy định của chương trình; Hoàn thành các nhiệm vụ được giao (các báo cáo trong các buổi thảo luận...); Chuẩn bị đủ tài liệu học tập, tự nghiên cứu tài liệu dưới sự hướng dẫn của giảng viên, vận dụng lý luận vào giải quyết một số vấn đề cụ thể.

**8. Phương pháp đánh giá học phần:**

Thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo và hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo của Trường ĐHSP Kỹ thuật Vinh.

***8.1. Điểm kiểm tra đánh giá - quá trình:*** Có trọng số chung là **30%**

- Điểm chuyên cần: 10 **%***.*

- Điểm giữa kỳ: 20 **%**

***8.2. Điểm thi kết thúc học phần***

*-*Điểm thi kết thúc học phầncó trọng số là 70**%.**

- Hình thức thi: Tự luận

*Nghệ An, ngày....... tháng....... năm.........*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NGƯỜI BIÊN SOẠN**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* | **TRƯỞNG KHOA**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* |

**TS. Nguyễn Thị Trâm TS. Nguyễn Thị Trâm TS. Nguyễn Thị Trâm**

*Phụ lục 3b (Mẫu 4LT – CTĐH 2020)*

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH

**KHOA KINH TẾ**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT**

**Tên học phần: Marketing căn bản**

**Mã học phần: 3KT103CD**

**Số tín chỉ: 02 (Số tiết: 30)**

**NGHỆ AN – 2020**

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XH  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC**  **SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT**

**1. Thông tin chung về học phần**:

- Tên học phần: Marketing căn bản

- Mã học phần: 3KT103CD

- Số tín chỉ: 2TC (Số tiết: 30 ), phân bổ thời gian:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | Lên lớp: | 22 tiết (22 giờ). |
|  | Thực hành: | 00 tiết (00 giờ). |
|  | Thí nghiệm: | 00 tiết (00 giờ) |
|  | Thảo luận: | 06 tiết (06 giờ) |
|  | Bài tập, kiểm tra: | 02 tiết (02 giờ) |
|  | Tự học, tự nghiên cứu: | 60 giờ |

**-** Trình độ đào tạo: Đại học

- Bộ môn / Khoa phụ trách giảng dạy: Kinh tế

**2. Mục tiêu của học phần:**

- Kiến thức:

+ Trình bày được định nghĩa và đặc điểm của Marketing theo quan điểm hiện đại. + Phân đoạn được thị trường theo nhiều tiêu thức khác nhau cũng như nắm bắt được hành vi mua hàng của người tiêu dùng trong thị trường

+ Lập được phiếu điều tra khách hàng, sử dụng hợp lý câu hỏi đóng và câu hỏi mở

+ Nắm bắt và phân tích được mô hình và đặc trưng các giai đoạn của chu kỳ sống sản phẩm; mô tả được cấu tạo sản phẩm theo quan điểm Marketing, qua đó đưa ra được những chính sách sản phẩm hiệu quả

+ Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng đến việc định giá của doanh nghiệp, nắm được các phương pháp định giá cơ bản và các chính sách định giá cho sản phẩm mới.

+ Nhận thức được một cách khái quát về kênh phân phối, các thành viên của kênh, các loại kênh và các chính sách phân phối.

+ Hiểu rõ bản chất, vai trò của hoạt động xúc tiến hỗn hợp và các công cụ của xúc tiến trong hoạt động kinh doanh

- Kỹ năng:

+ Thành thạo kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình, phỏng vấn thông qua các bài tập thảo luận nhóm

+ Hình thành kỹ năng tính toán, phân tích thông qua bài tập về tính giá

+ Thiết lập được kỹ năng lập kế hoạch, thiết kế chương trình, giao tiếp thông qua các hoạt động kiến tập

+ Hình thành kỹ năng thiết lập, phân tích, đánh giá thông qua việc lập bảng câu hỏi, điều tra và tổng hợp đánh giá bảng câu hỏi

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Có ý thức tích cực, chủ động trong quá trình học tập.

+ Có khả năng tự học, tự nghiên cứu tài liệu, giải quyết các tình huống.

+Tiếp cận và giải quyết các vấn đề kinh tế hiện đại phù hợp với xu thế phát triển hiện nay.

**3. Mô tả học phần:**

- Vai trò, vị trí của môn học: Marketing căn bản là học phần thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp lý thuyết bắt buộc của ngành Quản trị kinh doanh.Marketing căn bản là học phần bắt buộc, nghiên cứu các hoạt động cơ bản của người làm Marketing và cung cấp những kiến thức cơ sở để học các học phần, mô đun chuyên môn.

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Nội dung cần đạt được của học phần (mô tả tóm tắt): Những vấn đề cơ bản về Marketing, Thị trường trong hoạt động Marketing, giới thiệu về các chính sách Marketing mix như: Chính sách sản phẩm, chính sách giá, chính sách phân phối và chính sách xúc tiến.

**4. Nội dung học phần:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên chương, mục** | **Thời gian (tiết)** | | |
| **Tổng số** | **Lý thuyết** | **Thực hành**  **(TH, TN, BT, TL)** |
| 1 | Chương 1: Những vấn đề cơ bản về Marketing  1.1. Quá trình ra đời và phát triển của hoạt động Marketing  1.2 Các khái niệm và các quan điểm Marketing  1.3. Vai trò và chức năng của hoạt động Marketing | 4 | 4 | 0 |
| 2 | Chương 2: Thị trường trong hoạt động Marketing  2.1 Khái quát chung về thị trường  2.2 Nghiên cứu thị trường | 4 | 3 | 1 |
| 3 | Chương 3: Chính sách sản phẩm  3.1 Khái niệm và vị trí của chính sách sản phẩm  3.2 Lý thuyết chu kỳ sống của sản phẩm  3.3 Các chính sách về sản phẩm | 6 | 3 | 3 |
| 4 | Chương 4: Chính sách giá  4.1 Giá và các nhân tố ảnh hưởng đến việc định giá  4.2 Phương pháp xác định giá  4.2.1 Phương pháp tính giá theo chi phí  4.2.2 Phương pháp định giá theo cảm nhận khách  hàng  4.2.3 Phương pháp định giá theo mức hiện hành  4.3 Các chính sách giá | 6 | 3 | 3 |
| 5 | Chương 5: Chính sách phân phối  5.1 Khái quát chung về kênh phân phối  5.2 Các thành viên của kênh phân phối  5.3 Các loại kênh phân phối  5.4 Chính sách phân phối | 4 | 3 | 1 |
| 6 | Chương 6: Chính sách xúc tiến hỗn hợp  6.1 Bản chất, vai trò của xúc tiến hỗn hợp  6.2 Các công cụ của xúc tiến hỗn hợp  6.3 Chính sách phối hợp các công cụ xúc tiến hỗn hợp | 6 | 4 | 2 |
|  | **Cộng:** | **30** | **20** | **10** |

**5. Tài liệu học tập và tham khảo:**

***- Tài liệu học tập:***

[1]. GS.TS. Trần Minh Đạo **-** Marketing căn bản - Nhà xuất bản ĐH Kinh tế Quốc Dân Hà Nội, Năm 2012.

***- Tài liệu tham khảo:***

[1]. TS. Nguyễn Thượng Thái*–* Giáo trình Marketing căn bản *-* NXB Thông tin và Truyền thông - 2010

**6. Điều kiện thực hiện học phần:**

- Trang thiết bị máy móc: Máy chiếu, máy vi tính.

- Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Bảng, phấn, tài liệu tham khảo, đề cương bài giảng, giáo trình.

- Các điều kiện khác: Câu hỏi, bài tập thực hành...

**7. Phương pháp giảng dạy và học tập:**

- Hình thức giảng dạy chính của môn học: Lý thuyết trên lớp kết hợp với làm bài tập, thảo luận nhóm

- Giảng viên giới thiệu học phần, cung cấp đề cương bài giảng, tài liệu tham khảo, các địa chỉ website để tìm tư liệu liên quan đến môn học, phân từng nhóm SV về nhà chuẩn bị bài, làm báo cáo Seminar. Giảng viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào nội dung của từng bài học, xây dựng các bài thực hành cụ thể theo nội dung của từng chương, chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện bài học để đảm bảo chất lượng giảng dạy

- Sinh viên cần tham dự đầy đủ các buổi học trên lớp, các buổi thảo luận, các bài thực hành theo quy định của chương trình; Hoàn thành các nhiệm vụ được giao (các bài tập; báo cáo trong các buổi thảo luận...); Chuẩn bị đủ tài liệu học tập, tự nghiên cứu tài liệu dưới sự hướng dẫn của giảng viên, vận dụng lý luận vào giải quyết một số vấn đề cụ thể.

**8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập học phần:**

Thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo của Trường ĐHSP Kỹ thuật Vinh.

***8.1. Điểm kiểm tra đánh giá - quá trình:*** Có trọng số chung là **30%**

- Điểm chuyên cần: 10 **%***.*

- Điểm giữa kỳ: 20 **%** (Kiểm tra viết hoặc làm bài tập nhóm)

***8.2. Điểm thi kết thúc học phần***

Điểm thi kết thúc học phầncó trọng số là 70**%.**

- Hình thức thi: Kiểm tra theo hình thức tự luận hoặc trắc nghiệm khách quan.

*Nghệ An, ngày....... tháng....... năm.........*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NGƯỜI BIÊN SOẠN**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* | **TRƯỞNG KHOA**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* |

Nguyễn Thị Mai Hương TS. Nguyễn Thị Trâm TS. Nguyễn Thị Trâm

*Phụ lục 3b (Mẫu 4LT – CTĐH 2020)*

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH

**KHOA KINH TẾ**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT**

**Tên học phần: Thương mại điện tử**

**Mã học phần: 3KT105CD**

**Số tín chỉ: 02 (Số tiết: 30)**

**NGHỆ AN – 2020**

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XH  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC**  **SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT**

**1. Thông tin chung về học phần**:

- Tên học phần: Thương mại điện tử

- Mã học phần: 3KT1105CD

- Số tín chỉ: 02 (Số tiết: 30), phân bổ thời gian:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| + | Lên lớp: | 20 tiết. |
| + | Thực hành: | 00 tiết (00 giờ). |
| + | Thí nghiệm: | 00 tiết (00 giờ) |
| + | Thảo luận: | 00 tiết (00 giờ) |
| + | Bài tập: | 10 tiết (20 giờ) |
| + | Tự học, tự nghiên cứu: | 60 giờ |

-Trình độ đào tạo: Đại học

- Bộ môn / Khoa phụ trách giảng dạy: Khoa Kinh tế

**2. Mục tiêu của học phần:**

- Kiến thức:

+ Trình bày được quá trình phát triển, lợi ích và hạn chế của thương mại điện tử

+ Trình bày được các cơ sở phát triển thương mại điện tử

+ Nêu được các mô hình thương mại điện tử phổ biến hiện nay

+ Phân tích được hành vi mua sắm của khách hàng qua mạng

+ Tiến hành được một số công cụ marketing qua mạng

- Kỹ năng:

+ Thành thạo kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình, phỏng vấn thông qua các bài tập thảo luận nhóm

+ Hình thành kỹ năng marketing qua mạng internet

+ Thiết lập được kỹ năng lập kế hoạch, thiết kế chương trình, giao tiếp thông qua các hoạt động kiến tập

+ Hình thành kỹ năng thiết lập, phân tích, đánh giá thông qua việc lập bảng câu hỏi, điều tra và tổng hợp đánh giá bảng câu hỏi

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Có ý thức tích cực, chủ động trong quá trình học tập.

+ Có khả năng tự học, tự nghiên cứu tài liệu, giải quyết các tình huống.

+ Tiếp cận và giải quyết các vấn đề kinh tế hiện đại phù hợp với xu thế phát triển hiện nay.

**3. Mô tả học phần:**

- Vai trò, vị trí của môn học: Thương mại điện tử là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành tự chọn của ngành Quản trị kinh doanh.

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Nội dung cần đạt được của học phần: Những vấn đề chung về Thương mại điện tử; Các cơ sở của Thương mại điện tử; Thương mại điện tử giữa doanh nghiệp và khách hàng; Sàn giao dịch TMĐT; Thanh toán điện tử; Chính phủ điện tử.

**4. Nội dung học phần:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Thời gian**  **thực hiện** | | |
| **Tổng số** | **Lý thuyết** | **Thực hành**  **(TH, TN, BT, TL)** |
| 1 | **CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ**    1.1 Khái niệm và đặc trưng của thương mại điện tử    1.2 Sự khác biệt của thương mại điện tử và thương mại truyền thống    1.3 Lợi ích và tác động của thương mại điện tử    1.4 Các điều kiện phát triển thương mại điện tử    1.5 Mô hình thương mại điện tử | 4 | 2 | 2 |
| 2 | **CHƯƠNG 2: CƠ SỞ HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ**    2.1 Khái niệm và vai trò của cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội đối với thương mại điện tử    2.2 Những yếu tố kinh tế - xã hội ảnh hướng tới thương mại điện tử    2.3 Những yêu cầu về cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội đối với thương mại điện tử    2.4 Tạo lập môi trường kinh tế - xã hội cho thực hiện thương mại điện tử | 4 | 4 | 0 |
| 3 | **CHƯƠNG 3: CƠ SỞ HẠ TẦNG PHÁP LÝ CỦA THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ**    3.1 Một số vấn đề pháp lý liên quan tới thương mại điện tử    3.2 Luật mẫu của UNCITRAL và luật giao dịch điệnt ử của một số quốc gia trên thế giới    3.3 Các văn bản pháp quy về giao dịch điện tử tại Việt Nam | 4 | 2 | 2 |
| 4 | **CHƯƠNG 4: CƠ SỞ MẠNG CỦA THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ**    4.1 Mạng nội bộ    4.2 Mạng ngoại bộ    4.3 Internet | 2 | 2 | 0 |
| 5 | **CHƯƠNG 5: THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ GIỮA DOANH NGHIỆP VÀ NGƯỜI TIÊU DÙNG**    5.1 Thương mại điện tử B2C    5.2 Các mô hình thương mại điện tử B2C    5.3 Các công cụ hỗ trợ khách hàng khi mua hàng    5.4 Dịch vụ khách hàng điện tử và quản trị quan hệ khách hàng điện tử | 4 | 2 | 2 |
| 6 | **CHƯƠNG 6: SÀN GIAO DỊCH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ**    6.1 Khái quát về sàn giao dịch thương mại điện tử    6.2 Các hình thức giao dịch tại sàn giao dịch thương mại điện tử | 4 | 2 | 2 |
| 7 | **CHƯƠNG 7: THANH TOÁN ĐIỆN TỬ**    7.1 Từ thanh toán truyền thống tới hệ thống thanh toán điện tử    7.2 Thanh toán điện tử    7.3 Các hệ thống thanh toán điện tử cơ bản | 4 | 4 | 0 |
| 8 | **CHƯƠNG 8: CHÍNH PHỦ ĐIỆN TỬ**    8.1 Khái quát về chính phủ điện tử    8.2 Cấu trúc và nội dung hoạt động của chính phủ điện tử    8.3 Tính tất yếu và lợi ích của chính phủ điện tử | 4 | 2 | 2 |
|  | **Cộng:** | **30** | **20** | **10** |

**5. Tài liệu học tập và tham khảo:**

***- Tài liệu học tập:***

[1]. TS. Trần Văn Hòe - *Giáo trình Thương mại điện tử căn bản* - NXB Đại học Kinh tế quốc dân - 2015

***- Tài liệu tham khảo:***

[1]. TS. Nguyễn Hoài Anh - Thương mại điện tử - NXB Giáo dục - Năm 2011

**6. Điều kiện thực hiện học phần:**

- Trang thiết bị máy móc: Máy chiếu, máy vi tính.

- Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Bảng, phấn, tài liệu tham khảo, đề cương bài giảng, giáo trình.

- Các điều kiện khác: Câu hỏi, bài tập thực hành...

**7. Phương pháp giảng dạy và học tập:**

- Hình thức giảng dạy chính của môn học: Lý thuyết trên lớp kết hợp với làm bài tập, thảo luận nhóm

- Giảng viên giới thiệu học phần, cung cấp đề cương bài giảng, tài liệu tham khảo, các địa chỉ website để tìm tư liệu liên quan đến môn học, phân từng nhóm SV về nhà chuẩn bị bài, làm báo cáo Seminar. Giảng viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào nội dung của từng bài học, xây dựng các bài thực hành cụ thể theo nội dung của từng chương, chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện bài học để đảm bảo chất lượng giảng dạy

- Sinh viên cần tham dự đầy đủ các buổi học trên lớp, các buổi thảo luận, các bài thực hành theo quy định của chương trình; Hoàn thành các nhiệm vụ được giao (các bài tập; báo cáo trong các buổi thảo luận...); Chuẩn bị đủ tài liệu học tập, tự nghiên cứu tài liệu dưới sự hướng dẫn của giảng viên, vận dụng lý luận vào giải quyết một số vấn đề cụ thể.

**8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập học phần:**

Thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo của Trường ĐHSP Kỹ thuật Vinh.

***8.1. Điểm kiểm tra đánh giá - quá trình:*** Có trọng số chung là **30%**

- Điểm chuyên cần: 10 **%***.*

- Điểm giữa kỳ: 20 **%** (Kiểm tra viết hoặc làm bài tập nhóm)

***8.2. Điểm thi kết thúc học phần***

Điểm thi kết thúc học phầncó trọng số là 70**%.**

- Hình thức thi: Kiểm tra theo hình thức tự luận hoặc trắc nghiệm khách quan.

*Nghệ An, ngày....... tháng....... năm.........*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NGƯỜI BIÊN SOẠN**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* | **TRƯỞNG KHOA**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* |

Nguyễn Thị Mai Hương TS. Nguyễn Thị Trâm TS. Nguyễn Thị Trâm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH

**KHOA KINH TẾ**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT**

**Tên học phần: Quản lý quan hệ khách hàng**

**Mã học phần:****3KT206CD**

**Số tín chỉ: 02 (Số tiết: 30)**

**NGHỆ AN – 2020**

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XH  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC**  **SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT**

**1. Thông tin chung về học phần**

- Tên học phần: Quản lý quan hệ khách hàng

- Mã học phần: 3KT206CD

- Số tín chỉ: 2 (Số tiết:30), Phân bổ thời gian:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | Lên lớp: | 18 tiết (18 giờ). |
|  | Thực hành: | 00 tiết (00 giờ). |
|  | Thí nghiệm: | 00 tiết (00 giờ) |
|  | Thảo luận: | 12 tiết (12 giờ) |
|  | Tự học, tự nghiên cứu: | 60 giờ |

-Trình độ đào tạo: Đại học

- Bộ môn / Khoa phụ trách giảng dạy: Bộ môn Quản trị kinh doanh/ Khoa Kinh tế

**2. Mục tiêu của học phần:**

- Kiến thức:

+ Hiểu rõ tầm quan trọng của việc chăm sóc khách hàng và hoạt động quản trị quan hệ khách hàng;

+ Nhận thức và phân biệt được các chiến lược quản trị quan hệ khách hàng;

+ Hiểu và vận dụng tốt quy trình quản trị quan hệ khách hàng;

+ Nắm được các nội dung về quản lý xung đột, về kiểm tra, đánh giá và điều chỉnh

hoạt động quản trị quan hệ khách hàng.

- Kỹ năng:

+ Rèn luyện các kỹ năng phân tích, đánh giá và xây dựng mô hình tổ chức dữ liệu khách hàng;

+ Kỹ năng xây dựng chiến lược quan hệ khách hàng, đánh giá và điều chỉnh hoạt động quản trị quan hệ khách hàng;

+ Xây dựng và phát triển được kỹ năng chăm sóc khách hàng;

+ Biết cách duy trì quan hệ lâu dài với khách hàng và thực hiện được các chiến lược quản trị marketing;

+ Nhận định và kịp thời giải quyết xung đột phát sinh trong quan hệ với khách hàng

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Sinh viên có thái độ, quan điểm đúng đắng với việc kinh doanh lấy khách hàng làm trọng tâm;

+ Sinh viên có thái độ nghiêm túc, sáng tạo, sẵn sàng cập nhật các kiến thức, xu thế quản trị mới khi học tập, tìm hiểu về hoạt động quản trị quan hệ khách hàng.

**3. Mô tả học phần:**

- Vai trò, vị trí của môn học: Học phần Quản trị quan hệ khách hàng cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về việc tổ chức và điều hành các hoạt động quản trị thông tin khách hàng và mối quan hệ giữa doanh nghiệp với khách hàng. Cụ thể, Học phần này trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về bản chất của quản lý quan hệ khách hàng, các hoạt động chủ yếu, mối quan hệ giữa quản lý quan hệ khách hàng với các hoạt động quản trị chức năng khác trong doanh nghiệp.

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Nội dung cần đạt được của học phần: Người học xây dựng, phân tích quy trình lựa chọn chiến lược quản trị quan hệ khách hàng và các công việc tác nghiệp cụ thể như quản trị xung đột và duy trì sự hài lòng của khách hàng, kiểm tra, đánh giá và điều chỉnh chiến lược quản trị.

**4. Nội dung học phần:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên chương, mục** | **Thời gian (tiết)** | | |
| **Tổng số** | **Lý thuyết** | **Thực hành**  **(TH, TN, BT, TL)** |
| 1 | Chương 1: Bản chất của quản lý quan hệ khách  hàng   * 1. Tổng quan về quản lý quan hệ khách hàng   2. Đặc điểm và phạm vi quản lý quan hệ khách   hàng  1.3.Các yếu tố chi phối quản lý quan hệ khách hàng  1.4. Mối quan hệ giữa quản lý quan hệ khách hàng  với các hoạt động quản lý khác trong doanh nghiệp | 4 | 3 | 1 |
| 2 | Chương 2: Dịch vụ khách hàng trong quản lý  quan hệ khách hàng  2.1. Bản chất và vai trò của dịch vụ khách hàng  2.2. Các cấp độ của dịch vụ khách hàng  2.3. Lựa chọn hình thức dịch vụ khách hàng/bán  hàng  2.4. Cạm bẫy của hồ sơ dịch vụ khách hàng | 4 | 2 | 2 |
| 3 | Chương 3. Chiến lược quản lý quan hệ khách  Hàng  3.1. Cơ sở xây dựng chiến lược quản trị quan hệ  khách hàng  3.2. Phát triển chiến lược Quản trị quan hệ khách  3.3. Xây dựng chiến lược CRM | 4 | 3 | 1 |
| 4 | Chương 4: Quản lý cơ sở dữ liệu khách hàng  4.1. Dữ liệu và thông tin  4.2. Quản trị cơ sở dữ liệu khách hàng  4.3 Vấn đề pháp lý và đạo đức trong sử dụng dữ  liệu, thông  4.2. Quản trị cơ sở dữ liệu khách hàng  4.4. Công cụ thu thập thông tin khách hàng | 5 | 3 | 2 |
| 5 | Chương 5: Quản lý quan hệ khách hàng với truyền thông Marketing, bán hàng với Markting trực tiếp. trực tuyến  5.1 Quản trị quan hệ khách hàng với truyền thông Marketing, bán hàng  5.2 Marketing trực tiếp và marketing trực tuyến | 4 | 2 | 2 |
| 6 | Chương 6: Duy trì sự hài long của khách hàng và quan trị xung đột.  6.1. Tổ chức hoạt động chăm sóc khách hàng  6.1. Tổ chức hoạt động chăm sóc khách hàng  6.3. Xây dựng văn hóa dịch vụ khách hàng trong | 4 | 2 | 2 |
| 7 | Chương 7: Kiểm tra, đánh giá và điều chỉnh hoạt hoạt động quản lý quan hệ khách hàng  7.1. Vị trí và nội dung việc kiểm tra, đánh giá và điều chỉnh hoạt động CRM  7.2. Các giai đoạn đánh giá hoạt động CRM  7.3. Các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động CRM  7.4. Điều chỉnh chiến luợc và hoạt động CRM | 5 | 3 | 2 |
|  | **Cộng:** | **30** | **18** | **12** |

**5. Tài liệu học tập:**

***- Tài liệu chính:***

*[1]. PGS.TS. Trương Đình Chiến (Chủ biên) (2009). Giáo trình Quản trị quan hệ khách hàng. Hà Nội: NXB Phụ nữ.*

- ***Tài liệu tham khảo:***

[1]. PGS.TS. Trương Đình Chiến (Chủ biên) (2013). Giáo trình Quản trị Marketing. Hà Nội: NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.

**6. Điều kiện thực hiện học phần:**

- Phòng học chuyên môn hóa / nhà xưởng: Phòng học lý thuyết

- Trang thiết bị máy móc: Máy chiếu, máy tính

- Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Bảng, phấn, A4...

**7. Phương pháp giảng dạy và học tập:**

Giảngviên giới thiệu học phần, cung cấp đề cương bài giảng, tài liệu tham khảo, các địa chỉ website để tìm tư liệu liên quan đến môn học, phân từng nhóm SV về nhà chuẩn bị bài từng chương, làm báo cáo Seminar. Cuối mỗi chương giáo viên tóm tắt bài giảng.

Sinh viên cần tham dự đầy đủ các buổi học trên lớp, các buổi thảo luận, các bài thực hành theo quy định của chương trình; Hoàn thành các nhiệm vụ được giao (các bài tập; báo cáo trong các buổi thảo luận...); Chuẩn bị đủ tài liệu học tập, tự nghiên cứu tài liệu dưới sự hướng dẫn của giảng viên, vận dụng lý luận vào giải quyết một số vấn đề cụ thể.

**8. Phương pháp đánh giá học phần:**

Thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo của Trường ĐHSP Kỹ thuật Vinh.

*Các tiêu chuẩn đánh giá sinh viên trong các hoạt động sau:*

- Chuẩn bị ở nhà và dự lớp: SV phải chuẩn bị đầy đủ theo yêu cầu và tham gia 100% số tiết lên lớp nghe hướng dẫn. Hệ số điểm 0,1

- Bài kiểm tra giữa học kỳ: Hệ số điểm 0,2

- Thi hết học phần: Hệ số điểm 0,7

- Đánh giá điểm tổng kết học phần: Là trung bình chung của điểm dự lớp, bài kiểm tra giữa kỳ và thi hết học phần.

*Nghệ An, ngày....... tháng....... năm.........*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NGƯỜI BIÊN SOẠN**  **ThS. Nguyễn Thị Kim Oanh** | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  **TS. Nguyễn Thị Trâm** | **TRƯỞNG KHOA**  **TS. Nguyễn Thị Trâm** |

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH

**KHOA KINH TẾ**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT**

**Tên học phần: Thị trường chứng khoán**

**Mã học phần: 3KT103DH**

**Số tín chỉ: 02 (Số tiết: 30)**

**NGHỆ AN – 2020**

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XH  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC**  **SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT**

**1. Thông tin chung về học phần**:

- Tên học phần: Thị trường chứng khoán

- Mã học phần: 3KT103DH

- Số tín chỉ: 02 (Số tiết: 30), phân bổ thời gian:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | Lên lớp: | 20 tiết. |
|  | Thực hành: | 00 tiết (00 giờ). |
|  | Thí nghiệm: | 00 tiết (00 giờ) |
|  | Thảo luận: | 00 tiết (00 giờ) |
|  | Bài tập: | 10 tiết (20 giờ) |
|  | Tự học, tự nghiên cứu: | 60 giờ |

-Trình độ đào tạo: Đại học

- Bộ môn / Khoa phụ trách giảng dạy: Bộ môn Kinh tế và Quản trị kinh doanh/ Khoa Kinh tế

**2. Mục tiêu của học phần:**

- Kiến thức:

+ Trình bày được bản chất, chức năng và nguyên tắc hoạt động của thị trường chứng khoán; đặc điểm các loại chứng khoán đang được giao dịch trên thị trường.

+ Phân tích được nghiệp vụ phát hành và giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán sơ cấp và thứ cấp

+ Hiểu rõ cơ chế vận hành của thị trường chứng khoán nói chung và thị trường chứng khoán Việt Nam nói riêng.

+ Tìm hiểu những yếu tố pháp lý về thị trường chứng khoán Việt Nam và những quy định về giao dịch của Sở GDCK HCM, Sở GDCK Hà Nội.

- Kỹ năng:

+ Vận dụng những kiến thức về Chứng khoán và Thị trường chứng khoán, kiến thức về phân tích Cổ phiếu đã được học để phân tích một số mã Cổ phiếu trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

+ Có thể mở tài khoản và tham gia đầu tư trên thị trường.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Ý thức học tập theo phương pháp biết suy luận, kết hợp lý luận với thực tiễn

+ Thái độ nghiêm túc, cách tiếp cận khoa học khi nghiên cứu học phần

+ Tuân thủ các quy định pháp lý của Nhà nước khi tham gia thị trường chứng

khoán

+ Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm

**3. Mô tả học phần:**

- Vai trò, vị trí của môn học: Học phần nguyên lý thống kê là học phần tự chọn, nằm trong nhóm kiến thức cơ sở ngành Quản trị kinh doanh và ngành Kế toán. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thị trường chứng khoán và cách thức tiến hành giao dịch trên thị trường chứng khoán chính thức. Đồng thời hướng dẫn sinh viên những phương pháp định giá chứng khoán cơ bản.

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Nội dung cần đạt được của học phần: Trình bày được những kiến thức cơ bản về bản chất, chức năng và nguyên tắc hoạt động của thị trường chứng khoán, các loại chứng khoán cơ bản đang được giao dịch trên thị trường. Nắm được những nét cơ bản về phương thức hoạt động trên thị trường chứng khoán sơ cấp và thị trường chứng khoán thứ cấp và những bước cơ bản để phân tích và tham gia đầu tư chứng khoán.

**4. Nội dung học phần:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Thời gian**  **thực hiện** | | |
| **Tổng số** | **Lý thuyết** | **Thực hành**  **(TH, TN, BT, TL)** |
| 1 | Bài 1: Tổng quan về thị trường tài chính  1.1. Giới thiệu về thị trường tài chính  1.2. Bản chất và chức năng của thị trường chứng khoán.  1.3. Cơ cấu và nguyên tắc hoạt động của thị trường chứng khoán.  1.4. Các chủ thể tham gia thị trường chứng khoán | 4 | 4 | 0 |
| 2 | Bài 2: Chứng khoán  2.1. Khái niệm và đặc trưng của chứng khoán  2.2. Một số loại chứng khoán cơ bản | 6 | 4 | 2 |
| 3 | Bài 3: Thị trường chứng khoán sơ cấp  3.1. Khái niệm thị trường sơ cấp  3.2. Các chủ thể phát hành chứng khoán  3.3. Các phương thức phát hành chứng khoán và quản lý nhà nước đối với việc phát hành chứng khoán  3.4. Phát hành chứng khoán lần đâu ra công chúng (IPO) | 4 | 2 | 2 |
| 4 | Bài 4: Thị trường chứng khoán thứ cấp  4.1. Đặc điểm và cơ cấu của thị trường chứng khoán thứ cấp  4.2 . Sở giao dịch chứng khoán  4.3. Thị trường phi tập trung OTC | 8 | 6 | 2 |
| 5 | Bài 5: Phân tích chứng khoán và đầu tư chứng khoán  5.1. Lãi suất và các vấn đề liên quan đến lãi suất  5.2. Phân tích trái phiếu  5.3. Phân tích cổ phiếu | 8 | 4 | 4 |
|  | **Cộng:** | 30 | 20 | 10 |

**5. Tài liệu học tập và tham khảo:**

***- Tài liệu học tập:***

*[1]. TS Bạch Đức Hiển – Giáo trình thị trường chứng khoán – NXB Tài chính - Năm 2005*

***- Tài liệu tham khảo:***

*[1]. PGS. TS. Nguyễn Văn Nam và PGS. TS. Vương Trọng Nghĩa - Giáo trình Thị trường chứng khoán - NXB Tài chính -  Năm 2006.*

*[2]. Luật chứng khoán – Năm 2006 (sửa đổi năm 2010)*

**6. Điều kiện thực hiện học phần:**

- Phòng học chuyên môn hóa / nhà xưởng: Phòng học lý thuyết.

- Trang thiết bị máy móc: Máy chiếu, máy vi tính.

- Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Bảng, phấn, tài liệu tham khảo, đề cương bài giảng, giáo trình.

- Các điều kiện khác: Câu hỏi, bài tập thực hành...

**7. Phương pháp giảng dạy và học tập:**

- Giảng viên giới thiệu học phần, cung cấp đề cương bài giảng, tài liệu tham khảo, các địa chỉ website để tìm tư liệu liên quan đến môn học, phân từng nhóm SV về nhà chuẩn bị bài, làm báo cáo Seminar. Giáo viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào nội dung của từng bài học chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện bài học để đảm bảo chất lượng giảng dạy. Cuối mỗi chương giáo viên tóm tắt bài giảng.

- Sinh viên cần tham dự đầy đủ các buổi học trên lớp, các buổi thảo luận, các bài thực hành theo quy định của chương trình; Hoàn thành các nhiệm vụ được giao (các bài tập; báo cáo trong các buổi thảo luận...); Chuẩn bị đủ tài liệu học tập, tự nghiên cứu tài liệu dưới sự hướng dẫn của giảng viên, vận dụng lý luận vào giải quyết một số vấn đề cụ thể.

**8. Phương pháp đánh giá học phần:**

Thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo và hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo của Trường ĐHSP Kỹ thuật Vinh.

***8.1. Điểm kiểm tra đánh giá - quá trình:*** Có trọng số chung là **30%**

- Điểm chuyên cần: 10 **%***.*

- Điểm giữa kỳ: 20 **%** (Kiểm tra viết hoặc làm bài tập nhóm)

***8.2. Điểm thi kết thúc học phần***

Điểm thi kết thúc học phầncó trọng số là 70**%.**

- Hình thức thi: Kiểm tra theo hình thức tự luận hoặc trắc nghiệm khách quan.

*Nghệ An, ngày....... tháng....... năm.........*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NGƯỜI BIÊN SOẠN** | **TRƯỞNG BỘ MÔN** | **TRƯỞNG KHOA** |

**ThS. Nguyễn Thị Mỹ Trang TS.Nguyễn Thị Trâm TS. Nguyễn Thị Trâm**

*Phụ lục 3b (Mẫu 4LT – CTĐH 2020)*

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH

**KHOA KINH TẾ**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT**

**Tên học phần: Điều hành kênh phân phối**

**Mã học phần: 3KT201CD**

**Số tín chỉ: 02 (Số tiết: 30)**

**NGHỆ AN – 2020**

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XH  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC**  **SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT**

**1. Thông tin chung về học phần**:

- Tên học phần: Điều hành kênh phân phối

- Mã học phần: 3KT201CD

- Số tín chỉ: 02 (Số tiết: 30), phân bổ thời gian:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| + | Lên lớp: | 20 tiết. |
| + | Thực hành: | 00 tiết (00 giờ). |
| + | Thí nghiệm: | 00 tiết (00 giờ) |
| + | Thảo luận: | 10 tiết (20 giờ) |
| + | Bài tập: | 00 tiết (00 giờ) |
| + | Tự học, tự nghiên cứu: | 60 giờ |

-Trình độ đào tạo: Đại học

- Bộ môn / Khoa phụ trách giảng dạy: Khoa Kinh tế

**2. Mục tiêu của học phần:**

- Kiến thức:

+ Trình bày được vai trò, chức năng và quá trình phát triển của kênh phân phối

+ Trình bày được các chiến lược kênh phân phối

+ Trình bày được các nội dung về: Thiết kế kênh phân phối, tổ chức và quản lý điều hành kênh phân phối

- Kỹ năng:

+ Thành thạo kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình, phỏng vấn thông qua các bài tập thảo luận nhóm

+ Hình thành kỹ năng chọn mô hình tổ chức kênh phân phối

+ Thiết lập được kỹ năng tổ chức phân phối hàng hóa vật chất và điều hành, kiểm soát kênh phân phối

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Có ý thức tích cực, chủ động trong quá trình học tập.

+ Có khả năng tự học, tự nghiên cứu tài liệu, giải quyết các tình huống.

+ Tiếp cận và giải quyết các vấn đề kinh tế hiện đại phù hợp với xu thế phát triển hiện nay.

**3. Mô tả học phần:**

- Vai trò, vị trí của môn học: Điều hành kênh phân phối là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành tự chọn của ngành Quản trị kinh doanh.

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Nội dung cần đạt được của học phần: Những vấn đề chung về kênh phân phối và quản trị kênh phân phối; Chiến lược kênh phân phối; Thiết kế kênh phân phối; Tổ chức phân phối hàng hóa vật chất; Quản lý điều hành và kiểm soát kênh phân phối.

**4. Nội dung học phần:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Thời gian**  **thực hiện** | | |
| **Tổng số** | **Lý thuyết** | **Thực hành**  **(TH, TN, BT, TL)** |
| 1 | **CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ KÊNH PHÂN PHỐI VÀ QUẢN TRỊ KÊNH PHÂN PHỐI**     * 1. Các khái niệm cơ bản trong phân phối   2. Vai trò của phân phối trong hoạt động Marketing   3. Chức năng của kênh phân phối   4. Dòng lưu chuyển trong kênh phân phối   5. Quá trình phát triển của phân phối   6. Quản trị kênh phân phối | 6 | 4 | 2 |
| 2 | **CHƯƠNG 2: CHIẾN LƯỢC KÊNH PHÂN PHỐI**  2.1 Khái quát về chiến lược kênh phân phối  2.2 Các chiến lược kênh phân phối  2.3 Chiến lược kênh phân phối của các doanh nghiệp theo vị thế cạnh tranh | 6 | 4 | 2 |
| 3 | **CHƯƠNG 3: THIẾT KẾ KÊNH PHÂN PHỐI**    3.1 Khái quát về thiết kế kênh phân phối  3.2 Xác định các dạng quan hệ trong kênh phân phối  3.3 Chọn mô hình tổ chức kênh  3.4 Chọn cấu trúc kênh tối ưu  3.5 Lựa chọn thành viên kênh | 6 | 4 | 2 |
| 4 | **CHƯƠNG 4: TỔ CHỨC PHÂN PHỐI HÀNG HÓA VẬT CHẤT**    4.1 Tổng quan về phân phối hàng hóa vât chất  4.2 Tổ chức hệ thống phân phối vật chất | 6 | 4 | 2 |
| 5 | **CHƯƠNG 5: QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH VÀ KIỂM SOÁT KÊNH PHÂN PHỐI**    5.1 Khái niệm  5.2 Nội dung quản lý điều hành kênh  5.3 Kiểm soát và điều chỉnh thành viên | 6 | 4 | 2 |
|  | **Cộng:** | **30** | **20** | **10** |

**5. Tài liệu học tập và tham khảo:**

***- Tài liệu học tập:***

[1]. PGS.TS. Đào Thị Minh Thanh, Ths. Nguyễn Quan Tuấn - Giáo trình Quản trị kênh phân phối - NXB Tài chính - 2018

***- Tài liệu tham khảo:***

[1]. GS.TS. Trần Minh Đạo **-** Marketing căn bản - Nhà xuất bản ĐH Kinh tế Quốc Dân Hà Nội, Năm 2012.

**6. Điều kiện thực hiện học phần:**

- Trang thiết bị máy móc: Máy chiếu, máy vi tính.

- Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Bảng, phấn, tài liệu tham khảo, đề cương bài giảng, giáo trình.

- Các điều kiện khác: Câu hỏi, bài tập thực hành...

**7. Phương pháp giảng dạy và học tập:**

- Hình thức giảng dạy chính của môn học: Lý thuyết trên lớp kết hợp với làm bài tập, thảo luận nhóm

- Giảng viên giới thiệu học phần, cung cấp đề cương bài giảng, tài liệu tham khảo, các địa chỉ website để tìm tư liệu liên quan đến môn học, phân từng nhóm SV về nhà chuẩn bị bài, làm báo cáo Seminar. Giảng viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào nội dung của từng bài học, xây dựng các bài thực hành cụ thể theo nội dung của từng chương, chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện bài học để đảm bảo chất lượng giảng dạy

- Sinh viên cần tham dự đầy đủ các buổi học trên lớp, các buổi thảo luận, các bài thực hành theo quy định của chương trình; Hoàn thành các nhiệm vụ được giao (các bài tập; báo cáo trong các buổi thảo luận...); Chuẩn bị đủ tài liệu học tập, tự nghiên cứu tài liệu dưới sự hướng dẫn của giảng viên, vận dụng lý luận vào giải quyết một số vấn đề cụ thể.

**8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập học phần:**

Thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo của Trường ĐHSP Kỹ thuật Vinh.

***8.1. Điểm kiểm tra đánh giá - quá trình:*** Có trọng số chung là **30%**

- Điểm chuyên cần: 10 **%***.*

- Điểm giữa kỳ: 20 **%** (Kiểm tra viết hoặc làm bài tập nhóm)

***8.2. Điểm thi kết thúc học phần***

Điểm thi kết thúc học phầncó trọng số là 70**%.**

- Hình thức thi: Kiểm tra theo hình thức tự luận hoặc trắc nghiệm khách quan.

*Nghệ An, ngày....... tháng....... năm.........*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NGƯỜI BIÊN SOẠN**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* | **TRƯỞNG KHOA**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* |

Nguyễn Thị Mai Hương TS. Nguyễn Thị Trâm TS. Nguyễn Thị Trâm

*Phụ lục 3b (Mẫu 4LT – CTĐH 2020)*

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH

**KHOA KINH TẾ**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT**

**Tên học phần: Hành vi tổ chức**

**Mã học phần: 3KT146DH**

**Số tín chỉ: 02 (Số tiết: 30 )**

**NGHỆ AN – 2020**

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XH  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC**  **SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT**

**1. Thông tin chung về học phần**:

- Tên học phần: Hành vi tổ chức

- Mã học phần: 3KT146DH

- Số tín chỉ: 02 (Số tiết: 30 ), phân bổ thời gian:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| + | Lên lớp: | 20 tiết (00 giờ). |
| + | Thực hành: | 00 tiết (00 giờ). |
| + | Thí nghiệm: | 00 tiết (00 giờ) |
| + | Thảo luận: | 10 tiết (00 giờ) |
| + | Bài tập: | 00 tiết (00 giờ) |
| + | Tự học, tự nghiên cứu: | 60 giờ |

**-** Trình độ đào tạo: Đại học

- Bộ môn / Khoa phụ trách giảng dạy: Kinh tế

**2. Mục tiêu của học phần:**

**-** Kiến thức:

+ Nhận thức được một cách nhìn toàn diện về mối quan hệ giữa người lao động với tổ chức trong những vai trò khác nhau của người lao động trong tổ chức đó đồng thời đảm bảo duy trì và phát triển quan hệ này một cách hiệu quả;

+ Hiểu được mối quan hệ gắn bó giữa người lao động với tổ chức để từ đó điều chỉnh thái độ và hành vi của mình cho phù hợp với mục tiêu và các giá trị mà tổ chức theo đuổi.

+Vận dụng các kiến thức về hành vi tổ tổ chức để đưa ra được những kiến nghị hành

động và các chính sách nhân sự dựa trên những bằng chứng xác thực.

- Kỹ năng:

+ Phân tích được hành vi của cá nhân và nhóm trong tổ chức.

+ Áp dụng thích hợp lý thuyết vào vấn đề thực tế trong bối cảnh tổ chức

+ Đề xuất được được các khuyến nghị quản trị nhân sự phù hợp với tổ chức của mình.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Nắm vững lý thuyết giảng trên lớp kết hợp với nghiên cứu tài liệu tham khảo, tham gia thảo luận (theo hướng dẫn của giáo viên) và làm các bài tập tình huống bắt buộc nhằm rèn luyện các kỹ năng, phương pháp.

+ Có ý thức và tích cực vận dụng các kiến thức đã học vào thực tiễn hoạt động.

**3. Mô tả học phần:**

- Vai trò, vị trí của môn học: Hành vi tổ chức là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành Quản trị nhân lực.Nội dung của học phần nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về về hành vi tổ chức, chuẩn bị cho mình những kỹ năng, kinh nghiệm cũng như thái độ tự tin và phù hợp với nhu cầu của doanh nghiệp trong và ngoài nước để tự tin bước vào môi trường làm việc cũng như phát triển bản thân trong bất kỳ tổ chức nào.

- Điều kiện tiên quyết: Tâm lý lao động

- Nội dung cần đạt được của học phần (mô tả tóm tắt): Hiểu biết về các nguyên nhân, yếu tố tác động, cả bên trong và ngoại cảnh, dẫn đến những hành vi của các cá nhân, các nhóm trong tổ chức; học được một số phương pháp giải quyết những vẫn đề quản lý liên quan đến con người trong tổ chức. Nhà quản lý nào cũng cần có kỹ năng quan hệ con người tốt để có thể quản lý cấp dưới, giao tiếp với cấp trên, quản trị thành công sự thay đổi của tổ chức. Những kiến thức kỹ năng này càng có ý nghĩa thực tiễn trong bối cảnh Việt Nam, khi các doanh nghiệp, các tổ chức đều đang buộc phải đổi mới.

**4. Nội dung học phần:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Thời gian**  **thực hiện** | | |
| **Tổng số** | **Lý thuyết** | **Thực hành**  **(TH, TN, BT, TL)** |
| 1 | Bài 1: Tổng quan về hành vi tổ chức   * 1. Hành vi tổ chức và vai trò của hành vi tổ chức   1.1.1. Một số khải niệm cơ bản  1.1.2.Vai trò của hành vi tổ chức  1.2. Chức năng của hành vi tổ chức  1.2.1. Chức năng giải thích  1.2.2. Chức năng dự đoán  1.2.3. Chức năng kiểm soát  1.3. Cơ hội và thách thức đối với hành vi tổ chức  1.3.1. Xu hướng toàn cầu hóa  1.3.2. Đòi hỏi nâng cao kỹ năng của người lao động  1.3.3. Sự đa dạng của nguồn nhân lực trong tổ chức  1.3.4. Đòi hỏi nâng cao năng suất, chất lượng  1.3.5. Phân quyền cho cấp dưới  1.3.6. Khuyến khích đổi mới sáng tạo  1.3.7. Quản lý trong môi trường luôn thay đổi  1.3.8. Cân bằng giữa công việc và cuộc sống  1.3.9.Nâng cao đạo đức nghề nghiệp khi thực hiện  công việc   * 1. Đối tượng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp   nghiên cứu môn học Hành vi tổ chức  1.4.1. Đối tượng và nhiệm vụ môn học  1.4.2. Nội dung môn học  1.4.3. Phương pháp và mô hình nghiên cứu | 5 | 5 | 0 |
| 2 | Bài 2: Cơ sở hành vi cá nhân  2.1. Thái độ  2.1.1. Các khái niệm  2.1.2. Các loại thái độ  2.2. Tính cách  2.2.1. Các khái niệm  2.2.2. Các mô hình tính cách  2.2.3. Các đặc trưng tính cách khác  2.2.4. Tính cách phù hợp với công việc  2.3. Nhận thức  2.3.1. Những yếu tố ảnh hưởng đến nhận thức  2.3.2. Thuyết quy kết  2.3.3. Những biện pháp đánh giá con người  2.3.4. Ứng dụng cụ thể các biện pháp trong hành vi tổ  chức  2.4. Học hỏi  2.4.1. Các khái niệm  2.4.2. Hai cơ chế học hỏi | 5 | 3 | 2 |
| 3 | Bài 3: Ra quyết định cá nhân  3.1. Khái niệm và các mô hình ra quyết định  3.1.1. Khái niệm  3.1.2. Các mô hình ra quyết định  3.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến việc ra quyết định  3.2.1. Các yếu tố thuộc về cá nhân  3.2.2. Các yếu tố thuộc về tổ chức  3.3. Nâng cao tính sáng tạo trong việc ra quyết định  cá nhân  3.3.1. Tiềm năng sáng tạo của cá nhân trong tổ chức  3.3.2. Mô hình ba nhân tố của sáng tạo  3.3.3. Các phương pháp thúc đẩy tính sáng tạo cá  nhân  3.4. Nâng cao hiệu quả trong việc ra quyết định  3.4.1. Các bẫy trong ra quyết định  3.4.2. Các phương pháp giảm sai sót và nâng cao hiệu  quả trong việc ra quyết định | 5 | 3 | 2 |
| 4 | Bài 4: Nhóm trong tổ chức  4.1.Khái quát về nhóm  4.1.1. Nhóm và các thuộc tính  4.1.2. Phân loại nhóm  4.1.3. Năm giai đoạn phát triển nhóm  4.2. Xung đột và quản lý xung đột  4.2.1. Xung đột và bản chất  4.2.2. Quản lý xung đột  4.3. Thoả hiệp và các chiến lược thoả hiệp  4.3.1. Bản chất của thoả hiệp  4.3.2. Các chiến lược thoả hiệp  4.4. Ra quyết định nhóm  4.4.1. Ưu và nhược điểm của việc ra quyết định nhóm  4.4.2. Tính ứng dụng và hiệu quả  4.4.3. Kỹ thuật ra quyết định nhóm  4.5. Nâng cao hiệu quả nhóm làm việc | 5 | 3 | 2 |
| 5 | Bài 5: Hành vi tổ chức  5.1. Giao tiếp trong tổ chức  5.1.1 Giao tiếp và các chức năng  5.1.2. Quá trình giao tiếp  5.1.3. Hướng giao tiếp  5.1.4. Các hình thức giao tiếp cá nhân  5.1.5. Giao tiếp trong tổ chức  5.2. Lãnh đạo, quyền lực và chính trị  5.2.1. Lãnh đạo và các học thuyết  5.2.2. Quyền lực  5.2.3. Chính trị trong tổ chức  5.3. Cơ cấu tổ chức  5.3.1. Khái quát về cơ cấu tổ chức  5.3.2. Các cơ cấu tổ chức phổ biến  5.3.3. Thiết kế cơ cấu tổ chức mới  5.3.4. Các yếu tố tác động đến lựa chọn mô hình cơ  cấu tổ chức  5.3.5. Cơ cấu tổ chức với hành vi của nhân viên  5.4. Văn hoá tổ chức  5.4.1. Khái quát về văn hoá tổ chức  5.4.2. Mối quan hệ giữa văn hoá tổ chức và cơ cấu tổ  chức  5.4.3. Tác động của văn hoá lên hành vi nhân viên và  tổ chức  5.4.4. Xây dựng và bảo tồn văn hoá tổ chức | 5 | 3 | 2 |
| 6 | Bài 6: Thay đổi và phát triển  6.1. Thay đổi trong tổ chức  6.1.1. Áp lực thức đẩy và tác nhân thay đổi có kế  6.1.2. Các yếu tố cản trở sự thay đổi và các biện  6.1.3. Các phương pháp tiếp cận để quản lý thay  6.2. Quản lý căng thẳng trong công việc  6.2.1. Căng thẳng, nguyên nhân và hệ quả  6.2.2. Các phương pháp quản lý căng thẳng của cá  nhân và tổ chức  6.3. Thay đổi chính sách nhân sự để phát triển  6.3.1. Chính sách tuyển dụng  6.3.2. Chương trình đào tạo và phát triển  6.3.3. Đánh giá hiệu quả thực hiện công việc  6.3.4. Chính sách cân bằng công việc và cuộc sống  6.4. Tạo động lực cho ngƣời lao động  6.4.1. Tạo động lực bằng thiết kế công việc  6.4.2. Tạo động lực bằng lương, thưởng  6.4.3. Vai trò của nhà quản lý trong việc tạo động lực  lao động | 5 | 3 | 2 |
|  | **Cộng:** | **30** | **20** | **10** |

**5. Tài liệu học tập:**

***- Tài liệu chính:***

[1]. PGS.TS Phạm Thùy Hương – TS. Phạm Thị Bích Ngọc, Giáo trình Hành vi tổ chức, NXB ĐHKTQD, 2016

***- Tài liệu tham khảo:***

[1]. PGS.TS. Bùi Anh Tuấn, TS. Phạm Thúy Hương, Giáo trình Hành vi tổ chức,

NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2011

**6. Điều kiện thực hiện học phần:**

- Phòng học chuyên môn hóa / nhà xưởng: Phòng học lý thuyết

- Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu, phấn bảng

- Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Chương trình, giáo án, giáo trình,

- Các điều kiện khác:

**7. Phương pháp giảng dạy và học tập:**

- Hình thức giảng dạy chính của môn học: Lý thuyết trên lớp kết hợp với thảo luận nhóm.

- Giảng viên giới thiệu học phần, cung cấp đề cương bài giảng, giáo trình môn học, phân từng nhóm SV về nhà chuẩn bị bài, làm báo cáo Seminar. Giáo viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào nội dung của từng bài học chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện bài học để đảm bảo chất lượng giảng dạy. Cuối mỗi chương giáo viên tóm tắt bài giảng.

- Sinh viên cần tham dự đầy đủ các buổi học trên lớp, các buổi thảo luận theo quy định của chương trình; Hoàn thành các nhiệm vụ được giao (các báo cáo trong các buổi thảo luận...); Chuẩn bị đủ tài liệu học tập, tự nghiên cứu tài liệu dưới sự hướng dẫn của giảng viên, vận dụng lý luận vào giải quyết một số vấn đề cụ thể.

**8. Phương pháp đánh giá học phần:**

Thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo và hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo của Trường ĐHSP Kỹ thuật Vinh.

***8.1. Điểm kiểm tra đánh giá - quá trình:*** Có trọng số chung là **30%**

- Điểm chuyên cần: 10 **%***.*

- Điểm giữa kỳ: 20 **%**

***8.2. Điểm thi kết thúc học phần***

*-*Điểm thi kết thúc học phầncó trọng số là 70**%.**

- Hình thức thi: Tự luận

*Nghệ An, ngày....... tháng....... năm.........*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NGƯỜI BIÊN SOẠN**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* | **TRƯỞNG KHOA**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* |

**TS. Nguyễn Thị Trâm TS. Nguyễn Thị Trâm TS. Nguyễn Thị Trâm**

*Phụ lục 3b (Mẫu 4LT – CTĐH 2020)*

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH

**KHOA KINH TẾ**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT**

**Tên học phần: Kinh tế lao động**

**Mã học phần: 3KT158DH**

**Số tín chỉ: 02 (Số tiết: 30 )**

**NGHỆ AN – 2020**

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XH  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC**  **SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT**

**1. Thông tin chung về học phần**:

- Tên học phần: Kinh tế lao động

- Mã học phần: 3KT158DH

- Số tín chỉ: 02 (Số tiết: 30 ), phân bổ thời gian:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| + | Lên lớp: | 20 tiết (00 giờ). |
| + | Thực hành: | 00 tiết (00 giờ). |
| + | Thí nghiệm: | 00 tiết (00 giờ) |
| + | Thảo luận: | 10 tiết (00 giờ) |
| + | Bài tập: | 00 tiết (00 giờ) |
| + | Tự học, tự nghiên cứu: | 60 giờ |

**-** Trình độ đào tạo: Đại học

- Bộ môn / Khoa phụ trách giảng dạy: Kinh tế

**2. Mục tiêu của học phần:**

- Kiến thức:

+ Nắm được các nhân tố tác động tới việc sử dụng và phát triển nguồn lao động, sự cần thiết phải đầu tư cho nguồn lao động.

+ Trình bày được các chính sách và cơ chế nhằm phát triển thị trường sức lao động và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lao động.

+ Phân tích các hoạt động cung và cầu trên thị trường lao động, các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định cung ứng lao động của cũng như nhu cầu sử dụng lao động.

+ Nắm được kiến thức căn bản về thị trường lao động và quản lý nhân lực trong doanh nghiệp.

- Kỹ năng:

+ Xây dựng được các kỹ năng liên quan tới lập kế hoạch và quản trị nhân lực trong phạm vi doanh nghiệp, lập và triển khai kế hoạch đào tạo trong doanh nghiệp.

+ Kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình và thuyết phục

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Có ý thức tích cực, chủ động trong quá trình học tập.

+ Có khả năng tự học, tự nghiên cứu tài liệu, giải quyết các tình huống.

+Tiếp cận và giải quyết các vấn đề kinh tế hiện đại phù hợp với xu thế phát triển hiện nay.

**3. Mô tả học phần:**

- Vai trò, vị trí của môn học: Học phần cung cấp những kiến thức cốt lõi và những ứng dụng thực tiễn để phân tích những nguyên lý kinh tế chi phối ba nhân tố trong thị trường lao động là người lao động, doanh nghiệp và chính phủ, bao gồm việc phân tích thị trường lao động, các yếu tố ảnh hưởng đến cầu lao động của doanh nghiệp cũng như các nhân tố chi phối người lao động khi tham gia cung ứng lao động trên thị trường, các yếu tố ảnh hưởng đến tiền công, mối quan hệ giữa tiền công và năng suất lao động, phân tích lợi ích và chi phí của doanh nghiệp và người lao động trong việc đào tạo lao động, các chính sách của chính phủ và tác động của các chính sách tới thị trường lao động nói chung và thị trường lao động khu vực công nói riêng.

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Nội dung cần đạt được của học phần: Người học nhận biết được mô hình cơ bản của kinh tế lao động; xác định các hàm cung và hàm cầu của lao động trên thị trường; giải thích được các quyết định cung lao động của những người lao động trên thị trường và tác động của các chính sách lao động -việc làm của chính phủ.

**4. Nội dung học phần:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên chương, mục** | **Thời gian (tiết)** | | |
| **Tổng số** | **Lý thuyết** | **Thực hành**  **(TH, TN, BT, TL)** |
| 1 | Chương mở đầu: Đối tượng và phương pháp nghiên cứu  1.Vai trò của thị trường lao động trong nền kinh tế  2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu  3. Phương pháp nghiên cứu | 2 | 2 | 0 |
| 2 | Chương 1. Cầu lao động trên thị trường lao động  1.1. Cầu lao động – mô hình đơn giản  1.1.1. Các giả thuyết  1.1.2. Cầu lao động trong ngắn hạn của hãng  1.1.3. Cầu lao động trong dài hạn của hãng  1.1.4. Đường cầu thị trường.  1.1.5. Các mô hình khác của đường cầu lao động  1.2. Các nhân tố ảnh hưởng tới cầu lao động  1.2.1. Cầu sản phẩm  1.2.2.Năng suất lao động  1.2.3. Sự phát triển kinh tế xã hội  1.2.4. Tiền lương  1.2.5. Giá cả tương đối các nguồn lực  1.2.6. Chi phí điều chỉnh lực lượng lao động  1.2.7.Quy định, chính sách của nhà nước  1.3.Ứng dụng phân tích chính sách tác động tới  cầu lao động  1.3.1.CS tiền lương tối thiểu áp dụng toàn diện  1.3.2. Chính sách tiền lương tối thiểu áp dụng  Không toàn diện | 6 | 4 | 2 |
|  | Chương 2: Cung lao động trên thị trường lao động  2.1.Quyết định cung cấp lao động của người lao  động | 4 | 3 | 1 |
| 3 | 2.1.1. Khái niệm cung lao động  2.1.2. Phân tích lựa chọn lao động – nghỉ ngơi.  2.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến cung lao động  2.2.1.Nhóm nhân tố nhân chủng học  2.2.2.Nhóm nhân tố kinh tế - xã hội  2.2.3.Nhóm nhân tố chính sách.  2.3. Ứng dụng phân tích chính sách tác động tới  cung lao động  2.3.1Các chương trình thay thế thu nhập  2.3.2. Các chương trình duy trì thu nhập | 4 | 3 | 1 |
| 4 | Chương 3: Tiền công và năng suất lao động  3.1.Tiền công và cấu trúc tiền công  3.1.1.Khái niệm và các nhân tố ảnh hưởng tới tiền công  3.1.2.  Cấu trúc tiền công  3.2.Các mô hình trả công  3.2.1.Trả công theo thời gian  3.2.2. Trả công theo sản phẩm  3.2.3. Các chính sách khuyến khích người lao  động thông qua tiền công  3.3. Năng suất lao động và các nhân tố ảnh hưởng  3.3.1. Năng suất  lao động  3.3.2. Các nhân tố ảnh hưởng tới năng suất  động  3.4. Mối quan hệ giữa năng suất và tiền công  3.4.1. Phân tích từ phía người lao động  3.4.2. Phân tích từ phía người sử dụng lao động  3.4.3.Phân tích quan hệ giữa năng suất và tiền  công | 6 | 4 | 2 |
| 5 | Chương 4: Đầu tư nguồn nhân lực  4.1. Khái niệm và các hình thức đầu tư nguồn  nhân lực  4.1.1. Các khái niệm cơ bản  4.1.2. Các nội dung của đầu tư nguồn nhân lực  4.1.3. Các hình thức đầu tư nguồn nhân lực  4.2. Lợi ích và chi phí của đầu tư nguồn nhân lực  4.2.1.Tổng quan phân tích lợi ích và chi phí (CBA)  4.2.2. Lợi ích của đầu tư nguồn nhân lực  4.2.3. Các chi phí của đầu tư nguồn nhân lực  4.2.4. Đánh giá Chi phí – lợi ích khi đầu tư nguồn nhân lực  4.3. Các nhân tố ảnh hưởng tới nhu cầu đầu tư  nguồn nhân lực của cá nhân người lao động  4.3.1. Các nhân tố kinh tế | 6 | 4 | 2 |
|  | 4.3.2. Các nhân tố phi kinh tế  4.4. Các nhân tố ảnh hưởng tới nhu cầu đầu tư nguồn  nhân lực của doanh nghiệp.  4.4.1. Các nhân tố vĩ mô  4.4.2. Các nhân tố vi mô |  |  |  |
| 6 | Chương 5: Thị trường lao động trong khu vực công  5.1. Khái niệm và cấu thành khu vực công  5.1.1. Khái niệm khu vực công  5.1.2.Vai trò khu vực công trong nền kinh tế  5.1.3. Cấu thành khu vưc công  5.2. Đặc điểm thị trường lao động khu vực công  5.2.1. Các đặc điểm về cung lao động  5.2.2. Các đặc điểm về cầu lao động  5.2.3. Các đặc điểm về tiền lương  5.3. Tiền lương và thu nhập của lao động trong  khu vực công  5.3.1. Cấu thành thu nhập của lao động trong khu vực công  5.3.2. Các yếu tố ảnh hưởng tới tiền lương của lao động trong khu vực công.  5.3.3. Cơ cấu thu nhập của lao động khu vực công ở Việt Nam. | 6 | 4 | 2 |
|  | **Cộng:** | **30** | **20** | **10** |

**5. Tài liệu học tập:**

**- Tài liệu chính:**

[1]. Tạ Đức Khánh, Giáo trình kinh tế lao động, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, 2009.

[2]. TS.Phạm Đức Chính, Kinh tế lao động, Nhà xuất bản Đại học quốc gia TP.HCM, 2009.

**- Tài liệu tham khảo:**

[1] Trần Xuân Cầu, 2008, Giáo trình kinh tế nguồn nhân lực, Nhà xuất bản Đại học kinh tế quốc dân.

[2] Website tổ chức Lao động quốc tế

**6. Điều kiện thực hiện học phần:**

- Phòng học chuyên môn hóa / nhà xưởng: Phòng học lý thuyết

- Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu, phấn bảng

- Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Chương trình mô đun, giáo án, bài giảng môn hoc, giáo trình, tài liệu tham khảo, Báo cáo tài chính doanh nghiệp.

- Các điều kiện khác:

**7. Phương pháp giảng dạy và học tập:**

- Giảng viên giới thiệu học phần, cung cấp đề cương bài giảng, tài liệu tham khảo, các địa chỉ website để tìm tư liệu liên quan đến môn học, phân từng nhóm SV về nhà chuẩn bị bài, làm báo cáo Seminar. Giáo viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào nội dung của từng bài học chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện bài học để đảm bảo chất lượng giảng dạy. Cuối mỗi chương giáo viên tóm tắt bài giảng.

- Sinh viên cần tham dự đầy đủ các buổi học trên lớp, các buổi thảo luận, các bài thực hành theo quy định của chương trình; Hoàn thành các nhiệm vụ được giao (các bài tập; báo cáo trong các buổi thảo luận...); Chuẩn bị đủ tài liệu học tập, tự nghiên cứu tài liệu dưới sự hướng dẫn của giảng viên, vận dụng lý luận vào giải quyết một số vấn đề cụ thể.

**8. Phương pháp đánh giá học phần:**

Thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo và hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo của Trường ĐHSP Kỹ thuật Vinh.

***8.1. Điểm kiểm tra đánh giá - quá trình:*** Có trọng số chung là **30%**

- Điểm chuyên cần: 10 **%***.*

- Điểm giữa kỳ: 20 **%**

***8.2. Điểm thi kết thúc học phần***

*-*Điểm thi kết thúc học phầncó trọng số là 70**%.**

- Hình thức thi: Tự luận

*Nghệ An, ngày....... tháng....... năm.........*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NGƯỜI BIÊN SOẠN**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* | **TRƯỞNG KHOA**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* |

**TS. Nguyễn Thị Trâm TS. Nguyễn Thị Trâm TS. Nguyễn Thị Trâm**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH

**KHOA KINH TẾ**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT**

**Tên học phần: Quản trị doanh nghiệp + Đồ án**

**Mã học phần: 3KT208CD**

**Số tín chỉ: 03 + 01 (Số tiết: 45 + 15)**

**NGHỆ AN – 2020**

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XH  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC**  **SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT**

**1. Thông tin chung về học phần**:

- Tên học phần: Quản trị doanh nghiệp + Đồ án

- Mã học phần: 3KT208CD

- Số tín chỉ: 03 + 01 (Số tiết: 45 + 15), phân bổ thời gian:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| + | Lên lớp: | 27 tiết (27 giờ). |
| + | Thực hành: | 00 tiết (00 giờ). |
| + | Thí nghiệm: | 00 tiết (00 giờ) |
| + | Thảo luận: | 14 tiết (00 giờ) |
| + | Bài tập: | 04 + 15 tiết (19 giờ) |
| + | Tự học, tự nghiên cứu: | 120 giờ |

**-** Trình độ đào tạo: Đại học

- Bộ môn / Khoa phụ trách giảng dạy: Bộ môn Kinh tế - Quản trị kinh doanh / Khoa Kinh tế

**2. Mục tiêu của học phần:** *Sau khi kết thúc môn học, người học sẽ phải đạt những mục tiêu sau:*

*- Kiến thức:*

+ Trình bày được những nội dung cơ bản của quản trị doanh nghiệp như: Doanh nghiệp và các loại hình doanh nghiệp, nhà quản trị, chức năng và lĩnh vực quản trị, cơ cấu tổ chức quản trị doanh nghiệp, các mô hình tổ chức bộ máy quản trị doanh nghiệp.

+ Trình bày được các nội dung thuộc điều hành trong quản trị doanh nghiệp như: hoạch định chương trình quản trị doanh nghiệp, quản trị theo mục tiêu, quản trị theo quá trình và quản trị theo kết quả

+ Phân tích được kết quả và chi phí của doanh nghiệp

*- Kỹ năng:*

+ Lập kế hoạch và điều hành quản trị doanh nghiệp nói chung.

+ Phân tích, đánh giá, giải quyết các vấn đề trong điều hành quản trị doanh nghiệp.

+ Tính toán chi phí, kết quả theo mức lãi thô, ứng dụng phương thức tính mức lãi thô vào xác định giá một đơn hàng.

*- Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm::*

+ Có thái độ nghiêm túc, chuyên cần, tích cực trong học tập và có ý thức tự học, tự nghiên cứu.

+ Ý thức được tầm quan trọng của từng nội dung trong học phần quản trị doanh nghiệp để vận dụng sáng tạo những kiến thức, kỹ năng phù hợp vào thực tiễn công việc. Đồng thời tạo lập ý thức và thói quen cải tiến liên tục trong mọi công việc để nâng cao chất lượng hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

**3. Mô tả học phần:**

- Vai trò, vị trí của môn học: Học phần quản trị doanh nghiệp trang bị các kiến thức chung, tổng quát, mới về quản trị doanh nghiệp và rèn luyện kỹ năng thực hành cần thiết về quản trị doanh nghiệp cho sinh viên chuyên ngành QTKD.

Quản trị doanh nghiệp là học phần chuyên ngành bắt buộc, dự kiến giảng dạy ở học kỳ 4, chương trình đại học quản trị kinh doanh.

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Nội dung cần đạt được của học phần (mô tả tóm tắt): Cung cấp các nội dung cơ bản về quản trị doanh nghiệp như: doanh nghiệp, các loại hình doanh nghiệp, nhà quản trị, cơ cấu tổ chức quản trị doanh nghiệp. Điều hành trong quản trị doanh nghiệp là nội dung quan trọng của học phần, bao gồm hoạch định chương trình quản trị doanh nghiệp, quản trị theo mục tiêu, quản trị theo quá trình và quản trị theo kết quả. Quản trị kết quả theo mức lãi thô.

**4. Nội dung học phần:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Thời gian**  **thực hiện** | | |
| **Tổng số** | **Lý thuyết** | **Thực hành**  **(TH, TN, BT, TL)** |
| 1 | Bài 1: Tổng quan về quản trị doanh nghiệp | 6 | 4 | 2 |
|  | 1.1. Doanh nghiệp và các loại hình doanh nghiệp |  |  |  |
|  | 1.2. Quản trị doanh nghiệp và các cách tiếp cận |  |  |  |
|  | * 1. Các giai đoạn phát triển của khoa học quản trị DN |  |  |  |
|  | * 1. Các trường phái lý thuyết ứng dụng trong QTDN |  |  |  |
| 2 | Bài 2: Nhà quản trị, chức năng và lĩnh vực quản trị DN | 6 | 4 | 2 |
|  | * 1. Nhà quản trị |  |  |  |
|  | 2.2. Chức năng quản trị |  |  |  |
|  | * 1. Lĩnh vực quản trị |  |  |  |
|  | 2.4. Mối quan hệ giữa chức năng và lĩnh vực quản trị |  |  |  |
| 3 | Bài 3: Cơ cấu tổ chức quản trị doanh nghiệp | 6 | 4 | 2 |
|  | 3.1. Định chế quản trị doanh nghiệp |  |  |  |
|  | 3.2. Cơ cấu tổ chức quản trị doanh nghiệp |  |  |  |
|  | 3.3. Chế độ một cấp trưởng trong QTDN |  |  |  |
|  | 3.4. Tổ chức bộ máy quản trị DN |  |  |  |
|  | 3.5. Các mô hình tổ chức bộ máy quản trị doanh nghiệp |  |  |  |
| 4 | Bài 4: Hoạch định chương trình quản trị doanh nghiệp | 6 | 4 | 2 |
|  | 4.1. Hoạch định mục tiêu của doanh nghiệp |  |  |  |
|  | 4.2. Hoạch định chiến lược doanh nghiệp |  |  |  |
|  | 4.3. Hoạch định kế hoạch |  |  |  |
|  | 4.4. Một số phương pháp và công cụ sử dụng trong hoạch định kế hoạch |  |  |  |
|  | 4.5. Tổ chức thực hiện hoạch định chương trình QTDN |  |  |  |
|  | 4.6. Nội dung cơ bản của bản kế hoạch kinh doanh |  |  |  |
| 5 | Bài 5: Quản trị theo mục tiêu | 5 | 3 | 2 |
|  | 5.1. Bản chất và vai trò của quản trị theo mục tiêu |  |  |  |
|  | 5.2. Nội dung cơ bản của quản trị doanh nghiệp theo mục tiêu |  |  |  |
|  | 5.3. Bảng điểm cân bằng BSC trong quản trị theo mục tiêu |  |  |  |
| 6 | Bài 6: Quản trị theo quá trình | 5 | 3 | 2 |
|  | 6.1. Quản trị doanh nghiệp theo quá trình |  |  |  |
|  | 6.2. Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp |  |  |  |
| 7 | Bài 7: Quản trị theo kết quả | 5 | 3 | 2 |
|  | 7.1. Bản chất và vai trò của quản trị theo kết quả |  |  |  |
|  | 7.2. Quản trị thực hiện công việc |  |  |  |
|  | 7.3. Đánh giá kết quả thực hiện công việc |  |  |  |
|  | 7.4. Thước đo kết quả công việc theo KPI |  |  |  |
| 8 | Bài 8: Quản trị kết quả theo mức lãi thô | 6 | 2 | 4 |
|  | 8.1. Kết quả và chi phí của doanh nghiệp |  |  |  |
|  | 8.2. Quản trị chi phí, kết quả theo cách phân bổ truyền thống |  |  |  |
|  | 8.3. Quản trị chi phí, kết quả theo mức lãi thô |  |  |  |
|  | **Cộng:** | **45** | **27** | **18** |

**ĐỒ ÁN MÔN HỌC, BÀI TẬP LỚN**

**\* Tên ĐAMH hoặc BTL: Đồ án quản trị doanh nghiệp**

**\* Mã học phần:** 3KT207DH

**\* Số tín chỉ: 01**

**\* Phân bổ thời gian:**

- Lên lớp: 0 tiết.

- Tự nghiên cứu, làm ĐAMH, BTL ở nhà: 15 tiết.

**\* Điều kiện tiên quyết:** *Quản trị doanh nghiệp*

**\* Mục tiêu:** *Sau khi làm ĐAMH sinh viên có:*

*- Kiến thức:* Lập được Bản kế hoạch kinh doanh của DN

*- Kỹ năng:* Tập hợp số liệu, phân tích và đánh giá về công ty, sản phẩm dịch vụ, thị trường, phát triển và sản xuất, bán hàng và marketing, ban quản trị, các vấn đề về tài chính trong doanh nghiệp.

*- Thái độ:* Có thái độ nghiêm túc, chuyên cần, tích cực trong học tập và có ý thức tự học, tự nghiên cứu.

**\* Nội dung:**

- Các nội dung lý thuyết liên quan đến ĐAMH hoặc BTL:

Bài 4: Hoạch định chương trình quản trị doanh nghiệp

Mục 4.4: Nội dung cơ bản của Bản kế hoạch kinh doanh

- Các nội dung chính cần hoàn thành và thông qua GV hướng dẫn:

SV viết Bản kế hoạch kinh doanh về lĩnh vực mình lựa chọn.

**\* Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:** *Các tiêu chuẩn đánh giá sinh viên trong các hoạt động sau:*

- Chuẩn bị ở nhà và dự lớp: SV phải chuẩn bị đầy đủ theo yêu cầu và tham gia 100% số tiết lên lớp nghe hướng dẫn. Hệ số điểm 0,1

- Thực hiện ĐA hoặc BTL: Hệ số điểm 0,2

+ Thuyết minh (đặt vấn đề, tính khoa học trong phân tích, lập luận khi lựa chọn các phương án và giải quyết vấn đề …)

+ Bài tập lớn (đúng, chính xác, hình thức …)

+ Thời gian: Đúng hoặc trước thời hạn hoàn thành ĐAMH, BTL để được bảo vệ.

- Bảo vệ: Hệ số điểm 0,7

- Đánh giá ĐAMH hoặc BTL: Điểm đánh giá ĐAMH hoặc BTL là điểm trung bình theo hệ số của Điểm chuẩn bị ở nhà và dự lớp; Điểm thực hiện ĐAMH hoặc BTL; Điểm bảo vệ.

**5. Tài liệu học tập và tham khảo:**

***- Tài liệu học tập:*** *....... (Đề cương bài giảng, giáo trình ...):*

*[1]. Ngô Kim Thanh – Giáo trình quản trị doanh nghiệp – NXB Đại học Kinh tế quốc dân – 2013.*

***- Tài liệu tham khảo:*** *........... (Sách, tạp chí, video ...):*

*[1]. Đồng Thị Thanh Phương - Quản trị doanh nghiệp - NXB Lao động xã hội - 2010..*

**6. Điều kiện thực hiện học phần:**

- Phòng học chuyên môn hóa / nhà xưởng: Phòng học lý thuyết

- Trang thiết bị máy móc: Máy chiếu, máy tính

- Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Bảng, phấn, A4...

**7. Phương pháp giảng dạy và học tập:**

Giảngviên giới thiệu học phần, cung cấp đề cương bài giảng, tài liệu tham khảo, các địa chỉ website để tìm tư liệu liên quan đến môn học, phân từng nhóm SV về nhà chuẩn bị bài từng chương, làm báo cáo Seminar. Cuối mỗi chương giáo viên tóm tắt bài giảng.

**8. Phương pháp đánh giá học phần:**

Thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo của Trường ĐHSP Kỹ thuật Vinh.

*Các tiêu chuẩn đánh giá sinh viên trong các hoạt động sau:*

- Chuẩn bị ở nhà và dự lớp: SV phải chuẩn bị đầy đủ theo yêu cầu và tham gia 100% số tiết lên lớp nghe hướng dẫn. Hệ số điểm 0,1

- Bài kiểm tra giữa học kỳ: Hệ số điểm 0,2

- Thi hết học phần: Hệ số điểm 0,7

- Đánh giá điểm tổng kết học phần: Là trung bình chung của điểm dự lớp, bài kiểm tra giữa kỳ và thi hết học phần.

*Nghệ An, ngày....... tháng....... năm.........*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NGƯỜI BIÊN SOẠN**  **ThS. Nguyễn Thị Kim Oanh** | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  **TS. Nguyễn Thị Trâm** | **TRƯỞNG KHOA**  **TS. Nguyễn Thị Trâm** |

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH

**KHOA KINH TẾ**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT**

**Tên học phần: Quản trị chiến lược**

**Mã học phần: 3KT158DC**

**Số tín chỉ: 03 (Số tiết: 45)**

**NGHỆ AN – 2020**

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XH  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC**  **SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT**

**1. Thông tin chung về học phần**:

- Tên học phần: Quản trị chiến lược

- Mã học phần: 3KT158DC

- Số tín chỉ: 03 (Số tiết: 45), phân bổ thời gian:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| + | Lên lớp: | 27 tiết (27 giờ). |
| + | Thực hành: | 00 tiết (00 giờ). |
| + | Thí nghiệm: | 00 tiết (00 giờ) |
| + | Thảo luận: | 18 tiết (00 giờ) |
| + | Bài tập: | 00 tiết (00 giờ) |
| + | Tự học, tự nghiên cứu: | 90 giờ |

**-** Trình độ đào tạo: Đại học

- Bộ môn / Khoa phụ trách giảng dạy: Bộ môn Kinh tế - Quản trị kinh doanh / Khoa Kinh tế

**2. Mục tiêu của học phần:**

*- Kiến thức:*

+ Khái quát được các vấn đề về Quản trị chiến lược; xây dựng chiến lược; thực hiện và đánh giá chiến lược;

+ Trình bày được nội dung Chiến lược toàn cầu của doanh nghiệp và ứng dụng vào doanh nghiệp vừa và nhỏ.

+ Phân tích được môi trường kinh doanh bên ngoài doanh nghiệp, môi trường nội bộ doanh nghiệp;

+ Lựa chọn, tổ chức thực hiện được các chiến lược;

*- Kỹ năng:*

+ Ứng dụng được quản trị chiến lược vào các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

+ Tham gia vào công tác quản trị chiến lược một cách chủ động, sáng tạo.

*- Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm::*

+ Có thái độ nghiêm túc, chuyên cần, tích cực trong học tập và có ý thức tự học, tự nghiên cứu.

+ Ý thức được tầm quan trọng của từng nội dung trong quản trị chiến lược để vận dụng sáng tạo những kiến thức, kỹ năng phù hợp vào thực tiễn công việc. Đồng thời tạo lập ý thức và thói quen cải tiến liên tục trong mọi công việc để nâng cao chất lượng hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

**3. Mô tả học phần:**

- Vai trò, vị trí của môn học: Học phần quản trị chất lượng trang bị các kiến thức chung, tổng quát, mới về QTCL và rèn luyện kỹ năng thực hành cần thiết về QTCL cho sinh viên chuyên ngành QTKD. Quản trị chiến lược là học phần chuyên ngành bắt buộc, dự kiến giảng dạy ở học kỳ 4, chương trình đại học quản trị kinh doanh.

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Nội dung cần đạt được của học phần (mô tả tóm tắt): Cấu trúc học phần gồm 4 học phần là giới thiệu về quản trị chiến lược; xây dựng chiến lược; thực hiện và đánh giá chiến lược; chiến lược toàn cầu của doanh nghiệp và ứng dụng vào doanh nghiệp vừa và nhỏ. Trong đó mỗi học phần sẽ được lựa chọn các nội dung cơ bản nhất để nghiên cứu sâu, bao gồm: Tổng quan, nhiệm vụ, mục tiêu của quản trị chiến lược; Phân tích môi trường kinh doanh; Đánh giá môi trường nội bộ doanh nghiệp; Phân tích, lựa chọn, tổ chức thực hiện chiến lược;

**4. Nội dung học phần:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Thời gian**  **thực hiện** | | |
| **Tổng số** | **Lý thuyết** | **Thực hành**  **(TH, TN, BT, TL)** |
| 1 | Bài 1: Tổng quan về quản trị chiến lược | 7 | 4 | 3 |
|  | 1.1. Khái niệm, đặc trưng và vai trò của chiến lược |  |  |  |
|  | 1.2. Bản chất của quản trị chiến lược và giá trị của nó |  |  |  |
|  | 1.3. Các giai đoạn của quản trị chiến lược |  |  |  |
|  | 1.4. Nhà quản trị chiến lược |  |  |  |
|  | 1.5. Ra quyết định chiến lược |  |  |  |
|  | 1.6. Thông tin trong quản trị chiến lược |  |  |  |
| 2 | Bài 2: Nhiệm vụ và mục tiêu chiến lược của DN | 5 | 3 | 2 |
|  | * 1. Xác định nhiệm vụ của DN |  |  |  |
|  | 2.2. Mục tiêu chiến lược của DN |  |  |  |
|  | 2.3. Trách nhiệm xã hội và đạo đức kinh doanh |  |  |  |
| 3 | Bài 3: Phân tích môi trường kinh doanh | 7 | 4 | 3 |
|  | 3.1. Phân tích môi trường vĩ mô |  |  |  |
|  | 3.2. Phân tích môi trường ngành |  |  |  |
| 4 | Bài 4: Phân tích đánh giá nội bộ DN | 8 | 4 | 4 |
|  | 4.1. Phân tích tiềm năng của các nguồn lực của DN |  |  |  |
|  | 4.2. Phân tích nội bộ DN theo chức năng quản trị |  |  |  |
|  | 4.3. Phân tích nội bộ DN theo các lĩnh vực quản trị DN |  |  |  |
|  | 4.4. Phân tích chuỗi giá trị của DN |  |  |  |
| 5 | Bài 5: Phân tích và lựa chọn chiến lược | 6 | 4 | 2 |
|  | 5.1. Các kỹ thuật phân tích định hướng chiến lược DN |  |  |  |
|  | 5.2. Lựa chọn chiến lược kinh doanh của DN |  |  |  |
| 6 | Bài 6: Tổ chức thực hiện chiến lược | 6 | 4 | 2 |
|  | 6.1. Thực chất và ý nghĩa của việc tổ chức thực hiện chiến lược |  |  |  |
|  | 6.2. Nội dung triển khai thực hiện chiến lược |  |  |  |
|  | 6.3. Hệ thống chính sách và kế hoạch hỗ trợ thực hiện CL |  |  |  |
|  | 6.4. Ý nghĩa của việc lựa chọn cơ cấu tổ chức |  |  |  |
|  | 6.5. Lựa chọn cơ cấu tổ chức phù hợp với chiến lược |  |  |  |
| 7 | Bài 7: Đánh giá chiến lược | 6 | 4 | 2 |
|  | 7.1. Mục đích của kiểm tra và đánh giá chiến lược |  |  |  |
|  | 7.2. Các tiêu chuẩn kiểm tra và đánh giá |  |  |  |
|  | 7.3. Hệ thống thông tin kiểm tra và đánh giá chiến lược |  |  |  |
|  | 7.4. Đánh giá chiến lược |  |  |  |
|  | **Cộng:** | **45** | **27** | **18** |

**5. Tài liệu học tập và tham khảo:**

***- Tài liệu học tập:*** *(Đề cương bài giảng, giáo trình ...):*

*[1]. Ngô Kim Thanh – Giáo trình quản trị chiến lược – NXB Đại học Kinh tế quốc dân – 2013.*

***- Tài liệu tham khảo:*** *(Sách, tạp chí, video ...):*

*[1]. Đồng Thị Thanh Phương – Quản trị chiến lược – NXB Thống kê – 2008.*

**6. Điều kiện thực hiện học phần:**

- Phòng học chuyên môn hóa / nhà xưởng: Phòng học lý thuyết

- Trang thiết bị máy móc: Máy chiếu, máy tính

- Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Bảng, phấn, A4...

**7. Phương pháp giảng dạy và học tập:**

Giảngviên giới thiệu học phần, cung cấp đề cương bài giảng, tài liệu tham khảo, các địa chỉ website để tìm tư liệu liên quan đến môn học, phân từng nhóm SV về nhà chuẩn bị bài từng chương, làm báo cáo Seminar. Cuối mỗi chương giáo viên tóm tắt bài giảng.

**8. Phương pháp đánh giá học phần:**

Thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo của Trường ĐHSP Kỹ thuật Vinh.

*Các tiêu chuẩn đánh giá sinh viên trong các hoạt động sau:*

- Chuẩn bị ở nhà và dự lớp: SV phải chuẩn bị đầy đủ theo yêu cầu và tham gia 100% số tiết lên lớp nghe hướng dẫn. Hệ số điểm 0,1

- Bài kiểm tra giữa học kỳ: Hệ số điểm 0,2

- Thi hết học phần: Hệ số điểm 0,7

- Đánh giá điểm tổng kết học phần: Là trung bình chung của điểm dự lớp, bài kiểm tra giữa kỳ và thi hết học phần.

*Nghệ An, ngày....... tháng....... năm.........*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NGƯỜI BIÊN SOẠN**  **ThS. Nguyễn Thị Kim Oanh** | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  **TS. Nguyễn Thị Trâm** | **TRƯỞNG KHOA**  **TS. Nguyễn Thị Trâm** |

*Phụ lục 3b (Mẫu 4LT – CTĐH 2020)*

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH

**KHOA KINH TẾ**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT**

**Tên học phần: Quản trị nhân lực**

**Mã học phần: 3KT209CD**

**Số tín chỉ: 03 (Số tiết: 45 )**

**NGHỆ AN – 2020**

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XH  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC**  **SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT**

**1. Thông tin chung về học phần**:

- Tên học phần: Quản trị nhân lực

- Mã học phần: 3KT209CD

- Số tín chỉ: 03 (Số tiết: 45 ), phân bổ thời gian:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| + | Lên lớp: | 30 tiết (00 giờ). |
| + | Thực hành: | 00 tiết (00 giờ). |
| + | Thí nghiệm: | 00 tiết (00 giờ) |
| + | Thảo luận: | 15 tiết (00 giờ) |
| + | Bài tập: | 00 tiết (00 giờ) |
| + | Tự học, tự nghiên cứu: | 90 giờ |

**-** Trình độ đào tạo: Đại học

- Bộ môn / Khoa phụ trách giảng dạy: Kinh tế

**2. Mục tiêu của học phần:**

**-** Kiến thức:

+ Nâng cao kiến thức quản trị nguồn nhân lực;

+ Áp dụng kiến thức để sử dụng nguồn nhân lực hiệu quả trong một tổ chức;

+ Nhận biết các kỹ thuật, phương pháp quản trị hiện đại trong quản lý nguồn nhân lực hiện nay.

- Kỹ năng:

+ Khả năng dự đoán và giải quyết các vấn đề liên quan đến sử dụng lao động trong một tổ chức

+ Biết sử dụng kiến thức quản trị nhân sự vào công tác tổ chức nhân sự (tổ chức cán bộ) trong một bộ phận hay trong cơ quan, tổ chức.

+ Có kỹ năng tổ chức triển khai công tác quản trị nhân sự vào từng khâu công việc của công tác tổ chức nhân sự trong phòng tổ chức nhân sự của một cơ quan, tổ chức.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Có nhận thức đúng đắn, nghiêm túc và khách quan trong việc nhìn nhận vai trò của công tác tổ chức nhân sự (tổ chức cán bộ) với hiệu quả hoạt động của các cơ quan, tổ chức.

+ Có ý thức nghiên cứu khoa học trong nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của  công tác tổ chức nhân sự trong các cơ quan, tổ chức.

+ Thái độ học tập nghiêm túc, chuyên cần.

**3. Mô tả học phần:**

- Vai trò, vị trí của môn học: Là môn học thuộc chuyên ngành Quản trị nhân lực, trang bị cho sinh viên những kiến thức về Quản trị nguồn nhân lực, cụ thể các nội dung về Thiết kế và phân tích công việc; Kế hoạch hóa nguồn nhân lực; Tuyển mộ và tuyển chọn nhân lực; Bố trí nhân lực và thôi việc; Đánh giá thực hiện công việc; Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực; Quản trị tiền lương và tiền công; Các vấn đề về thù lao và phúc lợi cho người lao động; Hợp đồng lao động; Kỷ luật lao động.

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Nội dung cần đạt được của học phần (mô tả tóm tắt): Biết cách thức hoạch định nguồn nhân lực, thu hút và tuyển chọn, đào tạo, phát triển, và duy trì – quản lý, phân tích công việc, đánh giá kết quả làm việc, nhằm giải quyết các vấn đề liên quan đến sử dụng lao động có hiệu quả trong tổ chức.

**4. Nội dung học phần:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Thời gian**  **thực hiện** | | |
| **Tổng số** | **Lý thuyết** | **Thực hành**  **(TH, TN, BT, TL)** |
| 1 | Bài 1: Tổng quan về quản trị nhân lực trong tổ chức  1.1. Đối tượng, nội dung môn học Quản trị nhân lực  1.1.1. Đối tượng của môn học  1.1.2. Nội dung của môn học  1.2. Thực chất của Quản trị nhân lực (2; 0; 4)  1.2.1. Khái niệm, đối tượng, mục tiêu và tầm quan  trọng của Quản trị nhân lực  1.2.2. Các hoạt động chủ yếu của Quản trị nhân lực  1.2.3. Triết lý quản trị nhân lực | 3 | 3 | 0 |
| 2 | Bài 2: Thiết kế và phân tích công việc  2.1. Thiết kế công việc  2.1.1. Khái niệm và nội dung của thiết kế công việc  2.1.2. Các phương pháp thiết kế và thiết kế lại công  việc  2.2.Phân tích công việc  2.2.1. Phân tích công việc – công cụ của quản lý nguồn nhân lực  2.2.2*.* Các phương pháp thu thập thông tin phân tích  công việc  **2.**3. Vai trò của phòng Nguồn nhân lực và các bước  tiến hành phân tích công việc  2.3.1**.** Vai trò của phòng Nguồn nhân lực  2.3.2. Các bước tiến hành phân tích công việc | 4 | 2 | 2 |
| 3 | Bài 3: Kế hoạch hóa nguồn nhân lực  3.1.Vai trò của kế hoạch hóa nguồn nhân lực  3.1.1. Khái niệm và vai trò của kế hoạch hóa nguồn  nhân lực  3.1.2. Các kế hoạch nguồn nhân lực  3.1.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến kế hoạch hóa nguồn  nhân lực  3.1.4. Quá trình kế hoạch hóa nguồn nhân lực  3**.**2. Dự đoán cầu nhân lực  3.2.1. Dự đoán cầu nhân lực ngắn hạn  3.2.2. Dự đoán cầu nhân lực dài hạn  3.3. Dự đoán cung nhân lực  3.3.1. Dự đoán cung nhân lực trong nội bộ tổ chức  3.3.2. Dự đoán cung nhân lực từ bên ngoài  3.4. Cân đối cung và cầu nhân lực, các giải pháp khắc  phục mất cân đối  3.4.1. Cầu nhân lực lớn hơn cung nhân lực  3.4.2. Cung nhân lực lớn hơn cầu nhân lực  3.4.3. Cầu nhân lực bằng cung nhân lực | 4 | 3 | 1 |
| 4 | Bài 4: Tuyển mộ và tuyển chọn nhân lực  4**.**1. Quá trình tuyển mộ  4.1.1. Khái niệm, tầm quan trọng của tuyển mộ nhân  lực  4.1.2. Các nguồn và phương pháp tuyển mộ nhân lực  4.1.3. Quá trình tuyển mộ  4.2. Quá trình tuyển chọn nhân lực  4.2.1. Khái niệm và tầm quan trọng của tuyển chọn  nguồn nhân lực  4.2.2. Quá trình tuyển chọn  4.3. Một số vấn đề cần quan tâm khi thực hiện công  tác tuyển chọn trong tổ chức | 4 | 2 | 2 |
| 5 | Bài 5: Đánh giá thực hiện công việc  5.1. Khái niệm, mục đích và tầm quan trọng của đánh  giá thực hiện công việc  5.1.1. Khái niệm  5.1.2. Mục đích  5.1.3. Tầm quan trọng  5.2. Hệ thống đánh giá thực hiện công việc  5.2.1. Các yêu cầu đối với một hệ thống đánh giá thực  hiện công việc  5. 2.2. Các lỗi cần tránh trong đánh giá  5.3. Các phương pháp đánh giá thực hiện công việc    5.3.1. Phương pháp thang đo đánh giá đồ họa  5.3.2. Phương pháp danh mục kiểm tra  5.3.3. Phương pháp ghi chép các sự kiện quan trọng  5.3.4. Phương pháp đánh giá bằng thang đo dựa trên  hành vi  5.3.5.Các phương pháp so sánh  5.3.6. Phương pháp bản tường thuật  5.4. Xây dựng và thực hiện chương trình đánh giá  5.4.1. Lựa chọn và thiết kế phương pháp đánh giá  5.4.2. Lựa chọn người đánh giá  5.4.3. Xác định chu kỳ đánh giá  5.4.4. Đào tạo người đánh giá  5.4.5. Phỏng vấn đánh giá | 5 | 3 | 2 |
| 6 | Bài 6: Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực  6.1. Vai trò của đào tạo và phát triển nguồn nhân lực  6.1.1. Khái niệm đào tạo và phát triển nguồn nhân lực  6.1.2. Mục tiêu và vai trò của đào tạo và phát triển  nguồn nhân lực  **6.**2. Các phương pháp đào tạo và phát triển  6.2.1. Đào tạo trong công việc  6. 2.2. Đào tạo ngoài công việc  6.3. Tổ chức thực hiện các hoạt động đào tạo và phát  triển  6.3.1.Các vấn đề về mặt chiến lược  6.3.2. Tổ chức thực hiện | 4 | 3 | 1 |
| 7 | Bài 7: Cơ sở của quản lý thù lao lao động  7.1. Thù lao lao động và các mục tiêu của hệ thống  thù lao lao động  7.1.1. Khái niệm và cơ cấu của thù lao lao động  7.1.2. Các mục tiêu của hệ thống thù lao lao động  7.2. Ảnh hưởng của thù lao đến chọn nghề, chọn việc,  đến thực hiện công việc của người lao động và hiệu  quả của tổ chức  7.2.1. Thù lao và chọn nghề, chọn việc  7.2.2. Công bằng về thù lao và sự hài lòng của công  việc  7.2.3. Thù lao và kết quả thực hiện công việc  7.2.4. Thù lao lao động và sử dụng ngày công, giờ  công  7.2.5. Thù lao lao động và thuyên chuyển lao động  7.2.6. Thù lao lao động và hiệu quả hoạt động của tổ  chức  7.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến thù lao lao động  7.3.1. Yếu tố thuộc môi trường bên ngoài  7.3.2. Yếu tố thuộc về tổ chức  7.3.3. Yếu tổ thuộc về công việc  7.3.4. Yếu tổ thuộc về cá nhân người lao động  7.4. Các tiêu thức lựa chọn khi xây dựng hệ thống thù  lao lao động  7.4.1. Công bằng bên trong hay công bằng bên ngoài  7.4.2. Thù lao cố định hay thù lao biến đổi  7.4.3.Thù lao theo thực hiện công việc hay là thù lao  theo nhân viên  7.4.4. Thù lao theo công việc hay theo cá nhân lao  động  7.4.5. Thù lao thấp hơn hay cao hơn mức thù lao  đang thịnh hành trên thị trường  7.4.6. Thù lao mang tính tài chính hay là thù lao  mang tính phi tài chính  7.4.7. Trả lương công khai hay trả lương kín  7.4.8. Quyết định thù lao tập trung hay là phi tập  trung  7.4.9. Thù lao khác nhau hay là thù lao giống nhau | 5 | 3 | 2 |
| 8 | Bài 8: Quản trị tiền công và tiền lương  8.1. Mục đích và ý nghĩa của quản trị tiền công, tiền  lương  8.1.1. Mục đích  8.1.2. Ý nghĩa  8.2. Giới thiệu hệ thống thang bảng lương của Nhà  nước  8.2.1. Chế độ tiền lương cấp bậc  8.2.2. Chế độ tiền lương chức vụ  8.3. Xây dựng hệ thống trả công của doanh nghiệp  8.3.1. Ba quyết định về tiền xông  8.3.2. Đánh giá công việc  8.3.3. Trình tự xây dựng hệ thống trả công của doanh  nghiệp  8.4. Quản trị tiền công, tiền lương (0,5; 0; 1)  8.4.1. Hình thức  8.4.2. Biện pháp | 3 | 2 | 1 |
| 9 | Bài 9: Các hình thức trả lương  9.1. Cơ sở phân định hình thức trả công   * + 1. Căn cứ   9.1.2. Tiêu thức  9.2. Phân loại trả công  9.2.1. Hình thức trả công theo thời gian  9.2.2. Hình thức trả công theo sản phẩm | 2 | 2 | 0 |
| 10 | Bài 10: Các phúc lợi cho người lao động  10.1. Một số vấn đề về phúc lợi  10**.**1.1**.** Khái niệm phúc lợi  10.1.2. Các loại phúc lợi  10.2. Xây dựng và quản lý chương trình phúc lợi và  dịch vụ cho người lao động  10.2.1. Mục tiêu của chương trình phúc lợi  10.2.2. Nguyên tắc xây dựng chương trình phúc lợi  10.2.3. Các bước xây dựng chương trình phúc lợi  10.2.4. Quản lý chương trình phúc lợi | 4 | 3 | 1 |
| 11 | Bài 11: Hợp đồng lao động và thảo ước lao động tập  thể  11.1. Hợp đồng lao động  11.1.1. Khái niệm, phân loại và nội dung của hợp  đồng lao động  11**.**1.2. Ký và thực hiện hợp đồng lao động trong  doanh nghiệp  11.1.3. Tạm hoãn và chấm dứt hợp đồng lao động  11**.**2. Thỏa ước lao động tập thể (1; 3; 8)  11.2.1. Khái niệm, nội dung và đại diện ký thỏa ước  lao động tập thể  11.2.2. Hiệu lực của thỏa ước lao động tập thể  11.2.3. Quá trình ký kết thỏa ước lao động tập thể | 4 | 2 | 2 |
| 12 | Bài 12: Kỷ luật lao động  12**.**1. Khái niệm, hình thức và nguyên nhân vi phạm  kỷ luật lao động  12. 1.1. Khái niệm và nội dung của kỷ luật  12.1.2. Hình thức kỷ luật  12.1.3. Các loại nguyên nhân vi phạm kỷ luật  12. 2. Nguyên tắc và trách nhiệm kỷ luật (0,5; 1; 3)  12.2.1. Nguyên tắc  12.2.2. Trách nhiệm đối với kỷ luật  12**.** 3. Quá trình kỷ luật và các hướng dẫn cho việc kỷ  luật có kết quả (0,5; 1; 3)  12. 3.1. Cách tiếp cận với kỷ luật  12.3.2. Tổ chức công tác thi hành kỷ luật  12.3.3. Các hướng dẫn với người phụ trách kỷ luật | 3 | 2 | 1 |
|  | **Cộng:** | **45** | **30** | **15** |

**5. Tài liệu học tập:**

***- Tài liệu chính:***

[1]. Giáo trình Quản trị Nhân lực – Khoa Kinh tế và Quản lý nguồn nhân lực, ĐH Kinh tế Quốc dân - PGS.TS. Nguyễn Ngọc Quân, ThS. Nguyễn Vân Điền, NXB ĐH KTQD– Hà Nội 2013.

***- Tài liệu tham khảo:***

[1]. Giáo trình Quản trị Nhân lực – Khoa Kinh tế, ĐH Sư phạm Kỹ thuật Vinh – TS. Nguyễn Hồng Minh, TS. Nguyễn Thị Trâm – NXB LĐXH– Hà Nội 2014.

**6. Điều kiện thực hiện học phần:**

- Phòng học chuyên môn hóa / nhà xưởng: Phòng học lý thuyết

- Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu, phấn bảng

- Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Chương trình, giáo án, giáo trình,

- Các điều kiện khác:

**7. Phương pháp giảng dạy và học tập:**

- Hình thức giảng dạy chính của môn học: Lý thuyết trên lớp kết hợp với thảo luận nhóm.

- Giảng viên giới thiệu học phần, cung cấp đề cương bài giảng, giáo trình môn học, phân từng nhóm SV về nhà chuẩn bị bài, làm báo cáo Seminar. Giáo viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào nội dung của từng bài học chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện bài học để đảm bảo chất lượng giảng dạy. Cuối mỗi chương giáo viên tóm tắt bài giảng.

- Sinh viên cần tham dự đầy đủ các buổi học trên lớp, các buổi thảo luận theo quy định của chương trình; Hoàn thành các nhiệm vụ được giao (các báo cáo trong các buổi thảo luận...); Chuẩn bị đủ tài liệu học tập, tự nghiên cứu tài liệu dưới sự hướng dẫn của giảng viên, vận dụng lý luận vào giải quyết một số vấn đề cụ thể.

**8. Phương pháp đánh giá học phần:**

Thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo và hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo của Trường ĐHSP Kỹ thuật Vinh.

***8.1. Điểm kiểm tra đánh giá - quá trình:*** Có trọng số chung là **30%**

- Điểm chuyên cần: 10 **%***.*

- Điểm giữa kỳ: 20 **%**

***8.2. Điểm thi kết thúc học phần***

*-*Điểm thi kết thúc học phầncó trọng số là 70**%.**

- Hình thức thi: Tự luận

*Nghệ An, ngày....... tháng....... năm.........*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NGƯỜI BIÊN SOẠN**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* | **TRƯỞNG KHOA**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* |

**TS. Nguyễn Thị Trâm TS. Nguyễn Thị Trâm TS. Nguyễn Thị Trâm**

*Phụ lục 3b (Mẫu 4LT – CTĐH 2020)*

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH

**KHOA KINH TẾ**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT**

**Tên học phần: Quản trị tài chính**

**Mã học phần: 3KT212CD**

**Số tín chỉ: 03 (Số tiết: 45)**

**NGHỆ AN – 2020**

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XH  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC**  **SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT**

**1. Thông tin chung về học phần**

- Tên học phần: Quản trị tài chính

- Mã học phần: 3KT212CD

- Số tín chỉ: 03 (Số tiết: 45),phân bổ thời gian:

|  |  |
| --- | --- |
| Lên lớp: | 27 tiết (27 giờ). |
| Thực hành: | 00 tiết (00 giờ). |
| Thí nghiệm: | 00 tiết (00 giờ) |
| Thảo luận: | 03 tiết (06 giờ) |
| Bài tập: | 15 tiết (30 giờ) |
| Tự học, tự nghiên cứu: | 90 giờ |

-Trình độ đào tạo: Đại học

- Bộ môn / Khoa phụ trách giảng dạy: Bộ môn Kinh tế và Quản trị kinh doanh/ Khoa Kinh tế

**2. Mục tiêu của học phần:**

*- Kiến thức:*

+ Trình bày được các khái niệm tài sản, nguồn vốn, chi phí, doanh thu, lợi nhuận của doanh nghiệp

+ Phân biệt được các loại tài sản và nguồn vốn của doanh nghiệp

+ Giải thích được các nội dung về giá thành, doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp

***+*** Trình bày đượcphương pháp luận về 3 loại quyết định Tài chính căn bản: quyết định đầu tư, quyết định tài trợ và quyết định quản trị tài sản, để có thể tham mưu cho lãnh đạo Doanh nghiệp trong việc ra các quyết định Tài chính liên quan đến hoạt động của Doanh nghiệp.

***- Kỹ năng:***

+ Làm được các bài tập thực hành về tính khấu hao tài sản cố định, tính nhu cầu vốn lưu động, tính giá thành, tính doanh thu, tính thuế và tính lợi nhuận của doanh nghiệp…

+ Hình thành kỹ năng phân phối, sử dụng và tạo lập các nguồn vốn trong doanh nghiệp một cách hiệu quả

+ Phân tích, đánh giá được tình hình tài chính doanh nghiệp

+ Đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao năng lực tài chính của doanh nghiệp

***- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:***

+ Có thái độ nghiêm túc trong học tập, xác định đúng đắn động cơ và mục đích học tập.

+ Có đạo đức lương tâm nghề nghiệp, có ý thức tổ chức kỷ luật;

+ Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm

**3. Mô tả học phần:**

- Vai trò, vị trí của môn học: Học phần Quản trị tài chính là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành của ngành Quản trị kinh doanh nhằm cung cấp cho người học tầm nhìn khái quát về tình hình Tài chính của Doanh nghiệp, những công cụ và các kỹ thuật cần thiết cho việc chọn lựa để đưa ra các quyết định Tài chính một cách hữu hiệu nhất nhằm đạt được mục tiêu mà DN đặt ra cho từng thời kỳ phát triển.

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Nội dung cần đạt được của học phần: Trình bày, phân tích và thực hiện được cách Quản lý tài sản cố định, tài sản lưu động trong doanh nghiệp; Quản lý nguồn vốn trên cơ sở cơ cấu vốn hợp lý và chi phí sử dụng vốn tối ưu; Cách xác định doanh thu, chi phí và lợi nhuận của Doanh nghiệp; Cách thẩm định dự án đầu tư tối ưu và phân tích tài chính doanh nghiệp. Từ đó phát triển kỹ năng quản lí tài chính doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường hội nhập.

**4. Nội dung học phần:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên chương, mục** | **Thời gian (tiết)** | | |
| **Tổng số** | **Lý thuyết** | **Thực hành**  **(TH, TN, BT, TL)** |
| 1 | **CHƯƠNG 1: QUẢN LÝ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**    1.1 Cơ cấu tài sản cố định    1.2 Khấu hao tài sản cố định và các khía cạnh kinh tế của quản lý khấu hao    1.3 Tác động tài chính của khấu hao đối với doanh nghiệp  1.4 Quản lý Tài sản cố định về mặt hiện vật | 6 | 3 | 3 |
| 2 | **CHƯƠNG 2: QUẢN LÝ TÀI SẢN LƯU ĐỘNG VÀ VỐN LƯU ĐỘNG**    2.1 Khả năng chuyển đổi của tài sản    2.2 Cơ cấu và phân loại tài sản lưu động    2.3 Quản lý hàng hóa vật tư tồn kho    2.4 Phân tích vòng quay của vốn lưu động | 6 | 3 | 3 |
| 3 | **CHƯƠNG 3:  CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỦ YẾU**    3.1 Bảng cân đối kế toán    3.2 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh    3.3 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ | 9 | 3 | 6 |
| 4 | **CHƯƠNG 4: QUẢN LÝ NGUỒN VỐN CỦA DOANH NGHIỆP**    4.1 Tổng quan về nguồn vốn của doanh nghiệp    4.2 Các nguồn vốn của doanh nghiệp và phương thức khai thác | 6 | 6 | 0 |
| 5 | **CHƯƠNG 5: CÁC QUYẾT ĐỊNH VÀ PHÂN TÍCH VỀ CHI PHÍ ĐẦU TƯ**    5.1 Các quyết định đầu tư    5.2 Quá trình duyệt dự án đầu tư    5.3 Các công cụ phân tích dự án đầu tư    5.4 Các phân tích sử dụng luồng tiền chiết khấu    5.5 Các công cụ khác dùng để phân tích luồng tiền    5.6 Kiểm toán dự án đầu tư đã hoàn thành    5.7 Đánh giá sự thực hiện của dự án | 9 | 6 | 3 |
| 6 | **CHƯƠNG 6: PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH TRONG QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**    6.1. Khái niệm, vai trò, mục tiêu của phân tích tài chính doanh nghiệp    6.2 Cơ sở dữ liệu phục vụ phân tích tài chính doanh nghiệp   * 1. Phương pháp phân tích   2. Nội dung phân tích tài chính doanh nghiệp | 9 | 6 | 3 |
|  | **Cộng:** | **45** | **27** | **18** |

**5. Tài liệu học tập và tham khảo:**

***- Tài liệu học tập:***

[1]. PGS.TS Phạm Quang Trung – Giáo trình Quản trị tài chính doanh nghiệp – NXB Đại học kinh tế quốc dân - 2012

***- Tài liệu tham khảo:***

[1]. PGS.TS Nguyễn Đình Kiệm – Tài chính doanh nghiệp - NXB Tài chính – 2010

**6. Điều kiện thực hiện học phần:**

- Trang thiết bị máy móc: Máy chiếu, máy vi tính.

- Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Bảng, phấn, tài liệu tham khảo, đề cương bài giảng, giáo trình.

- Các điều kiện khác: Câu hỏi, bài tập thực hành...

**7. Phương pháp giảng dạy và học tập:**

- Hình thức giảng dạy chính của môn học: Lý thuyết trên lớp kết hợp với làm bài tập, thảo luận nhóm

- Giảng viên giới thiệu học phần, cung cấp đề cương bài giảng, tài liệu tham khảo, các địa chỉ website để tìm tư liệu liên quan đến môn học, phân từng nhóm SV về nhà chuẩn bị bài, làm báo cáo Seminar. Giảng viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào nội dung của từng bài học, xây dựng các bài thực hành cụ thể theo nội dung của từng chương, chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện bài học để đảm bảo chất lượng giảng dạy

- Sinh viên cần tham dự đầy đủ các buổi học trên lớp, các buổi thảo luận, các bài thực hành theo quy định của chương trình; Hoàn thành các nhiệm vụ được giao (các bài tập; báo cáo trong các buổi thảo luận...); Chuẩn bị đủ tài liệu học tập, tự nghiên cứu tài liệu dưới sự hướng dẫn của giảng viên, vận dụng lý luận vào giải quyết một số vấn đề cụ thể.

**8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập học phần:**

Thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo của Trường ĐHSP Kỹ thuật Vinh.

***8.1. Điểm kiểm tra đánh giá - quá trình:*** Có trọng số chung là **30%**

- Điểm chuyên cần: 10 **%***.*

- Điểm giữa kỳ: 20 **%** (Kiểm tra viết hoặc làm bài tập nhóm)

***8.2. Điểm thi kết thúc học phần***

Điểm thi kết thúc học phầncó trọng số là 70**%.**

- Hình thức thi: Kiểm tra theo hình thức tự luận hoặc trắc nghiệm khách quan.

*Nghệ An, ngày....... tháng....... năm.........*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NGƯỜI BIÊN SOẠN**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* | **TRƯỞNG KHOA**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* |

Nguyễn Thị Mai Hương TS. Nguyễn Thị Trâm TS. Nguyễn Thị Trâm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH

**KHOA KINH TẾ**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT**

**Tên học phần: Phân tích hoạt động kinh doanh**

**Mã học phần:****3KT214CD**

**Số tín chỉ: 03 (Số tiết: 45)**

**NGHỆ AN – 2020**

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XH  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC**  **SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT**

**1. Thông tin chung về học phần**

- Tên học phần: Phân tích hoạt động kinh doanh

- Mã học phần: 3KT214CD

- Số tín chỉ: 03 (Số tiết: 45),phân bổ thời gian:

|  |  |
| --- | --- |
| Lên lớp: | 27 tiết (27 giờ). |
| Thực hành: | 00 tiết (00 giờ). |
| Thí nghiệm: | 00 tiết (00 giờ) |
| Thảo luận: | 00 tiết (00 giờ) |
| Bài tập: | 18 tiết (18giờ) |
| Tự học, tự nghiên cứu: | 90 giờ |

-Trình độ đào tạo: Đại học

- Bộ môn / Khoa phụ trách giảng dạy: Bộ môn Kinh tế và Quản trị kinh doanh/ Khoa Kinh tế

**2. Mục tiêu của học phần:**

*- Kiến thức:*

+ Nhận biết được các đối tượng nghiên cứu của phân tích hoạt động kinh doanh.

+ Trình bày được các phương pháp kỹ thuật phân tích kinh doanh

+ Xác định được những nội dung cần phân tích, tiến trình tổ chức phân tích.

*- Kỹ năng:*

+ Vận dụng được các phương pháp phân tích kinh doanh để phân tích các hoạt động cung cấp, hoạt động sản xuất và hoạt động tiêu thụ.

+ Lựa chọn đúng các phương pháp để phân tích, đánh giá và xác định chính xác mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến đối tượng phân tích.

+ Tổ chức được việc phân tích tình hình kinh doanh của doanh nghiệp ở từng khâu, từng giai đoạn.

*- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

+ Tuân thủ các chế độ kế toán do Nhà nước ban hành.

+ Có đạo đức lương tâm nghề nghiệp, có ý thức tổ chức kỷ luật, sức khỏe giúp cho người học sau khi tốt nghiệp có khả năng tìm kiếm việc làm, học lên trình độ cao hơn hoặc tự tổ chức kinh doanh.

+ Có thái độ nghiêm túc, chuyên cần, tích cực trong học tập và có ý thức tự học, tự nghiên cứu.

**3. Mô tả học phần**

- Vai trò, vị trí của môn học: Phân tích hoạt động kinh doanh thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc của ngành Quản trị kinh doanh, được bố trí giảng dạy sau khi đã học xong các môn học cơ sở. Môn học có vị trí quan trọng trong khoa học kinh tế quản lý. Dựa vào thông tin do Phân tích hoạt động kinh doanh cung cấp, doanh nghiệp có thể tạo ra nhiều lợi nhuận và nâng cao hiệu quả kinh doanh.

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Nội dung cần đạt được của học phần: Phân tích hoạt động kinh doanh là học phần được chia thành 5 chương một cách logic là: Khái quát chung về phân tích hoạt động kinh doanh; Phân tích hoạt động cung cấp; Phân tích hoạt động sản xuất; Phân tích hoạt động tiêu thụ và Phân tích tình hình tài chính và hiệu quả kinh doanh.

**4. Nội dung học phần:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên chương, mục** | **Thời gian (tiết)** | | |
| **Tổng số** | **Lý thuyết** | **Thực hành**  **(TH, TN, BT, TL)** |
| 1 | Bài 1: Khái quát chung của phân tích HĐKD  1.1. Khái niệm, nội dung và ý nghĩa của phân tích hoạt động kinh doanh  1.2. Đối tượng và nhiệm vụ của PTHĐKD  1.3. Phương pháp phân tích HĐKD  1.4. Tổ chức phân tích kinh doanh | 6 | 3 | 3 |
| 2 | Bài 2: Phân tích hoạt động cung cấp  2.1. Phân tích tính hình sử dụng lao động  2.2. Phân tích tình hình sử dụng tài sản cố định  2.3. Phân tích tình hình sử dụng nguyên vật  liệu | 9 | 6 | 3 |
| 3 | Bài 3: Phân tích hoạt động sản xuất  3.1. Phân tích chi phí sản xuất  3.2. Phân tích giá thành sản phẩm  3.3. Phân tích kết quả sản xuất | 9 | 5 | 4 |
| 4 | Bài 4: Phân tích hoạt động tiêu thụ  4.1. Đánh giá khái quát kết quả hoạt động tiêu thụ  4.2. Phân tích nguyên nhân ảnh hưởng đến hoạt động tiêu thụ  4.3. Phân tích tình hình lợi nhuận tiêu thụ | 12 | 8 | 4 |
| 5 | Bài 5: Phân tích tình hình tài chính và hiệu quả kinh doanh  5.1. Phân tích tình hình tài chính của DN  5.2. Phân tích hiệu quả kinh doanh | 9 | 5 | 4 |
|  | **Cộng:** | **45** | **27** | **18** |

**5. Tài liệu học tập:**

***- Tài liệu chính:***

*[1]. Nguyễn Văn Công -* Giáo trình Phân tích kinh doanh *- NXB Đại học Kinh tế quốc dân - Năm 2009.*

***- Tài liệu tham khảo:***

*[1]. Pham Văn Được, Đặng Kim Cương -* Phân tích hoạt động kinh doanh *- NXB Thống kê – 1997*

**6. Điều kiện thực hiện học phần:**

- Phòng học chuyên môn hóa / nhà xưởng: Phòng học lý thuyết

- Trang thiết bị máy móc: Máy chiếu, máy tính

- Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Bảng, phấn, A4...

**7. Phương pháp giảng dạy và học tập:**

Giảngviên giới thiệu học phần, cung cấp đề cương bài giảng, tài liệu tham khảo, các địa chỉ website để tìm tư liệu liên quan đến môn học, phân từng nhóm SV về nhà chuẩn bị bài từng chương, làm báo cáo Seminar. Cuối mỗi chương giáo viên tóm tắt bài giảng.

**8. Phương pháp đánh giá học phần:**

Thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo của Trường ĐHSP Kỹ thuật Vinh.

*Các tiêu chuẩn đánh giá sinh viên trong các hoạt động sau:*

- Chuẩn bị ở nhà và dự lớp: SV phải chuẩn bị đầy đủ theo yêu cầu và tham gia 100% số tiết lên lớp nghe hướng dẫn. Hệ số điểm 0,1

- Bài kiểm tra giữa học kỳ: Hệ số điểm 0,2

- Thi hết học phần: Hệ số điểm 0,7

- Đánh giá điểm tổng kết học phần: Là trung bình chung của điểm dự lớp, bài kiểm tra giữa kỳ và thi hết học phần.

*Nghệ An, ngày....... tháng....... năm.........*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NGƯỜI BIÊN SOẠN**  **ThS. Nguyễn Thị Kim Oanh** | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  **TS. Nguyễn Thị Trâm** | **TRƯỞNG KHOA**  **TS. Nguyễn Thị Trâm** |

*Phụ lục 3b (Mẫu 4LT – CTĐH 2020)*

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH

**KHOA KINH TẾ**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT**

**Tên học phần: Quản trị Marketing**

**Mã học phần: 3KT207CD**

**Số tín chỉ: 2TC (Số tiết: 30)**

**NGHỆ AN – 2020**

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XH  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC**  **SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT**

**1. Thông tin chung về học phần**:

- Tên học phần: Quản trị Marketing

- Mã học phần: 3KT207CD

- Số tín chỉ: 3TC (Số tiết: 45), phân bổ thời gian:

|  |  |
| --- | --- |
| Lên lớp: | 20 tiết (20 giờ). |
| Thực hành: | 00 tiết (00 giờ). |
| Thí nghiệm: | 00 tiết (00 giờ) |
| Thảo luận: | 08 tiết (08 giờ) |
| Bài tập, kiểm tra: | 02 tiết (02 giờ) |
| Tự học, tự nghiên cứu: | 60 giờ |

**-** Trình độ đào tạo: Đại học

- Bộ môn / Khoa phụ trách giảng dạy: Kinh tế

**2. Mục tiêu của học phần:**

**-** Kiến thức:

+ Trình bày được tổng quan về Marketing và quản trị Marketing.

+ Phân tích được các cơ hội Marketing.

+ Trình bày được chiến lược Marketing mục tiêu.

+ Nêu được chiến lược Marketing cạnh tranh.

- Kỹ năng:

+ Vận dụng được những kiến thức đã học vào nghiên cứu đánh giá một kế hoạch

Marketing của một doanh nghiệp .

+ Lập được kế hoạch, tổ chức, thực hiện, kiểm tra đánh giá một kế hoạch

Marketing.

+ Hình thành được năng lực thu thập thông tin, kỹ năng tổng hợp, hệ thống hóa các vấn đề trong mối quan hệ tổng thể; kỹ năng so sánh, phân tích, bình luận, đánh giá các vấn đề trong quá trình quản trị hoạt động Marketing.

+ Phát triển được kỹ năng lập luận, thuyết trình trước công chúng.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Có ý thức tích cực, chủ động trong quá trình học tập.

+ Có khả năng tự học, tự nghiên cứu tài liệu, giải quyết các tình huống.

+ Tiếp cận và giải quyết các vấn đề kinh tế hiện đại phù hợp với xu thế phát triển hiện nay.

**3. Mô tả học phần:**

- Vai trò, vị trí của môn học: Quản trị marketing là học phần chuyên ngành bắt buộc. Thông qua kiến thức chuyên môn về Quản trị marketing, người học nắm được nguyên lý và có khả năng thực hiện các tiến trình quản trị Marketing. Quản trị marketing là một trong những công cụ để tiến hành quản trị giá, quản trị sản phẩm, điều hành kênh phân phối và truyền thông Marketing.

- Điều kiện tiên quyết: Marketing căn bản

- Nội dung cần đạt được của học phần (mô tả tóm tắt): Những kiến thức tổng quan về Quản trị Marketing như: Hoạch định chiến lược Marketing, Các chiến lược Marketing cạnh tranh, Tố chức hoạt động và kiểm tra...

**4. Nội dung học phần:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên chương, mục** | **Thời gian (tiết)** | | | |
| **Tổng số** | **Lý thuyết** | **Thực hành**  **(TH, TN, BT, TL)** | **Thi, Kiểm tra** |
| 1 | Chương 1: Bản chất của Marketing và quản trị Marketing  1.1. Bản chất marketing  1.2. Quá trình phát triển của quan điểm Marketing  1.3. Quản trị marketing  1.4. Quá trình cung ứng giá trị cho khách hàng và marketing quan hệ | 4 | 4 | 0 |  |
| 2 | Chương 2: Phát triển các kế hoạch và chiến lược marketing  2.1. Bản chất của kế hoạch hóa và các cấp lập kế hoạch của doanh nghiệp  2.2. Quá trình lập kế hoạch chiến lược  2.3. Lập kế hoạch Marketing  2.4. Mối quan hệ giữa kế hoạch chiến lược và kế hoạch marketing | 4 | 2 | 2 |  |
|  | Chương 4: Phân tích đối thủ cạnh tranh và xác định lợi thế cạnh tranh khác biệt  4.1. Quan điểm marketing về cạnh tranh  4.2. Nghiên cứu đối thủ cạnh tranh  4.3. Quản trị thông tin về đối thủ cạnh tranh và xác định lợi thế cạnh tranh khác biệt của doanh nghiệp  4.4. Xác định lợi thế cạnh tranh khác biệt dài hạn và ứng xử của doanh nghiệp trước các đối thủ cạnh tranh | 6 | 4 | 2 |  |
|  | Chương 5: Marketing trực tiếp  5.1. Khái quát về marketing trực tiếp  5.2. Tiến trình marketing trực tiếp  5.3. Những điều kiện để marketing trực tiếp thành công  5.4. Các phương pháp marketing trực tiếp | 6 | 4 | 2 |  |
|  | Chương 6: Marketing trên mạng Internet  6.1. Bản chất của marketing trực tuyến (internet marketing)  6.2. Những hình thức của internet marketing  6.3. Một số công việc trong marketing trực tuyến  6.4 Các vấn đề pháp lý và đạo đức trong Marketing điện tử | 6 | 4 | 2 |  |
| 4 | Chương 7: Tổ chức, thực hiện và điều khiển các hoạt động marketing  7.1. Hệ thống tổ chức quản trị marketing  7.2. Thực hiện kế hoạch  7.3. Đánh giá, kiểm soát và điều chỉnh hoạt động marketing | 4 | 2 | 2 |  |
|  | **Cộng:** | **30** | **20** | **10** |  |

**5. Tài liệu học tập và tham khảo:**

***- Tài liệu học tập:***

*[1].* Quản trị marketing *- PGS.TS. Trương Đình Chiến**- NXB Đại học Kinh Tế Quốc Dân, 2014*

***- Tài liệu tham khảo:***

*[1]. Quản trị Marketing (Định hướng giá trị) - Lê Thế Giới - NXB Tài Chính - 2011*

**6. Điều kiện thực hiện học phần:**

- Trang thiết bị máy móc: Máy chiếu, máy vi tính.

- Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Bảng, phấn, tài liệu tham khảo, đề cương bài giảng, giáo trình.

- Các điều kiện khác: Câu hỏi, bài tập thực hành...

**7. Phương pháp giảng dạy và học tập:**

- Hình thức giảng dạy chính của môn học: Lý thuyết trên lớp kết hợp với làm bài tập, thảo luận nhóm

- Giảng viên giới thiệu học phần, cung cấp đề cương bài giảng, tài liệu tham khảo, các địa chỉ website để tìm tư liệu liên quan đến môn học, phân từng nhóm SV về nhà chuẩn bị bài, làm báo cáo Seminar. Giảng viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào nội dung của từng bài học, xây dựng các bài thực hành cụ thể theo nội dung của từng chương, chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện bài học để đảm bảo chất lượng giảng dạy

- Sinh viên cần tham dự đầy đủ các buổi học trên lớp, các buổi thảo luận, các bài thực hành theo quy định của chương trình; Hoàn thành các nhiệm vụ được giao (các bài tập; báo cáo trong các buổi thảo luận...); Chuẩn bị đủ tài liệu học tập, tự nghiên cứu tài liệu dưới sự hướng dẫn của giảng viên, vận dụng lý luận vào giải quyết một số vấn đề cụ thể.

**8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập học phần:**

Thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo của Trường ĐHSP Kỹ thuật Vinh.

***8.1. Điểm kiểm tra đánh giá - quá trình:*** Có trọng số chung là **30%**

- Điểm chuyên cần: 10 **%***.*

- Điểm giữa kỳ: 20 **%** (Kiểm tra viết hoặc làm bài tập nhóm)

***8.2. Điểm thi kết thúc học phần***

Điểm thi kết thúc học phầncó trọng số là 70**%.**

- Hình thức thi: Kiểm tra theo hình thức tự luận hoặc trắc nghiệm khách quan.

*Nghệ An, ngày....... tháng....... năm.........*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NGƯỜI BIÊN SOẠN**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* | **TRƯỞNG KHOA**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* |

Nguyễn Thị Mai Hương TS. Nguyễn Thị Trâm TS. Nguyễn Thị Trâm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH

**KHOA KINH TẾ**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT**

**Tên học phần: Quản trị chất lượng**

**Mã học phần: 3KT211CD**

**Số tín chỉ: 02 (Số tiết: 30)**

**NGHỆ AN – 2020**

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XH  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC**  **SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT**

**1. Thông tin chung về học phần**:

- Tên học phần: Quản trị chất lượng

- Mã học phần: 3KT211CD

- Số tín chỉ: 02 (Số tiết: 30), phân bổ thời gian:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| + | Lên lớp: | 20 tiết (20 giờ). |
| + | Thực hành: | 00 tiết (00 giờ). |
| + | Thí nghiệm: | 00 tiết (00 giờ) |
| + | Thảo luận: | 10 tiết (00 giờ) |
| + | Bài tập: | 00 tiết (00 giờ) |
| + | Tự học, tự nghiên cứu: | 60 giờ |

**-** Trình độ đào tạo: Đại học

- Bộ môn / Khoa phụ trách giảng dạy: Bộ môn Kinh tế - Quản trị kinh doanh / Khoa Kinh tế

**2. Mục tiêu của học phần:**

*- Kiến thức:*

+ Nhận diện các khái niệm: chất lượng, khách hàng, quản lý chất lượng, chi phí chất lượng, hệ thống quản lý chất lượng, tiêu chuẩn hóa, đo lường chất lượng, đảm bảo và cải tiến chất lượng.

+ Trình bày được nội dung của hệ thống QLCL ISO 9000, nội dung của hệ thống QLCL toàn diện TQM, thực chất và ý nghĩa của đảm bảo chất lượng, trình bày được lý do tại sao phải cải tiến chất lượng.

+ Phân tích được sự khác biệt giữa quản lý chất lượng truyền thống và QLCL hiện đại, sự khác biệt giữa quản lý chất lượng sản phẩm và quản lý chất lượng dịch vụ, vai trò của tiêu chuẩn hóa

*- Kỹ năng:*

+ Vận dụng các kiến thức đã được học để áp dụng được vào những vấn đề về chất lượng trong doanh nghiệp.

+ Tham gia vào công tác quản trị chất lượng một cách chủ động, sáng tạo.

*- Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm::*

+ Có thái độ nghiêm túc, chuyên cần, tích cực trong học tập và có ý thức tự học, tự nghiên cứu.

+ Ý thức được tầm quan trọng của từng nội dung trong quản trị chất lượng để vận dụng sáng tạo những kiến thức, kỹ năng phù hợp vào thực tiễn công việc. Đồng thời tạo lập ý thức và thói quen cải tiến liên tục trong mọi công việc để nâng cao chất lượng hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

**3. Mô tả học phần:**

- Vai trò, vị trí của môn học: Học phần quản trị chất lượng trang bị các kiến thức chung, tổng quát, mới về QTCL và rèn luyện kỹ năng thực hành cần thiết về QTCL cho sinh viên chuyên ngành QTKD.

Quản trị chất lượng là học phần chuyên ngành bắt buộc, dự kiến giảng dạy ở học kỳ 6, chương trình đại học quản trị kinh doanh.

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Nội dung cần đạt được của học phần (mô tả tóm tắt): Học phần quản trị chất lượng trang bị các kiến thức chung, tổng quát, mới về QTCL như: chất lượng sản phẩm và dịch vụ, quản lý chất lượng, chi phí chất lượng, hệ thống QLCL, tiêu chuẩn hóa và đo lường chất lượng, đảm bảo cải tiến chất lượng...

**4. Nội dung học phần:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Thời gian**  **thực hiện** | | |
| **Tổng số** | **Lý thuyết** | **Thực hành**  **(TH, TN, BT, TL)** |
| 1 | Bài 1: Chất lượng sản phẩm và khách hàng | 5 | 3 | 2 |
|  | 1.1. Sản phẩm và phân loại sản phẩm |  |  |  |
|  | 1.2. Chất lượng sản phẩm và vai trò |  |  |  |
|  | 1.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm |  |  |  |
|  | 1.4. Khách hàng và nhu cầu của khách hàng |  |  |  |
| 2 | Bài 2: Quản trị chất lượng | 4 | 3 | 1 |
|  | * 1. Khái niệm và vai trò của quản trị chất lượng |  |  |  |
|  | 2.2. Các triết lý về quản trị chất lượng |  |  |  |
|  | 2.3. Những nguyên tắc của quản trị chất lượng |  |  |  |
|  | 2.4. Các chức năng cơ bản của quản trị chất lượng |  |  |  |
|  | 2.5. Các phương pháp quản trị chất lượng |  |  |  |
| 3 | Bài 3: Chi phí chất lượng | 4 | 3 | 1 |
|  | 3.1. Sự ra đời và bản chất của chi phí chất lượng |  |  |  |
|  | 3.2. Mô hình chi phí chất lượng |  |  |  |
|  | 3.3. Một số chỉ tiêu hiệu quả của chi phí chất lượng |  |  |  |
|  | 3.4. Quản trị chi phí chất lượng |  |  |  |
| 4 | Bài 4: Hệ thống quản lý chất lượng | 5 | 3 | 2 |
|  | 4.1. Phân loại, vai trò và yêu cầu của hệ thống QTCL |  |  |  |
|  | 4.2. Yêu cầu của hệ thống QTCL |  |  |  |
|  | 4.3. Hệ thống quản trị chất lượng ISO9000 |  |  |  |
|  | 4.4. Hệ thống quản lý chất lượng toàn diện TQM |  |  |  |
| 5 | Bài 5: Tiêu chuẩn hóa và đo lường chất lượng | 4 | 3 | 1 |
|  | 5.1. Tiêu chuẩn hóa và vai trò của tiêu chuẩn hóa |  |  |  |
|  | 5.2. Các loại tiêu chuẩn và cấp tiêu chuẩn |  |  |  |
|  | 5.3. Đo lường và vai trò của đo lường chất lượng |  |  |  |
|  | 5.4. Hệ thống đo lường |  |  |  |
|  | 5.5. Đo lường khả năng vận hành của hệ thống |  |  |  |
| 6 | Bài 6: Đảm bảo và cải tiến chất lượng | 4 | 3 | 1 |
|  | 6.1. Đảm bảo chất lượng |  |  |  |
|  | 6.2. Cải tiến chất lượng |  |  |  |
|  | 6.3. Phương pháp Benchmarking trong cải tiến chất lượng |  |  |  |
| 7 | Bài 7: Kiểm tra chất lượng sản phẩm | 4 | 2 | 2 |
|  | 7.1. Kiểm tra chất lượng và vai trò |  |  |  |
|  | 7.2. Phương pháp và các hình thức kiểm tra chất lượng |  |  |  |
|  | 7.3. Bản chất và nội dung của kiểm tra chọn mẫu chấp nhận |  |  |  |
|  | **Cộng:** | **30** | **20** | **10** |

**5. Tài liệu học tập và tham khảo:**

***- Tài liệu học tập:*** *(Đề cương bài giảng, giáo trình ...):*

[1]. *Nguyễn Đình Phan – Giáo trình quản trị chất lượng – NXB Đại học Kinh tế quốc dân – 2013.*

***- Tài liệu tham khảo:*** *(Sách, tạp chí, video ...):*

[1]. *Đặng Minh Trang - Quản trị chất lượng trong các doanh nghiệp - NXB Thống kê – 1996.*

**6. Điều kiện thực hiện học phần:**

- Phòng học chuyên môn hóa / nhà xưởng: Phòng học lý thuyết

- Trang thiết bị máy móc: Máy chiếu, máy tính

- Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Bảng, phấn, A4...

**7. Phương pháp giảng dạy và học tập:**

Giảngviên giới thiệu học phần, cung cấp đề cương bài giảng, tài liệu tham khảo, các địa chỉ website để tìm tư liệu liên quan đến môn học, phân từng nhóm SV về nhà chuẩn bị bài từng chương, làm báo cáo Seminar. Cuối mỗi chương giáo viên tóm tắt bài giảng.

**8. Phương pháp đánh giá học phần:**

Thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo của Trường ĐHSP Kỹ thuật Vinh.

*Các tiêu chuẩn đánh giá sinh viên trong các hoạt động sau:*

- Chuẩn bị ở nhà và dự lớp: SV phải chuẩn bị đầy đủ theo yêu cầu và tham gia 100% số tiết lên lớp nghe hướng dẫn. Hệ số điểm 0,1

- Bài kiểm tra giữa học kỳ: Hệ số điểm 0,2

- Thi hết học phần: Hệ số điểm 0,7

- Đánh giá điểm tổng kết học phần: Là trung bình chung của điểm dự lớp, bài kiểm tra giữa kỳ và thi hết học phần.

*Nghệ An, ngày....... tháng....... năm.........*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NGƯỜI BIÊN SOẠN**  **ThS. Nguyễn Thị Kim Oanh** | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  **TS. Nguyễn Thị Trâm** | **TRƯỞNG KHOA**  **TS. Nguyễn Thị Trâm** |

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH

**KHOA KINH TẾ**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT**

**Tên học phần: Quản trị công nghệ**

**Mã học phần: 3KT135DH**

**Số tín chỉ: 03 (Số tiết: 45)**

**NGHỆ AN – 2020**

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XH  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC**  **SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT**

**1. Thông tin chung về học phần**:

- Tên học phần: Quản trị công nghệ

- Mã học phần: 3KT135DH

- Số tín chỉ: 03 (Số tiết: 45), phân bổ thời gian:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| + | Lên lớp: | 27 tiết (27 giờ). |
| + | Thực hành: | 00 tiết (00 giờ). |
| + | Thí nghiệm: | 00 tiết (00 giờ) |
| + | Thảo luận: | 18 tiết (00 giờ) |
| + | Bài tập: | 00 tiết (00 giờ) |
| + | Tự học, tự nghiên cứu: | 90 giờ |

**-** Trình độ đào tạo: Đại học

- Bộ môn / Khoa phụ trách giảng dạy: Bộ môn Kinh tế - Quản trị kinh doanh / Khoa Kinh tế

**2. Mục tiêu của học phần:**

*- Kiến thức:*

+ Trình bày được các vấn đề về Công nghệ, các đặc trưng của công nghệ; các nội dung về quản lý công nghệ .

+ Phân tích được môi trường công nghệ quốc gia.

+ Đánh giá được một công nghệ;

+ Lựa chọn được công nghệ thích hợp dựa vào các phương pháp lựa chọn công nghệ;

*- Kỹ năng:*

+ Ứng dụng được quá trình đổi mới công nghệ, chuyển giao công nghệ vào doanh nghiệp.

+ Tham gia vào công tác quản trị công nghệ trong doanh nghiệp một cách chủ động, sáng tạo.

*- Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm::*

+ Có thái độ nghiêm túc, chuyên cần, tích cực trong học tập và có ý thức tự học, tự nghiên cứu.

+ Ý thức được tầm quan trọng của từng nội dung trong quản trị công nghệ để vận dụng sáng tạo những kiến thức, kỹ năng phù hợp vào thực tiễn công việc. Đồng thời tạo lập ý thức và thói quen cải tiến liên tục trong mọi công việc để nâng cao chất lượng hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

**3. Mô tả học phần:**

- Vai trò, vị trí của môn học: Học phần quản trị công nghệ trang bị các kiến thức chung, tổng quát, mới về quản trị công nghệ và rèn luyện kỹ năng thực hành cần thiết về quản trị công nghệ cho sinh viên chuyên ngành QTKD.

Quản trị công nghệ là học phần chuyên ngành bắt buộc, dự kiến giảng dạy ở học kỳ 5, chương trình đại học quản trị kinh doanh.

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Nội dung cần đạt được của học phần (mô tả tóm tắt): Cấu trúc học phần gồm 8 chương là khái quát về công nghệ, quản lý công nghệ, môi trường công nghệ, đánh giá công nghệ, lựa chọn công nghệ, đổi mới công nghệ, năng lực công nghệ, và chuyển giao công nghệ.

**4. Nội dung học phần:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Thời gian**  **thực hiện** | | |
| **Tổng số** | **Lý thuyết** | **Thực hành**  **(TH, TN, BT, TL)** |
| 1 | Bài 1: Khái quát về công nghệ | 5 | 3 | 2 |
|  | 1.1. Quan niệm về công nghệ |  |  |  |
|  | 1.2. Các đặc trưng của công nghệ |  |  |  |
| 2 | Bài 2: Khái quát về quản lý công nghệ | 5 | 3 | 2 |
|  | * 1. Công nghệ và phát triển kinh tế xã hội |  |  |  |
|  | 2.2. Khái niệm về quản lý công nghệ |  |  |  |
| 3 | Bài 3: Môi trường công nghệ | 7 | 4 | 3 |
|  | 3.1. Khái niệm về môi trường công nghệ |  |  |  |
|  | 3.2. Cơ sở hạ tầng công nghệ |  |  |  |
|  | 3.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến môi trường công nghệ |  |  |  |
|  | 3.4. Phân tích môi trường công nghệ quốc gia |  |  |  |
| 4 | Bài 4: Đánh giá công nghệ | 5 | 3 | 2 |
|  | 4.1. Khái quát về đánh giá công nghệ |  |  |  |
|  | 4.2. Nội dung đánh giá công nghệ |  |  |  |
|  | 4.3. Các công cụ và kỹ thuật sử dụng trong đánh giá công nghệ |  |  |  |
| 5 | Bài 5: Lựa chọn công nghệ | 5 | 3 | 2 |
|  | 5.1. Công nghệ thích hợp |  |  |  |
|  | 5.2. Một số phương pháp lựa chọn công nghệ |  |  |  |
| 6 | Bài 6: Đổi mới công nghệ | 6 | 4 | 2 |
|  | 6.1. Khái niệm về đổi mới công nghệ |  |  |  |
|  | 6.2. Quá trình đổi mới công nghệ |  |  |  |
|  | 6.3. Hiệu quả của đổi mới công nghệ |  |  |  |
|  | 6.4. Quản lý đổi mới công nghệ |  |  |  |
| 7 | Bài 7: Năng lực công nghệ | 7 | 4 | 3 |
|  | 7.1. Khái niệm về năng lực công nghệ |  |  |  |
|  | 7.2. Phân tích năng lực công nghệ |  |  |  |
|  | 7.3. Các biện pháp nâng cao năng lực công nghệ |  |  |  |
|  | 7.4. Đánh giá chiến lược |  |  |  |
|  | Bài 8: Chuyển giao công nghệ | 5 | 3 | 2 |
|  | 8.1. Khái niệm |  |  |  |
|  | 8.2. Nguyên nhân chuyển giao công nghệ |  |  |  |
|  | 8.3. Thực hiện nhiệm vụ tiếp nhận công nghệ |  |  |  |
|  | 8.4. Phân loại chuyển giao công nghệ và các kênh CGCN |  |  |  |
|  | **Cộng:** | **45** | **27** | **18** |

**5. Tài liệu học tập và tham khảo:**

***- Tài liệu học tập:*** *(Đề cương bài giảng, giáo trình ...):*

*[1].Bộ môn Quản lý công nghệ – Giáo trình quản trị chiến lược – NXB Đại học Kinh tế quốc dân – 2010.*

***- Tài liệu tham khảo:*** *(Sách, tạp chí, video ...):*

*[1]. Nguyễn Đăng Dậu, Nguyễn Xuân Tài – Quản lý công nghệ - NXB Thống kê – 2003.*

*[2]. Trần Thanh Lâm – Giáo trình quản trị công nghệ – NXB Văn hóa Sài Gòn – 2006.*

**6. Điều kiện thực hiện học phần:**

- Phòng học chuyên môn hóa / nhà xưởng: Phòng học lý thuyết

- Trang thiết bị máy móc: Máy chiếu, máy tính

- Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Bảng, phấn, A4...

**7. Phương pháp giảng dạy và học tập:**

Giảngviên giới thiệu học phần, cung cấp đề cương bài giảng, tài liệu tham khảo, các địa chỉ website để tìm tư liệu liên quan đến môn học, phân từng nhóm SV về nhà chuẩn bị bài từng chương, làm báo cáo Seminar. Cuối mỗi chương giáo viên tóm tắt bài giảng.

**8. Phương pháp đánh giá học phần:**

Thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo của Trường ĐHSP Kỹ thuật Vinh.

*Các tiêu chuẩn đánh giá sinh viên trong các hoạt động sau:*

- Chuẩn bị ở nhà và dự lớp: SV phải chuẩn bị đầy đủ theo yêu cầu và tham gia 100% số tiết lên lớp nghe hướng dẫn. Hệ số điểm 0,1

- Bài kiểm tra giữa học kỳ: Hệ số điểm 0,2

- Thi hết học phần: Hệ số điểm 0,7

- Đánh giá điểm tổng kết học phần: Là trung bình chung của điểm dự lớp, bài kiểm tra giữa kỳ và thi hết học phần.

*Nghệ An, ngày....... tháng....... năm.........*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NGƯỜI BIÊN SOẠN**  **ThS. Nguyễn Thị Kim Oanh** | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  **TS. Nguyễn Thị Trâm** | **TRƯỞNG KHOA**  **TS. Nguyễn Thị Trâm** |

*Phụ lục 3b (Mẫu 4LT – CTĐH 2020)*

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH

**KHOA KINH TẾ**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT**

**Tên học phần: Văn hóa kinh doanh**

**Mã học phần: 3KT111CD**

**Số tín chỉ: 02 (Số tiết: 30 )**

**NGHỆ AN – 2020**

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XH  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC**  **SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT**

**1. Thông tin chung về học phần**:

- Tên học phần: Văn hóa kinh doanh

- Mã học phần: 3KT111CD

- Số tín chỉ: 02 (Số tiết: 30 ), phân bổ thời gian:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| + | Lên lớp: | 21 tiết (00 giờ). |
| + | Thực hành: | 00 tiết (00 giờ). |
| + | Thí nghiệm: | 00 tiết (00 giờ) |
| + | Thảo luận: | 9 tiết (00 giờ) |
| + | Bài tập: | 00 tiết (00 giờ) |
| + | Tự học, tự nghiên cứu: | 60 giờ |

**-** Trình độ đào tạo: Đại học

- Bộ môn / Khoa phụ trách giảng dạy: Kinh tế

**2. Mục tiêu của học phần:**

**-** Kiến thức:

**+** Nắm được khái niệm, các đặc tính và các bộ phận cầu thành văn hóa. Các cơ sở và

biện pháp xây dựng văn hóa kinh doanh. Nội dung quản lý thay đổi văn hóa kinh doanh.

+ Nhận thức và đánh giá được hiệu quả trong công tác quản lý, điều hành hoạt động

kinh doanh của doanh nghiệp.

+ Biết cách xây dựng văn hóa doanh nghiệp mình nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh

trong điều kiện hội nhập.

- Kỹ năng:

+ Có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào nghiên cứu bản chất và vai trò

của văn hóa kinh doanh.

+ Có khả năng vận dụng những kiến thức đã học để thực hiện xây dựng nội dung văn

hóa kinh doanh tại doanh nghiệp.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Chủ động, tích cực trong việc học tập, nghiên cứu môn học;

+ Có đạo đức lương tâm nghề nghiệp, có ý thức tổ chức kỷ luật, sức khỏe giúp cho người học sau khi tốt nghiệp có khả năng tìm kiếm việc làm tại các doanh nghiệp.

+ Có ý thức đúng đắn trong việc xây dựng văn hóa tại doanh nghiệp

**3. Mô tả học phần:**

- Vai trò, vị trí của môn học: Văn hóa kinh doanh là học phần thuộc khối kiến thức chuyên

ngành của chương trình đào tạo quản trị kinh doanh. Học phần này trang bị cho người học

những hiểu biệt về các dạng văn hóa kinh doanh, nhân tố tạo lập văn hóa kinh doanh, xây

dựng văn hoá trong các hoạt động kinh doanh.

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Nội dung cần đạt được của học phần: Phân tích, đánh giá vai trò của văn hóa kinh doanh, biết

xây dựng nhóm làm việc, lãnh đạo và động viên nhóm làm việc. Vận dụng kỹ năng giao tiếp nhóm và giải quyết các xung đột trong nhóm làm việc.

**4. Nội dung học phần:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Thời gian**  **thực hiện** | | |
| **Tổng số** | **Lý thuyết** | **Thực hành**  **(TH, TN, BT, TL)** |
| 1 | Bài 1: Tổng quan về văn hóa kinh doanh | 5 | 5 | 0 |
|  | 1.1. Khái quát chung về văn hóa kinh doanh |  |  |  |
|  | 1.1.1. Khái niệm văn hóa kinh doanh |  |  |  |
|  | 1.1. 2. Các đặc trưng của văn hoá kinh doanh |  |  |  |
|  | 1.1.3. Các nhân tố tác động đến văn hoá kinh doanh |  |  |  |
|  | 1.1.4. Vai trò của văn hoá kinh doanh |  |  |  |
|  | 1.2. Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa của  việc học tập môn văn hóa kinh doanh |  |  |  |
|  | |  | | --- | | 1.2.1. Đối tượng của môn học Văn hoá kinh doanh | |  |  |  |
|  | 1.2.2. Phương pháp nghiên cứu |  |  |  |
|  | 1.2.3. Sự cần thiết của môn học Văn hoá kinh doanh |  |  |  |
| 2 | Bài 2 . Các yếu tố cấu thành văn hóa kinh doanh | 9 | 6 | 3 |
|  | 21. Triết lý kinh doanh |  |  |  |
|  | 2.1.1. Khái niệm triết lý kinh doanh |  |  |  |
|  | 2.1.2. Nội dung của triết lý kinh doanh của doanh nghiệp |  |  |  |
|  | 2.1.3. Cách thức xây dựng triết lý kinh doanh của doanh  nghiệp |  |  |  |
|  | |  | | --- | | 2.1.4. Các hình thức thể hiện của triết lý doanh nghiệp | |  |  |  |
|  | 2.1.5. Vai trò của triết lý doanh nghiệp trong quản lý và phát  triển |  |  |  |
|  | 2.2. Đạo đức kinh doanh |  |  |  |
|  | 2.2.1. Khái niệm đạo đức kinh doanh |  |  |  |
|  | 2.2.2. Đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội của  doanh nghiệp |  |  |  |
|  | 2.2.3. Vai trò của đạo đức kinh doanh trong quản trị doanh  nghiệp |  |  |  |
|  | 2.2.4. Các hình thức thể hiện của đạo đức kinh doanh |  |  |  |
|  | 2.2.5. Đạo đức kinh doanh trong nền kinh tế toàn cầu |  |  |  |
|  | 2.3. Văn hóa doanh nhân |  |  |  |
|  | 2.3.1. Khái niệm doanh nhân, văn hóa doanh nhân |  |  |  |
|  | 2.3.2. Vai trò của Doanh nhân |  |  |  |
|  | |  | | --- | | 2.3.3. Ảnh hưởng của văn hóa doanh nhân tới văn hóa kinh  doanh | |  |  |  |
|  | 2.3.4. Các nhân tố tác động đến văn hóa doanh nhân |  |  |  |
|  | 2.4. Văn hóa doanh nghiệp |  |  |  |
|  | 2.4.1**.** Khái niệm văn hoá doanh nghiệp |  |  |  |
|  | **2.4.2. Các cấp độ văn hoá doanh nghiệp** |  |  |  |
|  | 2.4.3. Tác động của văn hoá doanh nghiệp tới hoạt động của  doanh nghiệp |  |  |  |
|  | 2.4.4. Các nhân tố ảnh hưởng đến văn hoá doanh nghiệp |  |  |  |
|  | 2.4.5. Các giai đoạn hình thành và cơ cấu thay đổi văn hoá  doanh |  |  |  |
|  | 2.4.6. Các dạng văn hoá doanh nghiệp |  |  |  |
|  | 2.5. Văn hóa ứng xử trong kinh doanh |  |  |  |
|  | 2.5.1. Vai trò của văn hoá ứng xử với doanh nghiệp |  |  |  |
|  | |  | | --- | | 2.5.2. Văn hóa ứng xử trong các mối quan hệ nội bộ doanh nghiệp | |  |  |  |
|  | 2.5.3. Văn hóa ứng xử trong mối quan hệ với khách hàng |  |  |  |
|  | 2.5. 4. Văn hóa ứng xử trong đàm phán và thương lượng |  |  |  |
| 3 | Bài 3: Văn hóa kinh doanh Việt Nam | 9 | 6 | 3 |
|  | |  | | --- | | 3.1. Nhận diện văn hóa kinh doanh Việt Nam thời kỳ đổi mới | |  |  |  |
|  | |  | | --- | | 3.2. Nhận diện văn hóa kinh doanh Việt Nam trong quá trình đổi mới | |  |  |  |
|  | 3.2.1. Một số biểu hiện văn hóa kinh doanh trong doanh  nghiệp nhà nước. |  |  |  |
|  | 3.2.2. Một số biểu hiện của văn hóa kinh doanh trong các  doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. |  |  |  |
|  | 3.2.3. Một số biểu hiện của văn hóa kinh doanh của cácdoanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân |  |  |  |
|  | 3.2.4. Một số biểu hiện văn hóa kinh doanh của các hội kinh  doanh cá thể. |  |  |  |
|  | 3.3. Một số vấn đề đặt ra cần giải quyết trong văn hóa kinh  doanh ở Việt Nam |  |  |  |
|  | 3.3.1. Về tinh thần hợp tác, tương tự trong cộng đồng doanh  nhân |  |  |  |
|  | 3.3.2. Về xây dựng triết lý kinh doanh và chiến lược kinh  doanh |  |  |  |
|  | 3.3.3. Về giữ chữ Tín trong kinh doanh |  |  |  |
|  | 3.3.4. Về việc bảo vệ môi trường tự nhiên |  |  |  |
|  | 3.3.5. Về văn hóa trong giao tiếp kinh doanh của khách hàng |  |  |  |
|  | 3.4. Một số lưu ý về văn hóa khi kinh doanh ở Việt Nam |  |  |  |
|  | 3.4.1. Sắp đặt cuộc hẹn, lần đầu gặp gỡ đối tác kinh doanh |  |  |  |
|  | 3.4.2. Đàm phán |  |  |  |
|  | 3.4.3. Các mối quan hệ kinh doanh |  |  |  |
|  | 3.4.4. Định hướng thời gian |  |  |  |
|  | 3.4.5. Tâm lý tập thể |  |  |  |
|  | |  | | --- | | 3.4.6. Tôn trọng người cao tuổi, thứ bậc. | |  |  |  |
|  | .3.4.7. Nghi thức xã giao kinh doanh |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
| 4 | Bài 4: Văn hóa kinh doanh quốc tế | 7 | 4 | 3 |
|  | 4.1. Khác biệt văn hóa trong kinh doanh quốc tế |  |  |  |
|  | |  | | --- | | 4.1.1. Khác biệt và giao lưu văn hóa | |  |  |  |
|  | 4.1.2. Hiện tượng sốc văn hóa và vượt qua được sốc văn hóa |  |  |  |
|  | 4.2. Những biểu hiện cơ bản của văn hóa kinh doanh quốc tế |  |  |  |
|  | 4.2.1. Giao tiếp trong môi trường kinh doanh đa văn hóa |  |  |  |
|  | 4.2.2. Giao tiếp bằng văn bản |  |  |  |
|  | 4.3. Đàm phán đa văn hóa |  |  |  |
|  | 4.3.1. Những khác biệt văn hóa trong đàm phán |  |  |  |
|  | 4.3.2.Hợp đồng và các biến số văn hóa |  |  |  |
|  | **Cộng:** | **30** | **21** | **9** |

**5. Tài liệu học tập:**

***- Tài liệu chính:***

[1] Dương Thị Liễu - Văn hóa kinh doanh - NXB Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội 2009.

*-* ***Tài liệu tham khảo:***

[1]. TS. Nguyễn Thị Trâm, Giáo trình Văn hóa kinh doanh, Tài liệu lưu hành nội bộ Trường ĐHSPKTVinh, 2016

[2] Trần Nhoãn & Trần Dũng Hải - Văn hóa doanh nghiệp và doanh nhân, NXB Thanh niên 2009.

**6. Điều kiện thực hiện học phần:**

- Phòng học chuyên môn hóa / nhà xưởng: Phòng học lý thuyết

- Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu, phấn bảng

- Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Chương trình, giáo án, giáo trình,

- Các điều kiện khác:

**7. Phương pháp giảng dạy và học tập:**

- Hình thức giảng dạy chính của môn học: Lý thuyết trên lớp kết hợp với thảo luận nhóm.

- Giảng viên giới thiệu học phần, cung cấp đề cương bài giảng, giáo trình môn học, phân từng nhóm SV về nhà chuẩn bị bài, làm báo cáo Seminar. Giáo viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào nội dung của từng bài học chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện bài học để đảm bảo chất lượng giảng dạy. Cuối mỗi chương giáo viên tóm tắt bài giảng.

- Sinh viên cần tham dự đầy đủ các buổi học trên lớp, các buổi thảo luận theo quy định của chương trình; Hoàn thành các nhiệm vụ được giao (các báo cáo trong các buổi thảo luận...); Chuẩn bị đủ tài liệu học tập, tự nghiên cứu tài liệu dưới sự hướng dẫn của giảng viên, vận dụng lý luận vào giải quyết một số vấn đề cụ thể.

**8. Phương pháp đánh giá học phần:**

Thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo và hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo của Trường ĐHSP Kỹ thuật Vinh.

***8.1. Điểm kiểm tra đánh giá - quá trình:*** Có trọng số chung là **30%**

- Điểm chuyên cần: 10 **%***.*

- Điểm giữa kỳ: 20 **%**

***8.2. Điểm thi kết thúc học phần***

*-*Điểm thi kết thúc học phầncó trọng số là 70**%.**

- Hình thức thi: Tự luận

*Nghệ An, ngày....... tháng....... năm.........*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NGƯỜI BIÊN SOẠN**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* | **TRƯỞNG KHOA**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* |

**TS. Nguyễn Thị Trâm TS. Nguyễn Thị Trâm TS. Nguyễn Thị Trâm**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH

**KHOA KINH TẾ**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT**

**Tên học phần: Quản trị tác nghiệp + Đồ án**

**Mã học phần: 3KT137DH**

**Số tín chỉ: 03 + 01 (Số tiết: 45 + 15)**

**NGHỆ AN – 2020**

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XH  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC**  **SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT**

**1. Thông tin chung về học phần**:

- Tên học phần: Quản trị tác nghiệp + Đồ án

- Mã học phần: 3KT137DH

- Số tín chỉ: 03 + 01 (Số tiết: 45 + 15), phân bổ thời gian:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| + | Lên lớp: | 27 tiết (27 giờ). |
| + | Thực hành: | 00 tiết (00 giờ). |
| + | Thí nghiệm: | 00 tiết (00 giờ) |
| + | Thảo luận: | 00 tiết (00 giờ) |
| + | Bài tập: | 18 + 15 tiết (33 giờ) |
| + | Tự học, tự nghiên cứu: | 120 giờ |

**-** Trình độ đào tạo: Đại học

- Bộ môn / Khoa phụ trách giảng dạy: Bộ môn Kinh tế - Quản trị kinh doanh / Khoa Kinh tế

**2. Mục tiêu của học phần:**

*- Kiến thức:*

+ Phân tích được khái niệm, mục tiêu và vai trò của quản trị sản xuất và tác nghiệp hiện đại.

+ Trình bày được những nội dung cơ bản của quản trị sản xuất và tác nghiệp: Dự báo nhu cầu sản phẩm; Hoạch định công suất; Định vị và bố trí sản xuất trong doanh nghiệp; Điều độ sản xuất. *- Kỹ năng:*

+ Lập kế hoạch sản xuất

+ Thiết lập và điều hành hệ thống sản xuất

+ Phân tích, đánh giá, giải quyết các bài toán và ra quyết định về những vấn đề cốt yếu trong sản xuất;

+ Tham gia quản trị hệ thống sản xuất một cách chủ động, sáng tạo.

*- Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm::*

+ Có thái độ nghiêm túc, chuyên cần, tích cực trong học tập và có ý thức tự học, tự nghiên cứu.

+ Ý thức được tầm quan trọng của từng nội dung trong quản trị sản xuất và tác nghiệp để vận dụng sáng tạo những kiến thức, kỹ năng phù hợp vào thực tiễn công việc. Đồng thời tạo lập ý thức và thói quen cải tiến liên tục trong mọi công việc để nâng cao chất lượng hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

**3. Mô tả học phần:**

- Vai trò, vị trí của môn học: Học phần quản trị tác nghiệp cung cấp những nội dung cơ bản về công tác hoạch định và tổ chức quá trình sản xuất trong doanh nghiệp.

Quản trị tác nghiệp là học phần chuyên ngành bắt buộc, dự kiến giảng dạy ở học kỳ 5, chương trình đại học quản trị kinh doanh.

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Nội dung cần đạt được của học phần (mô tả tóm tắt): Cung cấp khái niệm, vai trò, phương pháp thực hiện các nội dung: dự báo cầu sản phẩm, thiết kế hệ thống sản xuất và cung cấp dịch vụ, hoạch định năng lực sản xuất, lựa chọn địa điểm, bố trị mặt bằng sản xuất.

**4. Nội dung học phần:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Thời gian**  **thực hiện** | | |
| **Tổng số** | **Lý thuyết** | **Thực hành**  **(TH, TN, BT, TL)** |
| 1 | Bài 1: Giới thiệu chung về quản trị tác nghiệp | 5 | 3 | 2 |
|  | 1.1. Thực chất quản trị tác nghiệp |  |  |  |
|  | 1.2. Nội dung chủ yếu của quản trị tác nghiệp |  |  |  |
|  | * 1. Lịch sử và xu hướng phát triển của quản trị tác nghiệp |  |  |  |
| 2 | Bài 2: Dự báo cầu sản phẩm | 7 | 4 | 3 |
|  | * 1. Thực chất và vai trò của dự báo cầu sản phẩm |  |  |  |
|  | 2.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến dự báo cầu |  |  |  |
|  | * 1. Các phương pháp dự báo cầu sản phẩm |  |  |  |
|  | 2.4. Giám sát và kiểm soát dự báo |  |  |  |
| 3 | Bài 3: Thiết kế sản phẩm và lựa chọn quá trình sản xuất | 5 | 3 | 2 |
|  | 3.1. Thiết kế và phát triển sản phẩm |  |  |  |
|  | 3.2. Lựa chọn quá trình sản xuất |  |  |  |
|  | 3.3. Liên kết thiết kế sản phẩm và lựa chọn quá trình sản xuất |  |  |  |
| 4 | Bài 4: Hoạch định công suất | 5 | 3 | 2 |
|  | 4.1. Khái niệm, phân loại và nhân tố ảnh hưởng tới công suất |  |  |  |
|  | 4.2. Các phương pháp hỗ trợ lựa chọn công suất |  |  |  |
| 5 | Bài 5: Định vị doanh nghiệp | 7 | 4 | 3 |
|  | 5.1. Thực chất và vai trò của định vị doanh nghiệp |  |  |  |
|  | 5.2. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng tới định vị doanh nghiệp |  |  |  |
|  | 5.3. Các phương pháp định vị doanh nghiệp |  |  |  |
| 6 | Bài 6: Bố trí mặt bằng sản xuất trong doanh nghiệp | 5 | 3 | 2 |
|  | 6.1. Thực chất và vai trò của bố trí mặt bằng sản xuất |  |  |  |
|  | 6.2. Các hình thức bố trí mặt bằng sản xuất |  |  |  |
|  | 6.3. Thiết kế các phương pháp bố trí mặt bằng sản xuất |  |  |  |
| 7 | Bài 7: Hoạch định tổng hợp | 5 | 3 | 2 |
|  | 7.1. Thực chất và vai trò của hoạch định tổng hợp |  |  |  |
|  | 7.2. Các kỹ thuật hoạch định tổng hợp |  |  |  |
| 8 | Bài 8: Điều độ sản xuất trong doanh nghiệp | 6 | 4 | 2 |
|  | 8.1. Thực chất và vai trò của điều độ sản xuất |  |  |  |
|  | 8.2. Các phương pháp điều độ sản xuất |  |  |  |
|  | **Cộng:** | **45** | **27** | **18** |

**ĐỒ ÁN MÔN HỌC, BÀI TẬP LỚN**

**\* Tên ĐAMH hoặc BTL: Đồ án quản trị tác nghiệp**

**\* Mã học phần:** 3KT208DH

**\* Số tín chỉ: 01**

**\* Phân bổ thời gian:**

- Lên lớp: 0 tiết.

- Tự nghiên cứu, làm ĐAMH, BTL ở nhà: 15 tiết.

**\* Điều kiện tiên quyết:** *Quản trị học, quản trị tác nghiệp.*

**\* Mục tiêu:** *Sau khi làm ĐAMH sinh viên có:*

*- Kiến thức:* Trình bày được những nội dung cơ bản của quản trị sản xuất và tác nghiệp: Dự báo nhu cầu sản phẩm; Hoạch định công suất; Định vị và bố trí sản xuất trong doanh nghiệp; Điều độ sản xuất; Quản trị hàng dự trữ và hoạch định nhu cầu nguyên vật liệu…

*- Kỹ năng:* Phân tích, đánh giá, giải quyết các bài toán và ra quyết định về những vấn đề cốt yếu trong sản xuất như dự báo cầu sản phẩm, định vị doanh nghiệp, điều độ sản xuất trong doanh nghiệp.

*- Thái độ:* Có thái độ nghiêm túc, chuyên cần, tích cực trong học tập và có ý thức tự học, tự nghiên cứu.

**\* Nội dung:**

- Các nội dung lý thuyết liên quan đến ĐAMH hoặc BTL:

Bài 2: Dự báo cầu sản phẩm

Bài 5: Định vị doanh nghiệp

Bài 8: Điều độ sản xuất trong doanh nghiệp

- Các nội dung chính cần hoàn thành và thông qua GV hướng dẫn:

SV làm bài tập lớn thuộc các nội dung sau:

Bài 2: Dự báo cầu sản phẩm

Bài 5: Định vị doanh nghiệp

Bài 8: Điều độ sản xuất trong doanh nghiệp

**\* Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:** *Các tiêu chuẩn đánh giá sinh viên trong các hoạt động sau:*

- Chuẩn bị ở nhà và dự lớp: SV phải chuẩn bị đầy đủ theo yêu cầu và tham gia 100% số tiết lên lớp nghe hướng dẫn. Hệ số điểm 0,1

- Thực hiện ĐA hoặc BTL: Hệ số điểm 0,2

+ Thuyết minh (đặt vấn đề, tính khoa học trong phân tích, lập luận khi lựa chọn các phương án và giải quyết vấn đề …)

+ Bài tập lớn (đúng, chính xác, hình thức …)

+ Thời gian: Đúng hoặc trước thời hạn hoàn thành ĐAMH, BTL để được bảo vệ.

- Bảo vệ: Hệ số điểm 0,7

- Đánh giá ĐAMH hoặc BTL: Điểm đánh giá ĐAMH hoặc BTL là điểm trung bình theo hệ số của Điểm chuẩn bị ở nhà và dự lớp; Điểm thực hiện ĐAMH hoặc BTL; Điểm bảo vệ.

**5. Tài liệu học tập và tham khảo:**

***- Tài liệu học tập:***

*[1]. Trương Đức Lực, Nguyễn Đình Trung – Giáo trình quản trị tác nghiệp – NXB Đại học Kinh tế quốc dân – 2013.*

***- Tài liệu tham khảo:***

*[1]. Trương Đoàn Thể - Quản trị sản xuất và tác nghiệp - NXB Thống kê - 2002.*

**6. Điều kiện thực hiện học phần:**

- Phòng học chuyên môn hóa / nhà xưởng: Phòng học lý thuyết

- Trang thiết bị máy móc: Máy chiếu, máy tính

- Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Bảng, phấn, A4...

**7. Phương pháp giảng dạy và học tập:**

Giảngviên giới thiệu học phần, cung cấp đề cương bài giảng, tài liệu tham khảo, các địa chỉ website để tìm tư liệu liên quan đến môn học, phân từng nhóm SV về nhà chuẩn bị bài từng chương, làm báo cáo Seminar. Cuối mỗi chương giáo viên tóm tắt bài giảng.

**8. Phương pháp đánh giá học phần:**

Thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo của Trường ĐHSP Kỹ thuật Vinh.

*Các tiêu chuẩn đánh giá sinh viên trong các hoạt động sau:*

- Chuẩn bị ở nhà và dự lớp: SV phải chuẩn bị đầy đủ theo yêu cầu và tham gia 100% số tiết lên lớp nghe hướng dẫn. Hệ số điểm 0,1

- Bài kiểm tra giữa học kỳ: Hệ số điểm 0,2

- Thi hết học phần: Hệ số điểm 0,7

- Đánh giá điểm tổng kết học phần: Là trung bình chung của điểm dự lớp, bài kiểm tra giữa kỳ và thi hết học phần.

*Nghệ An, ngày....... tháng....... năm.........*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NGƯỜI BIÊN SOẠN**  **ThS.Nguyễn Thị Kim Oanh** | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  **TS. Nguyễn Thị Trâm** | **TRƯỞNG KHOA**  **TS. Nguyễn Thị Trâm** |

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH

**KHOA KINH TẾ**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT**

**Tên học phần: Quản trị dự án đầu tư**

**Mã học phần: 3KT138DH**

**Số tín chỉ: 03 (Số tiết: 45)**

**NGHỆ AN – 2020**

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XH  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC**  **SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT**

**1. Thông tin chung về học phần**:

- Tên học phần: Quản trị dự án đầu tư

- Mã học phần: 3KT138DH

- Số tín chỉ: 03 (Số tiết: 45), phân bổ thời gian:

|  |  |
| --- | --- |
| Lên lớp: | 27 tiết (27 giờ). |
| Thực hành: | 00 tiết (00 giờ). |
| Thí nghiệm: | 00 tiết (00 giờ) |
| Thảo luận: | 00 tiết (00 giờ) |
| Bài tập: | 18 tiết (18 giờ) |
| Tự học, tự nghiên cứu: | 90 giờ |

**-** Trình độ đào tạo: Đại học

- Bộ môn / Khoa phụ trách giảng dạy: Bộ môn Kinh tế - Quản trị kinh doanh / Khoa Kinh tế

**2. Mục tiêu của học phần:**

*- Kiến thức:*

+ Trình bày được các nội dung chính của quản trị dự án đầu tư như: dự án, quản lý dự án, các mô hình tổ chức dự án, nhà quản lý dự án, phân phối nguồn lực trong dự án

+ Trình bày được nội dung các phương pháp dự toán ngân sách, giám sát và đánh giá dự án

+ Phân tích được quan hệ đánh đổi giữa thời gian và chi phí dự án

*- Kỹ năng:*

+ Sử dụng được phương pháp mạng công việc, đánh giá dự án PERT, phương pháp đường Găng trong quản trị dự án.

+ Tham gia vào công tác quản trị dự án đầu tư một cách chủ động, sáng tạo.

*- Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm::*

+ Có thái độ nghiêm túc, chuyên cần, tích cực trong học tập và có ý thức tự học, tự nghiên cứu.

+ Ý thức được tầm quan trọng của từng nội dung trong quản trị dự án đầu tư để vận dụng sáng tạo những kiến thức, kỹ năng phù hợp vào thực tiễn công việc. Đồng thời tạo lập ý thức và thói quen cải tiến liên tục trong mọi công việc để nâng cao chất lượng hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

**3. Mô tả học phần:**

- Vai trò, vị trí của môn học: Học phần quản trị dự án đầu tư trang bị các kiến thức chung, tổng quát, mới về QTDAĐT và rèn luyện kỹ năng thực hành cần thiết về QTDAĐT cho sinh viên chuyên ngành QTKD.

Quản trị dự án đầu tư là học phần chuyên ngành bắt buộc, dự kiến giảng dạy ở học kỳ 6, chương trình đại học quản trị kinh doanh.

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Nội dung cần đạt được của học phần (mô tả tóm tắt): Học phần quản trị dự án đầu tư trang bị các kiến thức chung, tổng quát, mới về QLDAĐT như: Tổng quan về quản lý dự án đầu tư; Mô hình tổ chức và nhà quản lý dự án; Lập kế hoạch dự án; Quản lý thời gian và tiến độ dự án; Phân phối nguồn lực cho dự án; Dự toán ngân sách và quản lý chi phí dự án; Giám sát và đánh giá dự án.

**4. Nội dung học phần:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Thời gian**  **thực hiện** | | |
| **Tổng số** | **Lý thuyết** | **Thực hành**  **(TH, TN, BT, TL)** |
| 1 | Bài 1: Tổng quan về quản trị dự án đầu tư | 6 | 4 | 2 |
|  | 1.1. Khái niệm dự án và quản lý dự án |  |  |  |
|  | 1.2. Nội dung quản lý dự án |  |  |  |
|  | 1.3. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu của môn học |  |  |  |
|  | 1.4. Lịch sử phát triển của quản lý dự án |  |  |  |
|  | 1.5. Phân biệt QLDA với quá trình quản lý sản xuất liên tục |  |  |  |
| 2 | Bài 2: Mô hình tổ chức và nhà quản lý dự án | 5 | 3 | 2 |
|  | * 1. Các mô hình tổ chức dự án |  |  |  |
|  | 2.2. Cán bộ quản lý dự án |  |  |  |
| 3 | Bài 3: Lập kế hoạch dự án | 6 | 4 | 2 |
|  | 3.1. Khái niệm, ý nghĩa và nội dung tổng quát của kế hoạch dự án |  |  |  |
|  | 3.2. Phân tích công việc của dự án |  |  |  |
| 4 | Bài 4: Quản lý thời gian và tiến độ dự án | 8 | 4 | 4 |
|  | 4.1. Mạng công việc |  |  |  |
|  | 4.2. Kỹ thuật tổng quan và đánh giá dự án PERT. Phương pháp đường Găng |  |  |  |
|  | 4.2. Phương pháp biểu đồ Gantt và biểu đồ đường chéo |  |  |  |
| 5 | Bài 5: Phân phối nguồn lực cho dự án | 8 | 4 | 4 |
|  | 5.1. Biểu đồ phụ tải nguồn lực và điều chỉnh đều nguồn lực |  |  |  |
|  | 5.2. Phân phối nguồn lực hạn chế cho dự án bằng phương pháp ưu tiên |  |  |  |
| 6 | Bài 6: Dự toán ngân sách và quản lý chi phí dự án | 7 | 5 | 2 |
|  | 6.1. Khái niệm, đặc điểm của dự toán ngân sách |  |  |  |
|  | 6.2. Phương pháp dự toán ngân sách |  |  |  |
|  | 6.3. Khái toán và dự toán chi phí các công việc dự án |  |  |  |
|  | 6.4. Quan hệ đánh đổi giữa thời gian và chi phí |  |  |  |
|  | 6.5. Quản lý chi phí dự án |  |  |  |
| 7 | Bài 7: Giám sát và đánh giá dự án | 5 | 3 | 2 |
|  | 7.1. Giám sát dự án |  |  |  |
|  | 7.2. Đánh giá dự án |  |  |  |
|  | **Cộng:** | **45** | **27** | **18** |

**5. Tài liệu học tập và tham khảo:**

***- Tài liệu học tập:*** *(Đề cương bài giảng, giáo trình ...):*

[1]. *Từ Quang Phương – Giáo trình quản lý dự án – NXB Đại học Kinh tế quốc dân – 2013.*

***- Tài liệu tham khảo:*** *(Sách, tạp chí, video ...):*

[1]. *Nguyễn Xuân Thủy - Quản trị dự án đầu tư - NXB Thống kê - 2010.*

**6. Điều kiện thực hiện học phần:**

- Phòng học chuyên môn hóa / nhà xưởng: Phòng học lý thuyết

- Trang thiết bị máy móc: Máy chiếu, máy tính

- Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Bảng, phấn, A4...

**7. Phương pháp giảng dạy và học tập:**

Giảngviên giới thiệu học phần, cung cấp đề cương bài giảng, tài liệu tham khảo, các địa chỉ website để tìm tư liệu liên quan đến môn học, phân từng nhóm SV về nhà chuẩn bị bài từng chương, làm báo cáo Seminar. Cuối mỗi chương giáo viên tóm tắt bài giảng.

**8. Phương pháp đánh giá học phần:**

Thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo của Trường ĐHSP Kỹ thuật Vinh.

*Các tiêu chuẩn đánh giá sinh viên trong các hoạt động sau:*

- Chuẩn bị ở nhà và dự lớp: SV phải chuẩn bị đầy đủ theo yêu cầu và tham gia 100% số tiết lên lớp nghe hướng dẫn. Hệ số điểm 0,1

- Bài kiểm tra giữa học kỳ: Hệ số điểm 0,2

- Thi hết học phần: Hệ số điểm 0,7

- Đánh giá điểm tổng kết học phần: Là trung bình chung của điểm dự lớp, bài kiểm tra giữa kỳ và thi hết học phần.

*Nghệ An, ngày....... tháng....... năm.........*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NGƯỜI BIÊN SOẠN**  **ThS. Nguyễn Thị Kim Oanh** | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  **TS. Nguyễn Thị Trâm** | **TRƯỞNG KHOA**  **TS. Nguyễn Thị Trâm** |

*Phụ lục 3b (Mẫu 4LT – CTĐH 2020)*

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH

**KHOA KINH TẾ**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT**

**Tên học phần: Quản trị văn phòng**

**Mã học phần: 3KT139DH**

**Số tín chỉ: 03 (Số tiết: 45 )**

**NGHỆ AN – 2020**

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XH  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC**  **SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT**

**1. Thông tin chung về học phần**:

- Tên học phần: Quản trị văn phòng

- Mã học phần: 3KT139DH

- Số tín chỉ: 03 (Số tiết: 45 ), phân bổ thời gian:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| + | Lên lớp: | 30 tiết (00 giờ). |
| + | Thực hành: | 00 tiết (00 giờ). |
| + | Thí nghiệm: | 00 tiết (00 giờ) |
| + | Thảo luận: | 15 tiết (00 giờ) |
| + | Bài tập: | 00 tiết (00 giờ) |
| + | Tự học, tự nghiên cứu: | 90 giờ |

**-** Trình độ đào tạo: Đại học

- Bộ môn / Khoa phụ trách giảng dạy: Kinh tế

**2. Mục tiêu của học phần:**

**-** Kiến thức:

+ Nắm được những kiến thức cơ bản về văn bản, cách soạn thảo một số loại văn bản tác nghiệp hành chính, hợp đồng kinh tế thương mại, hợp đồng dân sự; nghiệp vụ lễ tân và giao tiếp hành chính. Cách viết thư tín thương mại.

+ Hiểu biết được công việc hành chính văn phòng, các loại công việc hành chính văn

phòng, quản trị hành chính văn phòng; chức năng, nhiệm vụ của cấp quản trị, thư ký và

nhân viên hành chính trong cơ quan đơn vị;

+ Hiểu biết về quản trị thời gian, quản trị thông tin và quản trị hồ sơ. Công tác văn thư trong giai đoạn hội nhập quốc tế; nghiệp vụ hành chính văn phòng: hoạch định và tổ chức cuộc họp, chuyến đi công tác của các cấp lãnh đạo;

- Kỹ năng:

+ Hình thành và phát triển năng lực tư duy trong công việc quản trị hành chính văn phòng và công việc hành chính văn phòng;

+ Biết cách hoạch định và tổ chức cuộc họp, chuyến đi công tác của các cấp lãnh đạo, soạn thảo các văn bản các hợp đồng, tiếp khách và gọi điện thoại;

+ Phát triển kỹ năng giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ (lời nói và phi lời nói).

+ Biết cách soạn thảo các văn bản hành chính thông thường. Biết cách soạn thảo 1 hợp đồng kinh tế , biết cách soạn thảo 1 hợp đồng dân sự.

+ Kỹ năng vận dụng kiến thức của môn học vào công tác văn phòng, giải quyết tốt công việc của một nhân viên văn phòng, một người thư ký.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Chủ động, tích cực trong việc học tập, nâng cao chất lượng công việc cũng như hoạt động của bản thân.

+ Có đạo đức lương tâm nghề nghiệp, có ý thức tổ chức kỷ luật, sức khỏe giúp cho người học sau khi tốt nghiệp có khả năng tìm kiếm việc làm tại các doanh nghiệp.

+ Có ý thức đúng đắn trong việc xây dựng quy trình quản trị hoạt động hành chính văn

phòng.

**3. Mô tả học phần:**

- Vai trò, vị trí của môn học: Là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành của ngành Quản trị kinh doanh, trang bị cho người học những hiểu biết cơ bản trong hoạt động nghiệp vụ văn phòng. Những kiến thức về quản trị hoạt động hành chính trong các văn phòng là nền tảng cho việc điều hành và xử lý các công việc hành chính văn phòng nhằm phục vụ mục tiêu phát triển doanh nghiệp.

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Nội dung cần đạt được của học phần (mô tả tóm tắt): Thực hiện một số nghiệp vụ văn phòng cơ bản như xây dụng chương trình, kế hoạch và lịch làm việc, tổ chức hội họp, tổ chức các chuyến đi công tác, soạn thảo, ban hành và quản lý văn bản, nghiệp vụ văn thư lưu trữ, giao tiếp hành chính và tổ chức nơi làm việc.

**4. Nội dung học phần:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Thời gian**  **thực hiện** | | |
| **Tổng số** | **Lý thuyết** | **Thực hành**  **(TH, TN, BT, TL)** |
| 1 | Bài 1: Một số vấn đề chung về quản trị văn phòng  Tổ chức bộ máy văn phòng | 5 | 5 | 0 |
|  | 1.1. Khái niệm, chức năng và nhiệm vụ văn phòng |  |  |  |
|  | 1.2. Quản trị hành chính văn phòng |  |  |  |
|  | 1.3.Tổ chức bộ máy văn phòng |  |  |  |
| 2 | Bài 2: Quản trị văn phòng | 6 | 3 | 3 |
|  | 2.1. Quản trị thời gian |  |  |  |
|  | 2.2. Quản trị thông tin |  |  |  |
|  | 2.3. Quản trị hồ sơ |  |  |  |
| 3 | Bài 3: Một số nghiệp vụ cơ bản của văn phòng | 8 | 5 | 3 |
|  | 3.1. Hoạch định, tổ chức các cuộc họp |  |  |  |
|  | 3.2. Hoạch định, sắp xếp các chuyến đi công tác |  |  |  |
| 4 | Bài 4: Tổ chức công tác lễ tân | 9 | 6 | 3 |
|  | 4.1. Lễ tân và vai trò của công tác lễ tân |  |  |  |
|  | 4.2. Nguyên tắc cơ bản của hoạt động lễ tân |  |  |  |
|  | 4.3. Hoạt động đón tiếp khách tại cơ quan |  |  |  |
|  | 4.4.Tiếp khách qua điện thoại |  |  |  |
|  | 4.5. Lễ tân hội nghị và và tiệc chiêu đãi |  |  |  |
| 5 | Bài 5: Soạn thảo và quản lý văn bản | 8 | 5 | 3 |
|  | 5.1. Tổ chức công tác văn thư |  |  |  |
|  | 5.2. Nguyên tắc soạn thảo văn bản |  |  |  |
|  | 5.3. Kỹ thuật soạn thảo một số văn bản hành chính |  |  |  |
|  | 5.4. Giải quyết và quản lý văn bản |  |  |  |
| 6 | Bài 6: Công tác lưu trữ | 9 | 6 | 3 |
|  | 6.1. Khái niệm, vai trò và tính chất của công tác lưu trữ |  |  |  |
|  | 6.2. Công tác thu thập bổ sung tài liệu lưu trữ |  |  |  |
|  | 6.3. Công tác chỉnh lý tài liệu lưu trữ |  |  |  |
|  | 6.4. Xác định giá trị tài liệu |  |  |  |
|  | 6.5. Thống kê và kiểm tra tài liệu |  |  |  |
|  | 6.6. Bảo quản tài liệu lưu trữ |  |  |  |
|  | 6.7. Tổ chức sử dụng tài liệu lưu trữ |  |  |  |
|  | **Cộng:** | **45** | **30** | **15** |

**5. Tài liệu học tập:**

***- Tài liệu chính:***

[1]. GS.TS. Nguyễn Thành Độ - ThS. Nguyễn Ngọc Điệp –ThS. Trần Phương Hiền, Giáo trình Quản trị văn phòng, Nhà xuất bản Đại học Kinh tê quốc dân, 2013.

***- Tài liệu tham khảo:***

[1]. Nguyễn Thành Độ, Giáo trình Quản trị văn phòng, Nhà xuất bản Đại học Kinh tê quốc dân, 2012.

**6. Điều kiện thực hiện học phần:**

- Phòng học chuyên môn hóa / nhà xưởng: Phòng học lý thuyết

- Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu, phấn bảng

- Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Chương trình, giáo án, giáo trình,

- Các điều kiện khác:

**7. Phương pháp giảng dạy và học tập:**

- Hình thức giảng dạy chính của môn học: Lý thuyết trên lớp kết hợp với thảo luận nhóm.

- Giảng viên giới thiệu học phần, cung cấp đề cương bài giảng, giáo trình môn học, phân từng nhóm SV về nhà chuẩn bị bài, làm báo cáo Seminar. Giáo viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào nội dung của từng bài học chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện bài học để đảm bảo chất lượng giảng dạy. Cuối mỗi chương giáo viên tóm tắt bài giảng.

- Sinh viên cần tham dự đầy đủ các buổi học trên lớp, các buổi thảo luận theo quy định của chương trình; Hoàn thành các nhiệm vụ được giao (các báo cáo trong các buổi thảo luận...); Chuẩn bị đủ tài liệu học tập, tự nghiên cứu tài liệu dưới sự hướng dẫn của giảng viên, vận dụng lý luận vào giải quyết một số vấn đề cụ thể.

**8. Phương pháp đánh giá học phần:**

Thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo và hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo của Trường ĐHSP Kỹ thuật Vinh.

***8.1. Điểm kiểm tra đánh giá - quá trình:*** Có trọng số chung là **30%**

- Điểm chuyên cần: 10 **%***.*

- Điểm giữa kỳ: 20 **%**

***8.2. Điểm thi kết thúc học phần***

*-*Điểm thi kết thúc học phầncó trọng số là 70**%.**

- Hình thức thi: Tự luận

*Nghệ An, ngày....... tháng....... năm.........*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NGƯỜI BIÊN SOẠN**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* | **TRƯỞNG KHOA**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* |

**TS. Nguyễn Thị Trâm TS. Nguyễn Thị Trâm TS. Nguyễn Thị Trâm**

*Phụ lục 3b (Mẫu 4LT – CTĐH 2020)*

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH

**KHOA KINH TẾ**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT**

**Tên học phần: Khởi sự kinh doanh**

**Mã học phần: 3KT213CD**

**Số tín chỉ: 03 (Số tiết: 45 )**

**NGHỆ AN – 2020**

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XH  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC**  **SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT**

**1. Thông tin chung về học phần**:

- Tên học phần: Khởi sự kinh doanh

- Mã học phần: 3KT213CD

- Số tín chỉ: 03 (Số tiết: 45 ), phân bổ thời gian:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| + | Lên lớp: | 30 tiết (00 giờ). |
| + | Thực hành: | 00 tiết (00 giờ). |
| + | Thí nghiệm: | 00 tiết (00 giờ) |
| + | Thảo luận: | 15 tiết (00 giờ) |
| + | Bài tập: | 00 tiết (00 giờ) |
| + | Tự học, tự nghiên cứu: | 90 giờ |

**-** Trình độ đào tạo: Đại học

- Bộ môn / Khoa phụ trách giảng dạy: Kinh tế

**2. Mục tiêu của học phần:**

**-** Kiến thức:

**+** Hiểu đượcnhững yêu cầu và kỹ năng cần thiết của doanh nhân; hình thành và lựa

chọn ý tưởng kinh doanh; kế hoạch khởi sự kinh doanh;

**+** Nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng của việc lập kế hoạch khởi sự doanh nghiệp

và các nguồn lực để phát triển doanh nghiệp;

+ Biết cách soạn thảo một kế hoạch khởi sự kinh doanh phù hợp cả về hình thức trình bày văn bản và nội dung kế hoạch kinh doanh.

- Kỹ năng:

**+**Lập kế hoạch khởi sự kinh doanh để triển khai thực hiện một ý tưởng kinh doanh

+ Biết cách đánh giá sơ bộ tính khả thi của ý tưởng kinh doanh

+ Vận dụng được lý thuyết để triển khai trong một ý tưởng cụ thể

+ Có cái nhìn tổng thể và khách quan về môi trường kinh doanh trong ngành và các rủi ro có thể xảy ra.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Xác định tư tưởng, đạo đức và bản lĩnh vững vàng để trở thành người chủ doanh

nghiệp.

+ Có khả năng đánh giá được điểm mạnh, điểm yếu của bản thân.

+ Thái độ học tập nghiêm túc, chuyên cần.

**3. Mô tả học phần:**

- Vai trò, vị trí của môn học: Là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành của ngành

Quản trị kinh doanh, trang bị cho người học những hiểu biết và kỹ năng cần thiết của

doanh nhân; hình thành và lựa chọn ý tưởng kinh doanh; kế hoạch khởi sự kinh doanh;

triển khai hoạt động và từng bước xây dựng hệ thống kinh doanh hiệu quả.

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Nội dung cần đạt được của học phần (mô tả tóm tắt): Người học có thể thực hiện những yêu cầu và kỹ năng cần thiết của doanh nhân; hình thành và lựa chọn ý tưởng kinh doanh; kế hoạch khởi sự kinh doanh; triển khai hoạt động và từng bước xây dựng hệ thống kinh doanh hiệu quả; làm thế nào để mở một doanh nghiệp với số vốn rất ít ban đầu, cách xây dựng công ty từ ngày đầu khởi nghiệp; cách quản lý tiền bạc và phát triển hệ thống...Từ đó người học tự tin chuyển ước mơ kinh doanh của mình thành hiện thực.

**4. Nội dung học phần:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Thời gian**  **thực hiện** | | |
| **Tổng số** | **Lý thuyết** | **Thực hành**  **(TH, TN, BT, TL)** |
| 1 | Bài 1: Mô hình kinh doanh và các điều kiện của người khởi  sự kinh doanh | 5 | 5 | 0 |
|  | * 1. Sự hình thành của các doanh nghiệp có quy mô nhỏ trên   thị trường |  |  |  |
|  | 1.1.1. Một số yếu tố và lợi thế giúp cho các doanh nghiệp nhỏ  thành công |  |  |  |
|  | 1.1.2. Sự hình thànhcủa các doanh nghiệp có quy mô nhỏ trên  thị trường |  |  |  |
|  | * 1. Điều kiện của bản thân để tham gia các hoạt động kinh   doanh |  |  |  |
|  | 1.2.1. Những điều kiện cần của người tham gia hoạt động  kinh doanh |  |  |  |
|  | 1.2.2. Những điều cần biết khi khởi sự kinh doanh |  |  |  |
|  | 1.3. Các điều kiện để trở thành chủ doanh nghiệp |  |  |  |
|  | 1.3.1. Những điều kiện cần của chủ doanh nghiệp |  |  |  |
|  | 1.3.2. Một số phẩm chất cần có của người chủ kinh doanh |  |  |  |
| 2 | Bài 2: Phát hiện cơ hội kinh doanh và đánh giá tính hiện thực | 9 | 6 | 3 |
|  | 2.1. Cơ hội và phương pháp phát hiện cơ hội kinh doanh |  |  |  |
|  | 2.1.1. Khái niệm và đặc điểm của cơ hội. |  |  |  |
|  | 2.1.2. Một số phương pháp phát hiện cơ hội kinh doanh |  |  |  |
|  | 2.2. Lựa chọn ý tưởng kinh doanh |  |  |  |
|  | 2.2.1. Khái niệm, phân loại ý tưởng kinh doanh |  |  |  |
|  | 2.2.2. Lựa chọn ý tưởng kinh doanh |  |  |  |
|  | 2.3. Các bước tiến hành lựa chọn các cơ hội kinh doanh trên  thị trường |  |  |  |
|  | 2.3.1. Liệt kê những vấn đề trên thị trường |  |  |  |
|  | 2.3.2. Chỉ ra các cơ hội kinh doanh thích hợp |  |  |  |
|  | 2.3.3. Xác định những năng lực và nguồn lực cần thiết |  |  |  |
|  | 2.3.4. Xác lập quy mô về tài chính của các cơ hội |  |  |  |
|  | 2.3.5. Sắp xếp các cơ hội thứ tự |  |  |  |
|  | 2.3.6. Chọn lựa cơ hội kinh doanh sẽ theo đuổi. |  |  |  |
|  | 2.4. Các hình thức kinh doanh trên thị trường |  |  |  |
|  | 2.4.1. Khái niệm và đặc điểm của kinh doanh |  |  |  |
|  | 2.4.2. Các hình thức kinh doanh chủ yếu |  |  |  |
|  | 2.4.3. Một số cơ hội kinh doanh có triển vọng hiện nay tại các  vùng phi thành thị |  |  |  |
|  | 2.5. Lựa chọn một loại hoạt động kinh doanh phù hợp với bạn  2.5.1. Phân tích |  |  |  |
|  | 2.5.2. Quyết định lựa chọn |  |  |  |
| 3 | Bài 3: Marketing trong đánh giá thị trường | 5 | 3 | 2 |
|  | 3.1. Marketing |  |  |  |
|  | 3.1.1. Khái niệm và vai trò của marketing |  |  |  |
|  | 3.1.2. Marketing trong đánh giá thị trường |  |  |  |
|  | 3.2. Lập kế hoạch Marketing trong đánh giá thị trường |  |  |  |
|  | 3.2.1. Khái niệm và tầm quan trọng của kế hoạch marketing |  |  |  |
|  | 3.2.2. Quá trình lập kế hoạch marketing |  |  |  |
| 4 | Bài 4: Lựa chọn hình thức kinh doanh, nhân sự và trách  nhiệm nhiệm pháp lý của chủ doanh nghiệp | 9 | 6 | 3 |
|  | 4.1. Lựa chọn hình thức kinh doanh |  |  |  |
|  | 4.1.1. Mục đích và vai trò của việc lựa chọn hình thức kinh  doanh |  |  |  |
|  | 4.1.2. Yêu cầu lựa chọn hình thức kinh doanh |  |  |  |
|  | 4.2. Quản lý và tổ chức nhân sự |  |  |  |
|  | 4.2.1. Quản lý nhân sự |  |  |  |
|  | 4.2.2.Tổ chức nhân sự |  |  |  |
|  | 4.3. Trách nhiệm pháp lý của chủ doanh nghiệp |  |  |  |
|  | 4.3.1. Thuế |  |  |  |
|  | 4.3.2.Các điều kiện làm việc |  |  |  |
|  | 4.3.3. Tiền lương |  |  |  |
|  | 4.3.4. An toàn lao động, vệ sinh lao động |  |  |  |
|  | 4.3.5. Bảo hiểm xã hội |  |  |  |
|  | 4.3.6. Bảo hiểm khác |  |  |  |
| 5 | Bài 5: Ước tính vốn khởi sự kinh doanh và kế hoạch thu lợi  nhuận | 4 | 2 | 2 |
|  | 5.1. Ước tính vốn khởisự kinh doanh |  |  |  |
|  | 5.1.1. Tầm quan trọng của vốn đối với hoạt động kinh doanh |  |  |  |
|  | 5.1.2. Nguồn vốn và vấn đề vay vốn |  |  |  |
|  | 5.2. Kế hoạch thu lợi nhuận |  |  |  |
|  | 5.2.1. Định giá cho hàng hóa hoặc dịch vụ kinh doanh |  |  |  |
|  | 5.2.2. Ước tính doanh thu |  |  |  |
|  | 5.2.3. Lập kế hoạch doanh thu và chi phí |  |  |  |
| 6 | Bài 6: Quản lý mua hàng và quản lý tồn kho | 4 | 2 | 2 |
|  | 6.1. Quản lý mua hàng |  |  |  |
|  | 6.1.1. Khái niệm và lợi ích của quản lý mua hàng |  |  |  |
|  | 6.1.2.Quy trình thực hiện |  |  |  |
|  | 6.2. Quản trị tồn kho |  |  |  |
|  | 6.2.1. Những vấn đề cơ bản về tồn kho và quản trị tồn kho |  |  |  |
|  | 6.2.2. Lập dữ liệu tồn kho |  |  |  |
|  | 6.2.3. Kiểm kê tồn kho |  |  |  |
| **7** | Bài 7: Quyết định khởi sự kinh doanh | 9 | 6 | 3 |
|  | 7.1. Một số vấn đề liên quan đến khởi sự kinh doanh |  |  |  |
|  | 7.1.1. Nhận diện về khởi sự kinh doanh |  |  |  |
|  | 7.1.2. Các nhân tố tác động đến ý định khởi sự kinh doanh |  |  |  |
|  | 7.2. Hoàn thành bản kế hoạch kinh doanh |  |  |  |
|  | 7.2.1.Tổng hợp bản kế hoạch kinh doanh |  |  |  |
|  | 7.2.2. Xem xét để ra quyết định kinh doanh |  |  |  |
|  | 7.2.3. Lập kế hoạch khởi sự kinh doanh |  |  |  |
|  | 7.3. Khởi sự kinh doanh |  |  |  |
|  | 7.3.1. Các hoạt động kinh doanh thường nhật |  |  |  |
|  | 7.3.2. Nội dung công việc hoạt động kinh doanh |  |  |  |
|  | 7.4. Hệ thống sổ kế toán và phân tích kinh doanh |  |  |  |
|  | 7.4.1. Hệ thống sổ kế toán |  |  |  |
|  | 7.4.2. Phân tích hoạt động doanh thu |  |  |  |
|  | 7.5. Tổ chức và quản lý công việc văn phòng |  |  |  |
|  | 7.5.1. Mục đích tổ chức và quản lý công việc văn phòng |  |  |  |
|  | 7.5.2. Tác dụng của tổ chức và quản lý công việc văn phòng |  |  |  |
|  | **Cộng:** | **45** | **30** | **15** |

**5. Tài liệu học tập:**

***- Tài liệu chính:***

[1]. TS. Nguyễn Thị Trâm, Khởi sự kinh doanh, Giáo trình nội bộ dành cho sinh trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh, 2020.

***- Tài liệu tham khảo:***

[1]. PGS.TS Nguyễn Ngọc Huyền - Giáo trình khởi sự kinh doanh – NXB Đại học kinh tế quốc dân 2012.

**6. Điều kiện thực hiện học phần:**

- Phòng học chuyên môn hóa / nhà xưởng: Phòng học lý thuyết

- Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu, phấn bảng

- Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Chương trình, giáo án, giáo trình,

- Các điều kiện khác:

**7. Phương pháp giảng dạy và học tập:**

- Hình thức giảng dạy chính của môn học: Lý thuyết trên lớp kết hợp với thảo luận nhóm.

- Giảng viên giới thiệu học phần, cung cấp đề cương bài giảng, giáo trình môn học, phân từng nhóm SV về nhà chuẩn bị bài, làm báo cáo Seminar. Giáo viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào nội dung của từng bài học chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện bài học để đảm bảo chất lượng giảng dạy. Cuối mỗi chương giáo viên tóm tắt bài giảng.

- Sinh viên cần tham dự đầy đủ các buổi học trên lớp, các buổi thảo luận theo quy định của chương trình; Hoàn thành các nhiệm vụ được giao (các báo cáo trong các buổi thảo luận...); Chuẩn bị đủ tài liệu học tập, tự nghiên cứu tài liệu dưới sự hướng dẫn của giảng viên, vận dụng lý luận vào giải quyết một số vấn đề cụ thể.

**8. Phương pháp đánh giá học phần:**

Thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo và hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo của Trường ĐHSP Kỹ thuật Vinh.

***8.1. Điểm kiểm tra đánh giá - quá trình:*** Có trọng số chung là **30%**

- Điểm chuyên cần: 10 **%***.*

- Điểm giữa kỳ: 20 **%**

***8.2. Điểm thi kết thúc học phần***

*-*Điểm thi kết thúc học phầncó trọng số là 70**%.**

- Hình thức thi: Tự luận

*Nghệ An, ngày....... tháng....... năm.........*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NGƯỜI BIÊN SOẠN**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* | **TRƯỞNG KHOA**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* |

**TS. Nguyễn Thị Trâm TS. Nguyễn Thị Trâm TS. Nguyễn Thị Trâm**

*Phụ lục 3b (Mẫu 4LT – CTĐH 2020)*

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH

**KHOA KINH TẾ**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT**

**Tên học phần: Tâm lý và đạo đức kinh doanh**

**Mã học phần: 3KT142DH**

**Số tín chỉ: 03 (Số tiết: 45 )**

**NGHỆ AN – 2020**

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XH  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC**  **SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT**

**1. Thông tin chung về học phần**:

- Tên học phần: Tâm lý và đạo đức kinh doanh

- Mã học phần: 3KT142DH

- Số tín chỉ: 03 (Số tiết: 45 ), phân bổ thời gian:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| + | Lên lớp: | 30 tiết (00 giờ). |
| + | Thực hành: | 00 tiết (00 giờ). |
| + | Thí nghiệm: | 00 tiết (00 giờ) |
| + | Thảo luận: | 15 tiết (00 giờ) |
| + | Bài tập: | 00 tiết (00 giờ) |
| + | Tự học, tự nghiên cứu: | 90 giờ |

**-** Trình độ đào tạo: Đại học

- Bộ môn / Khoa phụ trách giảng dạy: Kinh tế

**2. Mục tiêu của học phần:**

**-** Kiến thức:

+ Nắm được tổng quan về tâm lý kinh doanh và đạo đức kinh doanh;

+ Hiểu được tâm lý người lao động trong doanh nghiệp, tâm lý người lãnh đạo trong quản lý kinh doanh;

+ Phân tích được mối quan hệ giữa tâm lý và đạo đức kinh doanh trong doanh nghiệp.

- Kỹ năng:

***+*** Có khả năng phân tích đặc điểm tâm lý người lãnh đạo, người lao động trong doanh nghiệp

+ Giải quyết linh hoạt các tình huống giao tiếp trong hoạt động kinh doanh.

+ Có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào việc xây dựng phát triển cán bộ quản lý có khả năng hoạt động hiệu quả trong điều kiện kinh tế thị trường nâng cao năng lực cạnh tranh trong điều kiện hội nhập.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Tích cực tìm kiến thông tin bổ sung vốn hiểu biết cho bản thân về hoạt động kinh

doanh.

+ Yêu thích và lạc quan trong hoạt động kinh doanh cũng như ảnh hưởng đến người

khác về thái độ này

+ Tôn trọng các nhà kinh doanh thành đạt và xem họ như tấm gương noi theo

+ Có lối sống chuẩn mực của một sinh viên hiện nay và một nhà kinh doanh tương lai.

**3. Mô tả học phần:**

- Vai trò, vị trí của môn học: Là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành của ngành Quản trị kinh doanh, trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về đặc điểm tâm lý trong hoạt động kinh doanh, bao gồm đặc điểm người tiêu dùng, đặc điểm người bán hàng và hoạt động bán hàng, đặc điểm nhà kinh doanh, hoạt động quảng bá sản phẩm kinh doanh. Từ đó giúp người học ứng dụng kiến thức được học vào việc giải thích, phân tích và đánh giá hoạt động kinh doanh của một doanh nghiệp cũng như của cá nhân sau này.

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Nội dung cần đạt được của học phần (mô tả tóm tắt): Giải thích đặc điểm tâm lý người tiêu dùng, người bán hàng, nhà kinh doanh, hoạt động quảng bá sản phẩm. Phân tích, đánh giá hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

**4. Nội dung học phần:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Thời gian**  **thực hiện** | | |
| **Tổng số** | **Lý thuyết** | **Thực hành**  **(TH, TN, BT, TL)** |
| 1 | Bài 1: Tâm lý học kinh doanh Lịch sử phát triển của tâm lý  học quản lý | 5 | 5 | 0 |
|  | 1.1. Khái quát chung về tâm lý học, tâm lý học kinh doanh |  |  |  |
|  | 1.2. Lịch sử phát triển của tâm lý học quản lý |  |  |  |
|  | 1.3. Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu của tâm  lý học kinh doanh |  |  |  |
|  | 1.4. Các hiện tượng tâm lý cá nhân |  |  |  |
| 2 | Bài 2: Tâm lý người lao động trong doanh nghiệp | 6 | 3 | 3 |
|  | 2.1. Bản chất và cách phân loại |  |  |  |
|  | 2.2. Phân loại con người trong quản lý kinh doanh |  |  |  |
|  | 2.3. Các quan điểm nhìn nhận con người trong quản lý kinh  doanh dưới giác độ tâm lý |  |  |  |
|  | 2.4.Tâm lý người lao động trong quản lý kinh doanh |  |  |  |
| 3 | Bài 3: Tâm lý khách hàng | 8 | 5 | 3 |
|  | 3.1. Khái niệm và phân loại khách hàng |  |  |  |
|  | 3.2. Nhu cầu của khách hàng |  |  |  |
|  | 3.3.Tâm lý khách hàng theo độ tuổi, giới tính và sách lược  tác động tâm lý |  |  |  |
|  | 3.4. Đặc điểm tâm lý của con người đối với giá cả hàng và  sách lược tác động tâm lý |  |  |  |
| 4 | Bài 4: Tâm lý người lãnh đạo trong quản lý kinh doanh | 9 | 6 | 3 |
|  | 4.1. Khái quát chung lãnh đạotrong quản lý kinh doanh |  |  |  |
|  | 4.2. Uy tín và phong cách lãnh đạo |  |  |  |
|  | 4.3. Những vấn đề tâm lý của quá trình ra quyết định và thực  hiện quyết định |  |  |  |
|  | 4.4.Stress và công việc đối với nhà quản lý |  |  |  |
| 5 | Bài 5: Trắc nghiệm tâm lý trong quản trị kinh doanh | 8 | 5 | 3 |
|  | 5.1. Trắc nghiệm tâm lý |  |  |  |
|  | 5.2. Các tình huống trắc nghiệm tâm lý |  |  |  |
| 6 | Bài 6: Đạo đức kinh doanh  6.1. Một số vấn đề chung về đạo đức kinh doanh | 9 | 6 | 3 |
|  | 6.1. Một số vấn đề chung về đạo đức kinh doanh |  |  |  |
|  | 6.2. Các nguyên tắc và chuẩn mực của đạo đức kinh doanh |  |  |  |
|  | **Cộng:** | **45** | **30** | **15** |

**5. Tài liệu học tập:**

***- Tài liệu chính:***

[1]. PGS.TS.Phạm Quang Huấn, Tâm lý kinh doanh và đạo đức kinh doanh, Tài liệu học tập dành cho sinh trường Đại học kinh doanh và công nghệ Hà Nội, 2011.

***- Tài liệu tham khảo:***

[1]. Nguyễn Đình Chỉnh, Giáo trình Tâm lý học xã hội , NXB Giáo dục, 2001.

[2]. Nguyễn Văn Lê, Giáo trình Tâm lý khách hàng và văn minh , NXB Thành phố Hồ Chí Minh, 1997.

**6. Điều kiện thực hiện học phần:**

- Phòng học chuyên môn hóa / nhà xưởng: Phòng học lý thuyết

- Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu, phấn bảng

- Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Chương trình, giáo án, giáo trình,

- Các điều kiện khác:

**7. Phương pháp giảng dạy và học tập:**

- Hình thức giảng dạy chính của môn học: Lý thuyết trên lớp kết hợp với thảo luận nhóm.

- Giảng viên giới thiệu học phần, cung cấp đề cương bài giảng, giáo trình môn học, phân từng nhóm SV về nhà chuẩn bị bài, làm báo cáo Seminar. Giáo viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào nội dung của từng bài học chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện bài học để đảm bảo chất lượng giảng dạy. Cuối mỗi chương giáo viên tóm tắt bài giảng.

- Sinh viên cần tham dự đầy đủ các buổi học trên lớp, các buổi thảo luận theo quy định của chương trình; Hoàn thành các nhiệm vụ được giao (các báo cáo trong các buổi thảo luận...); Chuẩn bị đủ tài liệu học tập, tự nghiên cứu tài liệu dưới sự hướng dẫn của giảng viên, vận dụng lý luận vào giải quyết một số vấn đề cụ thể.

**8. Phương pháp đánh giá học phần:**

Thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo và hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo của Trường ĐHSP Kỹ thuật Vinh.

***8.1. Điểm kiểm tra đánh giá - quá trình:*** Có trọng số chung là **30%**

- Điểm chuyên cần: 10 **%***.*

- Điểm giữa kỳ: 20 **%**

***8.2. Điểm thi kết thúc học phần***

*-*Điểm thi kết thúc học phầncó trọng số là 70**%.**

- Hình thức thi: Tự luận

*Nghệ An, ngày....... tháng....... năm.........*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NGƯỜI BIÊN SOẠN**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* | **TRƯỞNG KHOA**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* |

**TS. Nguyễn Thị Trâm TS. Nguyễn Thị Trâm TS. Nguyễn Thị Trâm**

*Phụ lục 3b (Mẫu 4LT – CTĐH 2020)*

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH

**KHOA KINH TẾ**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT**

**Tên học phần: Quản trị thương hiệu**

**Mã học phần: 3KT143CD**

**Số tín chỉ: 02 (Số tiết: 30)**

**NGHỆ AN – 2020**

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XH  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC**  **SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT**

**1. Thông tin chung về học phần**:

- Tên học phần: Quản trị thương hiệu

- Mã học phần: 3KT143CD

- Số tín chỉ: 2TC (Số tiết: 30), phân bổ thời gian:

|  |  |
| --- | --- |
| Lên lớp: | 22 tiết (22 giờ). |
| Thực hành: | 00 tiết (00 giờ). |
| Thí nghiệm: | 00 tiết (00 giờ) |
| Thảo luận: | 06 tiết (06 giờ) |
| Bài tập, kiểm tra: | 02 tiết (02 giờ) |
| Tự học, tự nghiên cứu: | 60 giờ |

**-** Trình độ đào tạo: Đại học

- Bộ môn / Khoa phụ trách giảng dạy: Kinh tế

**2. Mục tiêu của học phần:**

**-** Kiến thức:

+ Nêu được khái niệm về thương hiệu, làm rõ bản chất của thương hiệu từ quan điểm marketing và phân tích được vai trò của thương hiệu đối với sự phát triển của một doanh nghiệp.

+ Trình bày được những khía cạnh chủ yếu của tiến trình quản trị thương hiệu: tạo dựng, duy trì, phát triển, bảo vệ và khai thác giá trị thương hiệu.

+ Hiểu biết một cách khái quát những công việc, nhiệm vụ, vai trò của nhà quản trị thương hiệu và môi trường làm việc trong lĩnh vực quản trị thương hiệu.

- Kỹ năng:

+ Xác định tên thương hiệu

+ Thiết kế biểu trưng thương hiệu

+ Xây dựng thương hiệu

+ Đăng ký bảo hộ thương hiệu

+ Quản lý thương hiệu

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Có ý thức tích cực, chủ động trong quá trình học tập.

+ Có khả năng tự học, tự nghiên cứu tài liệu, giải quyết các tình huống.

+ Tiếp cận và giải quyết các vấn đề kinh tế hiện đại phù hợp với xu thế phát triển hiện nay.

**3. Mô tả học phần:**

- Vai trò, vị trí của môn học: Quản trị thương hiệu là học phần nhằm trang bị cho sinh viên các kiến thức cũng như kỹ năng để xây dựng và quản lý thành công thương hiệu của doanh nghiệp. Quản trị thương hiệu là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành tự chọn của ngành Quản trị kinh doanh.

- Điều kiện tiên quyết: Marketing căn bản

- Nội dung cần đạt được của học phần (mô tả tóm tắt): Học phần này cung cấp kiến thức cơ bản về thương hiệu; cách thức xây dựng thương hiệu; thiết kế, đăng ký thương hiệu; quản lý thương hiệu trong quá trình kinh doanh

**4. Nội dung học phần:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên chương, mục** | **Thời gian (tiết)** | | | |
| **Tổng số** | **Lý thuyết** | **Thực hành**  **(TH, TN, BT, TL)** | **Thi, Kiểm tra** |
| 1 | Bài 1: Tổng quan về thương hiệu và quản trị thương hiệu   * 1. Những lý luận cơ bản về thương hiệu   2. Mối quan hệ giữa sản phẩm và thương hiệu   3. Vai trò của thương hiệu   4. Quản trị thương hiệu | 4 | 4 | 0 | 0 |
| 2 | Bài 2: Chiến lược thương hiệu  2.1. Tổng quan về chiến lược thương hiệu  2.2. Các mô hình phát triển thương hiệu  2.3. Các dạng chiến lược thương hiệu | 4 | 4 | 0 | 0 |
| 3 | Bài 3: Thiết kế các yếu tố cấu thành thương hiệu  3.1. Định hướng, yêu cầu khi thiết kế các yếu tố cấu thành thương hiệu  3.2. Thiết kế các yếu tố cấu thành thương hiệu | 6 | 4 | 2 | 0 |
| 4 | Bài 4: Bảo vệ thương hiệu  4.1. Bảo vệ thương hiệu  4.2. Đăng ký bảo hộ nhãn hiệu | 6 | 4 | 2 | 0 |
| 5 | Bài 5: Chiến lược Marketing hỗn hợp nhằm tạo dựng thương hiệu  5.1. Khái quát về chiến lược Marketing hỗn hợp  5.2. Chiến lược sản phẩm  5.3. Chiến lược giá  5.4. Chiến lược phân phối  5.5. Chiến lược xúc tiến hỗn hợp | 6 | 4 | 2 |  |
| 5 | Bài 6: Định giá và phát triển thương hiệu  6.1. Định giá thương hiệu  6.2. Các giải pháp phát triển thương hiệu | 4 | 2 | 0 | 2 |
|  | **Cộng:** | **30** | **22** | **6** | **2** |

**5. Tài liệu học tập và tham khảo:**

***- Tài liệu học tập:***

[1]. PGS.TS. Đào Thị Minh Thanh, Ths. Nguyễn Quan Tuấn - Giáo trình Quản trị thương hiệu - NXB Tài chính - 2016

***- Tài liệu tham khảo:***

[1]. GS.TS. Trần Minh Đạo **-** Marketing căn bản - Nhà xuất bản ĐH Kinh tế Quốc Dân Hà Nội, Năm 2012.

**6. Điều kiện thực hiện học phần:**

- Trang thiết bị máy móc: Máy chiếu, máy vi tính.

- Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Bảng, phấn, tài liệu tham khảo, đề cương bài giảng, giáo trình.

- Các điều kiện khác: Câu hỏi, bài tập thực hành...

**7. Phương pháp giảng dạy và học tập:**

- Hình thức giảng dạy chính của môn học: Lý thuyết trên lớp kết hợp với làm bài tập, thảo luận nhóm

- Giảng viên giới thiệu học phần, cung cấp đề cương bài giảng, tài liệu tham khảo, các địa chỉ website để tìm tư liệu liên quan đến môn học, phân từng nhóm SV về nhà chuẩn bị bài, làm báo cáo Seminar. Giảng viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào nội dung của từng bài học, xây dựng các bài thực hành cụ thể theo nội dung của từng chương, chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện bài học để đảm bảo chất lượng giảng dạy

- Sinh viên cần tham dự đầy đủ các buổi học trên lớp, các buổi thảo luận, các bài thực hành theo quy định của chương trình; Hoàn thành các nhiệm vụ được giao (các bài tập; báo cáo trong các buổi thảo luận...); Chuẩn bị đủ tài liệu học tập, tự nghiên cứu tài liệu dưới sự hướng dẫn của giảng viên, vận dụng lý luận vào giải quyết một số vấn đề cụ thể.

**8. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập học phần:**

Thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo của Trường ĐHSP Kỹ thuật Vinh.

***8.1. Điểm kiểm tra đánh giá - quá trình:*** Có trọng số chung là **30%**

- Điểm chuyên cần: 10 **%***.*

- Điểm giữa kỳ: 20 **%** (Kiểm tra viết hoặc làm bài tập nhóm)

***8.2. Điểm thi kết thúc học phần***

Điểm thi kết thúc học phầncó trọng số là 70**%.**

- Hình thức thi: Kiểm tra theo hình thức tự luận hoặc trắc nghiệm khách quan.

*Nghệ An, ngày....... tháng....... năm.........*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NGƯỜI BIÊN SOẠN**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* | **TRƯỞNG KHOA**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* |

Nguyễn Thị Mai Hương TS. Nguyễn Thị Trâm TS. Nguyễn Thị Trâm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH

**KHOA KINH TẾ**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT**

**Tên học phần: Quản trị nhóm làm việc**

**Mã học phần: 3KT159DH**

**Số tín chỉ: 02 (Số tiết: 30)**

**NGHỆ AN – 2020**

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XH  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC**  **SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT**

**1. Thông tin chung về học phần**:

- Tên học phần: Quản trị nhóm làm việc

- Mã học phần: 3KT159DH

- Số tín chỉ: 02 (Số tiết: 30), phân bổ thời gian:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| + | Lên lớp: | 22 tiết (22 giờ). |
| + | Thực hành: | 00 tiết (00 giờ). |
| + | Thí nghiệm: | 00 tiết (00 giờ) |
| + | Thảo luận: | 08 tiết (08 giờ) |
| + | Bài tập: | 00 tiết (00 giờ) |
| + | Tự học, tự nghiên cứu: | 60 giờ |

**-** Trình độ đào tạo: Đại học

- Bộ môn / Khoa phụ trách giảng dạy: Bộ môn Kinh tế - Quản trị kinh doanh / Khoa Kinh tế

**2. Mục tiêu của học phần:**

*- Kiến thức:*

+ Nắm được các kiến thức về bản chất của nhóm làm việc, xây dựng nhóm làm việc, lãnh đạo và động viên nhóm làm việc.

+ Vận dụng kiến thức về giao tiếp nhóm làm việc và quản trị xung đột trong nhóm làm việc để giải quyết các tình huống liên quan.

*- Kỹ năng:*

+ Trình bày được các kỹ năng xây dựng nhóm, lãnh đạo và tạo động lực cho các thành viên nhóm.

+ Vận dụng kỹ năng giao tiếp nhóm và giải quyết các xung đột trong nhóm làm việc.

*- Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm::*

+ Có thái độ nghiêm túc, chuyên cần, tích cực trong học tập và có ý thức tự học, tự nghiên cứu.

+ Ý thức được tầm quan trọng của từng nội dung trong quản trị Nhóm để vận dụng sáng tạo những kiến thức, kỹ năng phù hợp vào thực tiễn công việc. Đồng thời tạo lập ý thức và thói quen cải tiến liên tục trong mọi công việc để nâng cao chất lượng hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

**3. Mô tả học phần:**

- Vai trò, vị trí của môn học: Học phần quản trị Nhóm trang bị các kiến thức chung, tổng quát, mới về Quản trị nhóm và rèn luyện kỹ năng thực hành cần thiết về Quản trị nhóm cho sinh viên chuyên ngành Quản trị nhân lực. Quản trị nhóm làm việc là học phần chuyên ngành tự chọn, dự kiến giảng dạy ở học kỳ 4, chương trình đại học quản trị nhân lực.

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Nội dung cần đạt được của học phần (mô tả tóm tắt): Học phần bao gồm các nội dung : khái quát về nhóm làm việc và quản trị nhóm làm việc; vai trò trách nhiệm và phẩm chất của nhà quản trị nhóm làm việc ; quy trình và kỹ năng xây dựng nhóm làm việc hiệu quả; các hình thức và kỹ năng giao tiếp nhóm; lãnh đạo và động viên nhóm làm việc, các dạng xung đột nhóm và cách thức giải quyết xung đột nhóm.

**4. Nội dung học phần:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Thời gian**  **thực hiện** | | |
| **Tổng số** | **Lý thuyết** | **Thực hành**  **(TH, TN, BT, TL)** |
| 1 | Bài 1: Khái quát về nhóm làm việc và quản trị nhóm làm việc | 6 | 5 | 1 |
|  | 1.1. Khái luận về nhóm làm việc |  |  |  |
|  | 1.2. Khái luận về quản trị nhóm làm việc |  |  |  |
|  | 1.3. Nhà quản trị nhóm làm việc |  |  |  |
| 2 | Bài 2: Xây dựng nhóm làm việc | 6 | 5 | 1 |
|  | * 1. Lựa chọn thành viên tham gia nhóm làm việc |  |  |  |
|  | 2.2. Xác định mục tiêu và các nét đặc trưng nhóm |  |  |  |
|  | 2.3. Phân công nhiệm vụ và xây dựng quy chế hoạt động của nhóm làm việc |  |  |  |
| 3 | Bài 3: Giao tiếp nhóm làm việc | 6 | 4 | 2 |
|  | 3.1. Khái quát về giao tiếp nhóm làm việc |  |  |  |
|  | 3.2. Mô hình giao tiếp trong nhóm làm việc |  |  |  |
|  | 3.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến giao tiếp trong nhóm làm việc |  |  |  |
| 4 | Bài 4: Lãnh đạo nhóm làm việc | 6 | 4 | 2 |
|  | 4.1. Khái luận về lãnh đạo nhóm làm việc |  |  |  |
|  | 4.2. Tạo động lực cho các thành viên nhóm làm việc |  |  |  |
| 5 | Bài 5: Quản trị xung đột nhóm làm việc | 6 | 4 | 2 |
|  | 5.1. Khái luận về xung đột nhóm làm việc |  |  |  |
|  | 5.2. Các phương pháp giải quyết xung đột nhóm |  |  |  |
|  | 5.2. Các bước giải quyết xung đột nhóm |  |  |  |
|  | **Cộng:** | **30** | **22** | **08** |

**5. Tài liệu học tập và tham khảo:**

***- Tài liệu học tập:*** *(Đề cương bài giảng, giáo trình ...):*

*[1]. Bộ môn quản trị tác nghiệp kinh doanh – Bài giảng Giáo trình Quản trị nhóm làm việc – NXB Đại học Thương Mại – 2017.*

***- Tài liệu tham khảo:*** *(Sách, tạp chí, video ...):*

*[1]. Lawrence Holpp – Quản trị nhóm – NXB Lao động Xã hội – 2010..*

**6. Điều kiện thực hiện học phần:**

- Phòng học chuyên môn hóa / nhà xưởng: Phòng học lý thuyết

- Trang thiết bị máy móc: Máy chiếu, máy tính

- Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Bảng, phấn, A4...

**7. Phương pháp giảng dạy và học tập:**

Giảngviên giới thiệu học phần, cung cấp đề cương bài giảng, tài liệu tham khảo, các địa chỉ website để tìm tư liệu liên quan đến môn học, phân từng nhóm SV về nhà chuẩn bị bài từng chương, làm báo cáo Seminar. Cuối mỗi chương giáo viên tóm tắt bài giảng.

**8. Phương pháp đánh giá học phần:**

Thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo của Trường ĐHSP Kỹ thuật Vinh.

*Các tiêu chuẩn đánh giá sinh viên trong các hoạt động sau:*

- Chuẩn bị ở nhà và dự lớp: SV phải chuẩn bị đầy đủ theo yêu cầu và tham gia 100% số tiết lên lớp nghe hướng dẫn. Hệ số điểm 0,1

- Bài kiểm tra giữa học kỳ: Hệ số điểm 0,2

- Thi hết học phần: Hệ số điểm 0,7

- Đánh giá điểm tổng kết học phần: Là trung bình chung của điểm dự lớp, bài kiểm tra giữa kỳ và thi hết học phần.

*Nghệ An, ngày....... tháng....... năm.........*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NGƯỜI BIÊN SOẠN**  **ThS. Nguyễn Thị Kim Oanh** | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  **TS. Nguyễn Thị Trâm** | **TRƯỞNG KHOA**  **TS. Nguyễn Thị Trâm** |

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH

**KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT**

**Tên học phần: Văn hóa Việt Nam**

**Mã học phần: 3ML002DC**

**Số tín chỉ: 02 (Số tiết: 30)**

**NGHỆ AN - 2020**

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XH  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC**  **SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT**

**1. Thông tin chung về học phần**:

- Tên học phần: Văn hóa Việt Nam

- Mã học phần: 3ML002DC

- Số tín chỉ: 02 (Số tiết:30 tiết ), phân bổ thời gian:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| + | Lên lớp: | 21 tiết |
| + | Thực hành: | 00 tiết (00 giờ). |
| + | Thí nghiệm: | 00 tiết (00 giờ) |
| + | Thảo luận: | 09 tiết (00 giờ) |
| + | Bài tập: | 00 tiết (00 giờ) |
| + | Tự học, tự nghiên cứu: | 60 giờ |

**-** Trình độ đào tạo: Đại học

- Khoa phụ trách giảng dạy: Khoa Lý luận chính trị

**2. Mục tiêu của học phần:**

**-** Kiến thức: Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và có hệ thống về các đặc trưng bản sắc của văn hóa Việt Nam; Nhận biết được những nét riêng, độc đáo làm nên bản sắc văn hóa truyền thống Việt Nam và văn hóa vùng miền.

- Kỹ năng:Sau khi học xong môn học này, sinh viên có kỹ năng nhận biết, phân tích, đánh giá, nghiên cứu về một số vấn đề văn hóa cụ thể, từ đó rút ra những đặc trưng truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Biết tôn trọng và tự hào, từ đó có ý thức gìn giữ, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam.

+ Có ý thức tôn trọng các nền văn hóa khác, biết tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại để làm giàu cho vốn văn hóa truyền thống.

+ Củng cố và nâng cao vốn văn hóa cho bản thân, xây dựng lối sống lành mạnh, nhằm góp phần hoàn thiện tâm hồn, nhân cách để trở thành những con người phát triển toàn diện, hài hòa, tạo nền tảng và động lực cho sự phát triển bền vững của xã hội.

**3. Mô tả học phần:**

- Vai trò, vị trí của môn học: Môn học thay thế.

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Nội dung cần đạt được của học phần (mô tả tóm tắt): Văn hóa Việt Nam là một môn học nghiên cứu khái quát về văn hóa Việt Nam, bao gồm:

+ Điều kiện tự nhiên và xã hội chi phối sự hình thành văn hóa Việt Nam.

+ Cơ sở hình thành văn hóa truyền thống Việt Nam.

+ Đặc trưng bản sắc của văn hóa truyền thống Việt Nam.

+ Các vùng văn hóa Việt Nam

**4. Nội dung học phần:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Thời gian**  **thực hiện** | | |
| **Tổng số** | **Lý thuyết** | **Thực hành**  **(TH, TN, BT, TL)** |
| 1 | Bài 1: **Những vấn đề chung về văn hóa** | **3** | **3** | **0** |
|  | 1.1. Khái niệm về văn hóa |  |  |  |
|  | 1.2. Cấu trúc của văn hóa |  |  |  |
|  | 1.3. Các thành tố của văn hóa |  |  |  |
| 2 | Bài 2: **Cơ sở hình thành nền văn hóa Việt Nam** | **7** | **5** | **2** |
|  | 2.1. Cơ sở nội sinh |  |  |  |
|  | 2.2. Tiếp xúc và giao lưu văn hóa |  |  |  |
| 3 | Bài 3. **Đặc trưng văn hóa truyền thống Việt Nam** | **9** | **6** | **3** |
|  | 3.1. Đặc trưng văn hóa vật chất |  |  |  |
|  | 3.2. Đặc trưng văn hóa tinh thần |  |  |  |
| 4 | Bài 4. **Không gian văn hóa Việt Nam** | **11** | **7** | **4** |
|  | 4.1. Vùng văn hóa Việt Bắc |  |  |  |
|  | 4.2. Vùng văn hóa Tây Bắc |  |  |  |
|  | 4.3. Vùng văn hóa Bắc Bộ |  |  |  |
|  | 4.4. Vùng văn hóa Trung Bộ |  |  |  |
|  | 4.5. Vùng văn hóa Tây Nguyên |  |  |  |
|  | 4.6. Vùng văn hóa Nam Bộ |  |  |  |
|  | **Cộng:** | **30** | **21** | **9** |

**5. Tài liệu học tập và tham khảo:**

***- Tài liệu học tập:*** *Giáo trình Văn hóa Việt Nam (tài liệu lưu hành nội bộ - trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh)*

***- Tài liệu tham khảo:***

[1].Trần Ngọc Thêm, *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb. Giáo dục, 2012.

[2]. Chu Xuân Diên, *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb. ĐHQG TP. Hồ Chí Minh, 2002.

[3]. Nguyễn Đăng Duy, *Các hình thức tín ngưỡng tôn giáo ở Việt Nam*, Nxb. Văn hóa Thông tin, 2001.

[4]. Lê Huy Hoà, Hoàng Đức Nhuận (tuyển chọn và giới thiệu), *Văn hoá Việt Nam truyền thống và hiện đại,* Nxb. Văn hoá, 2000.

[5]. Phan Ngọc, *Bản sắc văn hóa Việt Nam*, Nxb. Văn hóa – Thông tin, 1998.

[6]. Đinh Gia Khánh, *Các vùng văn hóa Việt Nam*, Nxb. Văn hóa, Hà Nội, 1995.

[7]. Các website chính thống trên mạng Internet: [http://www.vae.org.vn](http://www.vae.org.vn/), [http://www.](http://www./)vanhoahoc.edu.vn

 [8].  *Tạp chí:* Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật, tạp chí Khoa học Xã hội, tạp chí Dân tộc học...

**6. Điều kiện thực hiện học phần:**

- Phòng học chuyên môn hóa / nhà xưởng: Phòng học lý thuyết

- Trang thiết bị máy móc: Máy chiếu

- Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- Các điều kiện khác:

**7. Phương pháp giảng dạy và học tập:**

Giảngviên giới thiệu học phần, cung cấp đề cương bài giảng, tài liệu tham khảo, các địa chỉ website để tìm tư liệu liên quan đến môn học, phân từng nhóm SV về nhà chuẩn bị bài từng chương, làm báo cáo Seminar. Cuối mỗi chương giáo viên tóm tắt bài giảng.

**8. Phương pháp đánh giá học phần:**

Thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo của Trường ĐHSP Kỹ thuật Vinh.

*Nghệ An, ngày....... tháng....... năm 2020*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NGƯỜI BIÊN SOẠN 1**  **Mai Thị Thanh Châu** |  | **TRƯỞNG KHOA**  **Nguyễn Công An** |

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH

**KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT**

**Tên học phần: Lịch sử Việt Nam**

**Mã học phần: 3ML003DC**

**Số tín chỉ: 02 (Số tiết: 30)**

**NGHỆ AN - 2020**

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XH  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC**  **SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN LÝ THUYẾT**

**1.****Thông tin chung về học phần**:

- Tên học phần: Lịch sử Việt Nam

- Mã học phần: 3ML003DC

- Số tín chỉ: 02 (Số tiết:30 tiết ), phân bổ thời gian:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| + | Lên lớp: | 21 tiết |
| + | Thực hành: | 00 tiết (00 giờ). |
| + | Thí nghiệm: | 00 tiết (00 giờ) |
| + | Thảo luận: | 09 tiết (00 giờ) |
| + | Bài tập: | 00 tiết (00 giờ) |
| + | Tự học, tự nghiên cứu: | 60 giờ |

**-** Trình độ đào tạo: Đại học

- Khoa phụ trách giảng dạy: Khoa Lý luận chính trị

**2. Mục tiêu của học phần:**

**-** Kiến thức: Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và có hệ thống về Lịch sử Việt Nam từ nguyên thủy cho đến ngày nay. Đó là đời sống của người Việt cổ; là quá trình dựng nước và giữ nước oai hùng của dân tộc; đó là Việt Nam trên con đường đổi mới đi lên CNXH…

- Kỹ năng:

+ Rèn luyện kỹ năng nhận biết, diễn giải, khái quát tiến trình lịch sử, kết hợp phân tích, đánh giá sự kiện.

+ Rèn luyện kỹ năng sử dụng SGK, đồ dùng học tập trong quá trình nghiên cứu môn học.

+ Tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.

-Thái độ:

+ Giáo dục lòng yêu nước, yêu chế độ, tinh thần đấu tranh anh dũng bất khuất, lao động cần cù sáng tạo và niềm tự hào dân tộc.

+ Nâng cao trách nhiệm của sinh viên trong việc học tập và đóng góp công sức của bản thân để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

**3. Mô tả học phần:**

- Vai trò, vị trí của môn học: Môn học thay thế.

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Nội dung cần đạt được của học phần (mô tả tóm tắt): Lịch sử Việt Nam là một môn học nghiên cứu khái quát về Lịch sử Việt Nam từ cội nguồn cho đến nay, bao gồm:

+ Quá trình dựng nước và giữ nước trong kỷ nguyên độc lập tự chủ.

+ Quá trình hình thành, suy vong của chế độ phong kiến Việt Nam và sự xâm lược của thực dân Pháp.

+ Phong trào yêu nước và sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam.

+ Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ.

+ Những thành tựu của công cuộc đổi mới của đất nước.

**4. Nội dung học phần:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Thời gian**  **thực hiện** | | | |
| **Tổng số** | **Lý thuyết** | **Thực hành**  **(TH, TN, BT, TL)** |
| 1 | Bài 1: **Lịch sử Việt Nam từ thời nguyên thủy đến trước khi thực dân Pháp xâm lược.** | **10**  **77777** | **7**  **7**  **33** | **3** |
|  | 1.1. Nền văn minh sông Hồng và nươc Văn Lang – Âu Lạc. |  |  |  |
|  | 1.2. Thời kỳ đấu tranh giành độc lập dân tộc |  |  |  |
|  | 1.3. Đại Việt thế kỷ X – XV |  |  |  |
|  | 1.4. Đại Việt từ thế kỷ XVI đến nửa đầu thế kỷ XIX. |  |  |  |
| 2 | Bài 2: **Lịch sử Việt Nam từ 1858 đến 1954** | **10** | **7** | **3** |
|  | 2.1. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX |  |  |  |
|  | 2.2. Việt Nam những năm đầu thế kỷ XX. Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam. |  |  |  |
|  | 2.3. Việt Nam từ 1930 đến 1954 |  |  |  |
| 3 | Bài 3. **Lịch sử Việt Nam từ 1954 đến nay** | **10** | **7** | **3** |
|  | 3.1. Công cuộc xây dựng CNXH ở miền Bắc và công cuộc đấu tranh chống Mỹ ngụy ở miền Nam (1954 – 1965) |  |  |  |
|  | 3.2. Cả nước kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1965 – 1975) |  |  |  |
|  | 3.3. Cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1973 – 1975) |  |  |  |
|  | 3.4. Công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc (1975 đến nay) |  |  |  |
|  | **Cộng:** | **30** | **21** | **9** |

**5. Tài liệu học tập và tham khảo:**

***- Tài liệu học tập:*** *Giáo trình Lịch sử Việt Nam (tài liệu lưu hành nội bộ - trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh)*

***- Tài liệu tham khảo:***

[1].Đinh Xuân Lâm (chủ biên), *Đại cương Lịch sử Việt Nam,* tập 1Nxb. Giáo dục, 2010.

[2]..Đinh Xuân Lâm (chủ biên), *Đại cương Lịch sử Việt Nam,* tập 2Nxb. Giáo dục, 2000.

[3]. Trương Hữu Quýnh, Đinh Xuân Lâm, Lê Mậu Hàn, *Đại cương lịch sử Việt Nam toàn tập*,  Nxb. Giáo dục Việt Nam, 2009..

[4. Lê Mậu Hãn (chủ biên), *Đại cương lịch sử Việt Nam,* tập 3, Nxb. Giáo dục, 2010.

[5]. Trần Bá Đệ, *Lịch sử Việt Nam từ 1858 đến nay,* Nxb. Đại học quốc gia, 2008.

[6]. Lê Mậu Hãn, Trình Mưu, *Giáo trình lịch sử Đại cương lịch sử Việt Nam,* Nxb. Chính trị quốc gia, 2005.

[7]. Phan Ngọc Liêu (chủ biên), *Những vấn đề lịch sử trong tác phẩm Hồ Chí Minh,* Nxb. Đại học quốc gia, 1999.

**6. Điều kiện thực hiện học phần:**

- Phòng học chuyên môn hóa / nhà xưởng: Phòng học lý thuyết

- Trang thiết bị máy móc: Máy chiếu

- Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- Các điều kiện khác:

**7. Phương pháp giảng dạy và học tập:**

Giảngviên giới thiệu học phần, cung cấp đề cương bài giảng, tài liệu tham khảo, các địa chỉ website để tìm tư liệu liên quan đến môn học, phân từng nhóm SV về nhà chuẩn bị bài từng chương, làm báo cáo Seminar. Cuối mỗi chương giáo viên tóm tắt bài giảng.

**8. Phương pháp đánh giá học phần:**

Thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo của Trường ĐHSP Kỹ thuật Vinh.

*Nghệ An, ngày....... tháng....... năm 2020*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NGƯỜI BIÊN SOẠN 1**  **Nguyễn Thị Anh Đào** |  | **TRƯỞNG KHOA**  **Nguyễn Công An** |